

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH
CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, Năm 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH
CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 934.04.10**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên**
- 2. PGS.TS Lê Hoàng Nga**

Hà Nội, Năm 2020

LỜI CAM ĐOAN

Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã sử dụng các thông tin, dữ liệu sơ cấp được thu thập từ các chủ thể tham gia quản lý PHCK của các NHTMCP gồm: Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN và các bộ, các cơ quan ngang bộ có liên quan. Luận án đã sử dụng các thông tin, dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các trang website của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN, ... Tôi cam đoan những thông tin đưa ra trong luận án là hoàn toàn chính xác và luận án là một công trình nghiên cứu độc lập, không sao chép từ bất kỳ công trình khoa học nào.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Thị Thu Hằng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Những đóng góp mới của luận án.....	5
5. Kết cấu luận án.....	6
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	7
1.1.1. Các nghiên cứu về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.....	7
1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán và các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán.....	9
1.1.3. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với ngân hàng thương mại.	18
1.2. Khoảng trống nghiên cứu và giá trị khoa học, thực tiễn luận án được kế thừa.....	19
1.2.1. Những giới hạn và khoảng trống nghiên cứu.....	19
1.2.2. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa.....	20
1.3. Phương pháp nghiên cứu luận án.....	21
1.3.1. Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu.....	21
1.3.2. Phương pháp xử lý thông tin, dữ liệu.....	23
1.3.3. Tổng hợp các phương pháp và công cụ nghiên cứu.....	23
TÓM TẮT CHƯƠNG 1	25
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN	26
2.1. Lý luận chung huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần.....	26

2.1.1. Ngân hàng thương mại và các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại cổ phần.....	26
2.1.2. Các loại chứng khoán do ngân hàng thương mại cổ phần phát hành .	27
2.1.3. Các phương thức phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần.....	30
2.1.4. Ưu thế và bất lợi của việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán.....	38
2.2. Quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần.....	39
2.2.1. Khái niệm, mục tiêu, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán.....	39
2.2.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại	45
2.3. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần và các nhân tố ảnh hưởng	50
2.3.1. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần	50
2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần .	52
2.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần ở một số nước trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam	57
2.4.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần ở một số nước trên thế giới.....	57
2.4.2. Bài học về quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần rút ra cho Việt Nam.....	66

TÓM TẮT CHƯƠNG 2.....	68
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM	69
3.1. Vài nét khái quát về hệ thống ngân hàng thương mại và thực trạng huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	69
3.1.1. Khái quát về hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	69
3.1.2. Thực trạng huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	72
3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	77
3.2.1. Thực trạng xây dựng khung pháp lý về quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	77
3.2.2. Thực trạng mô hình và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	87
3.2.3. Thực trạng triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	93
3.3. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	99
3.3.1. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam từ tổng hợp kết quả khảo sát	99
3.3.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	107
TÓM TẮT CHƯƠNG 3.....	122

CHƯƠNG 4. ĐỊNH HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QLNN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM.....	124
4.1. Định hướng phát triển và quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	124
4.1.1. Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và Thế giới	124
4.1.2. Định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.....	126
4.1.3. Định hướng phát triển của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	127
4.1.4. Dự báo nhu cầu huy động qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	128
4.1.5. Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	130
4.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	131
4.2.1. Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý nhà nước đối với huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	131
4.2.2. Hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	137
4.2.3. Hoàn thiện các hoạt động quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	143
4.2.4. Tăng cường sự phối kết hợp trong quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.....	146
4.3. Một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam ..	148
4.3.1. Đối với Quốc hội, Chính phủ.....	148

4.3.2. Đối với Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan ngang bộ	150
4.3.3. Đối với Ngân hàng nhà nước	151
4.3.4. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	151
TÓM TẮT CHƯƠNG 4.....	153
KẾT LUẬN.....	155
CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN	
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT***Viết tắt***

Basel

CBTT

CK

HĐV

NĐT

NHNN

NHTM

NHTMCP

PHCK

QLNN

TTCK

UBCKNN

VN

Viết đầy đủ

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng

Công bố thông tin

Chứng khoán

Huy động vốn

Nhà đầu tư

Ngân hàng nhà nước

Ngân hàng thương mại

Ngân hàng thương mại cổ phần

Phát hành chứng khoán

Quản lý nhà nước

Thị trường chứng khoán

Ủy ban chứng khoán nhà nước

Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1:	Thống kê phương pháp nghiên cứu và công cụ hỗ trợ của luận án	24
3.1:	Tình hình tài sản, nguồn vốn toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	70
3.2:	Kết quả các hoạt động kinh doanh của một số NHTMCP	71
3.3:	Số lượng cổ phiếu phát hành của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018	73
3.4:	Giá trị trái phiếu đã phát hành trong nước của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018	75
3.5:	Giá trị trái phiếu đã phát hành ra thị trường quốc tế của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018	76
3.6:	Số lượt cấp phép PHCK qua các năm	94
3.7:	Tình hình xử lý vi phạm đối với các NHTMCP thực hiện PHCK	96
3.8:	Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018	98
3.9:	Đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN	100
3.10:	Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính	101
3.11:	Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK	101
3.12:	Đánh giá về mô hình và bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN	102
3.13:	Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả	103

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.14:	Đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN	103
3.15:	Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK	104
3.16:	Đánh giá về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN	105
3.17:	Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý	106
3.18:	Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý	106
3.19:	Đánh giá những nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý	107
3.20:	Tình hình vốn PHCK và nhu cầu tăng vốn của các NHTMCP	129

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Số hiệu sơ đồ	Tên sơ đồ	Trang
3.1:	Mô hình tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK	88
3.2:	Mô hình tổ chức bộ máy Vụ quản lý chào bán CK	91
3.3:	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của NHNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của các NHTM. Các NHTM có thể HĐV ở nhiều chủ thể khác nhau, từ bên trong lẫn bên ngoài ngân hàng. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với sự xuất hiện của TTCK đã giúp cho các doanh nghiệp VN nói chung và các NHTMCP VN nói riêng có thêm kênh HĐV hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình. Kênh HĐV qua PHCK là kênh có thể huy động lượng vốn rất lớn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cần thiết trong từng giai đoạn phát triển của các NHTMCP. Các NHTMCP phát hành các loại CK trong đó chủ yếu là cổ phiếu để HĐV nguồn vốn chủ sở hữu và trái phiếu để huy động nguồn vốn nợ phục vụ chiến lược phát triển lâu dài cho ngân hàng. Theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, ước đến 31/12/2018, giá trị vốn hóa riêng thị trường cổ phiếu đạt khoảng 75% GDP. Việc sử dụng kênh HĐV qua phát hành cổ phiếu và phát hành trái phiếu hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế là nhân tố giúp ổn định và phát triển bền vững TTCK.

Cùng với sự phát triển của TTCK, các cơ quan QLNN đã hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm quản lý hoạt động PHCK của các ngân hàng. Một số văn bản đã được ban hành, đó là: Luật CK số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2007; Luật CK số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội, sửa đổi, bổ sung một số điều của luật CK số 70/2006/QH11, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2011; Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CK và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 /06/2015, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CK và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK, có hiệu lực từ ngày 01/09/2015; Thông tư 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đăng ký chào bán CK ra công chúng, trong đó dành riêng điều khoản về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để thành lập mới Tổ chức tín dụng cổ phần; Ngoài ra, một số văn bản khác có liên quan đến việc

PHCK của các NHTMCP cũng được ban hành.

Thời gian qua, nhiều văn bản pháp luật hướng dẫn hoạt động này đã được ban hành nhưng chưa đồng bộ và thống nhất, phạm vi điều chỉnh luật chưa được mở rộng, chưa hoàn thiện và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế; Việc ban hành các văn bản có độ trễ so với thực tế, một số điều liên quan đến hoạt động PHCK chưa được quy định cụ thể; Cơ cấu tổ chức bộ máy QLNN hiện tại làm giảm đi tính độc lập của UBCKNN trong thực hiện chức năng quản lý; Mô hình quản lý chất lượng kết hợp với CBTT còn bất cập ảnh hưởng đến hoạt động PHCK. Việc CBTT còn chậm hoặc nhiều thông tin các ngân hàng phát hành đã không được công bố kịp thời. Vai trò kiểm tra, thanh tra và giám sát bị hạn chế trong việc xử lý các sai phạm liên quan đến việc cấp phép phát hành và thực hiện các phương án PHCK của các NHTMCP làm cho chất lượng cổ phiếu phát hành thấp. Trình độ chuyên môn, năng lực của cán bộ chuyên trách về quản lý PHCK chưa cao, hơn nữa chưa giám sát chặt chẽ về tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ chuyên trách trong việc thẩm định hồ sơ phát hành và giải quyết các vướng mắc về quá trình tổ chức phát hành. Ngoài ra, còn nhiều hạn chế khác làm ảnh hưởng đến chất lượng huy động.

Thêm vào đó, thông tư số 41/2016/TT-NHNN đã quy định tỷ lệ an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel II gây áp lực cho các ngân hàng trong việc tăng vốn điều lệ, tăng vốn chủ sở hữu đảm bảo hệ thống ngân hàng phát triển lành mạnh hơn. Do vậy, các ngân hàng đã lựa chọn giải pháp tăng vốn qua PHCK, chủ yếu là tăng vốn qua phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng đủ vốn theo quy định. Theo quy định, các NHTMCP phải thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8%. Tuy nhiên, thực tế cách tính tỷ lệ trên chưa hoàn toàn tuân thủ theo tiêu chuẩn Basel II.

Tuy nhiên, thực tế hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP ở VN đang gặp nhiều hạn chế do công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP còn chưa hoàn thiện cả về khung pháp lý, mô hình quản lý, tổ chức bộ máy quản lý, cách thức quản lý và sự phối hợp trong quản lý. Chính vì thế, hoạt động phát hành cổ phiếu, trái phiếu của một số NHTMCP còn bất cập, tạo tác động bất lợi đối với hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng, cũng như tạo nhiều tác động tiêu cực tới một bộ phận NĐT.

Để đáp ứng yêu cầu vốn theo Basel II, thực hiện định hướng giảm vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, trong bối cảnh huy động vốn tiền gửi trung và dài hạn rất khó khăn, việc đẩy mạnh huy động vốn qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu đang là mục tiêu chiến lược các NHTMCP đang hướng tới.

Với mong muốn góp phần bổ sung những căn cứ khoa học và thực tiễn để đánh giá đúng thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trên, tác giả chọn đề tài nghiên cứu là **“Quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam”** làm luận án tiến sĩ của mình. Đề tài này là một hướng nghiên cứu cần thiết và hàm chứa nhiều ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần hoàn thiện QLNN đối với các NHTMCP qua hoạt động PHCK, phát triển hệ thống ngân hàng và TTCK trong những năm tới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận và đánh giá thực tiễn QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP VN trong giai đoạn năm 2012-2018, từ đó luận án đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể cần triển khai thực hiện gồm:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động HĐV và những đặc điểm của NHTM tác động đến quyết định HĐV qua PHCK và QLNN về PHCK của NHTMCP. Từ đó, luận án xác lập cơ sở lý luận về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP dưới tiếp cận của chuyên ngành quản lý kinh tế. Tham khảo QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP ở một số nước trên thế giới, từ đó rút một số bài học có giá trị mang tính tham khảo cho VN.

- Phân tích thực trạng HĐV qua PHCK và QLNN đối với hoạt động HĐV qua

PHCK của các NHTMCP VN giai đoạn 2012-2018. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá về kết quả đạt được và những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN làm cơ sở, luận cứ thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

- Đề xuất một số giải pháp với mục đích hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là những lý luận và thực tiễn về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN. Luận án sẽ tập trung nghiên cứu đặc điểm của NHTM tác động đến quyết định HĐV qua PHCK của các NHTMCP, nội dung QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP theo tiếp cận từ chức năng quản lý (ban hành chính sách, tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức triển khai các hoạt động quản lý), cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá hoạt động QLNN đối với HĐV qua PHCK của NHTMCP và phân tích các yếu tố ảnh hưởng và các nguyên nhân tác động đến hoạt động này.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Đề tài giới hạn nghiên cứu QLNN đối với hoạt động HĐV qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu của các NHTMCP Việt Nam theo phương thức phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ.

- Về thời gian: Chính phủ ban hành Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 7/20/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CK và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK. Đây là cơ sở pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTMCP nói riêng và tổ chức PHCK nói chung thực hiện hoạt động PHCK để HĐV. Trước năm 2012 chỉ có một vài NHTMCP thực hiện hoạt động PHCK như NHTMCP Sài Gòn Thương Tín, NHTMCP Ngoại Thương VN, NHTMCP Công thương VN, NHTMCP Xuất Nhập khẩu VN. Từ năm 2012 đến năm 2018, số lượng các NHTMCP tham gia PHCK tăng lên đáng kể, thu hút được lượng vốn lớn phục vụ cho hoạt động phát triển của hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Do đó, các nghiên cứu của luận án dựa trên thông tin, số liệu về HĐV và QLNN đối với hoạt

động HĐV qua PHCK của các NHTMCP ở VN thu thập trong giai đoạn 2012-2018 và các định hướng chiến lược trong thời gian tới.

- Về nội dung nghiên cứu:

+ Về chủ thể QLNN: QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN được thực hiện bởi nhiều cơ quan quản lý khác nhau. Trong luận án này, tác giả nghiên cứu hoạt động quản lý của NHNN và UBCKNN (Bộ Tài chính) đối với hoạt động HĐV qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu của các NHTMCP đang niêm yết và giao dịch trên HOSE và HNX.

+ Về nội dung QLNN: Nội dung QLNN bao gồm nhiều vấn đề tùy theo góc độ tiếp cận. Do đề tài nghiên cứu dưới tiếp cận của chuyên ngành quản lý kinh tế nên tác giả luận án hướng vào nghiên cứu nội dung QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP theo chức năng quản lý, đi sâu phân tích mục tiêu quản lý, môi trường pháp luật, tổ chức bộ máy quản lý, công cụ quản lý, thanh tra, giám sát và điều hành.

4. Những đóng góp mới của luận án

- Những đóng góp mới về học thuật, lý luận

Luận án xác lập khung lý thuyết về nội dung QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành quản lý kinh tế, làm rõ những điểm khác biệt về nội dung, chủ thể QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK NHTMCP; cụ thể hóa 2 nhóm tiêu chí đánh giá và 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, đó là HĐV qua PHCK của NHTMCP.

- Những kết luận mới về đánh giá thực tiễn

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng về thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP ở VN, tác giả luận án đã rút ra kết luận: có 4 hạn chế, 14 nguyên nhân thuộc 3 nhóm. Trong đó các hạn chế xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là: Khung pháp lý; Mô hình tổ chức và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý; Tình hình triển khai các hoạt động quản lý nhà nước; Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý. Các nguyên nhân tác động được xếp theo thứ tự mức độ tác động từ cao đến thấp là:

Các nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý: Thủ tục hành chính pháp lý của các

cơ quan QLNN; Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN; Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN; Trách nhiệm của các cơ quan QLNN; Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK; Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN.

Các nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý – NHTMCP: Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng; Sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK; Hiệu quả quản trị ngân hàng; Mức độ phát triển của ngân hàng.

Các nguyên nhân tác động thuộc về môi trường quản lý: Môi trường pháp luật; Hội nhập kinh tế quốc tế; Thị trường PHCK; Thể chế kinh tế.

- Những đề xuất mới về chính sách, giải pháp

Trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm QLNN của một số quốc gia, kết luận rút ra từ phân tích, đánh giá thực tiễn và những quan điểm hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP ở VN, tác giả luận án đã đề xuất 4 giải pháp chính và 1 giải pháp hỗ trợ và điều kiện, trong đó có giải pháp cần đặc biệt quan tâm giải quyết, đó là: Hoàn thiện khung pháp lý; Hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức quản lý; Hoàn thiện các hoạt động quản lý; Tăng cường sự phối kết hợp trong quản lý.

5. Kết cấu luận án

Ngoài lời cam đoan, mục lục, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của NCS liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và 11 phụ lục, luận án được được kết cấu 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN

Chương 3: Thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN

Chương 4: Định hướng, quan điểm và giải pháp hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Trong những năm qua, hoạt động HĐV của NHTM, hoạt động của TTCK, các chủ thể tham gia trên TTCK và QLNN về các hoạt động này được nhiều nhà nghiên cứu ở VN quan tâm. Đã có một số công trình nghiên cứu dưới dạng luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ (ngành), các sách chuyên khảo, tạp chí trong và ngoài nước đề cập đến dưới những góc độ và phạm vi khác nhau về các nội dung liên quan đến hoạt động HĐV, hoạt động của TTCK và QLNN về các chủ thể tham gia trên TTCK. Các công trình gần nhất liên quan đến đề tài “QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, được trình bày sau đây.

1.1.1. Các nghiên cứu về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại

- Luận án tiến sĩ với đề tài “*HĐV của các doanh nghiệp trên TTCK ở VN*” (2014) của tác giả Nguyễn Hữu Tú. Luận án đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về HĐV, phương thức HĐV của các doanh nghiệp và làm rõ vai trò của các chủ thể trong quá trình HĐV trên TTCK. Luận án phân tích thực trạng HĐV của các doanh nghiệp qua TTCK. Qua việc phân tích một số kết quả HĐV, một số doanh nghiệp tiêu biểu HĐV trên TTCK từ năm 2000 đến năm 2012. Luận án đã chỉ ra nguyên nhân của những khó khăn cản trở sự phát triển của hoạt động này, từ đó đưa ra những giải pháp tháo gỡ những khó khăn của các doanh nghiệp trong quá trình HĐV trên TTCK.

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động HĐV của các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi từ năm 2000 đến năm 2012 và đã thống kê được các ngành kinh tế có doanh nghiệp niêm yết tại các sàn giao dịch CK trong đó có 8 ngân hàng HĐV qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu.

- Đề tài nghiên cứu khoa học “*Tham gia của hệ thống NHTM vào TTCK VN*” (2010), ThS. Nguyễn Thị Anh Đào Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội. Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng tham gia của các NHTM vào TTCK

VN như tham gia vào hoạt động kinh doanh CK, phát hành và niêm yết CK, đầu tư trên TTCK và tham gia vào các hoạt động khác trên TTCK.

Đề tài đã phân tích những ưu thế và bất cập của hệ thống NHTM trên TTCK VN nhằm đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia của các NHTM vào TTCK VN như: Tiếp tục cải cách kinh tế, tạo điều kiện phát triển và tham gia của NHTM vào TTCK trên mọi lĩnh vực; Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho sự tham gia của NHTM vào TTCK, đặc biệt là cho hoạt động đầu tư, tham gia góp vốn vào các công ty CK, tham gia phát hành, niêm yết CK, thanh toán giao dịch CK, cho vay đầu tư CK; Tăng cường giám sát và thực thi pháp luật trong quản lý, điều hành TTCK; Tăng quy mô vốn cho các ngân hàng, hoàn thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ - kỹ thuật và đội ngũ nhân lực ngân hàng, tạo điều kiện cho các NHTMCP phát hành cổ phiếu, trái phiếu và niêm yết trên TTCK.

- Jo-Ann Suchard, Manohar Singh (2006) *“The determinants of the hybrid security issuance decision for Australian firms”*- (Yếu tố quyết định PHCK đối với các công ty Úc), Pacific-Basin Finance Journal 14. Các tác giả đã chỉ ra rằng thị trường vốn của Úc có những đặc điểm đặc biệt khác với các thị trường khác như thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu. Có một thị trường nợ được nêu ra ở bài viết này, đó là thị trường mà hầu hết các công ty sử dụng nợ ngân hàng, nợ chuyển đổi vì các công ty không thể tự mình HĐV. Các tác giả đã trình bày việc xem xét các yếu tố quyết định sự lựa chọn an toàn cho tổ chức phát hành tại thị trường Úc. Các kết quả hỗ trợ mô hình, đồng thời chịu ảnh hưởng của chi phí khủng hoảng tài chính và thuế. Ngoài ra, kết quả cung cấp hỗ trợ cho các mô hình tài chính tuần tự mà công ty có lợi nhuận cao sử dụng để chuyển đổi nợ và các doanh nghiệp có lợi nhuận thấp sử dụng để bảo đảm và giải quyết vấn đề tài chính tiếp theo.

- Gishan Dissanaiké, Jonathan Faasse, Ranadeva Jayasekera (2014), *“What do equity issuances signal? A study of equity issuances in the UK before and during the financial crisis”* - (Tín hiệu phát hành cổ phiếu là gì? Một nghiên cứu về việc phát hành cổ phiếu ở Anh trước và trong cuộc khủng hoảng tài chính), Journal of International Money and Finance. Các tác giả đã chỉ ra sự gia tăng về vốn theo các phương thức phát hành sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của các công ty phát hành và các

phương thức phát hành khác nhau có thể gây ra các phản ứng của thị trường khác nhau.

Các tác giả đã sử dụng 700 mẫu phiếu điều tra của 377 công ty, tiến hành trên TTCK London để nghiên cứu về tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu trong một khoảng thời gian 10 năm (từ năm 2003 đến năm 2012) bao gồm các giai đoạn trước và trong cuộc khủng hoảng tài chính. Qua việc phát phiếu tìm hiểu hoạt động phát hành cổ phiếu của các công ty cho thấy: các hiệu ứng thông tin bất cân xứng của công ty không phải là yếu tố quyết định lợi nhuận công bố trong giai đoạn khủng hoảng, lợi nhuận công bố trong cuộc khủng hoảng đã bị chi phối bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô. Nếu công ty có khả năng di chuyển nhanh hơn để tăng lượng vốn (trong một thị trường bị hạn chế) có thể tạo ra môi trường HDV khó khăn hơn đối với các công ty khác như là phải chịu các chi phí tăng thêm sau này bởi việc chiết khấu cao hơn.

1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán và các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*Giám sát giao dịch CK trên TTCK VN*” (2010), tác giả Lê Trung Thành. Luận án đã hệ thống hóa những lý luận về giao dịch CK trên TTCK dựa trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên Thế giới. Luận án sử dụng phương pháp thống kê và mô hình toán học để phân tích thực trạng, làm rõ bối cảnh giám sát giao dịch CK, kiểm định tính hiệu quả của TTCK VN nhằm đánh giá kết quả đạt được, tìm ra những hạn chế. Đề xuất các giải pháp tăng cường giám sát giao dịch CK trên TTCK VN.

Luận án phân tích thực trạng trong khoảng thời gian TTCK mới hình thành và phát triển, cụ thể là từ năm 2000 đến năm 2008. Đồng thời, luận án mới chỉ đề cập đến việc giám sát các vi phạm tuân thủ quy định của pháp luật về quy trình giao dịch, CBTT, chưa trình bày được quá trình giám sát khi PHCK của các công ty niêm yết trên TTCK VN.

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*Vai trò của nhà nước trong phát triển thị trường tài chính ở VN*” (2010) của tác giả Bùi Văn Thạch. Tác giả đã tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của các nước Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á trong quản lý, phát triển và hoàn thiện thị trường tài chính qua đó rút ra được 6 bài học kinh nghiệm thành công và 4 bài học kinh nghiệm chưa thành công để VN có thể vận dụng

trong chỉ đạo, vận hành thị trường tài chính VN trong thời gian tới. Luận án đánh giá toàn diện trên cả phương diện luật pháp và phương diện QLNN, từ đó rút ra được những thành tựu đạt được và những mặt yếu kém trên thị trường tài chính ở VN từ năm 2004 đến năm 2009.

Luận án trên đã tập trung phân tích ưu và khuyết điểm của mô hình tổ chức QLNN, chỉ rõ hệ thống pháp luật có liên quan điều chỉnh pháp luật về CK và TTCK đến năm 2009, tập trung phân tích hoạt động QLNN đối với hoạt động của TTCK, tập trung thông qua các nghiệp vụ QLNN của UBCKNN, trong đó có đề cập đến hoạt động PHCK của các doanh nghiệp.

Trên cơ sở quan điểm, phương hướng trong phát triển đồng bộ vững chắc của thị trường tài chính ở VN đến năm 2020, luận án đã đề xuất 3 nhóm giải pháp cơ bản trong việc thiết lập và hoàn thiện môi trường thể chế đảm bảo sự vận hành của thị trường tiền tệ và TTCK trên cơ sở các quan hệ thị trường, đồng thời tăng cường công tác giám sát của nhà nước đối với thị trường tiền tệ và TTCK ở VN.

Luận án đã tập trung nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong phát triển TTCK VN, trong đó có đề cập nội dung QLNN đối với CK và PHCK của các công ty mà chưa trình bày cụ thể nội dung này đối với các NHTMCP. Đồng thời, luận án chưa trình bày rõ nội dung QLNN đối với hoạt động HDV của các các NHTMCP trong thời gian nghiên cứu của luận án.

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*QLNN về pháp luật đối với công ty niêm yết trên TTCK VN*” (2011) của tác giả Vũ Thị Thúy Nga. Luận án đã trình bày, nghiên cứu kinh nghiệm QLNN đối với công ty niêm yết trên TTCK ở một số nước trên Thế giới. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp số liệu trên cơ sở hoạt động thực tiễn của thị trường và kết quả điều tra khảo sát các doanh nghiệp đang niêm yết trên TTCK tại thời điểm tháng 12/2009 đến tháng 01/2010.

Thông qua việc đánh giá việc thực hiện các quy định về phát hành, niêm yết, CBTT và quản trị công ty trên TTCK VN trong thời gian qua, luận án đã đề ra các giải pháp và mô hình triển khai hoạt động này nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng QLNN về pháp luật đối với các công ty niêm yết trên TTCK giai đoạn năm 2010 đến năm 2020.

Luận án chỉ đề cập một cách tổng quát khía cạnh QLNN đối với hoạt động

PHCK của các công ty niêm yết trên TTCK nhưng chưa đề cập đến quá trình QLNN đối với hoạt động HĐV của các NHTM.

- Bài viết “*Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm phát triển bền vững TTCK ở VN*” (2012), Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Luật học số 28. Bài viết nêu ra quan điểm về phát triển bền vững TTCK ở VN, những yêu cầu đặt ra như là: Pháp luật CK phải đồng bộ với toàn bộ hệ thống pháp luật của VN; Pháp luật CK cần tương thích với chuẩn mực quốc tế và tiếp thu những nhân tố hợp lý của pháp luật nước ngoài; Pháp luật CK phải là công cụ hữu hiệu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT; Pháp luật cần bảo đảm tính công bằng, hiệu quả và minh bạch của TTCK; Pháp luật phải có khả năng ngăn ngừa và kiểm soát được rủi ro hệ thống. Dựa trên những yêu cầu này, bài viết đã nêu ra một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật bảo đảm TTCK phát triển bền vững.

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*Hoàn thiện QLNN đối với TTCK VN*” (2012) của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hiếu. Tác giả đã nghiên cứu những vấn đề chung về TTCK, mục tiêu, nội dung và các tiêu chí đánh giá QLNN đối với TTCK. Ở thời điểm nghiên cứu, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với TTCK VN từ việc tạo lập môi trường pháp lý cho các chủ thể hoạt động trên TTCK đến việc ban hành các chính sách và công cụ quản lý, quá trình giám sát và điều hành hoạt động trên TTCK trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010.

Trên cơ sở phân nghiên cứu thực trạng, luận án bổ sung thêm quan điểm cơ bản về QLNN đối với TTCK trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, quan điểm quản lý toàn diện các hoạt động nghiệp vụ trên TTCK. Đề xuất các giải pháp cụ thể trong việc xác định mục tiêu QLNN đối với Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN. Tuy nhiên, luận án chưa nghiên cứu sâu về QLNN đối với hoạt động PHCK để HĐV của các NHTMCP.

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*QLNN đối với TTCK ở một số nước châu Á và bài học kinh nghiệm cho VN*” (2012) của tác giả Bùi Thị Thùy Nhi. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh đối chiếu dựa trên tính tương đồng về sự phát triển của các quốc gia và phương pháp phỏng vấn chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu để nghiên cứu thực trạng QLNN đối với TTCK ở một số nước Châu Á như Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc qua các nội dung: Mô hình

QLNN; Chính sách điều tiết thị trường; Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm; Tuyên truyền, phổ biến kiến thức. Luận án đã chỉ ra những hạn chế trong QLNN đối với TTCK VN. Từ đó, luận án đã chỉ ra những bài học kinh nghiệm và vận dụng bài học kinh nghiệm này vào thực tiễn QLNN đối với TTCK VN. Luận án chưa trình bày cụ thể QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của các NHTMCP ở VN.

- Trong luận án tiên sĩ với đề tài “*QLNN đối với TTCK VN trong hội nhập quốc tế*” (2015) của tác giả Bùi Kim Thanh. Luận án làm rõ những vấn đề cơ bản về TTCK và QLNN đối với TTCK, hệ thống hóa, xác định các nội dung, tiêu chí QLNN đối với TTCK, chỉ ra những nhân tố tác động đến QLNN đối với TTCK trong hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở sử dụng phương pháp khảo sát điều tra và phân tích kinh nghiệm của quốc tế trong QLNN đối với TTCK, luận án đã rút ra bài học kinh nghiệm về quản lý TTCK cho VN trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Qua việc phân tích thực trạng phát triển TTCK VN trong thời gian qua, luận án đã đánh giá được thực trạng QLNN đối với TTCK giai đoạn năm 2000 đến năm 2015, rút ra được những thành công và hạn chế nhất định. Trên cơ sở cơ hội, thách thức, chiến lược phát triển TTCK trong hội nhập quốc tế, luận án đã đề xuất các giải pháp tăng cường QLNN đối với TTCK VN đến năm 2020. Luận án đã phân tích việc quản lý tổ chức PHCK với việc phân tích số lượng công ty niêm yết trên Sở giao dịch CK Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch CK Hà Nội, chưa phân tích cụ thể đến hoạt động PHCK của các NHTMCP.

- Đề tài nghiên cứu khoa học “*Tăng cường công tác giám sát tuân thủ đối với hoạt động phát hành của các tổ chức phát hành trên TTCK VN*” (2011) của PGS. TS Lê Thị Hòa, Vụ Quản lý phát hành - UBCKNN. Đề tài đề cập đến hoạt động giám sát tuân thủ về hoạt động PHCK của các tổ chức trên TTCK. Tác giả đã dùng tư liệu và kết quả quản lý, giám sát hoạt động phát hành đối với các tổ chức phát hành tại UBCKNN (Vụ Quản lý chào bán CK), kết hợp với quá trình khảo sát, thống kê thực tế, thu thập thông tin thị trường để phân tích, đánh giá và đưa ra định hướng và kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường hoạt động giám sát tuân thủ đối với hoạt động phát hành của các tổ chức phát hành trên TTCK VN. Đề tài chưa chỉ rõ thực trạng công tác giám sát tuân thủ đối với hoạt động phát hành của các NHTMCP trong thời gian qua nhằm đưa ra giải pháp phù hợp đối với các NHTMCP trong việc PHCK để HDV.

- Đề tài nghiên cứu khoa học “*Xây dựng cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng dựa trên CBTT đầy đủ*” (2015), ThS. Lê Thị Thu Hằng, Vụ Quản lý chào bán CK – UBCKNN. Đề tài đã trình bày cơ sở pháp lý và thực trạng quản lý hoạt động PHCK ra công chúng trên TTCK VN, từ đó tác giả đã rút ra những kết quả đạt được và tồn tại của cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng theo cơ chế quản lý theo chất lượng. Đồng thời, tác giả đánh giá điều kiện chuyển đổi từ cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng theo chất lượng sang cơ chế quản lý dựa trên CBTT đầy đủ. Một số khuyến nghị tiến tới cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng dựa trên CBTT đầy đủ và lộ trình dự kiến áp dụng cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng dựa trên CBTT đầy đủ đã được nêu ra trong đề tài này.

- Đề tài nghiên cứu khoa học “*Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế giám sát công ty đại chúng*” (2017), ThS. Lê Công Điền, Vụ Giám sát công ty đại chúng - UBCKNN. Trong đề tài này, tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận công ty đại chúng, nội dung, phương thức và những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giám sát công ty đại chúng. Kinh nghiệm quốc tế trong việc giám sát công ty đại chúng tại các nước có TTCK phát triển, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho VN trong công tác quản lý giám sát công ty đại chúng. Đề tài đã phân tích, đánh giá cơ chế, phương thức và nội dung giám sát công ty đại chúng tại, rút ra được những thành công đạt được và những hạn chế, tồn tại cần giải quyết nhằm đưa ra những khuyến nghị, giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế giám sát công ty đại chúng. Trên cơ sở phân tích thực trạng, đề ra giải pháp, tác giả đã xây dựng lộ trình triển khai, áp dụng các kiến nghị, đề xuất trong hoạt động giám sát công ty đại chúng tại VN thời gian tới.

- Đề tài nghiên cứu khoa học “*Hoàn thiện luật CK*” (2011), Hoàng Đức Long - Ủy ban CK nhà nước. Đề tài đã hệ thống hoá hệ thống pháp luật về CK và TTCK năm 2006. Tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng các quy định của Luật CK này và đề xuất các giải pháp hoàn thiện Luật CK nhằm: Tạo ra môi trường pháp lý phù hợp cho TTCK phát triển lành mạnh, công khai, công bằng, minh bạch hơn; Đảm bảo căn cứ pháp lý đầy đủ cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý, giám sát hoạt động CK và TTCK; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT; điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp và bổ sung những nội dung mới cho phù hợp tình

hình thị trường, phù hợp với các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của VN; Tạo ra sự thống nhất về khuôn khổ pháp lý bằng việc đồng bộ các văn pháp luật về CK và TTCK với các văn pháp luật khác.

- Đề tài nghiên cứu khoa học "*Định hướng xây dựng Luật CK thay thế Luật CK năm 2006*" (2013), ThS. Nguyễn Thị Huệ, Vụ Pháp chế - UBCKNN. Đề tài đánh giá chi tiết, cụ thể Luật CK trên nhiều góc độ như: kết quả thực hiện, sự tương thích với các luật khác có liên quan, sự phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế... qua đó đề tài đã chỉ ra được những hạn chế trong quá trình thực hiện Luật CK, nguyên nhân chính của các hạn chế đó để xây dựng hướng giải quyết những tồn tại của hệ thống pháp luật về CK. Đề tài đã đưa ra định hướng xây dựng Luật CK thế hệ 2 dựa trên chiến lược phát triển TTCK đến năm 2020 và đánh giá được những cơ hội và thách thức quá trình xây dựng Luật CK. Đề tài đã nêu lên được 7 nội dung chính cần điều chỉnh bởi Luật CK đã có tính khả thi về phạm vi và đối tượng, các sản phẩm CK, chào bán CK, thị trường giao dịch CK,... Tuy nhiên, đề tài chưa đề cập đến các văn bản khác dưới luật.

- Bài viết "*QLNN về phát triển TTCK*" (2011) của tác giả Bùi Thanh, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 399. Tác giả đã trình bày thực tiễn QLNN đối với TTCK ở một số nước trên Thế giới và VN với các nội dung: Xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp luật; Tổ chức điều hành và giám sát TTCK. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm QLNN về phát triển TTCK VN: phát triển mô hình tổ chức cơ quan quản lý TTCK; Điều chỉnh khung pháp lý TTCK phù hợp với thực tiễn VN; Hoàn thiện giám sát và điều hành hoạt động của TTCK; Thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô, hoàn thiện chính sách tài chính, hoàn thiện các công cụ cảnh báo an toàn tài chính của các chủ thể tham gia TTCK.

- Donghua Chen, Yuyan Guan, Gang Zhao, Feifei Wu (2011) "*Securities regulation and implicit penalties*" - (Quy định về CK và những hình phạt), China Journal of Accounting Research. Bài viết này cho thấy các tài liệu hiện có cung cấp và hỗ trợ rộng rãi trong vai trò quan trọng của các tổ chức tham gia trên thị trường tài chính, những quy định ngầm và giám sát chưa được kiểm tra. Nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu của Trung Quốc để khám phá những quy định ngầm và hình phạt áp đặt bởi Chính phủ Trung Quốc trong việc điều tiết CK được chào bán lần đầu ra công chúng. Đặc biệt là những hậu quả kinh tế mà các công ty bảo lãnh phát hành CK được chào bán lần đầu ra công

chúng vi phạm các quy tắc quy định trong thị trường vốn của Trung Quốc.

Các nghiên cứu của các tác giả cung cấp bằng chứng cho thấy rằng danh tiếng của các chủ thể liên quan đang bị suy yếu và thị phần của họ cũng giảm. Các tác giả đã tìm hiểu liệu rằng những hậu quả tiêu cực như vậy là kết quả của một cơ chế kỷ luật thị trường hoặc một hình phạt áp của Chính phủ. Để phân tích khả năng của một cơ chế kỷ luật thị trường tại nơi làm việc, phản ứng thị trường cho các công ty khách hàng khác có giao dịch CK được chào bán lần đầu ra công chúng đã được bảo lãnh bởi bảo lãnh phát hành liên quan đến các vi phạm tại thời điểm vi phạm đã được công bố công khai và đã định giá giao dịch CK được chào bán lần đầu ra công chúng được thực hiện bởi các nhà bảo hiểm sau khi tiết lộ như vậy. Để phân tích việc Chính phủ áp đặt một hình phạt ngầm, tác giả kiểm tra thời gian xử lý ứng dụng cho giao dịch CK được chào bán lần đầu ra công chúng trong tương lai bảo đảm bởi các chủ thể có liên quan là đáng kể, dài hơn so với giao dịch CK được chào bán lần đầu ra công chúng bảo lãnh cho bảo lãnh khác.

Nhìn chung, có rất ít bằng chứng cho thấy thị trường bất lợi cho hoạt động bảo lãnh đối với các hành vi vi phạm quy tắc của công ty khách hàng của họ ở Trung Quốc. Thay vào đó, Chính phủ Trung Quốc mặc nhiên tạo ra bất lợi cho các đơn vị phát hành bằng cách áp đặt các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn trên và kéo dài thời gian xử lý các giao dịch CK được chào bán lần đầu ra công chúng.

- James Jinho Chang, Hyun-Han Shin (2004) *“The SEC’s review of the registration statement and stock price movements during the seasoned equity issuance process”*- (Việc xem xét của Ủy ban CK và Hối đoái về các báo cáo đăng ký và biến động giá CK trong quá trình phát hành cổ phiếu), Pacific-Basin Finance Journal 12. Các tác giả của bài viết này đã nghiên cứu các tác động của Ủy ban CK và Hối đoái (SEC) về các báo cáo đăng ký giá cổ phiếu của công ty phát hành trong suốt quá trình phát hành cổ phiếu mới. Các tác giả đã nhận thấy rằng các phản ứng của thị trường về những thay đổi của báo cáo nhìn chung là tiêu cực, tiêu cực nhất là việc sửa đổi và nộp nhiều lần với nội dung chứa đựng những thông tin không trung thực. Những phát hiện này hàm ý rằng thủ tục xem xét của Ủy ban CK và Hối đoái (bao gồm cả quy định CBTT của công ty) đối với các công ty phát hành đã để lộ thông tin không thuận lợi

trong quá trình phát hành cổ phiếu mới. Những điểm tương đồng trong quá trình xem xét giữa một số nước châu Á và Hoa Kỳ cho rằng những phát hiện của các tác giả dựa trên dữ liệu Hoa Kỳ có thể được áp dụng đối với TTCK Châu Á.

- Rafael la Porta, Florencio Lopez-de-Silanes, Andrei Shleifer (2006), *“What Works in Securities Laws?”* - (Những quy định trong các luật CK). The journal of Finance-February 2006. Các tác giả của bài viết đã nghiên cứu ảnh hưởng của Luật CK lên sự phát triển TTCK ở 49 nước. Các tác giả đã tìm thấy rất ít bằng chứng về lợi ích TTCK trong thực thi công nhưng nhiều bằng chứng khẳng định luật quy định CBTT và tạo điều kiện cho việc thực thi tư nhân thông qua các quy định trách nhiệm pháp lý có lợi cho TTCK. Qua việc nghiên cứu Luật CK của 49 nước, đặc biệt tập trung vào cách mà các luật điều chỉnh việc phát hành cổ phiếu mới cho công chúng thì PHCK là đối tượng để bàn về “vấn đề của người ủng hộ” (Mahoney (1995)) - rủi ro mà công ty phát hành của công ty bán CK kém chất lượng đến công chúng được cho phép trong các luật CK.

Các quy định cụ thể trong luật CK điều chỉnh phát hành ra công chúng ở mỗi quốc gia, kiểm tra các mối quan hệ giữa các quy định và các biện pháp khác nhau trong sự phát triển TTCK, giải thích các bằng chứng trong lý thuyết có sẵn của pháp luật CK.

Bài viết cho thấy thị trường tài chính không phát triển thịnh vượng khi để cho tự thị trường thực hiện hoạt động, pháp luật CK quan trọng bởi vì họ tạo điều kiện ký kết hợp đồng tư nhân hơn là cung cấp quy định. Những kết quả này chỉ ra tầm quan trọng của điều tiết các xung đột giữa các cổ đông kiểm soát và các NĐT bên ngoài để tiếp tục sự phát triển của thị trường vốn và sự cần thiết phải cải cách pháp lý để hỗ trợ phát triển tài chính, sự kết nối giữa các quốc gia với bảo vệ NĐT mạnh và yếu. Các nước ủng hộ quan điểm rằng các lợi ích của pháp luật chung trong các Luật CK các nước xuất phát từ nguyên tắc thị trường. Những lợi ích của việc áp dụng luật đường như nằm trong sự tác động mạnh của hợp đồng tư nhân và sự phụ thuộc vào độ phân giải tranh chấp cá nhân.

- Rafael la Porta, Florencio Lopez-de-Silanes, Andrei Shleifer (2006), *“What Works in Securities Laws?”* - (Những quy định trong các luật CK). The journal of

Finance-February 2006. Các tác giả của bài viết đã nghiên cứu ảnh hưởng của luật CK lên sự phát triển TTCK ở 49 nước. Các tác giả đã tìm thấy rất ít bằng chứng về lợi ích TTCK thực thi công nhưng nhiều bằng chứng khẳng định luật quy định CBTT và tạo điều kiện cho việc thực thi tư nhân thông qua các quy định trách nhiệm pháp lý có lợi cho TTCK. Qua việc nghiên cứu luật CK của 49 nước, đặc biệt tập trung vào cách các luật điều chỉnh việc phát hành cổ phiếu mới cho công chúng thì phát hành CK là đối tượng đề bàn về “vấn đề của người ủng hộ” (Mahoney (1995)) - rủi ro mà công ty phát hành của công ty bán CK kém chất lượng đến công chúng được cho phép trong các luật CK.

Các quy định cụ thể trong luật CK điều chỉnh đầu ra công chúng ở mỗi quốc gia, kiểm tra các mối quan hệ giữa các quy định và các biện pháp khác nhau trong sự phát triển TTCK, và giải thích các bằng chứng trong lý thuyết có sẵn của pháp luật CK.

Bài viết cho thấy thị trường tài chính không phát triển thịnh vượng khi để cho tự thị trường thực hiện hoạt động, pháp luật CK quan trọng bởi vì họ tạo điều kiện ký kết hợp đồng tư nhân hơn là cung cấp quy định. Những kết quả này chỉ ra tầm quan trọng của điều tiết các xung đột quan giữa các cổ đông kiểm soát và các NĐT bên ngoài để tiếp tục sự phát triển của thị trường vốn và sự cần thiết phải cải cách pháp lý để hỗ trợ phát triển tài chính, sự kết nối giữa các quốc gia với bảo vệ NĐT mạnh và yếu. Các nước ủng hộ quan điểm rằng các lợi ích của pháp luật chung trong các luật CK các nước xuất phát từ nguyên tắc thị trường. Những lợi ích của áp dụng luật dường như nằm trong sự tác động mạnh của hợp đồng tư nhân và sự phụ thuộc vào độ phân giải tranh chấp cá nhân.

- Securities Commission Malaysia, Shifting from Merit-based Regulation to Disclosure-based Regulation: Malaysia's Experience, East Asian Finance Selected Issues (Ủy ban CK Malaysia chuyển từ quy chế chất lượng sang quy chế dựa trên CBTT: Kinh nghiệm Malaysia Malaysia, Các vấn đề tài chính Đông Á), the World Bank, 2006. Trước khi Ủy ban CK Malaysia thành lập Ủy ban phát hành vốn (the Capital Issues Committee - CIC), cơ chế xem xét đề xuất chào bán CK trong thời gian này là dựa trên chất lượng. Ủy ban phát hành vốn xem xét khả năng tồn tại, chất lượng và năng lực quản lý của công ty, sự phù hợp cho việc niêm yết của công ty trên sở giao dịch CK và lợi ích của công chúng để đưa ra quyết định cho phép chào bán CK. Việc

PHCK dựa trên quy chế chất lượng chỉ phù hợp trong giai đoạn ban đầu của sự phát triển TTCK Malaysia, ở TTCK này chủ yếu là NĐT nhỏ lẻ và số lượng vốn huy động nhỏ. Qua nhiều năm, các công ty muốn tiếp cận được nguồn vốn trên thị trường vốn ngày một nhiều, đặc biệt trong giai đoạn tăng trưởng của thị trường mà có thể có được sự định giá hấp dẫn. Hệ thống xem xét chất lượng được đánh giá là không linh hoạt trên nhiều khía cạnh, hạn chế phân phối vốn hiệu quả, giới hạn phạm vi của cơ hội đầu tư. Do vậy, Ủy ban CK Malaysia chuyển từ cơ chế chất lượng sang cơ chế quản lý PHCK dựa trên CBTT.

Quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý PHCK được thực hiện qua ba giai đoạn: Giai đoạn 1 (từ 1996) - cơ chế quản lý dựa trên chất lượng linh hoạt tập trung vào CBTT, giới thiệu làm ngấm dần văn hóa rà soát cẩn trọng và quản trị công ty; Giai đoạn 2 (từ 2000) - kết hợp hai cơ chế nhấn mạnh hơn vào CBTT, rà soát cẩn trọng và quản trị công ty, giới thiệu về trách nhiệm giải trình và tổ chức tự quản; Giai đoạn 3 (từ 2003) - chế độ quản lý dựa trên CBTT hoàn toàn với những tiêu chuẩn cao về CBTT, rà soát cẩn trọng và quản trị công ty, sử dụng các tổ chức tự quản và thực thi trách nhiệm giải trình.

1.1.3. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với ngân hàng thương mại

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*Thực trạng giám sát của NHNN VN đối với các NHTM*” (2010) của tác giả Nguyễn Thị Minh Huệ. Luận án đã phân tích cơ sở pháp lý của hoạt động giám sát, nội dung giám sát và tổ chức thực hiện giám sát; đánh giá thực trạng về: mức độ đủ vốn, khả năng quản lý rủi ro tín dụng, khả năng quản lý rủi ro thị trường, khả năng quản lý rủi ro lãi suất, khả năng quản lý rủi ro thanh khoản, khả năng quản lý rủi ro khác và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ. Luận án đã cho thấy những hạn chế hoạt động giám sát của NHNN VN đối với các NHTM từ những năm trước năm 2009; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện như: tuân thủ các nguyên tắc giám sát Basel, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, đào tạo đội ngũ cán bộ; các điều kiện để thực hiện các giải pháp này. Luận án nghiên cứu tổng thể hoạt động giám sát của NHNN VN đối với toàn bộ hoạt động của các NHTM, chưa chỉ ra cụ thể thực trạng giám sát đối với hoạt động HĐV của NHTM trên TTCK.

- Trong luận án tiến sĩ với đề tài “*Quản lý nhà nước đối với các NHTM VN*”

trong giai đoạn hiện nay” (2015) của tác giả Trịnh Thị Thủy, tác giả đã trình bày được cơ sở khoa học về QLNN đối với các NHTM trong đó đề cập rõ về nội dung QLNN đối với các NHTM, cụ thể: Xây dựng và thực hiện thể chế, chính sách về tiền tệ - ngân hàng; Tổ chức hệ thống ngân hàng; Quản lý nguồn nhân lực; Thanh tra, giám sát hoạt động các NHTM; Điều chỉnh cơ cấu các NHTM. Kinh nghiệm quản lý NHTM của một số nước trên Thế giới như Nhật, Trung Quốc, Đức, Mỹ và rút ra bài học cho VN. Tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng, rút ra kết quả đạt được và những hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp QLNN đối với các NHTM và đưa ra các kiến nghị đối với Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp giữa Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, sự phối hợp giữa NHNN với các bộ, ngành, địa phương.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu và giá trị khoa học, thực tiễn luận án được kế thừa

1.2.1. Những giới hạn và khoảng trống nghiên cứu

*** Giới hạn nghiên cứu**

Qua nghiên cứu các công trình do các tác giả trong và ngoài nước công bố, NCS nhận thấy, các công trình nghiên cứu trên có những giới hạn sau:

(i) Các nghiên cứu về HĐV của công ty cổ phần dưới hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu đã phân tích quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định HĐV của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu trên được tiếp cận dưới góc độ của các doanh nghiệp phi tài chính nên không đi sâu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định HĐV dưới góc độ tiếp cận là một NHTM - loại hình doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ - lĩnh vực được xem là nhạy cảm của nền kinh tế và có mạng lưới khá rộng khắp theo các khu vực địa lý hành chính.

(ii) Phần lớn các nghiên cứu về QLNN đối với TTCK và hoạt động ngân hàng đều nghiên cứu trên góc độ tiếp cận của chuyên ngành kinh tế chính trị, luật kinh tế, tài chính ngân hàng và trên phạm vi nghiên cứu khá rộng, đó là QLNN với tất cả các chủ thể tham gia, các hoạt động trên TTCK, các hoạt động của NHTM, không có các nghiên cứu chuyên sâu về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

(iii) Thời gian của các dữ liệu nghiên cứu, nhất là các nghiên cứu về QLNN đối

với hoạt động của NHTM cách đây khá lâu, nên một số kết luận nghiên cứu không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Các nghiên cứu về QLNN đối với huy động vốn qua PHCK của NHTMCP hầu như không có.

*** Khoảng trống và câu hỏi nghiên cứu**

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án, NCS nhận thấy còn có một số khoảng trống tri thức chưa được phân tích, làm rõ. Đó là:

(i) Các đặc điểm của NHTM có tác động như thế nào đến quyết định HDV qua PHCK của NHTMCP và đến nội dung, chủ thể quản lý QLNN đối với HDV qua PHCK của ngân hàng TMCP?

(ii) Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành quản lý kinh tế?

(iii) Thực trạng QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP ở VN giai đoạn năm 2012 đến năm 2018? Những bất cập và nguyên nhân, những vấn đề được đặt ra NCS cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện?

(iv) Cần triển khai thực hiện những giải pháp nào để hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP ở VN?

Các khoảng trống nghiên cứu này cũng chính là những câu hỏi mà NCS sẽ tập trung nghiên cứu để có lời giải đáp trong quá trình thực hiện đề tài luận án của mình.

1.2.2. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa

Các công trình nghiên cứu dưới dạng luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ (ngành), các sách chuyên khảo, bài báo tăng tạp chí... trong nước được trình bày ở phần trên đã xác lập được một số cơ sở lý luận và phân tích đánh giá thực trạng HDV của các doanh nghiệp và NHTMCP trên TTCK, đã luận bàn về các chủ thể tham gia trên TTCK, trình bày lý luận và thực tiễn về QLNN đối với các chủ thể tham gia trên TTCK VN những năm qua. Các cơ sở lý luận và thực tiễn này được NCS tham khảo sử dụng một phần trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

Ngoài ra, NCS đã tham khảo kinh nghiệm các quy định về PHCK của các NHTM trên Thế giới được đăng trên Tạp chí Tài chính khu vực Thái Bình Dương, Tạp chí Nghiên cứu Kế toán Trung Quốc, Tạp chí Tiền tệ và Tài chính quốc tế, Tạp chí Tài

chính Mỹ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho QLNN đối với hoạt động HDV của các NHTMCP VN.

Các công trình nghiên cứu đã công bố đều sử dụng phương pháp luận là phương pháp duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để giải quyết các vấn đề đặt ra. Trong quá trình nghiên cứu và viết luận án, NCS tham khảo các phương pháp nghiên cứu của các công trình này để lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của mình.

1.3. Phương pháp nghiên cứu luận án

1.3.1. Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu

- Các thông tin, dữ liệu thu thập:

+ Thông tin, dữ liệu thứ cấp: dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của các NHTMCP, UBCKNN, NHNN; số liệu từ Tổng cục thống kê; Sở giao dịch CK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở giao dịch CK Hà Nội (HNX); sách, báo, tạp chí, mạng internet về tình hình hoạt động HDV và QLNN đối với hoạt động HDV qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu của các NHTMCP trong thời gian qua ở VN.

+ Thông tin, dữ liệu sơ cấp: Để thu thập dữ liệu sơ cấp cho nghiên cứu, tác giả đã thực hiện các phương pháp sau:

- Phỏng vấn trực tiếp: Lựa chọn một số NHTMCP, phỏng vấn trực tiếp những người quản lý, phụ trách và điều hành công tác phát hành cổ phiếu và trái phiếu để tìm hiểu thực trạng HDV và HDV qua PHCK; Phỏng vấn trực tiếp một số cán bộ quản lý ở Vụ Quản lý chào bán CK để tìm hiểu thực trạng QLNN về PHCK của các NHTMCP trong thời gian qua; Phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý ở Vụ Chính sách tiền tệ để tìm hiểu thực trạng quản lý các NHTMCP trong việc PHCK.

NCS đã phỏng vấn trực tiếp 5 cán bộ ở các cơ quan quản lý liên quan đến hoạt động PHCK của các NHTMCP nói trên, trong đó 2 cán bộ ở các NHTMCP, mỗi ngân hàng 1 cán bộ (Công thương VN, Sài Gòn Thương Tín), 2 cán bộ ở UBCKNN (Vụ quản lý chào bán CK), 1 cán bộ ở NHNN (Câu hỏi phỏng vấn xem phụ lục số 10).

- Khảo sát qua bảng hỏi: NCS khảo sát những cán bộ đại diện của các cơ quan QLNN (UBCKNN, NHNN, Bộ Tài chính), các công ty CK, các NHTMCP và các nhà

nghiên cứu khoa học dưới hình thức khảo sát bằng phiếu được thiết kế sẵn (xem phụ lục 1) để thu nhận các ý kiến và quan điểm về QLNN đối với hoạt động HDV qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu của các NHTMCP.

NCS tiến hành việc khảo sát trên bằng cách phát phiếu giấy và sử dụng phần mềm qua mạng internet để thu thập ý kiến đánh giá thực trạng QLNN về PHCK của NHTMCP VN. Nội dung khảo sát tập trung vào những vấn đề: Mức độ hoàn thiện chính sách (phù hợp với thực tiễn VN và thông lệ quốc tế, tính hiệu quả, hiệu lực); Mô hình và bộ máy QLNN; Thực trạng hoạt động, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế; Giải pháp hoàn thiện QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN.

Quá trình khảo sát được thực hiện như sau:

- Hoàn thiện phiếu khảo sát: Sau khi phiếu khảo sát được phác thảo và hoàn thiện, phiếu khảo sát được gửi đến Vụ Quản lý chào bán CK. Những sai sót đã được chỉ ra và hoàn thiện để tiến hành điều tra chính thức.

- Xác định mẫu nghiên cứu: dựa trên cơ sở tên đề tài luận án và chuyên ngành nghiên cứu, NCS xác định đối tượng gửi phiếu khảo sát gồm: Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN, NHTMCP, công ty CK, các nhà nghiên cứu khoa học.

Tổng số phiếu phát ra là 194 phiếu, số phiếu thu về là 192 phiếu, trong đó thu trực tiếp về 45 phiếu và 147 phiếu được tổng hợp từ phần mềm điều tra qua mạng internet. Số phiếu điều tra thu về từ các đơn vị, cá nhân cụ thể: Bộ Tài chính 11 phiếu; UBCKNN 34 phiếu (Vụ pháp chế 6 phiếu, Vụ quản lý chào bán CK 21 phiếu, Vụ giám sát TTCK 7 phiếu); NHNN 13 phiếu; NHTMCP 64 phiếu; Công ty CK 45 phiếu; Các nhà nghiên cứu khoa học 25 phiếu.

- Tiến hành khảo sát: Phiếu khảo sát được gửi đến tổng thể nghiên cứu bằng 2 hình thức, đó là: Phiếu khảo sát gửi bằng giấy (gửi trực tiếp, thư tín, email); thiết kế phần mềm khảo sát, người được khảo sát mở website theo địa chỉ trang website đã gửi để điền thông tin khảo sát.

- Tổng hợp phiếu khảo sát và nhập dữ liệu vào máy tính: Sau khi thu hồi được các phiếu khảo sát gửi bằng giấy, NCS tiến hành rà soát nhằm loại bỏ những phiếu không hợp lệ, các phiếu khảo sát gửi bằng phần mềm sẽ được in ra (phần mềm đã kiểm tra phiếu không hợp lệ trước khi người được khảo sát gửi đi).

1.3.2. Phương pháp xử lý thông tin, dữ liệu

- Phương pháp xử lý thông tin, dữ liệu thứ cấp:

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, NCS sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, phân tích, tổng hợp và so sánh kết hợp với kết quả định lượng bằng phần mềm SPSS nhằm đưa ra những đánh giá chung về thực trạng, nêu lên được kết quả đạt được và hạn chế về QLNN đối với hoạt động HDV qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu của các NHTMCP.

- Phương pháp xử lý thông tin sơ cấp:

NCS sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để đánh giá về thực trạng QLNN về PHCK của NHTMCP VN. Với tổng số phiếu phát ra trực tiếp và qua mạng internet để thực hiện điều tra xã hội học là 194 phiếu, NCS thu về được số phiếu là 192 phiếu, trong đó, số phiếu hợp lệ là 192 phiếu; Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

Kết quả khảo sát được thống kê và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 ở 5 mức độ (từ mức 1 đến mức 5) và được cụ thể hóa đối với từng câu hỏi từ hoàn thiện nhất đến ít hoàn thiện nhất, chưa hợp lý đến hợp lý nhất, không tốt đến rất tốt, ít hạn chế nhất đến nhiều hạn chế nhất, ít tác động nhất đến nhiều nhất. Thông qua phần mềm SPSS, điểm trung bình các câu hỏi được tính toán và cho ra kết quả.

Trên cơ sở các nghiên cứu định tính kết hợp với kết quả phân phối định lượng, NCS đã đánh giá thực trạng QLNN về PHCK của NHTMCP VN theo các tiêu chí đã nêu ở chương 2, nêu ra các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế về QLNN về PHCK của NHTMCP VN, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về PHCK của NHTMCP VN trong thời gian tới.

1.3.3. Tổng hợp các phương pháp và công cụ nghiên cứu

Các phương pháp phổ biến NCS đã vận dụng trong nghiên cứu đề tài luận án của mình đó là: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống kê, so sánh và đánh giá; phương pháp phỏng vấn chuyên gia và điều tra xã hội học. Để hoàn thành tốt luận án, NCS đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu kể trên kết hợp phương pháp định tính để phân tích cơ sở lý luận và đánh giá thực tiễn đề tài luận án.

Bảng 1.1: Thống kê phương pháp nghiên cứu và công cụ hỗ trợ của luận án

Phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
Phương pháp thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; - Phương pháp thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin dữ liệu.
Phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm công ty cổ phần và các loại CK do công ty cổ phần phát hành; - Các phương thức PHCK của công ty cổ phần; - Đặc điểm của NHTMCP tác động đến việc HĐV qua PHCK; - Khái niệm, mục tiêu, các phương pháp và công cụ quản lý nhà nước đối với hoạt động HĐV qua PHCK; - Nội dung QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP; - Tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP và các nhân tố ảnh hưởng; - Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN; - Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội VN và thế giới; - Định hướng phát triển của các NHTMCP VN; - Chiến lược HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN; - Quan điểm và định hướng hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN; - Giải pháp hoàn thiện QLNN về HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN.
Phần mềm SPSS	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN; - Đánh giá về mô hình và bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN; - Đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN;

Phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN; - Phân tích nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN; - Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Trong chương 1 luận án trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài trong và ngoài nước với các nội dung sau: Các nghiên cứu về HDV của doanh nghiệp và NHTM; Các nghiên cứu về QLNN đối với TTCK và các chủ thể tham gia TTCK; Các nghiên cứu về QLNN đối với NHTM.

Với những công trình nghiên cứu, NCS đã tổng hợp và tóm tắt những vấn đề mà các công trình đã giải quyết được, từ đó NCS nhận thấy còn có một số khoảng trống tri thức cần tiếp tục nghiên cứu.

Chương 1 của luận án đề cập đến phương pháp thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu của luận án. NCS đã sử dụng kết hợp cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, thông qua việc sử dụng phương pháp điều tra xã hội học được xử lý bằng phần mềm SPSS và thu thập, tổng hợp thông tin từ các trang báo điện tử, các website bằng việc sử dụng các phương pháp cứu thống kê, tổng hợp, so sánh, phân tích, ..

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

2.1. Lý luận chung huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần

2.1.1. Ngân hàng thương mại và các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại cổ phần

2.1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại và ngân hàng thương mại cổ phần

Peter S.Rose (Quản trị NHTM, 2001) đã nêu “Ngân hàng là loại hình tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất – đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế”.

Theo Luật các Tổ chức tín dụng ở VN (Điều 4, luật số 47/2010/QH12, 2010) đã nêu “NHTM là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận”.

Từ khái niệm trên, NCS có thể nêu khái niệm NHTM như sau: “*NHTM là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động chủ yếu HĐV, cấp tín dụng, cung cấp dịch vụ thanh toán và các hoạt động khác theo quy định*”.

Theo tính chất sở hữu, NHTM bao gồm: NHTM nhà nước, NHTM liên doanh, NHTMCP. NHTMCP là NHTM được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các tổ chức tín dụng, tổ chức khác và các cá nhân cùng góp vốn theo quy định của NHNN. Nguồn vốn cổ phần được hình thành thông qua hình thức huy động tập trung trên TTCK, do vậy các NHTMCP có thể HĐV nhanh chóng phục vụ cho việc mở rộng có phạm vi hoạt động, thực hiện nhiều hoạt động, mở nhiều chi nhánh hoặc thành lập các công ty con.

2.1.1.2. Các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại cổ phần

Các NHTMCP có thể HĐV dưới nhiều hình thức như tiền gửi, PHCK và các loại giấy tờ có giá khác, HĐV qua thị trường tín dụng liên ngân hàng, cụ thể:

- HĐV dưới hình thức tiền gửi: Tiền gửi không kỳ hạn (Tiền gửi của các tổ

chức, cá nhân, các tổ chức tín dụng khác); Tiền gửi có kỳ hạn; Các loại tiền gửi khác. Đây là nguồn vốn huy động thường xuyên, được thực hiện qua các chủ thể tổ chức kinh tế, cá nhân, Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng, ngân hàng khác.

- HĐV dưới hình thức PHCK: phát hành cổ phiếu (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi); Phát hành trái phiếu (trái phiếu trong nước, trái phiếu quốc tế). Ngoài cổ phiếu và trái phiếu, ngân hàng có thể HĐV dưới các loại giấy tờ có giá khác như là các kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngân hàng...

- HĐV dưới hình thức vay từ các tổ chức tín dụng khác tại VN và các tổ chức tín dụng nước ngoài, đi vay của NHNN và HĐV bằng các hình thức khác theo quy định của NHNN.

Nguồn vốn mà các ngân hàng huy động phải gắn với mục đích nhất định của các ngân hàng. Việc thực hiện HĐV dưới các hình thức huy động khác nhau, ngân hàng cần có kế hoạch huy động cụ thể, xác định rõ các nội dung như: quy mô vốn cần huy động, loại hình huy động, đối tượng huy động, thời hạn huy động, thời gian phát hành, lãi suất, cách thức trả lãi và nợ gốc... HĐV dưới hình thức PHCK không được triển khai thường xuyên như huy động tiền gửi. Tuy vậy, khi ngân hàng HĐV dưới hình thức PHCK sẽ thu hút được nguồn vốn lớn trong thời gian ngắn, từ đó làm tăng vốn điều lệ, tăng quy mô vốn để thực hiện một chiến lược kinh doanh của ngân hàng giúp ngân hàng ngày càng tăng trưởng và phát triển.

Trong quá trình HĐV qua PHCK, ngoài việc phải chấp hành quy định chung của các cơ quan QLNN về PHCK, NHTMCP còn phải chấp hành các quy định của NHNN về tỉ lệ an toàn vốn, về tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu của NĐT nước ngoài,... Các ngân hàng đảm bảo tỉ lệ an toàn vốn sẽ giúp ngân hàng quản trị rủi ro tốt hơn. Theo thông lệ quốc tế, tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHTM là 8%, tỉ lệ cổ phần NĐT nước ngoài được phép nắm giữ tối đa tùy thuộc vào chính sách của từng quốc gia.

2.1.2. Các loại chứng khoán do ngân hàng thương mại cổ phần phát hành

Cũng giống như các công ty cổ phần khác, NHTMCP thường phát hành cổ phiếu và phát hành trái phiếu để HĐV.

- Cổ phiếu

Luật CK số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2000 đã nêu “Cổ phiếu là loại CK xác

nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành”.

Đặc điểm của cổ phiếu: Cổ phiếu là tài sản có thực, xác nhận quyền sở hữu tài sản và vốn của công ty cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phải ký gửi tại công ty CK hoặc Trung tâm lưu ký CK nhằm mục đích đảm bảo an toàn cho giá trị cổ phiếu; Cổ phiếu là một loại CK vĩnh viễn, thời hạn cổ phiếu gắn với thời hạn hoạt động của ngân hàng đã phát hành ra nó.

Cổ phiếu được phép phát hành (được quyền chào bán). Ngân hàng phát hành phải đăng ký tổng số cổ phiếu của ngân hàng, số cổ phiếu này được ghi trong điều lệ của ngân hàng, thể hiện tổng số cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để HĐV. Trường hợp số cổ phiếu được phép phát hành có sự thay đổi thì được Đại hội đồng cổ đông tán thành và phải sửa đổi điều lệ của công ty.

Cổ phiếu đã phát hành: Đây là số cổ phiếu đã được NĐT thanh toán đầy đủ và những thông tin về người sở hữu được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Số lượng cổ phiếu đã phát hành phải nhỏ hơn hoặc bằng số lượng cổ phiếu được phép phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu đã được phát hành bởi NHTMCP và mua lại bởi chính NHTMCP phát hành đó bằng nguồn vốn hợp pháp. Số cổ phiếu này được giao dịch trên thị trường khi cần thiết với những mục đích như bán khi giá tăng, làm tăng giá thị trường, điều chỉnh tránh sự thâm hụt công ty.

Cổ phiếu đang lưu hành là số cổ phiếu đã được phát hành và đang được cổ đông nắm giữ, số cổ phiếu này là tổng số cổ phiếu đã phát hành trừ số cổ phiếu quỹ.

Đối với các NHTMCP, nguồn vốn huy động bằng phát hành cổ phiếu là một nguồn vốn đặc biệt quan trọng. Ngân hàng phát hành cổ phiếu ra công chúng để HĐV khi thành lập ngân hàng và trong quá trình hoạt động có nhu cầu tăng vốn ngân hàng có thể phát hành thêm số phiếu mới. Khi phát hành cổ phiếu lần đầu hay cổ phiếu mới, ngoài việc phải chấp hành các quy định của cơ quan QLNN về TTCK như các công ty cổ phần phi ngân hàng NHTMCP còn phải tuân thủ các quy định của ngân hàng trung ương hoặc NHNN về HĐV.

- Trái phiếu

Luật CK số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 đã nêu “Trái phiếu là loại CK xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành”.

Đặc điểm của trái phiếu:

Trái phiếu có mệnh giá (giá trị danh nghĩa): Mệnh giá trái phiếu được ghi trên bề mặt của trái phiếu ở dạng chứng chỉ và được coi là số vốn gốc, giá trị này là căn cứ để xác định số lợi tức tiền vay mà người phát hành phải trả. Ở VN, mệnh giá là 100.000 đồng hoặc bội số 100.000 đồng, ở Mỹ mệnh giá khoảng từ 50 đô la đến 10.000 đô la, giá phát hành là giá bán ra của trái phiếu tại thời điểm phát hành, có thể lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng mệnh giá tùy vào diễn biến của thị trường.

Trái phiếu có thời hạn: thời hạn của trái phiếu là khoảng thời gian từ ngày phát hành đến ngày tổ chức phát hành hoàn trả vốn gốc khi đáo hạn, thời hạn được ghi trên bề mặt của trái phiếu. Thời hạn trái phiếu ảnh hưởng trực tiếp đến giá, lợi tức và rủi ro trái phiếu.

Trái phiếu có quy định lãi suất danh nghĩa, lãi suất danh nghĩa được xác định theo tỷ lệ phần trăm với mệnh giá của trái phiếu. Trái chủ được hưởng quyền lợi nhất định từ chủ thể phát hành với tư cách là người cho vay. Các quyền lợi trái chủ được hưởng: lợi tức từ trái phiếu, được hoàn vốn đúng hạn hay trước hạn, được quyền bán, chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố, được thanh toán trước các cổ phiếu khi công ty thanh lý, giải thể.

NHTM khi có nhu cầu HĐV với số lượng lớn có thể phát hành trái phiếu trung và dài hạn. Các loại trái phiếu ngân hàng phát hành là trái phiếu không ghi danh và trái phiếu ghi danh. Thời hạn trái phiếu các NHTMCP phát hành tùy thuộc vào phương án sử dụng vốn của từng ngân hàng, thời hạn của trái phiếu thông thường trên 1 năm. Thời hạn phát hành trái phiếu và thời hạn đáo hạn của trái phiếu được ghi trên trái phiếu. Trên cơ sở việc cung ứng vốn và nhu cầu vốn trên thị trường và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, các NHTMCP đưa ra tỷ lệ lãi suất của trái phiếu. Người mua trái phiếu có thể chọn một trong các cách để nhận lãi suất của trái phiếu là nhận lãi trước hay lãi sau hoặc có thể nhận lãi định kỳ. NHTMCP muốn được

phép phát hành trái phiếu, NHTMCP cần phải đáp ứng đủ các điều kiện về PHCK lần đầu ra công chúng theo quy định của nhà nước.

NHTMCP có nhiều lợi thế hơn các doanh nghiệp trong việc PHCK để HĐV, nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu là nguồn vốn có tính ổn định cao. Do đó, các NHTMCP có thể tăng cường huy động nguồn vốn này nhằm chủ động tạo được một khối lượng vốn một cách nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu vốn cần thiết cho đầu tư.

2.1.3. Các phương thức phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần

2.1.3.1. Chào bán ra công chúng

a. Khái niệm, đặc điểm, điều kiện và hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng

- Khái niệm: Theo luật CK năm 2010 ở VN “Chào bán CK ra công chúng là phương thức phát hành rộng rãi các CK có thể chuyển nhượng được cho công chúng (cho số lượng NĐT lớn hoặc không thể xác định được số lượng NĐT) với các điều kiện và thời gian như nhau”.

Hình thức chào bán CK ra công chúng bao gồm chào bán CK lần đầu ra công chúng, chào bán thêm CK hoặc quyền mua CK ra công chúng và các hình thức khác. Chào bán CK ra công chúng được thực hiện bởi các phương thức đó là phát hành trực tiếp (tự phát hành), chào bán qua bảo lãnh phát hành và chào bán qua đầu thầu.

Các công ty cổ phần thuộc lĩnh vực phi tài chính, việc PHCK chủ yếu thực hiện dưới hình thức chào bán qua bảo lãnh phát hành và chào bán qua đầu thầu. Đối với NHTMCP, do đặc điểm mạng lưới hoạt động của NHTMCP rất rộng trong cả nước và ra cả nước ngoài, do vậy, ngoài PHCK qua các hình thức trên, NHTMCP còn tổ chức bán lẻ qua mạng lưới hệ thống chi nhánh hay phòng giao dịch của mình.

Việc chào bán CK ra công chúng phải được cơ quan QLNN về CK cấp giấy phép hoặc chấp thuận việc chào bán CK. Sau khi phát hành trên thị trường sơ cấp, CK sẽ được giao dịch tại sở giao dịch CK khi đã đáp ứng được các quy định về niêm yết CK của sở giao dịch CK. Tổ chức PHCK ra công chúng phải thực hiện chế độ báo cáo, CBTT công khai và chịu sự quản lý, giám sát riêng theo quy định của pháp luật về CK và TTCK.

- Đặc điểm của chào bán CK ra công chúng:

Chào bán CK ra công chúng được thực hiện sau khi ngân hàng phát hành đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động chào bán (ở VN là UBCKNN).

Để đảm bảo khả năng thành công của các đợt chào bán CK ra công chúng, ngân hàng phát hành thường lựa chọn đơn vị trung gian có kinh nghiệm và chuyên môn cao trong hoạt động chào bán và mở rộng phạm vi kêu gọi NĐT. Tổng giá trị của đợt chào bán CK phải đạt được khối lượng vốn nhất định đủ lớn giúp ngân hàng phát hành thực hiện được mục đích của đợt phát hành.

- Điều kiện chào bán CK ra công chúng

Ở Việt Nam, theo Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CK và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK quy định điều kiện chào bán CK ra công chúng như sau:

Đối với cổ phiếu: Vốn điều lệ trên giá trị sổ sách tại thời điểm đăng ký chào bán từ 10 tỷ đồng trở lên; Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đối với trái phiếu: Ngoài những quy định như cổ phiếu, tổ chức phát hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm, phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua, có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với NĐT về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT và các điều kiện khác.

- Hồ sơ chào bán CK ra công chúng

Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, bản cáo bạch (thông tin về tổ chức phát hành, thông tin về đợt chào bán cổ phiếu và tình hình hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính), điều lệ hoạt động, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và cam kết

đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch CK có tổ chức trong thời hạn một năm (đối với cổ phiếu chưa niêm yết, đăng ký giao dịch) kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, cam kết bảo lãnh phát hành, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất được xác nhận bởi tổ chức kiểm toán, văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán,...

Thông thường, hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của NHTMCP trình lên Ngân hàng trung ương hay NHNN đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng: Giấy đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của NHTMCP được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ nguồn phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cam kết thực hiện nghĩa vụ của NHTMCP đối với NĐT về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT và các điều kiện khác.

b. Quy trình phát hành

- Ngân hàng phát hành xây dựng kế hoạch HĐV qua PHCK.

Khi thực hiện hình thức huy động qua PHCK, ngân hàng cần xây dựng kế hoạch huy động cụ thể, xác định rõ các nội dung như: số lượng CK cần phát hành, mục đích phát hành, đối tượng phát hành, hình thức phát hành, thời hạn huy động, thời gian phát hành,...

- Tổ chức thực hiện kế hoạch HĐV qua PHCK

Để tiến hành PHCK ra công chúng, thông thường ngân hàng cần phải thực hiện những bước sau:

Bước 1: Ngân hàng phát hành chuẩn bị hồ sơ xin phép phát hành

+ Tổ chức đại hội cổ đông để xin ý kiến chấp thuận của đại hội cổ đông về việc PHCK ra công chúng, thống nhất mục đích HĐV, số lượng vốn cần huy động, chủng loại và số lượng CK dự định phát hành, cơ cấu vốn phát hành dự tính phân phối cho các đối tượng (Hội đồng quản trị, cổ động hiện tại...).

+ Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập ban chuẩn bị cho việc xin phép PHCK ra công chúng. Chức năng chủ yếu của ban chuẩn bị là chuẩn bị các hồ sơ xin

phép phát hành để nộp lên Ủy ban CK. Sau đó, lựa chọn NHTM khác để phong tỏa tài khoản, lựa chọn công ty kiểm toán và tổ chức tư vấn để cùng xây dựng phương án phát hành và dự thảo bản cáo bạch để cung cấp cho các NĐT.

+ Ban chuẩn bị, công ty kiểm toán tiến hành định giá CK phát hành. Định giá CK là khâu khó khăn nhất và phức tạp nhất khi tiến hành PHCK ra công chúng. Nếu định giá CK quá cao sẽ khó khăn trong việc bán CK, nếu định giá CK quá thấp sẽ làm thiệt hại cho ngân hàng phát hành. Vì thế, việc định giá CK một cách hợp lý sao cho người mua và người bán đều chấp nhận được là việc quan trọng của tổ chức phát hành.

+ Công ty kiểm toán xác nhận các báo cáo tài chính trong hồ sơ xin phép phát hành.

Bước 2: Ngân hàng phát hành nộp hồ sơ xin phép phát hành lên Ủy ban CK

Ngân hàng phát hành nộp hồ sơ lên Ủy ban CK xin xét duyệt hồ sơ xin phép phát hành và thực hiện việc sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu sau đó gửi bằng văn bản lên UBCKNN. Ngân hàng phát hành sẽ được trả lời về việc cấp phép hay từ chối cấp giấy phép trong một thời hạn nhất định kể từ ngày nộp hồ sơ xin phép phát hành đầy đủ và hợp lệ. Trong thời gian chờ Ủy ban CK xem xét hồ sơ, ngân hàng phát hành không được phép mời chào, quảng cáo, tiết lộ thông tin về giá cả CK hoặc triển vọng của ngân hàng phát hành nhưng có thể sử dụng nội dung trong bản cáo bạch sơ bộ để thăm dò thị trường.

Bước 3: Thông báo phát hành

Trong thời hạn nhất định, sau khi được cấp phép phát hành, ngân hàng phát hành thông báo phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời công bố ra công chúng bản cáo bạch chính thức và việc thực hiện việc phân phối CK trong một thời gian nhất định kể từ khi được cấp giấy phép. Thời hạn phân phối được qui định khác nhau đối với mỗi nước.

Bước 4: Chào bán và phân phối CK ra công chúng

Ngay khi nhận được giấy phép phát hành, ngân hàng phát hành phải gửi cho Ủy ban CK các tài liệu phục vụ cho việc phân phối, trong thời gian nhất định nếu Ủy ban CK không có ý kiến gì khác thì ngân hàng phát hành có thể chào bán CK ra công chúng.

Ngân hàng phát hành tiến hành đăng ký, lưu giữ, chuyển giao và thanh toán CK sau khi kết thúc đợt phân phối CK. Sau khi hoàn thành việc phân phối CK, ngân

hàng phát hành phải báo cáo kết quả đợt phát hành cho Ủy ban CK và tiến hành đăng ký vốn với cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp ngân hàng phát hành có đủ điều kiện niêm yết thì có thể làm đơn xin niêm yết gửi lên Ủy ban CK và Sở giao dịch CK nơi công ty niêm yết.

- Tổng kết, đánh giá kết quả HĐV qua PHCK

Quá trình PHCK kết thúc, ngân hàng tiến hành tổng kết số lượng CK phát hành, chi phí cho đợt phát hành, đánh giá kết quả HĐV với mức độ đạt được so với kế hoạch đề ra và tìm hiểu nguyên nhân nếu chưa đạt kết quả huy động như mong muốn nhằm rút kinh nghiệm cho các đợt phát hành tiếp theo.

c. Ưu và nhược điểm

- Ưu điểm

CK được phát hành ra công chúng có tính khả mại cao bởi các CK này sau khi phát hành sẽ được niêm yết và giao dịch trên TTCK tập trung nên NĐT nắm giữ có thể chuyển thành tiền nhanh chóng.

PHCK ra công chúng sẽ làm tăng uy tín của các ngân hàng, chất lượng và độ chính xác của các báo cáo của ngân hàng tăng lên bởi vì các báo cáo của ngân hàng phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn chung do cơ quan quản lý qui định. Do vậy, các ngân hàng có CK phát hành ra công chúng sẽ thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho hoạt động của mình và thu hút khách hàng đến giao dịch tại ngân hàng nhiều hơn.

Việc PHCK ra công chúng với sự tham gia của một số lượng lớn NĐT giúp ngân hàng bán được CK với mức giá hợp lý, đồng thời với sự tham gia của tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành sẽ đảm bảo việc huy động vốn của công ty được thành công.

- Nhược điểm

PHCK ra công chúng làm phân tán quyền sở hữu và có thể làm mất quyền kiểm soát ngân hàng của các cổ đông sáng lập.

Chi phí PHCK ra công chúng cao bao gồm các chi phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn pháp luật, chi phí in ấn, phí kiểm toán, chi phí niêm yết, chi phí kiểm toán báo cáo tài chính, chi phí cho việc chuẩn bị tài liệu nộp cho cơ quan QLNN về CK và chi phí CBTT định kỳ.

Đơn vị PHCK ra công chúng phải tuân thủ chế độ CBTT rộng rãi, nghiêm ngặt và chịu sự giám sát chặt chẽ hơn so với các đơn vị khác.

Đội ngũ cán bộ quản lý đơn vị phát hành phải chịu trách nhiệm trước công chúng, đồng thời việc chuyển nhượng vốn cổ phần thường bị hạn chế do quy định của pháp luật.

2.1.3.2. Chào bán riêng lẻ

a. Khái niệm, đặc điểm, điều kiện và hồ sơ chào bán chứng khoán riêng lẻ

- Khái niệm

Mỗi nước có thể có quy định khác nhau về chào bán riêng lẻ. Ở VN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK ngày 24/11/2010 đã nêu “Chào bán CK riêng lẻ là việc tổ chức chào bán CK cho dưới một trăm NĐT, không kể NĐT CK chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc Internet”.

- Đặc điểm của hoạt động chào bán CK riêng lẻ:

Chào bán CK riêng lẻ có phạm vi chào bán hẹp, việc chào bán cho một số lượng NĐT nhất định, số lượng CK chào bán có giới hạn và ít được công khai như chào bán CK ra công chúng. Pháp luật các nước quy định khác nhau về số lượng NĐT tối thiểu được chào bán trong mỗi đợt chào bán riêng lẻ.

Hoạt động chào bán CK riêng lẻ thường được các NHTMCP thực hiện khi cổ phần hóa ngân hàng hay chuyển đổi hình thức sở hữu ngân hàng. Các CK được chào bán riêng lẻ sẽ được chào bán trực tiếp cho cán bộ, công nhân viên chức trong ngân hàng và bán cho các NĐT bên ngoài.

- Hoạt động chào bán riêng lẻ được thực hiện theo quy định riêng, Ở VN, hoạt động chào bán riêng lẻ do nhiều văn bản pháp luật quy định tùy theo loại hình doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh (Luật doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan). Đối với NHTMCP, hoạt động chào bán riêng lẻ được điều chỉnh bởi luật các tổ chức tín dụng.

- Điều kiện chào bán CK riêng lẻ

Đối với cổ phiếu của tổ chức phát hành chưa đại chúng: Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; Đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và tỷ lệ an toàn theo Luật các Tổ chức tín dụng.

Đối với cổ phiếu của tổ chức phát hành đại chúng: Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ đối tượng, số lượng NĐT; Đáp ứng quy định khác theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng.

Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền: NHTMCP có thời gian hoạt động tối thiểu từ 1 năm kể từ ngày được cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật, có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định, đảm bảo tuân thủ giới hạn về số lượng NĐT khi phát hành, giao dịch trái phiếu, thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành trong 3 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng.

Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện như trái phiếu không chuyển đổi, NHTMCP phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài trong trường hợp thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua của chứng quyền, các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất sáu tháng, không được chuyển nhượng trong tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Đối với NHTMCP phát hành là công ty đại chúng ngoài việc đáp ứng điều kiện phát hành theo quy định như trên còn phải đáp ứng điều kiện chào bán CK riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định của Luật CK.

- Hồ sơ chào bán CK riêng lẻ

Đối với cổ phiếu của NHTMCP chưa đại chúng: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho NĐT (nếu có), tài liệu chứng minh đáp ứng tỷ lệ tham gia của NĐT nước ngoài và tuân thủ quy định về hình thức đầu tư trong trường hợp chào bán cho NĐT nước ngoài.

Đối với cổ phiếu của NHTMCP đại chúng: Ngoài các hồ sơ như ngân hàng chưa đại chúng, NHTMCP cần có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có) và hồ sơ, thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi.

Đối với trái phiếu: Phương án phát hành trái phiếu, Bản công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu, hợp đồng ký kết giữa công ty phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu (nếu có), báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán, kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với công ty phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có).

b. Quy trình phát hành

Thủ tục chào bán CK riêng lẻ thường đơn giản hơn so với thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng. Ngân hàng thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ thực hiện các bước sau:

Bước 1. Ngân hàng phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán CK riêng lẻ tới Ủy ban CK.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn nhất định kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có ý kiến bằng văn bản yêu cầu tổ chức phát hành bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Thời gian nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ được tính từ thời điểm tổ chức phát hành hoàn thành việc bổ sung, sửa đổi hồ sơ.

Bước 3. Trong thời hạn nhất định kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban CK thông báo cho tổ chức đăng ký và công bố trên trang thông tin điện tử về việc chào bán CK riêng lẻ của tổ chức đăng ký.

Bước 4. Trong khoảng thời gian nhất định kể từ khi hoàn thành đợt chào bán, tổ chức phát hành gửi báo cáo kết quả đợt chào bán theo mẫu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các CK được chào bán riêng lẻ có thể được chào bán thông qua nhiều phương thức khác nhau: bán trực tiếp, thông qua các đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành hoặc chào bán thông qua đấu giá, đấu thầu...

c. Ưu và nhược điểm

Chào bán CK riêng lẻ có những ưu điểm:

Thời gian phát hành nhanh, sau khi đơn vị chủ quản chấp thuận phương án phát hành thì các ngân hàng được phép triển khai phát hành ra thị trường và có thể kết thúc đợt phát hành trong một thời gian ngắn.

Hồ sơ, thủ tục phát hành riêng lẻ đơn giản: yêu cầu về hồ sơ được lập theo đúng quy định, yêu cầu mở tài khoản phong tỏa tiền thu được từ chào bán tại một ngân hàng khác, hay phải có báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán trước, hoặc phải thực hiện lưu ký trái phiếu nếu ngân hàng là công ty đại chúng, yêu cầu CBTT...

- Nhược điểm: Không chào bán rộng rãi ra công chúng, chỉ giới hạn trong phạm vi một số lượng NĐT nhất định; Khối lượng vốn huy động ít.

2.1.4. Ưu thế và bất lợi của việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán

2.1.4.1. Ưu thế và bất lợi của việc phát hành cổ phiếu

Ưu thế của việc phát hành cổ phiếu: phát hành cổ phiếu để HĐV giúp cho công ty có thể huy động nguồn vốn lớn, làm tăng thêm vốn tự có, không bị ràng buộc nghĩa vụ trả tiền lãi cố định và không cần phải chuẩn bị khoản tài chính lớn để trả cho người sở hữu cổ phiếu; Việc phát hành thêm cổ phiếu có thể làm tăng thêm uy tín của ngân hàng; Trong trường hợp nền kinh tế lạm phát, các loại cổ phiếu thường hấp dẫn hơn so trái phiếu.

Bất lợi của việc phát hành cổ phiếu: Quyền sở hữu bị chia nhỏ ra, chia sẻ quyền lực và thu nhập cho các cổ đông mới, các cổ đông có những ảnh hưởng nhất định đối ngân hàng; Quá trình phát hành cổ phiếu lần đầu tốn nhiều chi phí, các chi phí này là một phần của những rủi ro mà các chủ ngân hàng phải chịu trong quá trình chào bán cổ phiếu; Phải tuân thủ theo chế độ CBTT rộng rãi, nghiêm ngặt, chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan QLNN, thông tin được công bố rõ ràng ngoài có thể đưa ngân hàng vào chỗ bất lợi; Cán bộ quản lý công ty phát hành cổ phiếu phải chịu trách nhiệm trước cổ đông và công chúng về tình hình hoạt động của ngân hàng ảnh hưởng đến sự thay đổi giá cổ phiếu, đồng thời việc chuyển nhượng vốn cổ phần của các cán bộ này bị hạn chế.

2.1.4.2. Ưu thế và bất lợi của việc phát hành trái phiếu

Ưu thế của việc phát hành trái phiếu: Chi phí phát hành thấp, quyền kiểm soát và lợi nhuận của ngân hàng không bị chia sẻ cho trái chủ. Nguồn vốn huy động nhanh chóng

và lớn đáp ứng ngay nhu cầu vốn cho các công ty; Công ty chủ động sử dụng nguồn vốn trong thời gian dài nếu công ty phát hành trái phiếu kỳ hạn dài với lãi suất cố định;

Bất lợi của việc phát hành trái phiếu: Tính thanh khoản và độ minh bạch thấp; Phải trả lãi suất cố định, phải hoàn trả nợ khi đáo hạn.

Mỗi phương thức HĐV qua phát hành cổ phiếu và phát hành trái phiếu đều có những ưu, nhược điểm riêng. Chính vì vậy, các nhà quản lý ngân hàng phải cân nhắc, lựa chọn loại CK phát hành tùy chiến lược kinh doanh của ngân hàng, tùy thời điểm thích hợp để quyết định phương thức áp dụng tại một thời điểm xác định.

2.2. Quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần

2.2.1. Khái niệm, mục tiêu, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán

2.2.1.1. Khái niệm và đặc điểm

Nhà nước quản lý nền kinh tế là một xu hướng tất yếu, để nền kinh tế có hướng đi đúng và phát triển đòi hỏi phải có sự quản lý của nhà nước. Nhà nước tiến hành quản lý mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực quản lý kinh tế đối với nền kinh tế quốc dân.

GS.TS. Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Brou (giáo trình QLNN về kinh tế, 2008) đã nêu “QLNN về kinh tế là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước đã đặt ra trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế”.

Từ khái niệm QLNN về kinh tế, theo NCS có thể nêu khái niệm QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP như sau: “*QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước lên hoạt động PHCK của các NHTMCP nhằm quản lý, giám sát hoạt động PHCK của các NHTMCP để phát huy tốt hiệu quả huy động nguồn vốn cho các NHTMCP nói riêng và TTCK nói chung*”.

Căn cứ vào khái niệm này, có thể rút ra một số nhận xét:

- Chủ thể QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP là các

cơ quan nhà nước: Quốc hội là cơ quan lập pháp thông qua và ban hành Luật CK, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp,... tạo lập căn cứ pháp lý cho hoạt động quản lý của nhà nước; Chính phủ là cơ quan hành pháp ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành luật, quyết định cụ thể hóa các văn bản dưới luật và tổ chức các cơ quan QLNN về PHCK để thực hiện chức năng quản lý. Ở VN, UBCKNN, Bộ Tài chính, NHNN là cơ quan trực tiếp thay mặt Chính phủ thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP.

- Khách thể quản lý (chủ thể bị quản lý) đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP là các NHTMCP.

- Đối tượng quản lý hoạt động HĐV qua PHCK là các cổ phiếu và trái phiếu của các NHTMCP.

** Đặc điểm của QLNN đối với PHCK của NHTMCP*

Từ khái niệm trên, có thể rút ra được đặc điểm của QLNN đối với PHCK của NHTMCP, đó là:

- QLNN đối với PHCK của NHTMCP mang tính quyền lực đặc biệt, tính tổ chức cao và tính mệnh lệnh đơn phương của cơ quan QLNN đối với các ngân hàng PHCK của NHTMCP.

- QLNN đối với PHCK của NHTMCP mang tính tổ chức và điều chỉnh. Tính tổ chức là một khoa học về việc thiết lập những mối quan hệ giữa những con người nhằm thực hiện quá trình quản lý hoạt động PHCK của NHTMCP. Tính điều chỉnh được hiểu là nhà nước dựa vào các công cụ pháp luật để buộc các NHTMCP phải thực hiện theo quy luật xã hội khách quan nhằm đạt được sự cân bằng trong xã hội.

- QLNN đối với PHCK của NHTMCP mang tính khoa học, tính kế hoạch. Đặc trưng này đòi hỏi các cơ quan QLNN phải tổ chức các hoạt động quản lý đối với cổ phiếu và trái phiếu phải có một chương trình nhất quán, cụ thể và theo những kế hoạch được vạch ra từ trước trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học.

- QLNN đối với PHCK của NHTMCP là những tác động mang tính liên tục, và ổn định lên quá trình PHCK của các NHTMCP. Cùng với sự vận động biến đổi của cổ phiếu và trái phiếu, hoạt động QLNN phải diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị

gián đoạn. Các quyết định của nhà nước phải có tính ổn định, không được thay đổi quá nhanh. Tính ổn định các quyết định của nhà nước giúp cho các cơ quan QLNN có điều kiện toàn hoạt động quản lý của mình.

Ngoài những đặc điểm chung trên, so với QLNN về PHCK của các công ty cổ phần phi ngân hàng, xuất phát từ đặc điểm NHTM là loại hình doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, QLNN đối với PHCK của các NHTMCP còn có những điểm khác biệt sau:

- Về chủ thể quản lý: ngoài sự quản lý của UBCKNN, NHTMCP còn chịu sự quản lý của cơ quan chuyên ngành - NHNN hay ngân hàng trung ương (sự chấp thuận của NHNN hay ngân hàng trung ương về việc PHCK để tăng vốn điều lệ, về việc phát hành trái phiếu...). Vì vậy, nếu không có một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa hai cơ quan quản lý, việc PHCK của NHTM có thể gặp phải những khó khăn nhất định như: ý kiến của hai cơ quan không thống nhất, việc ra quyết định chấp nhận không kịp thời, kéo dài làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát hành của ngân hàng...

- Về nội dung quản lý: ngoài các nội dung quản lý của UBCKNN về PHCK đối với các công ty cổ phần phi ngân hàng, các cơ quan QLNN về PHCK của NHTMCP còn ban hành các quy định khác như: quy định về tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu, giới hạn vốn cấp 2, cơ cấu sở hữu, tỉ lệ cổ phần nắm giữ tối đa của NĐT nước ngoài..., và thường xuyên giám sát các NHTMCP trong việc chấp hành các quy định này để đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng và an ninh tài chính quốc gia.

2.2.1.2. Mục tiêu

Mục tiêu QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP nhằm đảm bảo hoạt động PHCK diễn ra hợp pháp, hợp thức để bảo vệ quyền lợi cho NĐT, phát huy tốt hiệu quả huy động nguồn vốn cho các NHTMCP nói riêng và mục tiêu phát triển TTCK nói chung.

QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- Tăng hàng hóa có chất lượng cho TTCK: Mục tiêu của QLNN đối với TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng là nhằm phát triển TTCK, tăng hàng hóa cho TTCK, đưa thị trường trở thành một trong những kênh quan trọng HĐV của NHTMCP góp phần vào việc phát triển kinh tế đất nước.

- Tăng cường vai trò, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với TTCK, đồng thời tăng cường sự chấp hành pháp luật của các ngân hàng trong hoạt động PHCK. Trong quá trình PHCK các NHTMCP phải có nghĩa vụ tuân thủ quy định về pháp luật CK, đôi khi vì lợi ích cá nhân mà các NHTMCP khi PHCK không tuân thủ các quy định của pháp luật. Do vậy, cơ quan QLNN cần đánh giá tình hình PHCK, phát hiện các hành vi gian lận để chấn chỉnh, xử lý kịp thời các NHTMCP vi phạm nhằm đảm bảo hoạt động PHCK có hiệu quả, đảm bảo an toàn cho hoạt động của các NHTMCP và toàn hệ thống ngân hàng.

- Đảm bảo sự trung thực trong quá trình phát hành, bảo vệ NĐT: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT không chỉ là mục tiêu mà còn là nguyên tắc hoạt động của TTCK, thể hiện vai trò của QLNN. Mọi chính sách, quy định, cơ chế hoạt động đều phải thể hiện trách nhiệm bảo vệ NĐT và mang tính quyết định đến sự phát triển của TTCK. Việc tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình thực tế của ngân hàng phát hành khó khăn đối với NĐT, đặc biệt là NĐT cá nhân. Vì vậy, thông tin mà các ngân hàng phát hành cung cấp phải đảm bảo tính công khai, chính xác, trung thực và minh bạch. Điều này, giúp NĐT xác định chính xác giá trị thực của CK để ra quyết định đầu tư đúng đắn. Thêm vào đó, bảo vệ NĐT cũng là một trong ba mục tiêu cơ bản mà Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK khuyến nghị cho mọi thị trường có tính tới yếu tố môi trường của từng quốc gia. Yêu cầu đặt ra đối với cơ quan QLNN là đảm bảo công bằng, tạo được sự tin cậy cho NĐT, từ đó tạo dựng môi trường đầu tư minh bạch.

- Đảm bảo hoạt động HDV của NHTMCP có hiệu quả: Để góp phần tạo ra hiệu quả trong hoạt động HDV của NHTMCP thì hoạt động QLNN phải đảm bảo việc cung cấp thông tin về CK phát hành được thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc định giá CK; đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động PHCK. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ và biện pháp quản lý để tác động, can thiệp vào thị trường cần có sự cân nhắc, tính toán cẩn trọng; tránh khuynh hướng sử dụng các biện pháp trái quy luật và can thiệp thô bạo bằng những biện pháp hành chính có thể đưa đến những hậu quả xấu cho các NHTMCP.

2.2.1.3. Phương pháp

GS.TS. Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Brou (giáo trình QLNN về kinh tế,

2008) đã nêu “Phương pháp quản lý kinh tế của Nhà nước là tổng thể những cách thức tác động có chủ đích và có thể có của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân và các bộ phận hợp thành của nó để thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế quốc dân.”

Trong mọi hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động PHCK của các NHTMCP nói riêng, Nhà nước quản lý bằng các phương pháp sau:

- Phương pháp hành chính trực tiếp: Nhà nước bằng các quyền lực của mình quy định các điều kiện bắt buộc đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP như các quy định về phát hành các loại CK, các quy định về xử lý tranh chấp, rủi ro của NĐT khi mua CK của các NHTMCP, cưỡng chế và xử lý vi phạm hành chính để nhằm đưa hành vi trái với quy định tuân thủ các quy định, chính sách, pháp luật về CK và TTCK.

Hướng tác động hiệu quả khi các cơ quan QLNN (Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN) có quyết định dứt khoát, rõ ràng, cụ thể về việc cấp phép phát hành đối với từng ngân hàng phát hành. Đồng thời, các quyết định hành chính phải có cơ sở khoa học, gắn liền với lợi ích về mặt kinh tế. Thêm vào đó, các quyết định hành chính phải gắn với quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị ra quyết định trên.

- Phương pháp kinh tế

Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động gián tiếp của Nhà nước, dựa trên những lợi ích kinh tế có tính hướng dẫn lên hoạt động PHCK dựa trên lợi ích kinh tế làm cho các NHTMCP tự giác, chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ hoạt động PHCK của mình. Để nâng cao tính tuân thủ đối với các NHTMCP khi PHCK cần có quy định mức phạt tương xứng khi các NHTMCP vi phạm trong quá trình PHCK, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động này ảnh hưởng xấu đến TTCK. Đây là phương pháp linh hoạt, mềm dẻo, mang tính tự giác cao. Trong QLNN đối với hoạt động PHCK sử dụng phương pháp kinh tế là phương pháp tốt nhất để nâng cao hiệu quả trong hoạt động PHCK của các NHTMCP.

- Phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là phương pháp tác động về mặt nhận thức, tư tưởng, tình cảm, trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển đất nước lên hoạt động PHCK của các NHTMCP thông qua các buổi thảo luận, hội thảo, chuyên đề,... để các NHTMCP tự giác, quyết tâm thực hiện hoạt động PHCK có hiệu quả theo luật định và định

hướng của Nhà nước.

2.2.1.4. Công cụ

Công cụ QLNN là tất cả mọi phương tiện mà chủ thể quản lý sử dụng để tác động lên đối tượng quản nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Pháp luật

Pháp luật là công cụ quan trọng của nhà nước để điều chỉnh tất cả các hoạt động, trong đó có hoạt động PHCK của các NHTMCP. Do vậy, Nhà nước cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo một trình tự pháp lý nhất định gồm có các văn bản luật và văn bản dưới luật. Để phát huy vai trò của công cụ pháp luật trong QLNN đối với hoạt động PHCK, cần đồng thời xây dựng và ban hành pháp luật và tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật. Chức năng của luật pháp là nhằm tạo tiền đề cho các quan hệ trong hoạt động phát hành được ổn định, tạo cơ chế pháp lý để thực hiện sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các NHTMCP và NĐT vào quá trình PHCK.

- Kế hoạch

Kế hoạch là một hệ thống bao gồm quá trình xây dựng, quán triệt, chấp hành và giám sát, kiểm tra hoạt động PHCK của các NHTMCP, bao gồm:

Chiến lược phát triển TTCK, chiến lược phát triển hệ thống NHTMCP được thực hiện trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm. Các chiến lược này là đường lối chung tổng quát và giải pháp chủ yếu tổng thể để phát triển hoạt động của NHTMCP và hoạt động của TTCK.

Kế hoạch trung hạn là phương tiện để cụ thể hóa các mục tiêu và các giải pháp đã được lựa chọn trong chiến lược. Kế hoạch hằng năm là sự cụ thể hóa của kế hoạch trung hạn, được xây dựng căn cứ vào mục tiêu, định hướng, chiến lược, phương pháp, nhiệm vụ và kết quả của quá trình HĐV qua PHCK. Kế hoạch HĐV được xác định một cách đồng bộ các mục tiêu cần đạt được, các bước công việc phải tiến hành, các nguồn lực cần huy động để thực hiện mục đích HĐV.

- Chính sách

Chính sách là một trong các công cụ chủ yếu và quan trọng mà Nhà nước sử dụng để thực hiện chức năng quản lý kinh tế- xã hội của mình. Chính sách phát triển

TTCK cụ thể là tập hợp các giải pháp nhất định để thực hiện các mục tiêu của TTCK trong quá trình hướng tới đạt mục tiêu chung của sự phát triển nền kinh tế quốc dân và phát triển xã hội. Trong quá trình hình thành và phát triển TTCK trong nền kinh tế thị trường với việc gia nhập các tổ chức quốc tế đòi hỏi Chính phủ phải đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển TTCK, trong đó đặc biệt quan trọng là chính sách cho các ngân hàng PHCK bởi TTCK là nơi thu hút vốn đầu tư nhanh nhất cho nền kinh tế.

Chính sách tài chính, tiền tệ của nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng; Chính sách tài chính tiền tệ của nhà nước tạo nên môi trường không phù hợp dẫn đến rối loạn thị trường phát hành, rối loạn TTCK, dẫn đến khủng hoảng thị trường tài chính, khủng hoảng kinh tế.

2.2.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại

2.2.2.1. Xây dựng khung pháp lý về phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần

Văn bản pháp lý là yếu tố rất quan trọng quyết định sự thành công của hoạt động quản lý bởi quản lý ở bất kỳ hoạt động nào đều phải thông qua luật pháp. Chất lượng của công tác QLNN đối với các hoạt động trong nền kinh tế - xã hội nói chung và đối với hoạt động PHCK nói riêng phụ thuộc vào năng lực hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thiếu công cụ pháp chế hiệu quả thì việc phát hiện, xử lý và cưỡng chế thực thi các hành vi vi phạm và lạm dụng thị trường đều vô hiệu. Việc xây dựng các văn bản pháp lý chặt chẽ, đầy đủ và nhất quán cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các chủ thể trong nền kinh tế cũng góp phần làm tăng chất lượng công tác QLNN. Một khung pháp lý hoàn chỉnh bao gồm: (1) Các văn bản pháp quy làm căn cứ thực hiện quản lý, qui định chi tiết về PHCK, điều kiện phát hành, nguyên tắc phát hành,...; (2) Các văn bản pháp quy điều chỉnh trực tiếp hoạt động quản lý PHCK, qui định cụ thể về các chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và quy trình thủ tục thực hiện công tác quản lý giám sát cũng như trách nhiệm của các bên liên quan...; (3) Các văn bản pháp quy ban hành chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động PHCK, NHTMCP phát hành, các tổ chức tư vấn phát

hành, công ty kiểm toán,...

Nhằm tạo lập hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động PHCK của các NHTMCP, các cơ quan QLNN đã ban hành các văn bản, đề ra các chính sách cơ bản để hướng dẫn hoạt động, quy định các điều kiện được phát hành như công bố công khai thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động kinh doanh của ngân hàng phát hành để đảm bảo quyền lợi của các NĐT trong và ngoài nước.

2.2.2.2. Xây dựng mô hình và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần

** Mô hình tổ chức QLNN đối với hoạt động PHCK*

Mô hình tổ chức về QLNN đối với hoạt động PHCK của mỗi quốc gia được xây dựng dựa trên cơ sở kinh tế, xã hội và sự phát triển TTCK của các quốc gia đó. Các mô hình tổ chức về QLNN đối với hoạt động PHCK mà các quốc gia trên thế giới hiện nay đang áp dụng:

Mô hình trực thuộc: Theo mô hình tổ chức này thì các cơ quan quản lý về PHCK được tổ chức thành một Vụ hay Cục trực thuộc các Bộ. Giai đoạn đầu khi hình thành TTCK, hầu hết các nước Đông Nam Á đều áp dụng nhưng đến nay không còn duy trì theo mô hình này. Do bởi, sự phối hợp giữa Ủy ban CK với các Bộ hạn chế, quá trình ban hành các văn bản, thủ tục ra các quyết định mất nhiều thời gian, lệ thuộc nhiều vào Bộ chủ quản.

Mô hình độc lập tương đối: Theo mô hình tổ chức này thì các cơ quan quản lý về PHCK được tổ chức thành một Hội đồng tương đối độc lập, trong đó có các đại diện của các Bộ, ngành có liên quan, có trách nhiệm báo cáo lên bộ trưởng các Bộ. Hoạt động của Hội đồng này được thực hiện theo cách là bỏ phiếu, mỗi người trong Hội đồng là đại diện cho một lá phiếu. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc một người trong Chính phủ được đề cử để trực tiếp quản lý các hoạt động của Hội đồng. Ủy ban CK là một văn phòng trực thuộc sự quản lý của Hội đồng thực hiện hoạt động chuyên trách về các vấn đề liên quan về CK và TTCK, đứng đầu văn phòng Ủy ban CK là một thành viên của Hội đồng. Mô hình độc lập tương đối này có nhiều ưu điểm: sự phối hợp giữa các Bộ, ngành có liên quan thuận lợi; các quyết định được đưa ra đều được tổng hợp ý kiến từ các Bộ, ngành nên mang tính khách quan; Ủy ban

CK điều hành hoạt động liên quan đến CK và TTCK rất chuyên nghiệp. Tuy nhiên, mô hình này còn hạn chế: mối liên hệ giữa các thành viên dưới Hội đồng không chặt chẽ do hoạt động của Hội đồng không thường xuyên nên việc đưa ra các quyết định không kịp thời; thành viên của Hội đồng thực hiện công tác kiêm nhiệm Ủy ban CK nên không thể dành toàn bộ khả năng của mình để quản lý và điều hành các hoạt động liên quan đến CK và TTCK.

Mô hình độc lập hoàn toàn: Mô hình này giống như mô hình tương đối độc lập nhưng Hội đồng độc lập hoàn toàn với các cơ quan khác của Chính phủ. Ủy ban CK được điều hành bởi một Hội đồng, báo cáo trực tiếp lên cấp trên. Thủ tướng hay Tổng thống thông qua Quốc hội bổ nhiệm các thành viên Hội đồng bằng cách bỏ phiếu tín nhiệm, các thành viên Hội đồng quản lý và điều hành Ủy ban CK theo nhiệm kỳ. Mô hình này được các nước như Mỹ, Đức, Pháp, Ba Lan áp dụng do có nhiều ưu điểm là thẩm quyền ra quyết định mang tính hiệu lực cao, chủ động ban hành các văn bản pháp lý và kịp thời giải quyết những phát sinh trong hoạt động quản lý và giám sát mà không phải thông qua các Bộ, ngành khác. Tuy nhiên, nếu bộ máy quản lý Hội đồng này không đủ mạnh thì khó có sự phối hợp hiệu quả với các Bộ, ngành có liên quan.

Trong các mô hình trên thì mô hình độc lập hoàn toàn là có nhiều ưu điểm nhất, tiên tiến nhất với tính chuyên môn hóa cao, mang lại hiệu quả nhất trong việc quản lý hoạt động PHCK nói riêng và sự phát triển TTCK nói chung.

* Tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK

Như đã trình bày ở phần đặc điểm của QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP, do kinh doanh tiền tệ là lĩnh vực hoạt động rất nhạy cảm với các biến động của nền kinh tế, và ngược lại, hoạt động PHCK của NHTMCP cũng có tác động đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội. Vì vậy, hoạt động PHCK của NHTMCP thông thường chịu sự quản lý của hai cơ quan QLNN chuyên ngành, đó là: UBCKNN và NHNN hay Ngân hàng trung ương.

Trong quá trình QLNN đối với hoạt động PHCK đòi hỏi phải có sự thống nhất quản lý giữa các cơ quan QLNN, cơ quan QLNN cao nhất phải có sự phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp quản lý trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Việc ban hành văn bản phối hợp giữa các cơ quan QLNN là cần thiết cho việc thực thi nhiệm vụ của mỗi cơ quan QLNN, không nên phân quyền một cách cứng nhắc, luôn tạo độ mở và sự linh hoạt để đạt được sự thống nhất trong quá trình thực hiện quyền lực quản lý. Từ đó, chính sự phối hợp sẽ tạo nên sự bảo đảm cho các cơ quan QLNN đối với hoạt động PHCK thực hiện được đầy đủ, hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2.2.2.3. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần

** Quản lý cấp phép PHCK*

Các NHTMCP phải nộp hồ sơ tăng vốn qua PHCK đến NHNN hay Ngân hàng trung ương khi HDV qua phát hành trái phiếu riêng lẻ, trong khoảng thời gian nhất định NHNN hay Ngân hàng trung ương sẽ có văn bản chấp thuận hay không chấp thuận về việc tăng vốn của ngân hàng và ra quyết định điều chỉnh mức vốn điều lệ của NHTMCP. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, cổ phiếu riêng lẻ, các NHTMCP phải đăng ký, gửi hồ sơ xin phép PHCK tới UBCKNN. Hồ sơ đăng ký PHCK phải đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của Luật CK như giấy đăng ký phát hành, bản cáo bạch, thông tin về đợt phát hành (phương thức phát hành, mô tả loại CK đăng ký phát hành,...) thông tin về tình hình tài chính, các vấn đề về hoạt động kinh doanh và công bố thông tin,... Trong quá trình sử dụng vốn qua các đợt phát hành, các thông tin trên phải cung cấp đầy đủ và trung thực cho NĐT nhằm bảo vệ NĐT.

Khi nhận được hồ sơ đăng ký PHCK ra công chúng của các NHTMCP, Ủy ban CK sẽ xem xét tính đầy đủ, hợp lệ các loại giấy tờ sẽ cấp phép phát hành. Trường hợp hồ sơ thiếu sót, yêu cầu sửa đổi, bổ sung, nếu không đúng yêu cầu Ủy ban CK không cấp phép phát hành.

Sau khi được sự chấp thuận PHCK của Ủy ban CK, NHTMCP phải CBTT về đợt phát hành trên một tờ báo được chỉ định. NHTMCP sẽ phân phối CK ra công chúng hoặc phân phối cho NĐT tùy vào phương thức phát hành ra công chúng hay phát hành riêng lẻ, việc phân phối phải công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua CK cho NĐT, tiền mua CK phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa

mở tại ngân hàng được chỉ định. Nếu việc phân phối CK không đảm bảo thời gian quy định thì NHTMCP trình lên UBCKNN xem xét gia hạn.

Sau đợt PHCK, NHTMCP thực hiện việc báo cáo với UBCKNN về kết quả của đợt PHCK trong phạm vi thời gian cho phép, đồng thời gửi bản xác nhận của ngân hàng nơi NHTMCP mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán. Tiếp đến, NHTMCP chuyển giao CK hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu CK cho NĐT.

*** Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về PHCK**

Thanh tra, giám sát là công cụ quan trọng để cơ quan quản lý phát hiện ra những sai sót và có biện pháp điều chỉnh. Đồng thời, thông qua kiểm tra các hoạt động làm cho các hoạt động thực hiện tốt hơn và giảm bớt những sai sót có thể phát sinh. Dựa trên các quy định đã ban hành, cơ quan QLNN giám sát hoạt động phát hành nhằm đảm bảo hoạt động phát hành được công khai, minh bạch và có hiệu quả.

NHNN hay Ngân hàng trung ương thanh tra, giám sát quá trình PHCK để HĐV thông qua việc yêu cầu các NHTMCP tuân thủ quy định về tăng vốn điều lệ, các NHTMCP báo cáo định kì trong năm tài chính nhằm giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động của các NHTM, đảm bảo an toàn vốn trong hệ thống ngân hàng. Quá trình quản lý của NHNN hay Ngân hàng trung ương giúp phát hiện những vấn đề bất ổn trong hoạt động PHCK của các NHTMCP, đưa cảnh báo về những rủi ro, từ đó các NHTMCP có các biện pháp xử lý kịp thời. Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc NHNN hay Ngân hàng trung ương và là đầu mối tiếp nhận báo cáo từ các NHTMCP, tổng hợp và trình Thống đốc NHNN hay Ngân hàng trung ương xem xét.

Ủy ban CK thực hiện thanh tra, giám sát quá trình PHCK của các NHTMCP thông qua việc tuân thủ các quy định về PHCK. Cơ quan thanh tra, giám sát thuộc Ủy ban CK tiến hành kiểm tra quy trình, thủ tục cấp phép phát hành, kiểm tra tính xác thực của hồ sơ xin cấp phép phát hành, giám sát quá trình sử dụng vốn sau phát hành, đồng thời kiểm tra tính kịp thời của quá trình CBTT trong từng đợt phát hành. Trên cơ sở đó, cơ quan thanh tra, giám sát sẽ báo cáo Ủy ban CK và đề xuất các biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần và các nhân tố ảnh hưởng

2.3.1. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần

Việc xác định các tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP là quan trọng và cần thiết. Dựa trên bộ tiêu chí mà Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK đã xây dựng để đánh giá hoạt động của TTCK và căn cứ vào điều kiện cụ thể ở VN, NCS nhận thấy để đánh giá công tác QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP cần có hệ thống các tiêu chí sau:

2.3.1.1. Các tiêu chí định tính

Trong định hướng phát triển và chiến lược HDV qua PHCK của các NHTMCP, cơ quan QLNN phải xác định rõ ràng để định hướng, xây dựng và thực thi chính sách quản lý. Nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý, các chỉ tiêu đánh giá hệ thống quản lý cần được xây dựng trên cơ sở biểu hiện cụ thể của các mục tiêu quản lý đã được lựa chọn. Có thể đánh giá chính sách QLNN đối với hoạt động PHCK thông qua các tiêu chí định tính sau:

- Tính phù hợp và đồng bộ của chính sách;

Chính sách QLNN phải xuất phát từ những phát sinh thực tế, những bất cập trong hoạt động HDV qua PHCK, sau đó hoàn thiện chính sách để giải quyết những bất cập này. Tùy tình hình thực tế, môi trường trong nước và thông lệ quốc tế, các cơ quan QLNN phải xây dựng hệ thống chính sách QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK cho phù hợp.

Các luật, bộ luật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PHCK phải được triển khai đồng bộ và thống nhất, loại bỏ những mâu thuẫn, chồng chéo và trùng lặp. Điều này sẽ giúp các NHTMCP thuận lợi trong quá trình thực hiện hoạt động PHCK của mình.

- Sự công khai, minh bạch và độ mở của chính sách;

Để có được một chính sách tốt, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, các NHTMCP tuân thủ theo hệ thống chính sách có sự công khai, minh bạch và độ mở của chính sách. Tính minh bạch được thể hiện qua sự công khai của chính sách, tính chính xác

của nội dung chính sách, đảm bảo rằng các NHTMCP dễ dàng tiếp cận các quy định của chính sách. Để có được một hệ thống chính sách hoàn chỉnh thì mục đích của các cơ quan ban hành chính sách phải rõ ràng.

Công khai, minh bạch trong thực thi các quy định sẽ hạn chế tiêu cực, tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan QLNN, các NHTMCP. Khi xây dựng một hệ thống chính sách nào đó cần chú ý độ mở của chính sách nhằm tạo động lực cho các NHTMCP thực hiện hoạt động PHCK.

- Tính hiệu lực và hiệu quả

Tính hiệu lực được đo bằng mức độ hiệu quả các hoạt động QLNN đạt được mục tiêu đề ra. Tính hiệu lực được thể hiện ở sự tuân thủ các quy định pháp luật của các đối tượng áp dụng, nội dung của chính sách có khả năng dự báo được khả năng tuân thủ, tạo ra lợi ích của các bên, đảm bảo tính bền vững.

Tính hiệu quả của chính sách là khả năng làm cho các nguồn lực phát huy được hiệu suất cao nhất. Để đánh giá tính hiệu quả cần phải đạt được với khả năng tạo ra lợi ích từ việc QLNN đối với hoạt động HDV từ PHCK nhiều nhất và chi phí bỏ ra cho quá trình này là thấp nhất.

- Vị thế và thẩm quyền của cơ quan quản lý

Tiêu chí đánh giá một cơ quan quản lý hiệu quả chủ yếu dựa vào vị thế và thẩm quyền của cơ quan đó có được. Vị thế cơ quan quản lý phải độc lập nhất định, mức độ độc lập của cơ quan quản lý, thể hiện ở các mặt sau: Trách nhiệm của cơ quan quản lý cần được xác định rõ ràng và được quy định khách quan, có vị thế độc lập trong hoạt động và chịu trách nhiệm trong thực hiện chức năng và thẩm quyền của mình. Theo đó, cơ quan quản lý không chịu tác động về mặt chính trị và thương mại từ bên ngoài, nguồn tài chính của cơ quan quản lý càng ổn định thì tính độc lập càng được tăng cường; Cơ quan quản lý cần có đầy đủ thẩm quyền, các nguồn lực cần thiết và năng lực để thực hiện các chức năng và thẩm quyền của mình; Cơ quan quản lý cần áp dụng các quy trình quản lý thống nhất, rõ ràng. Ngoài ra, cơ quan quản lý cần có đội ngũ cán bộ và nhân viên phải đạt được các chuẩn mực nghề nghiệp cao nhất.

2.3.1.2. Các tiêu chí định lượng

- Số lượng CK được cấp phép phát hành/số lượng CK đăng kí phát hành của các NHTMCP.

Số lượng cổ phiếu, trái phiếu được cấp phép phát hành là số lượng cổ phiếu, trái phiếu tối đa mà NHTMCP có thể phát hành từ khi thành lập ngân hàng hay phát hành trong suốt quá trình hoạt động. Trên cơ sở số lượng cổ phiếu xin cấp phép phát hành, Ủy ban CK dựa vào việc đáp ứng đủ điều kiện cấp phép sẽ cho phép phát hành đúng hoặc thấp hơn số lượng cổ phiếu, trái phiếu xin phép phát hành.

Giá trị thị trường của cổ phiếu, trái phiếu được cấp phép phát hành là giá trị hiện tại của cổ phiếu trái phiếu được cấp phép phát hành được xác định bởi quan hệ cung - cầu trên thị trường. Giá trị thị trường của cổ phiếu, trái phiếu giúp xác định được giá trị nguồn vốn huy động được từ việc PHCK tại một thời điểm xác định.

Chỉ tiêu Số lượng CK được cấp phép phát hành/Số lượng CK đăng kí phát hành của các NHTMCP cho biết trong tổng số CK đăng kí phát hành có bao nhiêu CK được phép phát hành.

- Số lượng NHTMCP chấp hành đúng quy định về báo cáo/Số lượng NHTMCP có nghĩa vụ báo cáo.

Sau các đợt PHCK các NHTMCP phải báo cáo về tình hình sử dụng vốn đối với từng đợt phát hành. Chỉ tiêu Số lượng NHTMCP chấp hành đúng quy định về báo cáo định kì/Số NHTMCP có nghĩa vụ báo cáo trong năm cho biết trong tổng số NHTMCP có nghĩa vụ báo cáo trong năm thì có bao nhiêu ngân hàng NHTMCP chấp hành đúng quy định về báo cáo.

- Số lượt cổ phiếu, trái phiếu được cấp phép phát hành là số lần mà các NHTMCP được Ủy ban CK cấp phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra thị trường trong khoảng thời gian xác định (năm).

- Số lượng các NHTMCP vi phạm pháp luật về phát hành CK bị phát hiện và số lần vi phạm của một ngân hàng trong năm.

- Giá trị phạt vi phạm trong PHCK trên năm là số tiền mà các NHTMCP bị phạt do vi phạm các quy định về PHCK trong năm hay trong một lần vi phạm.

2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần

Trong quá trình thực thi QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP chịu tác động từ nhiều nhân tố, trong khuôn khổ của luận án, tác giả đưa ra 3 nhóm

nhân tố sau:

2.3.2.1. Nhân tố thuộc về chủ thể quản lý

- Năng lực nhận thức và quản lý của chủ thể quản lý

Mô hình tổ chức quản lý, cơ chế chính sách và các qui định về hoạt động PHCK chịu ảnh hưởng bởi mức độ nhận thức, năng lực quản lý, tổ chức của các cơ quan QLNN. Trên cơ sở đó, cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện các chức năng quản lý của mình đối với công tác phát hành. Sự phối kết hợp giữa các Bộ, ngành trong QLNN đối với hoạt động PHCK là nhân tố quan trọng quyết định đến chất lượng và hiệu quả PHCK của các NHTMCP. Trình độ và kinh nghiệm của đội ngũ quản lý trong lĩnh vực CK và TTCK, trong các bộ phận liên quan đến việc tiếp nhận hồ sơ PHCK, nghiệp vụ PHCK, tư vấn phát hành tốt thì công tác QLNN đối với hoạt động này tốt. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong quản lý sẽ ảnh hưởng tích cực đến chất lượng và hiệu quả PHCK.

- Trách nhiệm của các cơ quan QLNN

Cơ quan QLNN có chức năng điều hành hoạt động PHCK trên cơ sở chấp hành và thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, hoạt động mang tính chuyên nghiệp. Các cơ quan QLNN phải đảm bảo làm tròn những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao, nếu kết quả không tốt, không chỉ các cơ quan QLNN phải gánh chịu hậu quả mà toàn bộ nền kinh tế - xã hội cũng phải chịu ảnh hưởng. Chính phủ đã giao quyền QLNN cho các cơ quan quản lý như Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN,... thì các cơ quan QLNN này phải thực hiện hoạt động quản lý phù hợp với quy định của pháp luật, lựa chọn phương án triển khai cho các NHTMCP và các đơn vị khác có liên quan đến hoạt động PHCK hợp lý và tối ưu nhất sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong khuôn khổ pháp luật cho các NHTMCP thực hiện PHCK hiệu quả. Ngược lại, các cơ quan QLNN thiếu trách nhiệm, sử dụng các phương pháp quản lý và công cụ quản lý không phù hợp sẽ hạn chế quá trình PHCK của các NHTMCP. Điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của từng ngân hàng, ảnh hưởng đến toàn hệ thống ngân hàng và đến nền kinh tế.

- Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN

Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN là cách thức tổ chức thực

hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước được quy định trong các quy phạm pháp luật hành chính từ quy trình đến nội dung tiến hành hoạt động PHCK.

Thủ tục hành chính pháp lý phải linh hoạt nhằm tạo ra quy trình hợp lý để hoạt động PHCK để các NHTMCP thực hiện một cách dễ dàng đồng thời nâng cao năng lực, hiệu quả QLNN. Quy trình quản lý động PHCK hợp lý sẽ tạo ra sự hài hòa, thống nhất trong bộ máy QLNN, rút ngắn thời gian thực hiện công việc, tạo ra hiệu quả kinh tế cho các NHTMCP khi thực hiện PHCK. Ngược lại, quy trình quản lý động PHCK không hợp lý, rườm rà phức tạp gây trở ngại cho việc thực hiện công việc. Nội dung quản lý hoạt động PHCK từ việc ban hành các quy định, cấp phép phát hành, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đến việc phối hợp trong quản lý PHCK phải được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ nhằm phát hiện ra những sai sót để có biện pháp xử lý kịp thời, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các chủ thể PHCK thực hiện hiệu quả hoạt động của mình.

- Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN

Con người là nhân tố quyết định đến mọi hoạt động, việc tuyển dụng và phân bổ nguồn nhân lực phù hợp trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Bộ máy QLNN. Do vậy, việc sử dụng đội ngũ cán bộ đảm bảo thực hiện tốt chức trách của mình là cần thiết. Dựa trên mô hình tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK xây dựng đội ngũ đầy đủ các yếu tố về trình độ, năng lực, đạo đức. Muốn có được nguồn nhân lực đáp ứng các yếu tố trên, trước hết nhà tuyển dụng cần xác định nhu cầu, sau đó đánh giá nhu cầu và thực hiện tuyển dụng, tiếp theo đó là bố trí nguồn nhân lực cho phù hợp. Nhà tuyển dụng phải thực hiện chế độ đãi ngộ tốt, tiến hành đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực sau tuyển dụng nhằm phát huy tốt năng lực chuyên môn và khả năng của từng người được tuyển dụng.

- Cơ sở công nghệ và hệ thống thông tin, dữ liệu quản lý

Hiện nay, sự phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ thông tin đòi hỏi phải xây dựng hệ thống thông tin chính xác, thống nhất và cập nhật kịp thời. Hoạt động PHCK là kênh HDV của TTCK cho nền kinh tế, tác động lớn đến nền kinh tế quốc gia nên việc ứng dụng hệ thống quản lý thông tin, dữ liệu hiện đại góp phần quan trọng cho hoạt động này. Cơ sở công nghệ thông tin cần triển khai đồng bộ các ứng dụng, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao năng

lực giám sát, góp phần tạo dựng TTCK công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế. Thêm vào đó, các thông tin về hoạt động QLNN cần được công khai, minh bạch trên cổng thông tin điện tử riêng phục vụ cho việc CBTT về hoạt động PHCK.

NHTMCP xây dựng hệ thống công nghệ thông tin chất lượng và hiệu quả là yếu tố tác động tích cực đến hoạt động quản lý của các cơ quan QLNN. Thông tin do các NHTMCP cung cấp phải có chất lượng, độ tin cậy, kịp thời, nhất quán và được trình bày rõ ràng. Điều đó, giúp cho UBCKNN, NHNN dễ dàng tiếp cận thông tin từ các kênh truyền thông, từ đó đánh giá đúng về hoạt động PHCK của các ngân hàng.

2.3.2.2. Nhân tố thuộc về khách thể quản lý

- Sự hiểu biết về luật pháp CK và các luật có liên quan đối với hoạt động PHCK

Sự hiểu biết về luật pháp CK các quy định về PHCK và các quy định pháp luật có liên quan, việc nắm vững kiến thức về rủi ro và các biện pháp phòng ngừa, biết phân tích và dự báo tình hình biến động của TTCK là cơ sở quan trọng để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động PHCK của các NHTMCP. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả QLNN đối với hoạt động PHCK của các cơ quan QLNN.

- Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng

Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả QLNN đối với hoạt động PHCK, ngân hàng có ý thức trong việc tuân thủ các quy định của nhà nước tạo điều kiện cho các cơ quan QLNN làm tốt vai trò của mình. Với nhận thức và thái độ tích cực trong việc tuân thủ pháp luật của ngân hàng giúp cho nhà nước xây dựng quy trình QLNN tinh gọn và hiệu quả.

- Hiệu quả quản trị ngân hàng

Công tác quản trị ngân hàng tốt góp phần quan trọng giảm thiểu rủi ro, gian lận trong hoạt động PHCK của các NHTMCP. Thông qua quy chế quản trị ngân hàng nhằm thiết lập được những chuẩn mực nhất định về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý ngân hàng, những đối tượng giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động của ngân hàng, việc CBTT trên TTCK và hoạt động PHCK. Ở một mức độ nào đó, khi hoạt động PHCK diễn ra, các NHTMCP áp dụng quy chế quản trị ngân hàng thì các thông tin cung cấp cho NĐT được đầy đủ và chính xác hơn. Các NHTMCP có cơ chế quản trị ngân hàng

phù hợp, vận hành có hiệu quả sẽ đảm bảo các bước trong hoạt động PHCK diễn ra đầy đủ, đúng quy định.

- Mức độ phát triển của ngân hàng

Mức độ phát triển của ngân hàng thể hiện ở năng lực tài chính của ngân hàng, được phản ánh qua nhiều chỉ tiêu như vốn tự có, chất lượng tài sản có, khả năng đảm bảo thanh toán và an toàn hệ thống, khả năng sinh lời trên vốn tự có, khả năng sinh lời trên tài sản; khả năng tạo ra lợi nhuận trên vốn cổ phần. NHTMCP thực hiện hoạt động PHCK nếu có năng lực tài chính mạnh, quy mô hoạt động rộng, uy tín lớn trên thị trường sẽ tác động tích cực đến công tác QLNN của các cơ quan QLNN.

2.3.2.3. Nhân tố thuộc về môi trường quản lý

- Thể chế kinh tế

Vai trò của Nhà nước và vai trò của thị trường trong phát triển kinh tế của mỗi quốc gia khác nhau nên việc hình thành các thể chế kinh tế cũng khác nhau. Do vậy, mô hình và cách thức quản lý TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng của từng quốc gia cũng khác nhau. Thể chế nhà nước tác động trực tiếp đến mô hình QLNN đối với TTCK, cấu trúc, chức năng của hệ thống cơ quan QLNN về CK và TTCK, việc ban hành chính sách, công cụ quản lý từ đó định hướng cho sự phát triển của TTCK nói chung, sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động PHCK nói riêng. sự can thiệp đã tạo ra những thuận lợi, khó khăn và cơ hội và thách thức cho các NHTMCP thực hiện hoạt động HDV qua PHCK. Điều đó đòi hỏi các ngân hàng phát hành phải tuân thủ pháp luật, điều chỉnh thích ứng hoạt động PHCK của mình sao cho đúng với các quy định của pháp luật và mang lại lợi ích cho ngân hàng.

- Môi trường pháp luật

Nhà nước quản lý các hoạt động trong nền kinh tế xã hội bằng pháp luật, môi trường pháp luật ảnh hưởng rõ nhất đến QLNN đối với hầu hết các hoạt động trong nền kinh tế, trong đó có hoạt động PHCK. Một hệ thống pháp luật phù hợp, chặt chẽ và nhất quán sẽ kích thích hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế nói chung, hoạt động PHCK nói riêng. Hoạt động PHCK của các NHTMCP cần có sự tương thích giữa luật doanh nghiệp, Luật CK, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Đầu tư,...

- Thị trường chứng khoán

Qui mô và mức độ phát triển của TTCK là cơ sở để xây dựng các chính sách QLNN, hoạt động PHCK là một trong các hoạt động thuộc TTCK cho nên đối tượng của QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK là hoạt động PHCK. Chính vì vậy, thực trạng hoạt động PHCK của tác động đến việc ban hành chính sách và triển khai các chính sách quản lý của Nhà nước, là cơ sở để Nhà nước đưa ra các biện pháp khắc phục những hạn chế trong hoạt động QLNN đối với PHCK, đề ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động PHCK của các NHTMCP trong quá trình HĐV.

- Hội nhập kinh tế quốc tế

Việc mở cửa TTCK để hội nhập quốc tế buộc các hoạt động kinh tế ở mỗi quốc gia phải thực hiện các cam kết và tuân thủ luật quốc tế. Việc hội nhập quốc tế vừa đem lại những lợi ích thiết thực vừa tạo ra những rủi ro và thách thức mà các quốc gia phải đối mặt. Do vậy, khi có vấn đề phát sinh cần đưa ra những biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Nếu có sự xuất hiện của các yếu tố quốc tế trên TTCK hay trong hoạt động PHCK, chính sách QLNN sẽ tìm cách giải quyết các vấn đề liên quan sao cho vừa mang lại lợi ích tối ưu vừa đảm bảo an toàn cho hoạt động của các chủ thể liên quan. Các cơ quan QLNN phải có biện pháp quản lý chặt chẽ từ việc ban hành các văn bản pháp luật cho đến việc thanh tra, giám sát và xử phạt trong hoạt động PHCK thì hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP mới thực sự hiệu quả theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tiến trình hội nhập.

2.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần ở một số nước trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam

2.4.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần ở một số nước trên thế giới

2.4.1.1. Kinh nghiệm của Mỹ

Kinh nghiệm của Mỹ về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK được trình bày ở Pricewaterhousecoopers, *Entering the United States securities markets* (trang 45 đến trang 49).

Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ (SEC) là cơ quan QLNN cao nhất của TTCK Mỹ với chức năng là: Giải thích và thi hành Luật CK liên bang; Ban hành những quy tắc mới và bổ sung những quy tắc đã có; Giám sát việc thanh tra các công ty CK, người môi giới, các nhà tư vấn đầu tư và các tổ chức xếp hạng tín nhiệm; Giám sát các tổ chức quản lý tư nhân trong các lĩnh vực CK, kiểm toán và thanh tra; Phối hợp quản lý CK Mỹ với chính quyền liên bang, bang và nước ngoài.

Mô hình tổ chức và địa vị pháp lý của Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ như một Bộ trong Chính phủ. Chịu trách nhiệm cao nhất quản lý hoạt động của TTCK Mỹ, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ là cơ quan độc lập và được toàn quyền quyết định trong QLNN đối với hàng hóa niêm yết trên TTCK, đối với các chủ thể tham gia thị trường, các hoạt động và quá trình giao dịch trên TTCK. Các hoạt động PHCK chịu sự quản lý hai cấp của Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ và các tổ chức tự quản trực tiếp như các các sở giao dịch CK, NASD (National Association of Securities Dealers - Hiệp hội quốc gia các nhà kinh doanh CK) ... Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ được giao quyền quản lý, giám sát TTCK trên mọi phương diện, điều này tạo được sự thống nhất trong quản lý và hạn chế tối đa rủi ro cho NĐT, giúp TTCK Mỹ nói chung và hoạt động PHCK nói riêng phát triển ổn định.

Việc PHCK ở Mỹ nói chung được điều chỉnh bởi cả pháp luật liên bang và pháp luật tiểu bang. Trong đó, chức năng chính của luật pháp CK liên bang là đảm bảo việc cung cấp thông tin chính xác cho NĐT, giúp họ có quyết định đầu tư đúng. Luật CK của Mỹ ra đời năm 1933, Luật giao dịch CK ra đời năm 1934 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung của hai luật này cũng được ban hành nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến CK. Tất cả các tiểu bang đều có luật riêng về CK với điều kiện pháp luật về CK của tiểu bang không mâu thuẫn với pháp luật về CK của Liên bang.

Tổ chức phát hành muốn PHCK phải nộp hồ sơ đăng ký PHCK, hồ sơ này phải thỏa mãn các yêu cầu của Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ rồi gửi đến Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ. Nội dung cơ bản của hồ sơ PHCK phải chứa đựng các thông tin cần thiết, giúp NĐT dựa vào đó để ra quyết định đầu tư, bao gồm: Thông tin về tình hình tài chính của tổ chức phát hành (chủ yếu là các bản báo cáo kế toán, tài chính); Bản cáo bạch của tổ chức phát hành; Bản đăng ký phát hành phải có các thông tin cơ bản

như: phương thức phát hành, mô tả CK, các vấn đề kinh doanh, quản trị, kiểm soát của tổ chức phát hành,...

Nhận được hồ sơ phát hành của tổ chức phát hành gửi đến, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ của hồ sơ nhưng không có nghĩa vụ xem xét tính chính xác của hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ sẽ đưa ra các yêu cầu sửa đổi, bổ sung. Nếu phát hiện có dấu hiệu hồ sơ không đúng hay bỏ sót những thông tin cần thiết, có thể ra lệnh ngừng hoặc đình chỉ PHCK.

Đối với hoạt động PHCK và các hoạt động khác liên quan đến CK và TTCK, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ là cơ quan độc lập và được toàn quyền quyết định trong QLNN. Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ giám sát toàn hệ thống quản lý TTCK và các thành viên tham gia TTCK thông qua các tổ chức tự quản như Sở giao dịch CK, hiệp hội các nhà kinh doanh CK quốc gia (NASD), công ty lưu ký, thanh toán và bù trừ. Nếu Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ phát hiện các tổ chức tự quản thực hiện chưa đúng chức năng của mình hoặc chưa phù hợp, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ sẽ can thiệp trực tiếp nhằm bổ sung những thiếu sót trong quản lý.

Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ thông qua Văn phòng Giám sát tuân thủ và Kiểm tra (Office of Compliance Inspection and Examination) thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát các tổ chức trên. Việc kiểm tra này đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, theo quy định phát hiện bất cứ thiếu sót nào, họ sẽ gửi một “thư cảnh báo về thiếu sót” (deficiency letter) xác định vấn đề cần điều chỉnh, nhanh chóng khắc phục những “lỗ hổng” trong vấn đề tuân thủ một cách linh động mà không cần phải xử lý cứng nhắc. Các tổ chức tự quản này có trách nhiệm ban hành các quy định quản lý các công ty phát hành.

Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ giám sát hoạt động phát hành thông qua Vụ Quản lý giao dịch và Thị trường (Division of Trading and Markets). Do chức năng của Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ là điều hành và giám sát việc thực thi các điều luật liên quan đến ngành CK, đồng thời tiến hành các biện pháp trừng phạt các vi phạm nhằm đảm bảo các văn bản luật về CK và TTCK được tuân thủ một cách nghiêm túc và công bằng. Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ có đầy đủ thẩm quyền trong quản lý, giám sát hoạt động PHCK trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, có quyền thanh tra, điều

tra, xét xử hình sự đối với các vi phạm trong hoạt động này.

Pricewaterhousecoopers, *Entering the United States securities markets* (trang 9) đã nêu lên rằng: Song song việc đăng ký với Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ, tổ chức PHCK phải tuân thủ các quy định về đăng ký PHCK theo pháp luật của tiểu bang. Pháp luật của tiểu bang sẽ xác định loại CK mà các tổ chức chuẩn bị phát hành có phù hợp với nhu cầu của NĐT, bên cạnh đó, pháp luật tiểu bang còn quy định các trách nhiệm cụ thể đối những vi phạm trong PHCK trên cơ sở Luật CK năm 1933.

Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ không có quyền tham gia điều chỉnh hoặc kiểm soát giá trên TTCK cho nên để đảm bảo TTCK hoạt động an toàn, công bằng Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ quy định các điều luật chi tiết, rõ ràng cho các tổ chức phát hành và các tổ chức trung gian. Thêm vào đó, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ yêu cầu các tổ chức phát hành công khai mọi thông tin liên quan đến CK phát hành và giám sát chặt chẽ các bên tham gia vào thị trường phát hành thông qua Vụ quản lý đầu tư.

Đồng thời, SEC cung cấp sự bảo vệ đầy đủ cho các NĐT thông qua những yêu cầu công khai và giám sát các bên tham gia thị trường, nhất là thông qua hoạt động của Vụ quản lý đầu tư. Để hình thành một thị trường vốn minh bạch, hiệu quả và năng động, đảm bảo sự cạnh tranh công bằng trong TTCK, Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ yêu cầu các tổ chức phát hành phải công khai tình hình tài chính và những thông tin khác đến công chúng; các tổ chức PHCK cho công chúng đầu tư phải công bố trung thực về tình hình kinh doanh, về CK đang bán và những nguy cơ có liên quan khi đầu tư.

Hoạt động phát hành riêng lẻ được miễn trừ đăng ký với Ủy ban CK theo các quy chế sau: Tổ chức phát hành thực hiện chào bán CK có giá trị 1 triệu đô la Mỹ trong khoảng thời gian 12 tháng, các CK này bị hạn chế chuyển nhượng và NĐT phải nắm giữ ít nhất 6 tháng hoặc 1 năm (tùy theo loại tổ chức phát hành thực hiện PHCK đó); Tổ chức phát hành thực hiện chào bán CK có giá trị 5 triệu đô la trong khoảng thời gian 12 tháng, nếu CK đó được chào bán cho NĐT đủ tiêu chuẩn, thì số lượng NĐT được chào bán là không giới hạn và nếu CK đó được chào bán cho NĐT khác, thì số lượng NĐT không quá 35 NĐT; Tổ chức phát hành thực hiện chào bán CK cho số lượng không hạn chế các NĐT đủ tiêu chuẩn và không quá 35 NĐT khác có năng

lực tài chính hoặc có đủ kiến thức và kinh nghiệm về tài chính để đánh giá việc đầu tư. Các tổ chức phát hành thuộc các trường hợp miễn từ phải nộp báo cáo theo mẫu đến Ủy ban CK trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày tổ chức phát hành chào bán CK đầu tiên trong đợt chào bán riêng lẻ.

2.4.1.2. Kinh nghiệm của Nhật

Theo Mathew Harrison, Asia-Pacific Security Markets, Sweet & Maxwell Asia (2003, ISBN 962661, trang 77 và trang 78) cho biết:

Cơ quan dịch vụ tài chính (FSA) là cơ quan QLNN cao nhất về TTCK của Nhật chịu trách nhiệm quản lý TTCK với nhiệm vụ sau: Lập kế hoạch và hoặc định chính sách liên quan tới hệ thống tài chính; Giám sát các tổ chức tài chính; phát triển các quy tắc kinh doanh trên TTCK; Phát triển các tiêu chuẩn kế toán; Tuân thủ quy định trên thị trường tài chính; Giám sát công ty kiểm toán.

Bộ tài chính được thành lập theo quy định của pháp luật Nhật là cơ quan độc lập thuộc Cơ quan dịch vụ tài chính và được toàn quyền quyết định trong QLNN đối với TTCK, cũng tương tự như Ủy ban CK và giao dịch Hoa Kỳ của Mỹ.

Luật CK 1998 của Nhật cũng đưa ra danh mục những hoạt động bị cấm đối với tổ chức PHCK, người điều hành (Giám đốc) và nhân viên của họ trong quá trình phát hành. Tổ chức phát hành (hay giám đốc, nhân viên của họ) buộc phải giao dịch với khách hàng một cách công bằng và trung thực, không được mời chào khách hàng mua CK phát hành bằng cách đưa ra ý kiến mang tính quyết định .

Luật CK cũng đề cập đến những hành vi bị cấm liên quan đến hoạt động PHCK. Một số lượng lớn CK được cung cấp có thể gây nhiễu cho sự cân bằng cung - cầu CK và làm cho giá CK giảm. Khi cổ phiếu được chào bán mà giá tụt giảm sau khi bảng chào giá được thiết lập thì sẽ có mức cầu thấp đối với những CK này thì tổ chức phát hành phải có biện pháp phục hồi giá CK phát hành.

Các tổ chức muốn tổ chức phát hành phải đăng ký với Bộ trưởng Bộ Tài chính, tổ chức phát hành trình Bộ trưởng Bộ Tài chính bản cáo bạch về CK và các chứng từ khác liên quan nhằm làm rõ các thông tin phát hành. Bản đăng ký CK chứa đựng những thông tin: kết quả hoạt động kinh doanh, tình trạng tài chính của tổ chức phát hành và những yếu tố khác liên quan đến hoạt động kinh doanh. Bản đăng ký CK và

bản cáo bạch có giá trị cho hoạt động kiểm tra giám sát của Bộ Tài chính vào những thời điểm nhất định. Sau 16 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Tài chính chấp nhận hồ sơ và cấp phép phát hành PHCK thì việc đăng ký PHCK có hiệu lực. Khi được chấp thuận, bản đăng ký CK, bản chào giá và bản cáo bạch phải được công bố cho NĐT. Sở giao dịch CK có trách nhiệm xem xét, kiểm tra bản cáo bạch do các công ty cung cấp theo quy định của Luật CK, nhằm bảo đảm rằng bản cáo bạch về tài chính đầy đủ thông tin và chính xác.

Năm 1998 hệ thống cấp phép phát hành đã được thay thế bằng hệ thống đăng ký phát hành trừ trường hợp bảo lãnh phát hành và các giao dịch CK theo hình thức mua bán qua quầy (OTC). Tổ chức phát hành đăng ký PHCK trên một hệ thống tự động, những đợt PHCK ở những lần sau chỉ cần chuyển tiếp giấy tờ bổ sung qua hệ thống này. Thông qua hệ thống tự động, mọi thông tin về chủ thể phát hành được phổ biến rộng rãi trong công chúng.

Việc chào bán CK dưới 2 phương thức là chào bán CK ra công chúng và chào bán riêng lẻ. Chào bán CK ra công chúng là việc mời chào CK hoặc các quyền đi kèm theo các CK này cho số lượng lớn NĐT (từ 50 NĐT trở lên) mà không phải là NĐT có tổ chức chuyên nghiệp. Chào bán CK riêng lẻ là việc mời chào CK cho NĐT, trong đó có các NĐT tổ chức chuyên nghiệp và các CK được chào mời này không được chuyển nhượng từ NĐT có tổ chức chuyên nghiệp sang NĐT khác, ngoại trừ giữa các NĐT có tổ chức chuyên nghiệp thực hiện chuyển nhượng cho nhau; hoặc việc mời chào CK chỉ dành riêng cho NĐT có tổ chức chuyên nghiệp và CK được chào mời không chuyển nhượng từ NĐT có tổ chức chuyên nghiệp sang NĐT khác, ngoại trừ giữa các NĐT có tổ chức chuyên nghiệp thực hiện chuyển nhượng cho nhau; hoặc việc mời chào CK cho NĐT không bao gồm NĐT có tổ chức chuyên nghiệp nhưng CK được mời chào không chuyển nhượng từ NĐT mua CK đó sang một số lượng lớn NĐT khác.

Khi phát hành cổ phiếu ra công chúng tổ chức phát hành có thể chào giá trực tiếp, nhưng thường là phải thông qua công ty CK nhằm thực hiện bảo lãnh phát hành cho toàn bộ số cổ phiếu phát hành. Việc xác định giá cổ phiếu phát hành tùy thuộc vào quyết định của công ty theo quy định của Luật CK phải được công bố 2 tuần trước khi chào bán ra công chúng.

Phát hành trái phiếu được pháp luật Nhật quy định chặt chẽ. Trái phiếu có bảo đảm được phổ biến ở Nhật, chỉ có một số ít là trái phiếu không bảo đảm. Để phát hành trái phiếu có bảo đảm, tổ chức phát hành phải được sự bảo lãnh của ngân hàng hoặc công ty ủy thác phát hành. Nếu tổng giá trị trái phiếu phát hành ít hơn 100 triệu Yên hoặc trong trường hợp số trái phiếu phát hành nhỏ hơn 50 triệu Yên thì không cần việc bảo lãnh phát hành.

Khi CK được chào bán cho số NĐT ít hơn 50 người, thì chúng buộc phải được bán lại cho nhiều người và phải được lý giải minh bạch. Trường hợp hạn chế bán lại phải được thông báo rõ giữa người chào bán và người được chào bán.

Tòa án tối cao Nhật quy định rằng trong trường hợp phát hành cổ phiếu mà vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc trung thực, không có quyết định của hội đồng quản trị mà chỉ được phát hành theo ý muốn của người đại diện điều hành, thì việc phát hành đó không có hiệu lực. Bản đăng ký CK hay bản cáo bạch chứa đựng những nội dung không chính xác hoặc nhằm lừa dối khi cung cấp thông tin hay những yếu tố cần thiết để đánh giá bản báo cáo thì những người liên quan phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại gây ra cho người mua CK do đã tin tưởng bảng chào giá và hoạt động mua bán là chính xác. Ngoài ra, bất cứ ai cập nhật những thông tin không chính xác trong bản đăng ký CK hoặc bản báo cáo thường kỳ so với các số liệu thực tế thì phải chịu hình phạt tối đa 3 năm tù giam hoặc nộp 3 triệu Yên. Công ty gián tiếp chịu trách nhiệm cho hoạt động của người điều hành (Giám đốc), đại lý, và nhân viên của mình, tiền phạt tối đa đối với chủ thể này là 500 triệu Yên.

2.4.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Theo Xiao Chen, Chi-Wen Jevons Lee, Jing Li (2013), "Chinese Tango", Government Assisted Earnings Management; School of Economics and Management, Tsinghua University, China: Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc (CSRC) là cơ quan tối cao trong lĩnh vực CK, với các chức năng ban hành luật, quản lý, giám sát, điều hành, điều tra và thi hành các quy định về xử phạt. Là cơ quan ngang Bộ trực thuộc Quốc vụ viện, Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc phải báo cáo cho Quốc vụ viện. Ngoài ra, để thực hiện nhiệm vụ và chức năng của mình trong QLNN đối với TTCK, Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc cũng phối hợp với một số cơ quan QLNN khác

như Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC), Ủy ban kế hoạch Nhà nước (SPC)...

Luật CK Trung Quốc 1999 quy định liên quan đến việc phát hành, niêm yết CK. Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc thực hiện giám sát và quản lý chặt chẽ tổ chức phát hành, một tổ chức phát hành muốn phát hành cổ phiếu mới ra công chúng phải đáp ứng các điều kiện sau: Công ty đó phải có uy tín và cấu trúc tổ chức hoạt động tốt, kinh doanh có lợi nhuận ổn định và uy tín tài chính tốt, không có sai sót trong các báo cáo kế toán và tài chính trong 3 năm trước khi trình đơn PHCK mới, không có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng và được quy định bởi các quy định CK của Quốc vụ viện, được Quốc vụ viện chấp thuận. Khi có sự bảo lãnh PHCK, giá CK sẽ được định trên cơ sở có sự thương lượng với nhà bảo lãnh và được sự phê chuẩn của Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc. Những tổ chức phát hành lần đầu ra công chúng phải có sự chấp thuận của Ủy ban niêm yết của Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc.

Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc đưa ra những yêu cầu rất cao về tính minh bạch, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của các công ty niêm yết, qua đó, khuyến khích các công ty áp dụng những thông lệ quản trị tốt nhất. Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc yêu cầu các công ty niêm yết công bố các bản báo cáo quý chưa kiểm toán để cung cấp cho các NĐT những thông tin tài chính cập nhật hơn. Ngoài ra, các công ty niêm yết còn phải công bố trong báo cáo thường niên của mình những biện pháp cụ thể để hoạt động quản trị của công ty được thực hiện tốt như cam kết trong năm tài chính trước đó. Các công ty niêm yết phải giải thích và đưa ra lý do của những điểm khác biệt giữa nguyên tắc về quản trị công ty của mình với các nguyên tắc và chuẩn mực chính của Ủy ban Giám quản CK Trung Quốc. Mọi kế hoạch trong tương lai có liên quan đến những điểm khác biệt này đều phải được nêu rõ trong báo cáo thường niên. Các công ty niêm yết cũng phải công bố những thông tin chi tiết về tình trạng sở hữu cổ phiếu của các cổ đông kiểm soát và các cá nhân liên quan.

Việc chào bán CK ở Trung Quốc được thực hiện dưới 2 phương thức là chào bán CK ra công chúng và chào bán riêng lẻ. Chào bán CK ra công chúng là việc PHCK cho nhiều người không xác định hoặc PHCK cho trên 200 người xác định tính theo tổng số hoặc các hoạt động phát hành khác có thể được quy định trong các luật

hoặc các quy định hành chính. Trong trường hợp các CK được phát hành không mang tính đại chúng, không được quảng cáo, không được chào mời công khai hoặc tiến hành bằng các cách bí mật khác dưới hình thức trá hình. Chào bán CK riêng lẻ là hoạt động PHCK cho NĐT có tổ chức hoặc NĐT đủ tiêu chuẩn, với hạn chế chuyển nhượng theo đối tượng chuyển nhượng và thời gian nắm giữ. Thời hạn chuyển nhượng hạn chế trong vòng 36 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành đối với các đối tượng: NĐT là cổ đông kiểm soát hoặc người kiểm soát thực tế của công ty niêm yết hoặc (ngược lại) là cổ đông bị kiểm soát bởi cổ đông kiểm soát hoặc người kiểm soát thực tế của công ty niêm yết; NĐT sẽ trở thành người kiểm soát thực tế của công ty niêm yết do việc mua cổ phiếu từ đợt phát hành này; hoặc NĐT là NĐT chiến lược trong và ngoài nước do Hội đồng quản trị giới thiệu.

2.4.1.4. Kinh nghiệm của Thái Lan

Baker & McKenzie (2013), *Doing business in Thailand 2013*, Documents introduced by the Office of Bangkok, (7) cho biết: Ủy ban Giao dịch và CK (SEC) Thái Lan là cơ quan duy nhất giám sát toàn bộ TTCK Thái Lan, trong đó, chịu trách nhiệm hoạch định chính sách, trực tiếp soạn thảo và ban hành các quy chế, quyết định, quản lý và giám sát hoạt động PHCK. Luật Giao dịch và CK của Thái Lan có nhiều điểm tương tự với hệ thống quản lý CK của Mỹ.

Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan thực hiện QLNN chặt chẽ đối với các tổ chức tổ chức phát hành, Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan tạo điều kiện cho mọi tổ chức trong và ngoài nước có địa vị pháp lý được PHCK trên TTCK Thái Lan nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định. Theo Luật giao dịch và CK Thái Lan B.E 2551, muốn PHCK ra công chúng, các tổ chức phát hành phải nộp báo cáo đăng ký và dự thảo bản cáo bạch cho Văn phòng Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan và phải được Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan chấp thuận. Ở những lần phát hành sau, tổ chức phát hành chỉ nộp cho Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan những giấy tờ liên quan về sự thay đổi thông tin trong báo cáo đăng ký và dự thảo bản cáo bạch so với bản nộp trước đây.

Báo cáo đăng ký và dự thảo bản cáo bạch của tổ chức phát hành phải nêu được mục đích của việc phát hành, vốn công ty, số lượng và loại CK phát hành, dự kiến giá bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, quản lý và cổ đông lớn của tổ chức

phát hành, kiểm toán viên và cố vấn pháp lý của công ty phát hành, bảo lãnh phát hành và phân phối CK... Báo cáo tài chính phải phù hợp với tiêu chuẩn kế toán của nước này hoặc tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế và các kiểm toán viên, kế toán viên phải nằm trong danh sách được Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan phê duyệt và có kinh nghiệm ít nhất 3 năm, ít nhất phải có 2 người Thái trong hội đồng quản trị và ít nhất phải có 1 giám đốc độc lập và 1 thành viên ủy ban kiểm toán Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan sẽ giám sát việc CBTT của tổ chức phát hành để đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời và phù hợp với những quy định quản lý để bảo vệ lợi ích của NĐT. Sau khi hoàn thành việc PHCK, các tổ chức phát hành phải báo cáo kết quả phát hành cho văn phòng Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan.

Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan thực hiện giám sát và quản lý hoạt động PHCK, đối với giá của hàng hóa niêm yết trên TTCK, Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan không quản lý trực tiếp nhưng yêu cầu các tổ chức phát hành phải công bố tiêu chuẩn tính giá cả của họ. Ủy ban Giao dịch và CK Thái Lan không xác minh tính chính xác của những thông tin được công bố mà các tổ chức phát hành và tư vấn tài chính phải tự chịu trách nhiệm và là người thẩm tra các thông tin công bố.

2.4.2. Bài học về quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần rút ra cho Việt Nam

Qua việc tìm hiểu thực tiễn QLNN đối với hoạt động PHCK ở Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Thái Lan có thể rút ra kinh nghiệm QLNN đối với hoạt động PHCK cho VN như:

- Thứ nhất, phải quản lý thống nhất, xây dựng một thể chế quản lý tập trung đối với TTCK, trong đó có một cơ quan QLNN là trọng tâm còn các ban ngành khác cùng tham gia hoạch định và thực thi chính sách.

- Thứ hai, giao cho một cơ quan QLNN với vị thế cao nhất định và độc lập trong bộ máy quản lý, thì cơ quan quản lý mới có thẩm quyền đầy đủ trong giám sát, thanh tra, điều tra, tố tụng hình sự và cưỡng chế thực thi pháp luật.

- Thứ ba, việc xác định xem giữa QLNN và tự quản, hình thức nào có hiệu quả cao hơn là hoàn toàn tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, thực tế của mỗi nước. Song sự kết hợp thỏa đáng giữa hai hình thức này sẽ phát huy tối đa ưu điểm và hạn chế nhược điểm của mỗi hình thức quản lý nói trên. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, một thị trường được quản

lý quá chặt chẽ thường sẽ hoạt động kém cỏi, cản trở việc phát triển, đặc biệt là ở những giai đoạn đầu phát triển TTCK. Ngược lại, một thị trường được quản lý lỏng lẻo thì dễ gây nhiều biến động, bất ổn định, thậm chí đổ vỡ nặng nề. Do đó, việc lựa chọn hài hòa mức độ QLNN và tự quản là cần thiết. Với VN, có thể xem xét cách học hỏi kinh nghiệm của Thái Lan trong việc tiếp thu có chọn lọc và áp dụng phù hợp vào thực tiễn đất nước, một mặt, phải cân bằng giữa QLNN và tự quản, mặt khác phải tận dụng các mô hình quản lý có tính đến các điều kiện và thực tế phát triển thị trường của nước mình.

- Thứ tư, đối với hoạt động PHCK, trên thế giới hiện có hai mô hình quản lý phổ biến đối với việc chào bán CK ra công chúng là: quản lý trên cơ sở xem xét điều kiện, tiêu chuẩn của tổ chức phát hành (còn gọi là quản lý theo chất lượng) và chế độ đăng ký trên cơ sở CBTT đầy đủ, không có quy định về điều kiện cụ thể. Thực tiễn tại Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Thái Lan cho thấy, ngay từ đầu Mỹ, Nhật đã áp dụng chế độ CBTT trong khi Trung Quốc áp dụng chế độ quản lý theo chất lượng; còn Thái Lan thì lúc đầu áp dụng như Trung Quốc nhưng sau khủng hoảng 1997 đã chuyển đổi sang cách áp dụng của Mỹ. Điều này phụ thuộc vào tính đặc thù của nền kinh tế mỗi nước và sự phát triển TTCK của các nước này. Tuy nhiên, đây là những trường hợp nghiên cứu điển hình để VN học hỏi kinh nghiệm áp dụng chế độ quản lý đối với việc chào bán CK ra công chúng, có thể lựa chọn một trong hai mô hình tùy thuộc vào điều kiện thực tế hiện nay của TTCK VN hoặc có sự kết hợp giữa hai mô hình.

- Thứ năm, đối với hoạt động giám sát PHCK, Thái Lan và Mỹ, Nhật đã chuyển sang áp dụng phương pháp giám sát PHCK dựa trên hệ thống chỉ tiêu rủi ro về tài chính, tức là giám sát việc đáp ứng đúng các chỉ tiêu về tài chính của các tổ chức này; chứ không phải giám sát sự tuân thủ của các tổ chức này đối với các qui định của pháp luật. Sở dĩ phương pháp giám sát này mang lại hiệu quả cao hơn bởi vì các hành vi sai phạm ngày càng tinh vi và phức tạp, các quy định không thể bao quát hết được những nguy cơ sai phạm. Vì vậy, giám sát theo kiểu tuân thủ qui định của pháp luật sẽ không mang lại hiệu quả, ngay kể cả cơ quan QLNN cũng không thể có đủ khả năng theo dõi tất cả các tổ chức, tất cả các hoạt động diễn ra trên thị trường. Trung Quốc, VN và một số quốc gia khác cần nghiên cứu phương pháp này để áp dụng trong cải cách hệ thống kiểm tra, giám sát của mình.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Trong chương 2 luận án đã trình bày những luận cứ khoa học cơ bản về hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP và công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP. Luận án đã hệ thống hóa đầy đủ khái niệm về NHTM, NHTMCP, cổ phiếu, trái phiếu đến đặc điểm, ưu và nhược điểm của từng loại CK. Luận án làm rõ khái niệm, mục tiêu, các phương pháp, công cụ và đặc biệt là nội dung QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK.

Các tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP và các nhân tố ảnh hưởng cũng được trình bày trong chương 2 làm cơ sở đánh giá thực trạng QLNN của các cơ quan quản lý đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP, cụ thể:

Các tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP được chia thành 2 nhóm đó là: nhóm tiêu chí định tính và nhóm tiêu chí định lượng. Trên cơ sở sử dụng các tiêu chí này để thu thập, phân tích dữ liệu thứ cấp và sơ cấp nhằm đánh giá một số khách quan về: tính phù hợp và đồng bộ của chính sách; Sự công khai, minh bạch và độ mở của chính sách; Có tính khả thi và hiệu quả trong công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK.

Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra các nhân tố thuộc về chủ thể, khách thể và môi trường quản lý ảnh hưởng đến công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP.

Trong chương này, luận án đã hệ thống hóa kinh nghiệm quốc tế về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP ở một số nước trên thế giới như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Thái Lan. Thông qua đó, luận án đã chỉ rõ 5 bài học kinh nghiệm trong QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP làm cơ sở đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP VN.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM

3.1. Vài nét khái quát về hệ thống ngân hàng thương mại và thực trạng huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

3.1.1. Khái quát về hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

3.1.1.1. Số lượng các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Với xu hướng phát triển của hệ thống ngân hàng, số lượng các NHTM VN đã tăng nhanh, trải qua quá trình hoạt động, một số ngân hàng bị mua lại hay sáp nhập, tính đến 31/12/2018, hệ thống ngân hàng VN bao gồm: 2 ngân hàng chính sách, 31 NHTMCP, 4 NHTM Nhà nước, 9 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 2 ngân hàng liên doanh. Trong 31 NHTMCP có 10 ngân hàng đã niêm yết trên Sở giao dịch CK Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE (NHTMCP Đầu tư và phát triển VN-BID, NHTMCP Công Thương VN-CTG, NHTMCP Xuất nhập khẩu VN-EIB, NHTMCP Quân đội-MBB, NHTMCP Sài Gòn Thương Tín-STB, NHTMCP Ngoại thương VN-VCB, NHTMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh-HDB, NHTMCP Kỹ thương VN-TCB, NHTMCP Tiên Phong-TPB, NHTMCP Việt Nam Thịnh vượng-VPB), 3 ngân hàng niêm yết trên Sở giao dịch CK Hà Nội – HNX (NHTMCP Á Châu-ACB, NHTMCP Quốc Dân-NVB, NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội-SHB) và 3 ngân hàng niêm yết trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết - Upcom (NHTMCP Bắc Á-BAB, NHTMCP Bưu Điện Liên Việt-LPB, NHTMCP quốc tế VN-VIB).

3.1.1.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn

Sự tăng lên của vốn chủ sở hữu và tổng tài sản thể hiện sự lớn mạnh của hệ thống NHTMCP VN, được minh chứng qua bảng sau.

Bảng 3.1: Tình hình tài sản, nguồn vốn toàn hệ thống các tổ chức tín dụng

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	Tiêu chí	NHTM Nhà nước	NHTMCP	Tổ chức tín dụng khác	Toàn hệ thống
2012	Tổng tài sản có	2.201.660	2.159.363	724.757	5.085.780
	Vốn tự có	137.368	183.139	105.475	425.982
	Vốn điều lệ	111.550	177.624	102.978	392.152
2013	Tổng tài sản có	2.504.870	2.463.440	787.560	5.755.870
	Vốn tự có	157.230	219.806	89.890	466.926
	Vốn điều lệ	128.090	193.530	102.280	423.900
2014	Tổng tài sản có	2.876.174	2.780.976	857.750	6.514.900
	Vốn tự có	169.696	203.154	123.723	496.573
	Vốn điều lệ	134.206	191.115	110.328	435.649
2015	Tổng tài sản có	3.159.791	2.928.146	1.231.380	7.319.317
	Vốn tự có	203.328	236.342	138.350	578.020
	Vốn điều lệ	137.093	193.977	129.209	460.279
2016	Tổng tài sản có	3.861.942	3.422.829	1.218.800	8.503.571
	Vốn tự có	229.499	254.151	156.011	639.661
	Vốn điều lệ	146.543	200.855	141.026	488.424
2017	Tổng tài sản có	4.570.097	4.028.497	1.403.196	10.001.790
	Vốn tự có	254.655	290.626	168.825	714.106
	Vốn điều lệ	147.771	214.791	149.867	512.429
2018	Tổng tài sản có	5.027.107	4.431.347	1.543.516	11.001.969
	Vốn tự có	280.121	319.689	185.708	785.517
	Vốn điều lệ	162.548	236.270	164.854	563.672

(Nguồn: Báo cáo thống kê của NHNN qua các năm)

Tổng tài sản có, vốn tự có, vốn điều lệ của toàn hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng tăng dần qua các năm, đạt khối lượng rất lớn. Tính đến cuối năm 2018, tổng tài sản có toàn hệ thống đạt 11.001.969 tỷ đồng, vốn tự có đạt 785.517 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ đạt 563.672 tỷ đồng. Trong tổng khối lượng tài sản có thì tài sản có của các NHTMCP do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn là chủ yếu như NHTMCP Đầu tư và phát triển VN, NHTMCP Công Thương VN, NHTMCP Ngoại thương VN, NHTMCP Quốc Dân, NHTMCP Á Châu, NHTMCP Quân đội. NHTMCP Đầu tư và phát triển VN là ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất trong hệ thống, với hơn 1.200.000 tỷ đồng, NHTMCP Công Thương VN và NHTMCP Ngoại thương VN với tổng tài sản lần lượt là

1.090.000 tỷ đồng và 1.030.000 tỷ đồng. Đây là nguồn vốn lớn giúp ngân hàng tạo ra lợi nhuận cho mình, khối lượng vốn lớn thì khả năng tạo lợi nhuận lớn nếu NHTMCP kiểm soát được rủi ro, góp phần ổn định và phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế. Điều này cho thấy khả năng tạo ra nguồn tài sản và vốn lớn, đảm bảo cho hoạt động của các ngân hàng ổn định và phát triển, tạo điều kiện cho các ngân hàng mở rộng quy mô, góp phần làm tăng uy tín cho khách hàng và NĐT, từ đó, các NHTMCP có khả năng thu hút được nguồn vốn từ PHCK ngày một nhiều hơn.

3.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản và vốn lớn đã góp phần tạo nên kết quả hoạt động khả quan, điều này được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2: Kết quả các hoạt động kinh doanh của một số NHTMCP

ĐVT: Tỷ đồng

Năm		NHTMC P Đầu tư và phát triển VN	NHTM CP Công Thương VN	NHTMC P Xuất nhập khẩu VN	NHTMC P Quân đội	NHTMC P Sài Gòn Thương Tín	NHTMC P Ngoại thương VN	NHTMC P Á Châu	NHTMC P Sài Gòn - Hà Nội	NHTM CP Quốc Dân
2012	DT	11.485	21.961	5.387	7.813	6.853	15.108	5.834	2.939	742
	CP	8.096	13.794	2.537	4.724	5.486	9.345	4.792	1.114	739
	LNTT	3.389	8.167	2.850	3.089	1.367	5.763	1.042	1.825	3
2013	DT	48.407	21.783	11.831	7.660	18.035	15.508	5.649	9.506	667
	CP	43.117	14.033	10.586	4.639	14.396	9.765	4.614	9.047	643
	LNTT	5.290	7.750	1.245	3.021	3.639	5.743	1.035	459	24
2014	DT	49.778	47.389	9.273	14.996	16.887	33.305	14.777	11.058	2.475
	CP	51.072	36.610	8.549	10.199	13.646	24.627	13.109	9.487	2.488
	LNST	-1.294	10.779	724	4.797	3.241	8.678	1.668	1.571	- 13
2015	DT	56.954	49.272	9.546	15.769	18.284	37.107	15.400	12.495	2.807
	CP	43.571	37.449	8.080	10.739	14.792	26.134	12.529	10.597	2.700
	LNTT	13.383	11.823	1.466	5.030	3.492	10.973	2.871	1.898	107
2016	DT	72.090	59.022	9.063	17.972	20.761	44.405	18.043	15.700	3.765
	CP	23.796	12.682	1.195	9.661	542	12.673	3.468	2.355	3.522
	LNTT	48.294	46.340	7.868	8.311	20.219	31.732	14.575	13.345	243
2017	DT	79.299	73.556	9.969	24.794	22.837	54.221	22.883	17.270	4.641
	CP	26.176	56.960	5.975	17.272	6.504	39.185	18.562	2.591	4.458
	LNTT	53.123	16.596	3.994	7.522	16.333	15.036	4.321	14.680	183
2018	DT	87.229	80.912	10.966	27.273	25.121	59.643	25.171	18.997	5.105
	CP	28.793	62.656	6.573	18.999	7.154	43.104	20.418	2.850	4.904
	LNTT	58.436	18.256	4.394	8.274	17.966	16.540	4.753	16.147	201

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các NHTMCP qua các năm)

Những năm qua, hoạt động kinh doanh của các NHTMCP đạt lợi nhuận cao, điển hình là các NHTMCP niêm yết trên sàn giao dịch CK được giới thiệu ở bảng trên. Một số ngân hàng như NHTMCP Đầu tư và phát triển VN, NHTMCP Công Thương VN, NHTMCP Sài Gòn Thương Tín, NHTMCP Ngoại thương VN, đạt mức lợi nhuận rất lớn qua các năm, đặc biệt trong năm 2018 mức lợi nhuận các ngân hàng này đạt được lần lượt là 58.436 tỷ đồng, 18.256 tỷ đồng, 17.966 tỷ đồng, 16.540 tỷ đồng. Khi lợi nhuận được tạo ra nhiều sẽ tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu NHTMCP đối với các NĐT trong nước lẫn nước ngoài, mặt khác sẽ tạo điều kiện thu hút các nguồn lực khác giúp tăng năng lực tài chính của các NHTMCP trong thời gian tới. Việc thu hút sự quan tâm của các NĐT, giúp cho các ngân hàng thuận lợi trong việc PHCK để huy động vốn.

3.1.2. Thực trạng huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Tình hình HDV qua PHCK của các NHTMCP trong thời gian qua được thể hiện ở những nội dung sau:

3.1.2.1. Thực trạng phát hành cổ phiếu

Bảng 3.3: Số lượng cổ phiếu phát hành của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018

ĐVT: Cổ phiếu

TT	NHPH	Mã	Sàn	Số lượt phát hành	Phát hành riêng lẻ (2012-2018)	Phát hành ra công chúng (2012-2018)	Tổng số cổ phiếu phát hành (2012- 2018)	Tổng số cổ phiếu tính đến 12/2018	Vốn hóa thị trường tính đến 12/2018 (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	NHTMCP Công thương VN	CTG	HOSE	5	465.500.360	2.859.502.209	3.325.002.569	3.723.404.556	134.043
2	NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	HOSE	5		811.248.052	811.248.052	1.785.289.816	23.377
3	NHTMCP Quân Đội	MBB	HOSE	8	32.565.161	1.052.940.210	1.085.505.371	1.815.505.363	66.811
4	NHTMCP Đầu tư và phát triển VN	BID	HOSE	4		3.418.715.334	3.418.715.334	3.418.715.334	148.714
5	NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB	HOSE	5		3.414.987.177	3.414.987.177	3.597.768.575	264.436
6	NHTMCP Tiên Phong	TPB	HOSE	1		555.000.000	555.000.000	555.000.000	11.627
7	NHTMCP Kỹ thương	TCB	HOSE	1		3.496.592.160	3.496.592.160	3.496.592.160	95.107
8	NHTMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh	HDB	HOSE	1		980.999.979	980.999.979	980.999.979	29.920
9	NHTMCP Xuất Nhập Khẩu VN	EIB	HOSE	2	355.514.904	880.008.000	1.235.522.904	1.235.522.904	21.251
10	NHTMCP Việt Nam Thịnh vượng	VPB	HOSE	1	164.714.380	2.292.033.986	2.456.748.366	2.456.748.366	66.824
11	NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	HNX	4		638.109.557	638.109.557	1.119.192.914	15.220
12	NHTMCP Á Châu	ACB	HNX	4		93.753.506	93.753.506	999.404.819	47.180
13	NHTMCP Quốc Dân	NVB	HNX	1		0	0	301.021.552	2.498
14	NHTMCP Quốc tế VN	VIB	UpCom	4		703.885.054	703.885.054	703.885.050	9.934
15	NHTMCP Bưu Điện Liên Việt	LPB	UpCom	1		749.999.428	749.999.428	749.999.428	6.450
16	NHTMCP Bắc Á	BAB	UpCom	1		500.000.000	500.000.000	500.000.000	10.350
Tổng				50	1.018.294.805	22.447.774.652	23.466.069.457	27.439.050.816	953.742

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính của các NHTMCP qua các năm)

Trong 2 năm 2006-2007, việc QLNN của NHNN và UBCKNN còn lỏng lẻo, cơ sở pháp lý chưa đầy đủ, TTCK chỉ có cổ phiếu STB của NHTMCP Sài Gòn Thương Tín phát hành và niêm yết trên Sở giao dịch CK Thành phố Hồ Chí Minh và ACB của NHTMCP Á Châu phát hành và niêm yết trên Sở giao dịch CK Hà Nội. Những năm sau đó, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện hơn, các quy định được chi tiết và rõ ràng hơn, các ngân hàng bắt đầu tiếp cận và chú trọng đến nguồn vốn huy động qua kênh PHCK. Nhiều mã CK của các NHTMCP khác bắt đầu phát hành như VCB của NHTMCP Ngoại Thương VN, CTG của NHTMCP Công thương VN, BID của NHTMCP Đầu tư và phát triển VN, ACB của NHTMCP Á Châu, số lượng phát hành liên tục tăng lên, thu hút được lượng vốn lớn cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng và nền kinh tế. Tổng số cổ phiếu mà các NHTMCP đã niêm yết trên các sàn giao dịch CK đã phát hành tính đến hết năm 2018 với số lượng là 27.439.050.816 cổ phiếu tương đương tổng vốn hóa thị trường là 953.742 tỷ đồng.

Năm 2012, nhiều văn bản pháp luật về CK và PHCK chi tiết và rõ ràng đã được ban hành, đây là tiền đề để các ngân hàng bắt đầu phát hành cổ phiếu nhiều hơn. Tổng số lượt phát hành từ năm 2012 đến 2018 của những ngân hàng trên là 50 lượt phát hành với số cổ phiếu là 23.466.069.457 cổ phiếu, trong đó chủ yếu là phát hành ra công chúng đạt 22.447.774.652 cổ phiếu, phát hành riêng lẻ là 1.018.294.805 cổ phiếu. NHTMCP Công thương VN đã phát hành qua 5 lượt với số lượng là 3.325.002.569 cổ phiếu, NHTMCP Quân Đội qua 8 lượt với số lượng là 1.085.505.371 cổ phiếu. Hai ngân hàng này thực hiện việc phát hành dưới 2 hình thức là phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ, các ngân hàng khác phát hành cổ phiếu dưới hình thức ra công chúng. Các ngân hàng có số cổ phiếu phát hành lớn từ năm 2012 đến 2018 như là NHTMCP Đầu tư và phát triển VN, NHTMCP Kỹ thương NHTMCP Ngoại Thương VN đã phát hành 3.597.768.575 cổ phiếu.

Thời gian qua, nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của các ngân hàng rất lớn, do vậy các ngân hàng đã chọn phương thức phát hành ra công chúng để tăng vốn nhanh, làm tăng uy tín và sự nổi tiếng của ngân hàng trên thị trường, giảm chi phí HDV qua phát hành ở những lần tiếp theo. Phát hành riêng lẻ ít được sử dụng trong

thời gian. Việc phát hành cổ phiếu diễn ra liên tục với số lượng lớn nên khả năng kiểm soát chất lượng cổ phiếu của các cơ quan QLNN (trực tiếp là UBCKNN) là rất khó.

3.1.2.2. Thực trạng phát hành trái phiếu

Trong những năm qua hình thức phát hành trái phiếu ít được các NHTMCP sử dụng để HĐV, đến năm 2018, nguồn vốn qua kênh phát hành trái phiếu đã tăng khối lượng vốn lớn phục vụ cho hoạt động của các ngân hàng. Tình hình phát hành trái phiếu của các NHTMCP qua các năm được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.4: Giá trị trái phiếu đã phát hành trong nước của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018

DVT: Tỷ đồng

STT	Tên	Số lượt phát hành	Phát hành ra công chúng (Trái phiếu)	Phát hành riêng lẻ (Trái phiếu)	Tổng (Tỷ đồng)
1	NHTMCP Đầu tư và phát triển VN	4	8.230	15.270	19.500
2	NHTMCP Công Thương VN	2	0	26.720	23.835
3	NHTMCP Ngoại thương VN	2	0	10.830	10.280
4	NHTMCP Á Châu	3	2.000	4.054	6.054
5	NHTMCP Bưu Điện Liên Việt	1	0	5.000	5.000
6	NHTMCP Kỹ thương	1	0	3.000	3.000
7	NHTMCP VN thịnh vượng	1	0	2.000	2.000
8	NHTMCP Quốc tế VN	1	0	5.000	5.000
9	NHTMCP Quốc Dân	1	0	1.200	1.200
10	NHTMCP phát triển TP. Hồ Chí Minh	2	5.000	1.000	6.000
Tổng		18	15.230	74.074	89.304

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của UBCKNN qua các năm)

Năm 2009, thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển, các NHTMCP bắt đầu phát hành trái phiếu để HĐV. Việc phát hành riêng lẻ chủ yếu là chào bán đến một số ít NĐT với quy mô đặt mua lớn, trong khoảng thời gian ngắn nên khi cần nguồn vốn lớn và nhanh chóng thì các ngân hàng thường sẽ lựa chọn phát hành trái phiếu riêng lẻ hơn là phát hành trái phiếu ra công chúng bởi điều kiện phát hành ra công chúng đối với trái phiếu hiện còn chặt chẽ, thời gian hoàn thiện hồ sơ lâu.

Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu 8%. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho các NHTMCP theo quy định, từ năm 2016 đến năm 2018, hoạt động phát hành trái phiếu diễn ra nhiều hơn. Tính đến cuối năm 2018 các ngân hàng phát hành trái phiếu với nguồn vốn huy động trên 81.869 tỷ đồng, các ngân hàng đã phát hành trái phiếu trong nước với khối lượng vốn lớn như là NHTMCP Công Thương VN (23.835 tỷ đồng), NHTMCP Đầu tư và phát triển VN (19.500 tỷ đồng) và NHTMCP Ngoại thương VN (10.280 tỷ đồng).

Trong các ngân hàng phát hành trái phiếu để HĐV thì có hai ngân hàng sử dụng cả hai phương thức là phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng đó là NHTMCP Đầu tư và phát triển VN và NHTMCP Á Châu, các ngân hàng còn lại chủ yếu phát hành trái phiếu riêng lẻ để HĐV trong nước. Cụ thể: NHTMCP Đầu tư và phát triển VN phát hành 19.500 tỷ đồng trái phiếu, trong đó giá trị phát hành riêng lẻ là 15.270 tỷ đồng, NHTMCP Á Châu phát hành 6.054 tỷ đồng trong đó giá trị phát hành riêng lẻ là 4.054 tỷ đồng. Việc phát hành trái phiếu của các NHTMCP làm giảm sự tập trung vào hoạt động cấp tín dụng, phân tán rủi ro tín dụng trong nền kinh tế. Đồng thời, hoạt động phát hành trái phiếu thu hút một khối lượng vốn tiền mặt trong lưu thông, đưa vào sử dụng cho nhu cầu đầu tư và phát triển.

Bảng 3.5: Giá trị trái phiếu đã phát hành ra thị trường quốc tế của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018

ĐVT: Triệu đô la

STT	Tên	Số lượt phát hành	Tổng
1	NHTMCP Công Thương VN	2	750
2	NHTMCP Ngoại thương VN	1	1.000
3	NHTMCP Sài Gòn Thương tín	1	200
4	NHTMCP Quốc tế VN	1	200
Tổng		5	2.150

Bên cạnh việc phát hành trái phiếu trong nước, các NHTMCP trong thời gian qua cũng phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế để tăng vốn. Kể từ khi Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ra đời, quy định việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trên phạm vi

lãnh thổ VN và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp. Do vậy, các NHTMCP đã bắt đầu HĐV ở thị trường quốc tế vào năm 2012. Trong năm này có 4 NHTMCP đó là NHTMCP Công Thương VN, NHTMCP Ngoại thương VN, NHTMCP Sài Gòn Thương tín, NHTMCP Quốc tế VN với tổng số tiền thu được từ các lượt phát hành đạt 1.900 triệu đô la. Trong khoảng thời gian này việc phát hành trái phiếu quốc tế gặp nhiều khó khăn: cuộc khủng hoảng nợ Châu Âu chưa kết thúc; Kế hoạch tái cấu trúc ngân hàng đang diễn ra; Một số công ty thuộc nhà nước không thành công khi phát hành trái phiếu quốc tế... Do vậy, năm 2013 đến 2016 không có ngân hàng nào phát hành trái phiếu quốc tế, cho đến năm 2017, NHTMCP Công Thương VN mới phát hành 1 lượt với số tiền là 250 triệu đô la. Tính từ năm 2012 đến 2018 chỉ có 5 lượt phát hành trái phiếu quốc tế với tổng số tiền thu được từ các lượt phát hành là 2.150 triệu đô la.

Năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp có hiệu lực kể từ ngày 1/2/2019 thay thế Nghị định 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho cả doanh nghiệp và ngân hàng phát hành trái phiếu trong và ngoài nước nhưng hoạt động phát hành trái phiếu của các ngân hàng vẫn chưa nhiều.

3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

3.2.1. Thực trạng xây dựng khung pháp lý về quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Ở VN, QLNN về PHCK tập trung vào quản lý tuân thủ, vì vậy công cụ QLNN về PHCK của các NHTMCP được sử dụng chủ yếu là pháp luật. Trong giai đoạn năm 2012-2018, nhà nước đã ban hành văn bản 51 văn bản liên quan đến hoạt động PHCK của các NHTMCP bao gồm 5 Luật, 10 Nghị định, 21 Thông tư, 15 Quyết định do Chính phủ Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN ban hành (xem phụ lục số 11). Hệ thống các văn bản pháp lý về quản lý hoạt động PHCK từng bước được điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đảm bảo hoạt động HĐV của các NHTMCP nói

riêng và công ty cổ phần nói chung một cách hiệu quả, đồng thời tăng cường quản lý, giám sát của các cơ quan QLNN trong hoạt động PHCK.

3.2.1.1. Quy định về điều kiện phát hành, hồ sơ cấp phép phát hành chứng khoán

- Các quy định về điều kiện phát hành

Việc PHCK của công ty cổ phần nói chung và các NHTMCP nói riêng phải tuân thủ các quy định điều kiện, thủ tục đăng ký và PHCK hiện hành. Trong thời gian qua, có hơn 30 văn bản pháp lý ra đời nhằm hoàn thiện, thay thế, bổ sung, sửa đổi nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động PHCK, cụ thể:

Luật CK số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2007, đã đưa ra một số điều kiện tương đối thông thoáng trong hoạt động PHCK. Đến năm 2010, luật CK số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội, sửa đổi, bổ sung một số điều của luật CK số 70/2006/QH11, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2011. Những điểm mới được sửa đổi, bổ sung nhằm mở rộng quy định liên quan đến hoạt động PHCK như chào bán CK riêng lẻ, chào bán CK ra công chúng. Nhằm cụ thể hóa các điều kiện của Luật CK và luật sửa đổi, bổ sung Luật CK, Chính phủ đã ban hành Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, có hiệu lực từ 15/09/2012. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06 năm 2015, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CK và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK, có hiệu lực từ 01/09/2015. Nghị định 60 này bổ sung chi tiết quy định điều kiện và thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng. Hai nghị định trên cụ thể hóa một số quy định liên quan đến hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ, phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng.

Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, ban hành ngày 04/12/2018, có hiệu lực kể từ ngày 1/2/2019 thay thế Nghị định 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Theo Nghị định 163 quy định về điều kiện phát hành doanh nghiệp phát hành trái phiếu sẽ không phải đảm bảo điều kiện có lãi năm liền trước nhưng phải

tăng tính công khai, minh bạch thông qua CBTT đầy đủ. Theo đó, xác lập các tiêu chuẩn và yêu cầu CBTT mà các doanh nghiệp Phát hành trái phiếu phải đáp ứng và báo cáo, theo hướng chặt chẽ hơn và gần tiệm cận tới các tiêu chuẩn và yêu cầu CBTT áp dụng cho các công ty đại chúng. Điều này vừa tạo điều kiện giúp doanh nghiệp tăng cơ hội HĐV, vừa tăng tính an toàn cho NĐT. Nghị định này được triển khai dần dần đưa hoạt động PHCK tiến tới mô hình quản lý PHCK dựa trên CBTT đầy đủ. Nghị định 163 cho phép doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng được phát hành trái phiếu doanh nghiệp trực tiếp cho các NĐT, ngoài các phương thức phát hành khác như đấu thầu, đại lý và bảo lãnh phát hành. Trái phiếu doanh nghiệp có thể được phát hành thành nhiều đợt, tất cả các đợt phát hành phải được hoàn thành trong thời hạn 12 tháng kể từ đợt phát hành đầu tiên và thời gian hoàn thành mỗi đợt phát hành không vượt quá 90 ngày. Quy trình thực hiện phát hành trái phiếu cũng được quy định cụ thể tại Nghị định này. Điều này vừa tạo điều kiện giúp doanh nghiệp tăng cơ hội HĐV, tăng tính an toàn cho NĐT. Nghị định này được triển khai dần dần đưa hoạt động PHCK tiến tới mô hình quản lý PHCK dựa trên CBTT đầy đủ.

Nhằm mục đích chi tiết thủ tục về việc PHCK, ngày 26/10/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 162/2015/TT-BTC hướng dẫn điều kiện chào bán CK ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu, có hiệu lực từ 15/12/ 2015.

Trên cơ sở Luật NHNN, Luật các tổ chức tín dụng, Luật CK, Luật doanh nghiệp và một số văn bản có liên quan khác, Thống đốc NHNN VN đã ban hành Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 14/02/2014. Thông tư này quy định, một trong các điều kiện phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là phải được sự chấp thuận của NHNN. Điều này gây trở ngại cho các tổ chức tín dụng cho nên ngày 30/06/2016 Thống đốc NHNN VN đã ban hành thông tư số 16/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 34/2013/TT-NHNN, có hiệu lực thi hành 01/07/2016, các điều khoản quy định

theo hướng giao quyền chủ động quyết định hoạt động kinh doanh lớn hơn cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhằm cụ thể hóa các quy trình thủ tục liên quan đến hoạt động PHCK, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 820/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính về chào bán CK trên TTCK.

- Các quy định về hồ sơ cấp phép PHCK

Theo quy định thông tư số 162/2015/TT-BTC của Bộ tài chính đã quy định hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng. Thông tư số 50/2018/TT-NHNN của NHNN đã quy định về việc lập hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tăng mức vốn điều lệ của các NHTMCP. Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị tăng vốn; Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng mức vốn; phương án tăng mức vốn; Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần và các danh sách khác kèm theo. Đồng thời, thông tư quy định rõ trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết việc tăng vốn của các NHTMCP.

3.2.1.2. Quy định về quy trình và phương thức phát hành

- Quy trình PHCK

Theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Thông tư số 162/2015/TT-BTC quy định, quy trình chào bán CK ra công chúng + Ngân hàng phát hành gửi đến Vụ Quản lý chào bán CK thuộc UBCKNN hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (01 bộ gốc và 05 bộ sao y bản chính, kèm theo file điện tử theo địa chỉ do UBCKNN quy định).

+ Vụ Quản lý chào bán CK nhận hồ sơ và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ Vụ hướng dẫn ngân hàng phát hành bổ sung.

+ Vụ quản lý chào bán CK kiểm tra nội dung hồ sơ nếu chưa đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN có ý kiến bằng văn bản yêu cầu tổ chức phát hành bổ sung, sửa đổi hồ sơ trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Ngân hàng phát hành hoàn thiện lại hồ sơ, gửi Vụ quản lý chào bán CK sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày Vụ quản lý chào bán CK có công văn yêu cầu. Nếu ngân hàng phát hành không hoàn thiện hồ sơ, Vụ quản lý chào bán CK sẽ dừng việc xem xét hồ sơ phát hành.

+ Ngân hàng phát hành gửi 06 bản cáo bạch chính thức đến Vụ Quản lý chào bán CK trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Vụ quản lý chào bán CK để hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán CK ra công chúng.

Ngoài hồ sơ gửi UBCKNN, NHTMCP khi muốn PHCK phải gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/ 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

NHTMCP lập hồ sơ gửi NHNN: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ NHNN có văn bản yêu cầu NHTMCP bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, NHNN có văn bản chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận tăng mức vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, NHTMCP có văn bản gửi NHNN đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, NHNN có quyết định sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép.

Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 quy định về quy trình phát hành trái phiếu doanh nghiệp, theo đó các NHTMCP muốn phát hành trái phiếu riêng lẻ phải thực hiện các công việc sau:

+ Chuẩn bị hồ sơ phát hành trái phiếu bao gồm: Phương án phát hành, bản CBTT; Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu (nếu có); Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán; Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng phát hành trái phiếu. Riêng đối với phương án phát hành phải được hội đồng quản trị ngân hàng phê duyệt và phải báo cáo Đại hội

đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;

+ CBTT trước đợt phát hành tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu cho các NĐT đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch CK;

+ Tổ chức phát hành trái phiếu: ngân hàng lựa chọn các phương thức phát hành trái phiếu (đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu, bán trực tiếp cho NĐT);

+ Các tổ chức tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu phải rà soát việc đáp ứng quy định về điều kiện và hồ sơ phát hành trái phiếu;

+ Ngân hàng tiến hành phát hành trái phiếu và CBTT về kết và báo cáo kết quả phát hành chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu cho các NĐT sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT đến Sở Giao dịch CK theo hình thức hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử;

+ Ngân hàng phát hành thực hiện lưu ký trái phiếu trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, trái phiếu ngân hàng phải được đăng ký, lưu ký tại một tổ chức lưu ký được phép để quản lý số lượng NĐT;

+ Ngân hàng phát hành CBTT và báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm cho đến khi đáo hạn trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ theo hình thức hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử cho NĐT sở hữu trái phiếu hoặc tổ chức lưu ký để công bố cho NĐT sở hữu trái phiếu; đồng thời gửi nội dung CBTT định kỳ cho Sở Giao dịch CK;

+ Ngân hàng phát hành thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu; doanh nghiệp phát hành thực hiện CBTT và báo cáo định kỳ kể từ khi hoàn thành đợt phát hành trái phiếu cho đến khi đáo hạn trái phiếu.

- Các quy định phương thức PHCK

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định các phương thức phát hành cổ phiếu bao gồm chào bán CK ra công chúng và chào bán CK riêng lẻ. Theo đó, các NHTMCP sử dụng các phương thức này để chào bán CK trên thị trường.

Luật doanh nghiệp 2014, có hiệu lực ngày 01/07/2015 quy định việc chào bán cổ phần với các phương thức là chào bán cho các cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng, chào bán cổ phần riêng lẻ.

3.2.1.3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin

Tăng cường tính công khai minh bạch góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thực thi của cơ quan quản lý. Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn CBTT trên TTCK thay thế thông tư 52/2012/TT-BTC nhằm khắc phục một số bất cập, hạn chế, một số nội dung chưa được cập nhật mới theo luật doanh nghiệp. Thông tư 155 đã mở rộng đối tượng, lĩnh vực phải CBTT định kỳ, CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và khuyến khích CBTT bằng tiếng Anh... Khi NHTMCP là công ty đại chúng có nhiều nghĩa vụ phải cung cấp thông tin.

CBTT về việc chào bán của tổ chức phát hành và báo cáo kết quả của đợt chào bán CK ra công chúng cũng được quy định ở thông tư số 162/2015/TT-BTC.

Để thực hiện và báo cáo thông tin bằng điện tử, UBCKNN đã có Quyết định số 587/QĐ-UBCK ngày 04 tháng 08 năm 2014 ban hành kèm theo quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống CBTT (IDS) của UBCKNN. Quyết định này hướng dẫn các nghiệp vụ CBTT định kỳ, bất thường, theo yêu cầu liên quan đến đợt chào bán CK ra công chúng và Phát hành trái phiếu riêng lẻ.

Các quy định về CBTT có trên là những công cụ pháp lý cần thiết và hữu hiệu để nâng cao chất lượng hoạt động PHCK, góp phần nâng cao chất lượng phát hành. Hiện nay, các kênh thông tin phổ biến về PHCK là kênh thông tin của cơ quan QLNN và kênh từ các NHTMCP nhưng chưa được coi trọng trong việc CBTT đúng quy định.

3.2.1.4. Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài

Sau khi HDV bằng PHCK, các NHTMCP sử dụng vốn đúng mục đích đã ghi trong hồ sơ phát hành, nếu có thay đổi mục đích sử dụng vốn theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thì thực hiện theo Nghị định số 58/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn

10 ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi mục đích sử dụng vốn, tổ chức phát hành phải báo cáo UBCKNN và CBTT về lý do thay đổi và quyết định Hội đồng quản trị về việc thay đổi hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với tổ chức phát hành nước ngoài. Việc thay đổi mục đích sử dụng vốn phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất; Đối với trường hợp HĐV để thực hiện các dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, tổ chức phát hành phải báo cáo UBCKNN và CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Theo quy định này, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, để tăng quy mô vốn hoạt động hoặc để cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp. Mục đích phát hành phải được doanh nghiệp nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu và CBTT cho NĐT đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Nghị định này. Việc sử dụng vốn huy động được từ phát hành trái phiếu phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung CBTT cho NĐT.

Luật Đầu tư 2014 ở VN, quy định NĐT nước ngoài được sở hữu vốn điều lệ không hạn chế trong tổ chức kinh tế, trừ các trường hợp: Tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài tại công ty niêm yết, công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh CK và các quỹ đầu tư CK theo quy định của pháp luật về CK; Tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước; Tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà VN là thành viên.

Theo nghị định số 60/2015/NĐ-CP quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: Trường hợp điều ước quốc tế mà VN là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế; Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng

đối với NĐT nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%; Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo hình thức chào bán CK ra công chúng thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa...

3.2.1.5. Quy định về hoạt động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm

Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08/12/2017 và thay thế Thông tư số 193/2013/TT-BTC ngày 16/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực CK của Sở Giao dịch CK và Trung tâm lưu ký CK VN, quy định về phương thức giám sát, nội dung giám sát, chế độ báo cáo UBCKNN,...Theo đó, hoạt động lưu ký của các NHTMCP khi thực hiện PHCK cũng được UBCKNN giám sát thông qua trung tâm lưu ký CK VN.

Đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP còn chịu sự quản lý của NHNN, để quản lý hoạt động này Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2014/NĐ-CP và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 26/2014/NĐ-CP. Hoạt động PHCK của các NHTMCP không chỉ chịu sự thanh tra, giám sát của Vụ giám sát TTCK thuộc UBCKNN mà còn chịu sự thanh tra, giám sát của cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc NHNN.

Để nâng cao chất lượng hàng hóa, thuận lợi trong quá trình kiểm tra, giám sát, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2014/NĐ-CP về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, theo đó Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 507/2015/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, mở đường cho công ty định mức tín nhiệm ra đời. Quy định trên sẽ đưa ra các tiêu chí về PHCK cụ thể, theo đó các đơn vị phát hành nói chung, NHTMCP nói riêng đáp ứng được yêu cầu thì mới được phép phát hành.

Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CK và TTCK và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP. Theo đó, quy định mức xử phạt hành chính trong lĩnh vực CK được nâng lên tối đa

2 tỷ đồng đối với tổ chức và 1 tỷ đồng đối với cá nhân. Nghị định này hướng dẫn cụ thể về xử lý hình sự đối với 3 tội danh trong lĩnh vực CK gồm: Cố ý thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động CK; Sử dụng thông tin nội bộ để mua bán CK và thao túng giá CK, quy định thẩm quyền xử phạt đến mức tối đa của Chủ tịch UBCKNN, nâng thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra UBCKNN và bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của UBCKNN.

Nghị định trên đã đáp ứng được yêu cầu nâng cao tính răn đe, phòng ngừa vi phạm trên thị trường, đảm bảo thống nhất với những nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính tại Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/7/2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CK, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.

Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CK và TTCK và Thông tư số 36/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC. Thông tư này quy định hình thức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký chào bán, hồ sơ phát hành CK, các vi phạm quy định về thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Nhằm thực hiện công tác kiểm tra giám sát việc PHCK ngân hàng, Chính phủ đã ban hành các chế tài xử phạt vi phạm hành chính nhằm ngăn chặn các hành vi sai phạm trong phát hành cổ phiếu của ngân hàng. Nghị định số 96/2014/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó nêu rõ phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng đối với hành vi không phát hành cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai trương hoạt động đối với các tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ...

Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này quy định những nội dung sau: Giám sát của quản lý cấp cao; Hoạt động kiểm soát của NHTM; quản lý rủi ro đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Trải qua nhiều năm thực hiện QLNN trong hoạt động PHCK để HĐV, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện dần góp phần nâng cao tính công khai minh bạch trong hoạt động PHCK, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và cưỡng chế thực thi của các cơ quan QLNN, tạo điều kiện cho các NHTMCP có thể HĐV một cách hiệu quả thông qua TTCK. Tuy nhiên, có nhiều văn bản cùng quy định về hoạt động phát hành cổ phiếu, trái phiếu gây nên sự chồng chéo khó khăn khi áp dụng. Cụ thể như việc chào bán trái phiếu ra công chúng của các NHTMCP được quy định tại Luật CK và Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Riêng điều kiện về đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHTMCP phải tuân thủ theo quy định Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của NHNN.

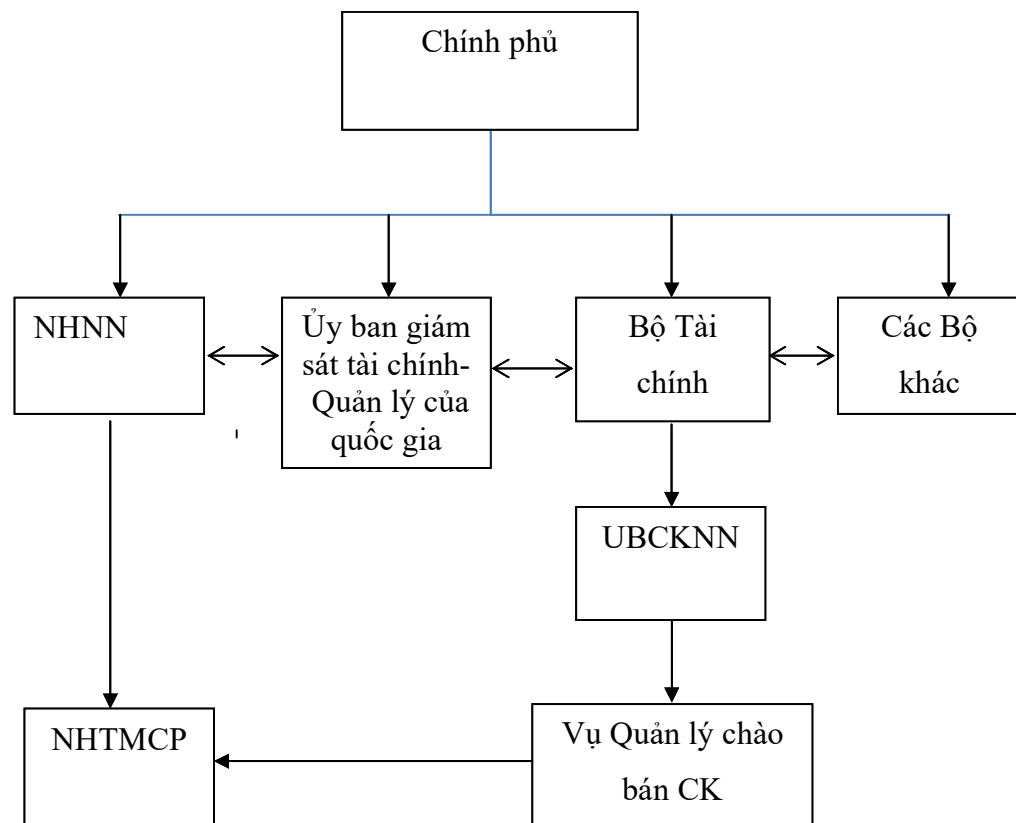
3.2.2. Thực trạng mô hình và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Ở VN, QLNN về PHCK vừa dựa theo mô hình quản lý theo chất lượng vừa dựa theo mô hình quản lý trên cơ sở CBTT đầy đủ, cụ thể là quản lý tổ chức phát hành là quản lý việc chấp hành các yêu cầu phát hành, yêu cầu về CBTT và yêu cầu về quản trị công ty trong quá trình niêm yết trên TTCK. Tổ chức phát hành phải đáp ứng các điều kiện nhất định, thực hiện đăng ký chào bán, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và phải được UBCKNN chấp thuận. Ngoài ra, các tổ chức phát hành có nghĩa vụ cung cấp cho NĐT thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, thực hiện chế độ báo cáo với UBCKNN sau khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo kế hoạch sử dụng vốn huy động được từ đợt chào bán.

Việc quản lý hoạt động PHCK của các NHTMCP là quản lý việc chấp hành các yêu cầu phát hành, cụ thể là đơn vị phát hành phải đáp ứng các điều kiện nhất định, thực hiện đăng ký chào bán, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và phải được UBCKNN chấp thuận. Ngoài ra, các đơn vị phát hành thực hiện yêu cầu về CBTT, cụ thể phải

cung cấp cho NĐT thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, kế hoạch phát hành, tình hình thực hiện chế độ báo cáo với UBCKNN sau khi kết thúc đợt phát hành, báo cáo kế hoạch sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành.

Mô hình tổ chức QLNN về PHCK của các NHTMCP cũng giống như các doanh nghiệp khác, thông thường trách nhiệm của cơ quan QLNN trong hoạt động kiểm soát đánh giá hoạt động của ngân hàng trước khi phát hành là đánh giá tính hợp pháp và đúng đắn của đợt phát hành, khả năng sử dụng vốn huy động được sau đợt phát hành.



Sơ đồ 3.1: Mô hình tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK

(Nguồn: www.ssc.gov.vn)

- Chính phủ: Chính phủ thống nhất QLNN về CK và TTCK.
- Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về CK và TTCK.
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia là cơ quan thực hiện chức năng tham

mưu, tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ trong việc điều phối hoạt động giám sát thị trường tài chính quốc gia ở các lĩnh vực ngân hàng, CK, bảo hiểm. Quản lý của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia tham gia ý kiến với NHNN, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định về quản lý, thanh tra, giám sát về hoạt động PHCK của các NHTMCP.

- NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về tiền tệ, quản lý các hoạt động ngân hàng đặc biệt là hoạt động HĐV nhằm bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia. NHNN chịu trách nhiệm quản lý quá trình phát hành trái phiếu ngân hàng. NHNN giao cho Vụ chính sách tiền tệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét đề nghị chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của các NHTMCP.

- Các bộ khác: Các bộ, cơ quan ngang bộ khác như Bộ công an, Bộ tư pháp, Viện chiến lược ngân hàng, trong phạm vi và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện QLNN về CK và TTCK.

Trên cơ sở sự phân cấp quản lý như trên thì chức năng QLNN về CK và TTCK được tập trung vào một đầu mối là Bộ Tài chính. Theo đó, Bộ Tài chính giao cho UBCKNN trực tiếp chỉ đạo hoạt động PHCK của các NHTMCP với mục tiêu chính là tạo môi trường thuận lợi cho việc HĐV cho đầu tư phát triển, đảm bảo cho TTCK hoạt động có tổ chức, an toàn, công khai, công bằng và hiệu quả, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các NĐT.

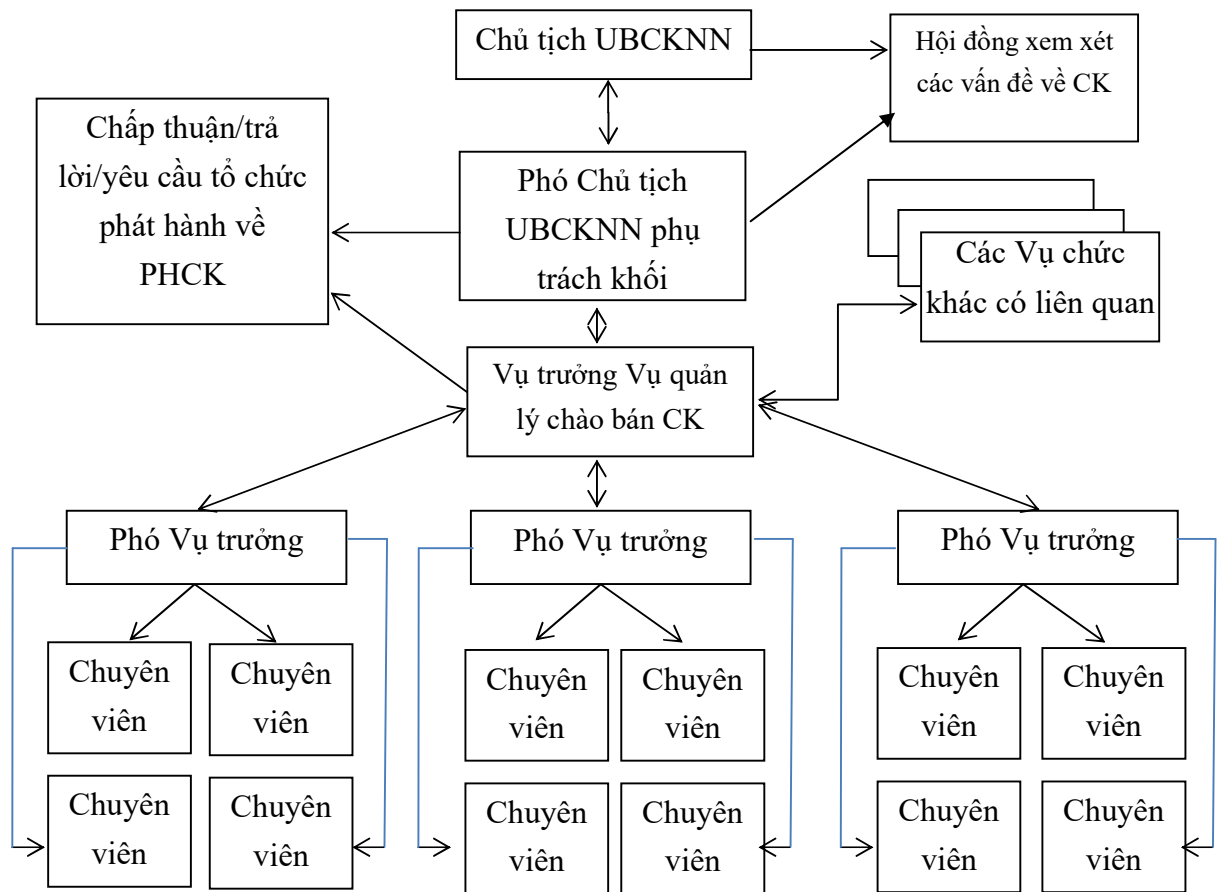
Vụ Quản lý chào bán CK đại diện UBCKNN đảm nhiệm QLNN về PHCK, theo quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 22 tháng 03 năm 2016, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Vụ Quản lý chào bán CK như sau:

- Nhiệm vụ: Trình Chủ tịch UBCKNN đề trình Bộ trưởng Bộ Tài chính văn bản quy phạm pháp luật về chào bán CK của các tổ chức phát hành; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng chính sách, giải pháp, đề án liên quan đến hoạt động phát hành và tăng nguồn cung hàng hóa cho TTCK; Trình Chủ tịch UBCKNN ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, các quy định, tiêu chuẩn, quy trình

ng nghiệp vụ liên quan đến chào bán CK của các tổ chức phát hành, văn bản đấu giá cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước, góp ý văn bản về việc chấp thuận cho các tổ chức kiểm toán đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực CK; Thẩm định, trình Chủ tịch UBCKNN cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký PHCK ra công chúng, phát hành riêng lẻ của các công ty đại chúng (trừ công ty CK, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư CK và quỹ đầu tư CK); Thẩm định, trình Chủ tịch UBCKNN hướng dẫn tổ chức phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Thẩm định, trình Chủ tịch UBCKNN chấp thuận cho các tổ chức kiểm toán đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực CK; Chấp thuận các NHTM đủ điều kiện thực hiện bảo lãnh Phát hành trái phiếu theo quy định pháp luật; Trình Chủ tịch UBCKNN chấp thuận hồ sơ các tổ chức đấu giá cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước; Quản lý, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động chào bán CK ra công chúng; tổ chức thực hiện công tác thống kê, phân tích thuộc phạm vi quản lý của Vụ; Tham mưu cho Chủ tịch UBCKNN trong việc hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực phát hành, niêm yết CK; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBCKNN giao.

- Quyền hạn: Tổ chức chỉ đạo triển khai lĩnh vực công tác được giao thống nhất trong UBCKNN; tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo công chức; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; Được quyền yêu cầu các đơn vị thuộc UBCKNN cung cấp số liệu, tài liệu có liên quan phục vụ cho công tác nghiệp vụ chuyên môn được giao; Được ký thừa lệnh Chủ tịch UBCKNN các văn bản hướng dẫn, giải thích, trả lời các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo Quy chế làm việc của UBCKNN.

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn được giao Vụ Quản lý chào bán CK thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động PHCK của các ngân hàng phát hành theo sơ đồ 2.2.



Sơ đồ 3.2: Mô hình tổ chức bộ máy Vụ quản lý chào bán CK

(Nguồn: UBCKNN)

Vụ trưởng: Chịu trách nhiệm chung trước Chủ tịch UBCKNN, thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các Phó Vụ trưởng: phụ trách các nhiệm vụ do Vụ trưởng phân công, mỗi Phó Vụ trưởng phụ trách một nhóm chuyên viên xử lý các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ và chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng về các nhiệm vụ được giao.

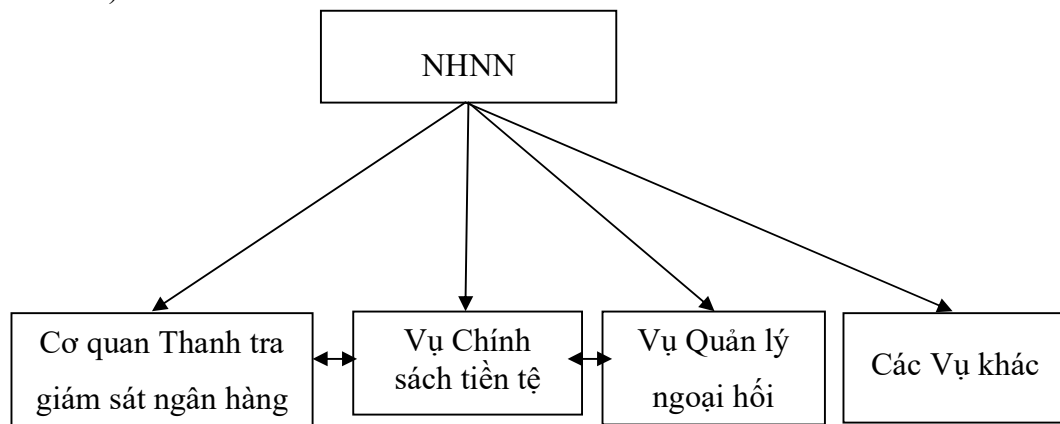
Các chuyên viên có trách nhiệm thẩm định hồ sơ PHCK của các đơn vị phát hành, hoặc giám sát các hình thức PHCK khác theo quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý của mình.

Đội ngũ nhân sự của Vụ Quản lý chào bán CK có trình độ đại học trở lên, được đào tạo chuyên ngành kinh tế trong và ngoài nước, thường xuyên cập nhật kiến

thức, kỹ năng trong lĩnh vực CK với mục đích thực hiện tốt chức trách được giao.

Để đảm bảo cho việc ra các quyết định một cách thận trọng và tăng cường trách nhiệm của Vụ khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, vụ thường xuyên lấy ý kiến của các Vụ khác có liên quan như Vụ Giám sát công ty đại chúng, Vụ phát triển TTCK, Vụ pháp chế,...

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn được giao, NHNN phân công, phân cấp chức năng QLNN đối với quá trình PHCK của các NHTMCP cho các cơ quan sau (xem sơ đồ 3.3).



Sơ đồ 3.3: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của NHNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP

(Nguồn: NHNN)

Vụ Chính sách tiền tệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ Quản lý ngoại hối xem xét đề nghị chấp thuận các trường hợp sau:

NHTMCP phát hành trái phiếu của NHTMCP do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, chào bán trái phiếu ra công chúng, trình Thống đốc NHNN xem xét quyết định; Gửi hồ sơ về phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để trình Thống đốc NHNN xem xét quyết định; Tiếp nhận báo cáo kết quả phát hành trái phiếu của NHTMCP.

NHTMCP phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và gửi văn bản chấp thuận cho NHTMCP, sau đó nhận báo cáo kết quả về việc tăng vốn và ra nghị quyết sửa đổi vốn điều lệ trong giấy phép của NHTMCP.

Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: cung cấp theo đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ về NHTMCP chào bán trái phiếu ra công chúng đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật CK; Xem xét trình Thống đốc NHNN chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn phát hành trái phiếu và thông báo kết quả xử lý về Vụ Chính sách tiền tệ; Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xem xét và có ý kiến cụ thể về việc chấp thuận hay không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của NHTMCP do nhà nước sở hữu trên 50% vốn Điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, NHTMCP chào bán trái phiếu ra công chúng; Thanh tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc NHNN xử lý các trường hợp vi phạm các quy định.

Vụ Quản lý ngoại hối: Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xem xét và có ý kiến cụ thể về việc chấp thuận hay không chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của năm của NHTMCP do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, chào bán trái phiếu ra công chúng.

3.2.3. Thực trạng triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

3.2.3.1. Thực trạng quản lý cấp phép phát hành

Đề CK phát hành ra công chúng đảm bảo chất lượng đòi hỏi Vụ Quản lý chào bán CK phải kiểm tra tính đúng đắn và hợp pháp hồ sơ xin phép phát hành của các NHTMCP gửi đến một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng trước khi cấp phép phát hành. Thực trạng cấp phép phát hành đối với các NHTMCP qua các năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.6: Số lượt cấp phép PHCK qua các năm

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	Cổ phiếu (phát hành ra công chúng)		Trái phiếu (phát hành ra công chúng)		Trái phiếu (phát hành riêng lẻ)	
	Lượt	Tổng	Lượt	Tổng	Lượt	Tổng
2012	9	56.294	2	4.060	2	2.145
2013	14	72.287	1	0	3	23.315
2014	7	197.396	1	0	3	2.850
2015	10	114.954	5	7.440	4	19.150
2016	14	401.779	4	41.508	3	683
2017	6	123.624	4	10.000	2	6.597
2018	8	269.683	6	24.870	2	5.870
Tổng	68	1.236.016	23	87.878	19	60.592

(Nguồn: Báo cáo của UBCKNN qua các năm)

Việc cấp phép PHCK của NHTMCP được coi là đúng quy định của pháp luật khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và có đủ giấy tờ chứng minh về tính khả thi sau khi thu hút vốn. Hồ sơ các NHTMCP gửi đến Vụ Quản lý chào bán CK đầy đủ, hợp lệ, Vụ Quản lý chào bán CK sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán và công bố công khai trên trang website của UBCKNN (<http://www.ssc.gov.vn>).

Tổng lượt cấp phép phát hành cổ phiếu của các NHTMCP tính từ năm 2012 đến 2018 là 68 lượt với tổng giá trị 1.236.016 tỷ đồng, số lượt cấp phép phát hành cổ phiếu cao nhất vào năm 2013 và 2016 với tổng 14 lượt mỗi năm. Trong khi đó, tổng lượt cấp phép phát hành cổ phiếu của các NHTMCP chỉ có 23 lượt với tổng giá trị 87.878 tỷ đồng. Từ năm 2012 đến 2018, hầu hết hồ sơ xin cấp phép phát hành của các NHTMCP đều được UBCKNN chấp thuận, chưa có trường hợp nào không được UBCKNN chấp thuận.

Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của các NHTMCP dưới sự cấp phép phát hành và quản lý của NHNN trong những năm qua đạt được số lượng nhất định. Tổng lượt số phát hành qua các năm đạt 19 lượt với tổng giá trị là 60.592 tỷ đồng. NHNN chỉ cấp phép phát hành trái phiếu riêng lẻ của các NHTMCP, còn việc PHCK ra công chúng do UBCKNN cấp phép, điều này gây khó khăn cho cả ngân hàng

phát hành và các cơ quản quản lý. Các ngân hàng phát hành phải đáp ứng và tuân thủ các điều kiện quy định của UBCKNN và NHNN, các cơ quản quản lý khó khăn trong việc kiểm soát quá trình HDV và sử dụng vốn của các ngân hàng khi PHCK.

3.2.3.2. Thực trạng thanh tra, giám sát quá trình phát hành chứng khoán và xử lý vi phạm pháp luật về phát hành chứng khoán

** Thực trạng thanh tra, giám sát của UBCKNN*

Theo quy định hiện hành mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CK và TTCK quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực CK và TTCK đối với tổ chức vi phạm là 2.000.000.000 đồng và đối với cá nhân vi phạm là 1.000.000.000 đồng; Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định là 5% tổng số tiền đã huy động trái pháp luật nhưng không vượt quá 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức và 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức có hành vi vi phạm là 05 lần khoản thu trái pháp luật nhưng không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Đối với trường hợp vi phạm trong việc chậm CBTT, UBCKNN xử phạt hành chính với mức phạt tối đa hiện nay là 100 triệu đồng. Với chế tài xử lý vi phạm còn nhẹ, chưa đủ mạnh, phòng ngừa vi phạm, các NHTMCP đã chấp nhận nộp phạt để thu về khoản lợi lớn hơn nhiều so với tiền phạt.

Trong thời gian qua, công tác thanh tra, giám sát quá trình PHCK được thực hiện đúng quy trình, thủ tục. Vụ quản lý chào bán CK thực hiện việc thẩm định, trình Chủ tịch UBCKNN cấp chứng nhận đăng ký chào bán CK ra công chúng, phát hành riêng lẻ của các NHTMCP, thực hiện đúng quy trình thủ tục PHCK. Đồng thời, dựa trên các hoạt động cụ thể, các số liệu, tài liệu báo cáo của UBCKNN đã phát hiện các dấu hiệu thiếu sót hoặc các hành vi vi phạm của tổ chức phát hành để đưa ra các hình thức xử phạt đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 3.7: Tình hình xử lý vi phạm đối với các NHTMCP thực hiện PHCK

NH bị xử lý vi phạm	Ngày ban hành quyết định xử phạt	Mức phạt	Nội dung sai phạm
NHTMCP Đại Tín	18/07/2008	Cảnh cáo	Không lập và nộp hồ sơ công ty đại chúng cho UBCKNN
		50 trđ	Chào bán và phân phối CK không đúng quy định
NHTMCP Dầu Khí	24/06/2008	50 trđ	Chào bán CK ra công chúng không đúng quy định
NHTMCP Kiên Long	28/02/2008	50 trđ	Chào bán CK ra công chúng không đúng quy định
		Cảnh cáo	Không báo cáo kết quả chào bán CK ra công chúng
NHTMCP Thái Bình Dương	19/01/2009	30trđ	Chào bán và phân phối CK không đúng quy định
NHTMCP Nông thông Mỹ Xuyên	24/09/2009	20 trđ	Chào bán và phân phối CK không đúng quy định
NHTMCP Đại Tín	11/06/2009	20 trđ	CBTT và thu tiền góp vốn về tài khoản phong tỏa không đúng quy định
NHTMCP Hàng hải	22/09/2009	Cảnh cáo	Chậm nộp báo cáo tài chính và báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng
NHTMCP Đông Á	05/09/2009	Cảnh cáo	Phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ nhưng không báo cáo UBCKNN
NHTMCP Sài Gòn			
NHTMCP Xuất Nhập Khẩu			
NHTMCP Gia Định			
NHTMCP Đại Á	27/09/2011	70 trđ	Chào bán CK đã hết thời gian gia hạn

(Nguồn: <http://www.ssc.gov.vn>)

Hầu hết các NHTMCP có đầy đủ giấy tờ cần thiết khi xin cấp phép, thực hiện đúng thời gian quy định. Khi nhận được hồ sơ xin PHCK, Vụ quản lý chào bán CK đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán CK đúng thời gian quy định, không xảy ra tình trạng chậm trễ ảnh hưởng đến hoạt động của các NHTMCP. Tuy nhiên,

vẫn có ngân hàng đã không lập và nộp hồ sơ công ty đại chúng cho UBCKNN nên đã bị UBCKNN phạt cảnh cáo như NHTMCP Đại Tín.

Những năm đầu khi mới thực hiện việc PHCK để HDV các NHTMCP thường dễ sai sót dẫn đến bị phạt tiền hay cảnh cáo. Một số NHTMCP chưa thực hiện đúng hay không thực hiện đầy đủ các quy định đã ban hành, cụ thể: NHTMCP Đại Tín, NHTMCP Dầu Khí, NHTMCP Kiên Long đã chào bán và phân phối CK không đúng quy định, NHTMCP Đại Tín không CBTT và thu tiền góp vốn về tài khoản phong tỏa không đúng quy định. Sau khi kết thúc đợt PHCK các NHTMCP phải thông báo kết quả PHCK trên phương tiện thông tin đại chúng. Do hạn chế trong quá trình đôn đốc, nhắc nhở nên NHTMCP Kiên Long đã không báo cáo kết quả PHCK ra công chúng đến UBCKNN. Từ năm 2012 đến năm 2018, QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP được chặt chẽ hơn, không có trường hợp nào vi phạm được phát hiện và xử lý trong quá trình PHCK, các NHTMCP đều thực hiện đúng quy định đã đề ra.

Trong các NHTMCP bị xử lý vi phạm ở bảng tổng hợp trên thì có NHTMCP Dầu Khí, NHTMCP Hàng hải và NHTMCP Xuất Nhập Khẩu là những ngân hàng niêm yết trên sàn giao dịch cũng bị xử phạt ở những năm đầu mới phát hành. Các ngân hàng này chủ yếu bị phạt do việc chậm nộp báo cáo, phát hành cổ phiếu mà không báo cáo UBCKNN, chào bán CK không đúng quy định. Các sai phạm và hình thức xử phạt trên với giá trị thấp nên các NHTMCP dễ dàng chấp nhận việc nộp phạt để hưởng khoảng lợi lớn hơn từ việc không tuân thủ quy định của các cơ quan QLNN.

Thời gian qua, UBCKNN quản lý quá trình sử dụng vốn từ PHCK của các NHTMCP dựa trên báo cáo về mục đích sử dụng vốn, không phát hiện trường hợp nào sử dụng vốn sai mục đích. Để tránh tình trạng thực hiện sai quy định về quá trình sử dụng vốn, các NHTMCP đã đưa ra mục đích sử dụng vốn phát hành chung chung như là bổ sung nguồn vốn lưu động hay phục vụ hoạt động kinh doanh. Hơn nữa, khi gặp phải các vấn đề phát sinh thực tế không sử dụng vốn đúng mục đích thì các NHTMCP sẽ thay đổi mục đích sử dụng vốn phát hành và báo cáo với UBCKNN bằng văn bản. UBCKNN chủ yếu kiểm tra thông tin trên giấy tờ từ các

NHTMCP gửi về, việc xác minh tính chính xác rất ít được thực hiện, điều này đã làm ảnh hưởng không tốt đến chất lượng quản lý.

Ngoài ra, UBCKNN đã phối hợp với Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính rà soát, góp ý với Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về hoàn thiện quy định đối với 04 tội danh trong lĩnh vực CK tại Luật số 12/2017/QH14 nhằm kịp thời phát hiện và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 2015 về quy định xử lý hình sự trong lĩnh vực CK và TTCK.

UBCKNN phối hợp với SGĐCK, Trung tâm Lưu ký CK trong việc giám sát và xử lý 11 trường hợp vi phạm của các NHTMCP trong việc PHCK từ cảnh cáo đến phạt tiền.

*** Thực trạng thanh tra, giám sát của NHNN**

Thời gian qua, các ngân hàng đều sử dụng vốn đúng mục đích như đã nêu trong phương án phát hành, NHNN không phát hiện trường hợp sử dụng vốn sai mục đích bởi mục đích sử dụng vốn do các ngân hàng phát hành ghi trong phương án phát hành mang tính chung chung.

NHNN chịu trách nhiệm quản lý quá trình thực hiện quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các ngân hàng theo tiêu chuẩn Basel II nhưng không có trách nhiệm báo cáo UBCKNN. Tình hình thực hiện hiện quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các ngân hàng giai đoạn 2012-2018 ở bảng sau:

Bảng 3.8: Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn của các NHTMCP giai đoạn 2012-2018

TT	NHPH	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1	NHTMCP Công thương VN	10,33	13,2	10,4	10,6	10,4	10,96	10,4
2	NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	9,53	10,22	10,4	10,96	9,61	10,23	9,81
3	NHTMCP Xuất Nhập khẩu VN	12,94	14,47	13,62	16,52	17,12	16,03	14,18
4	NHTMCP Quân Đội	11,15	12,91	12,11	12,85	12,5	12,38	13,19
5	NHTMCP Đầu tư và phát triển VN	9,65	10,23	9,27	9,81	9,5	9,53	10,4
6	NHTMCP Ngoại Thương VN	14,63	13,13	11,61	11,04	11,13	12,38	11,4
7	NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội	14,18	12,38	11,33	11,4	13	13,2	12,94
8	NHTMCP Á Châu	13,5	14,7	14,1	12,8	13,19	13,62	12,85
9	NHTMCP Quốc Dân	19,09	16,03	10,83	11,08	11,3	11,04	10,22
Toàn hệ thống		13,75	13,25	12,75	13	11,1	12,15	11,71

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của các NHTMCP giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2018)

Giai đoạn 2012-2016, hệ số an toàn vốn (CAR) của các NHTMCP đều trên 9%, cho nên hệ số an toàn vốn trung bình của toàn hệ thống NHTMCP VN đều đảm bảo quy định, lớn hơn 9%. Hệ số an toàn vốn có xu hướng tăng lên, các NHTMCP (NHTMCP Ngoại Thương VN, NHTMCP Công thương VN, NHTMCP Đầu tư và phát triển VN lớn có hệ số an toàn vốn thấp hơn các NHTM nhỏ (NHTMCP Á Châu, NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội).

Số liệu trên cho thấy mặc dù hệ số an toàn vốn của nhóm NHTMCP cao hơn mức quy định của NHNN nhưng cách tính hệ số an toàn vốn của các NHTMCP ở VN chưa hoàn toàn giống với quy định của Basel II, chưa phản ánh đúng thực tế về mức độ rủi ro của các ngân hàng. Cách tính hệ số an toàn vốn của các NHTMCP ở VN đang dần tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trên 9% nhưng phương pháp tính đơn giản và chưa phản ánh đầy đủ nội dung Basel II cho nên khả năng chống chịu rủi ro của các ngân hàng chưa thực sự được bảo đảm.

Mục tiêu chính của công tác thanh tra, giám sát quá trình sử dụng vốn sau phát hành của NHNN đối với các NHTMCP là nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi sử dụng vốn sai mục đích, đảm bảo hoạt động của các ngân hàng ổn định, có hiệu quả. NHNN đã ban hành Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 1/8/2017 và Sổ tay Giám sát ngân hàng giúp chuẩn hóa và thống nhất nội dung, trình tự, thủ tục giám sát tổ chức tín dụng trong toàn hệ thống thanh tra, giám sát ngành ngân hàng. Tuy nhiên, NHNN thường tập trung vào việc giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động, ít chú trọng đến việc đánh giá, cảnh báo rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

3.3. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

3.3.1. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam từ tổng hợp kết quả khảo sát

Cùng với việc phân tích định tính ở phần trên, để đánh giá thực trạng QLNN về PHCK của NHTMCP VN chuẩn xác hơn, phiếu khảo sát được thiết kế với 6 câu

hỏi (xem phụ lục 1) để thu nhận các ý kiến đánh giá của các tổ chức QLNN, chuyên gia, nhà nghiên cứu về thực trạng QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của NHTMCP VN. Các câu hỏi được thiết kế với 5 mức độ (từ mức 1 đến mức 5) bao gồm các nội dung: mức độ hoàn thiện chính sách, mô hình và bộ máy QLNN, thực trạng hoạt động, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, giải pháp hoàn thiện QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN. Khung lý thuyết của bảng hỏi, thang đo, đối tượng khảo sát, phương thức khảo sát, phương thức khảo sát và phỏng vấn các đối tượng được trình bày ở phần phương pháp nghiên cứu.

3.3.1.1. Kết quả khảo sát về mức độ hoàn thiện chính sách của Nhà nước

Mức độ hoàn thiện chính sách (phù hợp với thực tiễn VN và thông lệ quốc tế, tính hiệu quả, hiệu lực) của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN được thể hiện qua bảng 3.9 (Thông tin chi tiết xem Phụ lục 2):

Bảng 3.9: Đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN

Tiêu chí		Quy định điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK	Quy định về quy trình và phương thức PHCK	Quy định về nghĩa vụ CBTT của chủ thể PHCK	Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính	Quy định về thanh tra, giám sát trong hoạt động PHCK	Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan quản lý hợp lý
N	Valid	192	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0	0
Mean		4.04	4.30	3.72	4.10	3.11	2.63	3.41
Std. Error of Mean		.077	.053	.082	.068	.073	.062	.063
Std. Deviation		1.070	.740	1.141	.938	1.017	.853	.869
Variance		1.145	.547	1.303	.879	1.034	.728	.756
Minimum		1	1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5	5

Với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: 1 là ít hoàn thiện nhất; 2 là ít hoàn thiện; 3 là bình thường; 4 là hoàn thiện và 5 là hoàn thiện nhất. Kết quả được khảo sát đã được kiểm định và đảm bảo phân phối chuẩn, mức điểm trung bình của

các quy định về: điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK; quy trình và phương thức PHCK; mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn đều đạt ở mức gần 4 hoặc trên 4. Đây là mức điểm được đánh giá tốt. Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK được đánh giá ở mức trung bình là 2.63 là mức thấp. Trên cơ sở phân tích thực trạng trên, đã cho thấy các quy định về xử lý vi phạm trong PHCK còn nhiều hạn chế về mức độ xử phạt còn nhẹ, chưa đủ tính răn đe.

Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính được đánh giá là hoàn thiện nhất trong các quy định thuộc về chính sách của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN (Bảng 3.10). Mức độ hoàn thiện và hoàn thiện nhất được lựa chọn đến 77,1%, mức độ ít hoàn thiện nhất và ít hoàn thiện được lựa chọn chỉ 4,2%. Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính theo tiêu chuẩn Basel II, phù hợp với tình hình thực tế ở VN và theo thông lệ quốc tế.

Bảng 3.10: Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	5	2.6	2.6	2.6
	Ít hoàn thiện	3	1.6	1.6	4.2
	Bình thường	36	18.8	18.8	22.9
	Hoàn thiện	71	37.0	37.0	59.9
	Hoàn thiện nhất	77	40.1	40.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK được đánh giá ở mức thấp nhất trong các quy định về mức độ hoàn thiện chính sách, được thể hiện ở biểu đồ sau:

Bảng 3.11: Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	6	3.1	3.1	3.1
	Ít hoàn thiện	91	47.4	47.4	50.5
	Bình thường	74	38.5	38.5	89.1
	Hoàn thiện	11	5.7	5.7	94.8
	Hoàn thiện nhất	10	5.2	5.2	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Thang điểm từ 1 đến 3 chiếm đến 89,1% là mức ít hoàn thiện và mức bình thường, mức đánh giá này cho biết quy định về xử lý vi phạm trong PHCK chưa đủ tính ren đe đối với các các NHTMCP vi phạm quy định trong PHCK.

3.3.1.2. Kết quả khảo sát về mô hình và bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP ở VN là vừa quản lý theo chất lượng vừa quản lý theo chế độ CBTT chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Kết quả khảo sát đã cho thấy mô hình, bộ máy QLNN và sự phối hợp được đánh giá ở mức trung bình trên 3, được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.12: Đánh giá về mô hình và bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN

Tiêu chí		Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN hợp lý, hoạt động hiệu quả	Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại NHNN hợp lý, hoạt động hiệu quả	Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả	Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP hợp lý
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.66	3.05	3.02	3.48
Std. Error of Mean		.082	.069	.084	.071
Std. Deviation		1.133	.953	1.164	.987
Variance		1.284	.908	1.356	.974
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5

Mức độ chưa hợp lý và hiệu quả được đánh giá ở bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN và tại NHNN lần lượt là 18,8% và 20,3%. Mức độ chưa hợp lý được đánh giá ở mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP là 9,4% (Xem Phụ lục 3). Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính, UBCKNN ngày càng hoàn thiện.

Bảng 3.13: Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa hiệu quả nhất	8	4.2	4.2	4.2
	Chưa hiệu quả	73	38.0	38.0	42.2
	Bình thường	50	26.0	26.0	68.2
	Hiệu quả	30	15.6	15.6	83.9
	Hiệu quả nhất	31	16.1	16.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Với kết quả ở bảng trên cho thấy 42,2% đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN chưa hiệu quả, trong đó mức hiệu quả chỉ được đánh giá ở mức 31,7%. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa hiệu quả, tính nhất quán chưa cao, việc quản lý vẫn còn tình trạng chông chéo.

3.3.1.3. Kết quả khảo sát về thực trạng triển khai các hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Để đánh giá thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN, các nội dung được đưa ra để khảo sát: Tổ chức quản lý cấp phép PHCK; Quản lý quy trình, thủ tục PHCK; Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK; Thanh tra, giám sát trước và trong quá trình PHCK; Thanh tra, giám sát sau quá trình PHCK; Xử lý vi phạm pháp luật về PHCK.

Bảng 3.14: Đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN

Tiêu chí		Tổ chức quản lý cấp phép PHCK	Quản lý quy trình, thủ tục PHCK	Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK	Thanhtra, giám sát trước và trong quá trình PHCK	Thanhtra, giám sát sau quá trình PHCK	Xử lý vi phạm pháp luật về PHCK
N	Valid	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		3.46	3.52	2.47	3.23	3.11	3.17

Tiêu chí	Tổ chức quản lý cấp phép PHCK	Quản lý quy trình, thủ tục PHCK	Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK	Thanhtra, giám sát trước và trong quá trình PHCK	Thanhtra, giám sát sau quá trình PHCK	Xử lý vi phạm pháp luật về PHCK
Std. Error of Mean	.058	.054	.052	.060	.058	.058
Std. Deviation	.805	.752	.723	.825	.804	.797
Variance	.647	.565	.523	.680	.646	.635
Minimum	1	1	1	1	1	1
Maximum	5	5	5	5	5	5

Kết quả khảo sát cho thấy các hầu hết các nội dung về hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN được đánh giá ở mức trung bình trên 3, ở mức này chưa hoàn toàn tốt, vẫn còn hạn chế tồn tại. Nội dung quản lý việc CBTT của NHTMCP PHCK được đánh giá ở mức trung bình chỉ 2.47, mức có này còn nhiều hạn chế, cụ thể:

Bảng 3.15: Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt	5	2.6	2.6	2.6
	Không tốt	108	56.3	56.3	58.9
	Trung bình	68	35.4	35.4	94.3
	Tốt	6	3.1	3.1	97.4
	Tốt nhất	5	2.6	2.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Mức đánh giá không tốt là 58,9% và ở mức đánh giá trung bình là 35,4%, chỉ 5,7% đánh giá mức tốt, điều này cho thấy việc công bố thông tin không kịp thời, còn chậm, còn nhiều bất cập.

3.3.1.4. Kết quả khảo sát về những hạn chế trong quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Kết quả đánh giá về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.16: Đánh giá về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN

Tiêu chí		Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý chưa phù hợp	Thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý	Công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu	Chế tài xử lý vi phạm còn thấp	CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ
N	Valid	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		3.09	3.10	3.21	3.06	3.72	3.02
Std. Error of Mean		.086	.083	.084	.085	.087	.085
Std. Deviation		1.197	1.148	1.170	1.176	1.203	1.173
Variance		1.432	1.319	1.370	1.384	1.447	1.377
Minimum		1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5

Những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN được đánh giá từ nhiều hạn chế nhất đến ít hạn chế nhất: Chế tài xử lý vi phạm còn thấp; Thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý; Mô hình tổ chức bộ máy quản lý chưa phù hợp; Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất; Công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu; CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ. Nhìn chung, kết quả đánh giá cho thấy các hạn chế đều ở mức trung bình trên 3, điều này cho biết rằng trong hoạt động QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN còn nhiều hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

3.3.1.5. Kết quả khảo sát về những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Có 3 nhóm nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN, bao gồm: nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý, chủ thể bị quản lý, môi trường quản lý.

Bảng 3.17: Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý

Tiêu chí		Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK	Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN	Trách nhiệm của các cơ quan QLNN	Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN	Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN	Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN
N	Valid	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		3.14	3.48	3.42	3.61	3.57	2.80
Std. Error of Mean		.124	.106	.109	.091	.109	.104
Std. Deviation		1.723	1.465	1.512	1.265	1.506	1.438
Variance		2.970	2.146	2.287	1.601	2.268	2.068
Minimum		1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5

Kết quả khảo sát cho thấy trong những nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý có nguyên nhân về thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN được đánh giá ở mức trung bình cao nhất là 3.61 và các nguyên nhân khác đa số đều đánh giá ở mức trung bình trên 3, riêng nguyên nhân về cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN được đánh giá ở mức dưới 3. Những nguyên nhân được đánh giá tác động nhiều và tác động nhiều nhất đến QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN: Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN là 49,5%; Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN là 51,1%; Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN là 61%. (Xem Phụ lục 6)

Bảng 3.18: Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý

Tiêu chí		Sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK	Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng	Hiệu quả quản trị ngân hàng	Mức độ phát triển của ngân hàng
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.58	3.87	3.08	2.93
Std. Error of Mean		.105	.087	.105	.081
Std. Deviation		1.456	1.210	1.459	1.128
Variance		2.120	1.465	2.129	1.272
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	5	5	4

Kết quả khảo sát cho thấy những nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý như hiệu quả quản trị ngân hàng, ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng, sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK cũng tác động nhiều đến QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP

Bảng 3.19: Đánh giá những nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý

		Thể chế kinh tế	Môi trường pháp luật	Thị trường PHCK	Hội nhập kinh tế quốc tế
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.06	3.52	3.31	3.38
Std. Error of Mean		.093	.093	.091	.089
Std. Deviation		1.289	1.282	1.264	1.231
Variance		1.661	1.644	1.598	1.514
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	6	5	5

Các nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý cũng được đánh mức ở mức trung bình trên 3, mức độ tác động và tác động nhiều đến QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP được đánh giá với tỷ lệ trên 50% (Xem Phụ Lục 8)

3.3.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng để nghiên cứu và khảo sát thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, NCS rút ra một số kết luận về kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân trong công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN thời gian qua như sau:

3.3.2.1. Những kết quả đạt được

- Môi trường pháp luật về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN từng bước được hoàn thiện.

Trong giai đoạn nghiên cứu luận án, đã có nhiều văn bản pháp lý được ban

hành. Luật CK và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo lập được khung pháp lý tương đối đầy đủ, điều chỉnh toàn diện về CK và TTCK trong đó có hoạt động PHCK, bảo đảm cho hoạt động HĐV của NHTMCP diễn ra bình thường, thu hút được nguồn vốn lớn tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTMCP VN phát triển lành mạnh, ổn định và vững chắc, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các quy định về điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK, quy định về quy trình và phương thức phát hành, quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính được đánh giá cao ở mức trên 4. Nội dung các quy định được thể hiện đầy đủ về tổ chức chào bán, điều kiện, thủ tục, trình tự chào bán, về bản cáo bạch, về quyền và nghĩa vụ của tổ chức chào bán..., điều chỉnh hoạt động PHCK theo trật tự luật định. Hệ thống văn bản pháp luật này được xây dựng trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của VN, phù hợp với tình hình phát triển của TTCK VN, ngày càng hoàn thiện đảm bảo cơ quan quản lý có thẩm quyền trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và cưỡng chế thực thi, đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch trong hoạt động PHCK.

- Mô hình tổ chức quản lý ngày càng hợp lý hơn

TTCK VN ra đời sau TTCK các nước trên thế giới đã tạo điều kiện thuận lợi cho VN học hỏi mô hình quản lý tránh đổ vỡ thị trường, đảm bảo hoạt động PHCK của các doanh nghiệp nói chung và các NHTMCP nói riêng được ổn định. VN đã chuyển đổi mô hình quản lý từ UBCKNN thuộc Chính phủ sang thuộc Bộ Tài chính. Mô hình QLNN hiện tại đã xóa bỏ được tình trạng nhiều mối quản lý, tập trung một đầu mối là Bộ Tài chính, tạo ra sự phối hợp giữa các Vụ. Sự phối hợp của Bộ Tài chính và UBCKNN, các Vụ, các bộ phận khác trực thuộc Bộ Tài chính ngày càng hiệu quả hơn, có đủ sức mạnh để thống nhất quản lý hoạt động PHCK để HĐV ngày càng hiệu quả hơn.

Kết quả khảo sát cho thấy bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN hợp lý, hoạt động hiệu quả ở mức 3.66, với 64,6% đánh giá là hoàn thiện và hoàn thiện nhất. Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn của Bộ Tài chính, UBCKNN ngày càng kiện toàn. Thêm vào đó, các quy định pháp luật QLNN về CK và TTCK đã được điều chỉnh, quy định rõ thẩm quyền của Bộ Tài chính và UBCKNN trong thực tiễn quản lý nhằm tránh trường hợp chồng chéo, mâu thuẫn có thể xảy ra. Bộ Tài chính ban hành các văn bản pháp qui, UBCKNN ban hành văn bản nghiệp vụ, kỹ thuật, cấp phép, phát hành, niêm yết,...

- Công tác thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm được tăng cường.

Trong những năm qua cùng với sự phát triển của TTCK, các cơ quan quản lý đã hoàn thiện chính sách nhằm quản lý công tác PHCK ngân hàng. Công tác kiểm tra giám sát PHCK ngân hàng đã được UBCKNN thực hiện một cách thường xuyên. Nhờ đó, việc phát hành cổ phiếu của NHTMCP diễn ra bình thường, không gây xáo trộn hay ảnh hưởng tiêu cực nào đến sự phát triển của TTCK. Các NHTM về cơ bản đã chủ động thực hiện các quy định của pháp luật về PHCK ra công chúng. Chính phủ cũng đã ban hành các chế tài xử phạt vi phạm hành chính nhằm răn đe những sai phạm trong PHCK của các NHTMCP.

UBCKNN đã tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành như hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường quản lý giám sát hoạt động PHCK, góp phần đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động HĐV, thúc đẩy sử dụng hệ thống CBTT tự động (IDS) nhằm cải thiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT của công ty đại chúng. Qua quá trình kiểm tra, giám sát hồ sơ PHCK và các công tác giám sát khác, Vụ Quản lý chào bán CK đã phát hiện một số vụ vi phạm về PHCK ra công chúng, về CBTT và chất lượng của báo cáo tài chính. Các vụ vi phạm này đã được xử lý từ mức cảnh cáo đến phạt tiền nhằm phê bình và răn đe, đảm bảo cho hoạt động PHCK của các NHTMCP được thông suốt, đúng quy định.

Chất lượng của các NHTMCP ngày càng nâng cao, năm 2012 có nhiều NHTMCP đã phát hành và niêm yết CK trên sở giao dịch CK, đến năm 2018 có 16 NHTMCP đang niêm yết trên cả 03 sở giao dịch CK tại VN. Có được kết quả này là do công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP ngày một tốt hơn. Kết quả kiểm tra hoạt động PHCK của các NHTMCP cho thấy: Các NHTMCP đã nắm bắt, cập nhật các quy định về PHCK theo Luật CK, Luật Doanh nghiệp và các

quy định khác có liên quan; Các chuyên viên tư vấn hỗ trợ các ngân hàng hoàn thiện hồ sơ phát hành đảm bảo yêu cầu giúp cho việc cấp phép phát hành được thuận lợi; Các NHTMCP đều có tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đáp ứng theo quy định, NHNN chưa áp dụng can thiệp sớm đối với các ngân hàng không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định trong thời gian 06 tháng liên tục. Công tác giám sát PHCK ngày càng tiến bộ, đảm bảo cho hoạt động HĐV qua kênh này ngày càng phát triển và trở thành kênh HĐV quan trọng cho các NHTMCP trong giai đoạn hiện nay.

3.3.2.2. Những hạn chế

- Khung pháp lý về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất, chậm so với thực tế.

Kết quả khảo sát cho thấy khung pháp lý đạt ở mức trên 3 là mức hạn chế cao, từ đó có thể nhận xét rằng khung pháp lý QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP chưa đồng bộ và thống nhất, phạm vi điều chỉnh luật còn chưa được mở rộng, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn bản chuyên ngành về PHCK của các ngân hàng chưa được quy định cụ thể trong Bộ Luật hình sự nên có thể tác động tiêu cực cho xã hội, cho các NĐT nắm giữ các CK của các NHTMCP phát hành.

Một số điều liên quan đến hoạt động PHCK chưa được quy định chi tiết, rõ ràng, thực tế diễn ra nếu có thiếu sót thì mới có sửa đổi, bổ sung và thay thế. Các văn bản pháp luật nhiều điểm không phù hợp với tình hình thực tế VN nên thường xuyên sửa đổi, bổ sung gây trở ngại cho các NHTMCP trong quá trình áp dụng vào hoạt động của mình. Mỗi nội dung thực hiện tuân theo nhiều văn bản khác nhau, chưa có sự thống nhất trên cùng một văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể là các văn bản pháp lý về điều kiện, thủ tục PHCK được thể hiện ở nhiều văn bản pháp lý khác nhau được trình bày ở trên đã gây ra khó khăn cho các NHTMCP khi triển khai áp dụng. Nhiều văn bản cùng quy định về hoạt động PHCK gây nên sự chồng chéo khó khăn cho các NHTMCP khi áp dụng.

Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động chào bán CK chưa đầy đủ, chưa đồng bộ và chưa hoàn thiện do vậy các văn bản trên thường xuyên sửa đổi, bổ sung gây khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng đối với các NHTMCP. Phạm vi điều chỉnh

còn hẹp và chưa bao quát mọi hoạt động cụ thể của quá trình PHCK theo chuẩn mực quốc tế. Hoạt động PHCK của các NHTMCP hiện nay đang chịu sự điều chỉnh của các loại văn bản khác nhau như Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng,... Do đó, có nhiều vấn đề liên quan đến PHCK chưa được đề cập đến, gây khó khăn cho QLNN đối với TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng.

Việc ban hành các qui định pháp lý về PHCK nhìn chung chậm so với thực tế, các quy định pháp luật về chào bán CK ra công chúng của VN đang tiệm cận dần đến thông lệ quốc tế và các nguyên tắc của Tổ chức Quốc tế các Ủy ban Chứng khoán (IOSCO). Tuy nhiên, hoạt động kế toán và kiểm toán hiện nay mới chỉ tuân thủ các chuẩn mực kế toán và kiểm toán của VN, chưa tuân thủ các chuẩn mực quốc tế theo nguyên tắc về hoạt động chào bán CK của Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK. Chất lượng của báo cáo tài chính không cao nhưng được cơ quan kiểm toán hỗ trợ điều chỉnh hợp lý và đánh giá đảm bảo yêu cầu.

Điều kiện PHCK được quy định trong Luật CK nhưng thủ tục đăng ký còn hạn chế. Quy định thẩm quyền của cơ quan thanh tra, xử lý vi phạm chưa mang tính quyết định, còn hạn chế về các quyền như không có quyền triệu tập, chất vấn và yêu cầu xuất trình các loại giấy tờ cần thiết khi xét thấy có dấu hiệu vi phạm trong quá trình thực hiện PHCK.

UBCKNN mới chỉ ban hành Quy chế hướng dẫn đánh giá, xếp loại công ty quản lý quỹ và Quy chế hướng dẫn xếp loại Công ty CK; Chưa ban hành quy chế về đánh giá, xếp loại NHTMCP PHCK. Việc cấp phép PHCK chỉ dựa vào việc đáp ứng được các tài liệu trong hồ sơ xin phép phát hành mà chưa đánh giá được chất lượng của hồ sơ nên chất lượng cổ phiếu, trái phiếu phát hành bị hạn chế.

- Mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP còn bất cập gây khó khăn trong công tác quản lý

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý hiện tại vừa quản lý theo chất lượng vừa quản lý theo chế độ CBTT nên cơ quan QLNN vừa phải kiểm tra chất lượng, vừa phải theo dõi việc CBTT. Do vậy, đòi hỏi cơ quan QLNN phải có đội ngũ đủ lớn và có trình độ chuyên môn cao. Điều này được minh chứng qua kết quả điều tra xã hội

học, tỷ lệ đánh giá mô hình tổ chức bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP còn nhiều hạn. Mô hình quản lý này chưa phù hợp với nguyên tắc quản lý theo chế độ CBTT đầy đủ của Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK là công bố đầy đủ, kịp thời và chính xác, thông tin đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư có liên quan trực tiếp đến các mục tiêu của tổ chức phát hành.

Khi thị trường phát triển đến mức độ nhất định, việc quản lý theo chất lượng ít mang tính thị trường và là gánh nặng đối với cơ quan quản lý; hơn nữa các điều kiện đặt ra cho tổ chức PHCK dễ bị lạc hậu theo thời gian và gây trở ngại cho hoạt động chào bán CK. Công nghệ phục vụ việc kiểm tra, giám sát chưa hoàn thiện gây khó khăn cho các cơ quan quản lý trong việc quản lý, giám sát hoạt động PHCK của các NHTMCP. Điều kiện phát hành đơn giản nhưng mô hình quản lý nửa theo mô hình quản lý chất lượng, nửa theo mô hình quản lý CBTT, việc thẩm định kiểm tra, giám sát phức tạp gây phiền nhiễu cho ngân hàng phát hành, làm mất cơ hội kinh doanh.

Với mô hình hiện tại thì việc CBTT chậm và chưa đầy đủ, kết quả điều tra về nội dung CBTT phát hiện một số trường hợp vi phạm pháp luật, chậm và chưa đầy đủ, kết quả khảo sát cũng cho thấy việc CBTT còn nhiều hạn chế. Các NHTMCP chủ yếu chú trọng đến việc CBTT định kỳ (như báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty), còn các thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu lại không báo cáo UBCKNN hoặc không công bố hay công bố chậm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính chưa tuân theo tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế cung cấp một khuôn khổ quốc tế về cách lập và trình bày báo cáo tài chính cho các công ty đại chúng. Áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế giúp làm tăng tính minh bạch của báo cáo tài chính, làm gia tăng lòng tin của NĐT. Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK đã ủng hộ và hỗ trợ các quốc gia áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế trên toàn cầu. Theo Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính), cập nhật từ Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) cho thấy, đến nay, đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ đã tuyên bố cho phép áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế dưới các hình thức khác nhau

trong khi đó VN vẫn chưa áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc minh bạch thông tin vừa là nghĩa vụ vừa là lợi ích của NHTMCP khi thực hiện PHCK. Thông tin được minh bạch giúp NĐT đồng hành cùng với ngân hàng trong quá trình thực hiện hoạt động của ngân hàng, tạo niềm tin, góp phần nâng cao chất lượng CK phát hành. Trong thời gian qua vẫn còn một số NHTMCP không CBTT hoặc CBTT không kịp thời ảnh hưởng đến tâm lý NĐT.

Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT, ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản việc thực hiện nghĩa vụ CBTT của các chủ thể trên TTCK tồn tại nhiều bất cập. Một số quy định pháp luật hiện hành về CBTT còn chưa đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, gây khó khăn cho quá trình thực thi nghĩa vụ CBTT của các ngân hàng phát hành khi HDV trên TTCK.

Nghĩa vụ CBTT chưa quy định cụ thể của một số đối tượng có lợi thế về thông tin và dễ dàng trục lợi. Quy định phải CBTT trong vòng 24 giờ đối với thông tin bất thường của NHTMCP là không đảm bảo tính kịp thời của thông tin. Theo quy định hiện hành, Sở giao dịch CK có quyền giám sát ngân hàng khi CBTT, nhưng không có công cụ để kiểm tra thông tin này. Thêm vào đó, các NHTMCP chưa hoàn toàn được trao quyền tự chủ về CBTT, Sở giao dịch CK có nghĩa vụ phải CBTT về NHTMCP niêm yết. Điều này ngược lại với xu hướng chung của Thế giới là trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về CBTT cho tổ chức tham gia thị trường, bản tin của các công ty CK cũng chưa thuộc diện giám sát của Sở giao dịch CK. Do vậy, tình trạng vi phạm hành chính về CBTT và minh bạch thông tin vẫn còn xảy ra ở các NHTMCP. Các NHTMCP chủ yếu thực hiện việc CBTT ở mức tuân thủ các quy định, chưa chủ động trong việc công khai các thông tin về tình hình hoạt động, tình hình sử dụng vốn,...

Thêm vào đó, với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý như hiện nay, UBCKNN trực thuộc Bộ Tài chính làm giảm đi tính độc lập của UBCKNN trong thực hiện chức năng quản lý thuộc phạm vi của mình, hạn chế quyền và tính chủ động của UBCKNN, mọi vấn đề phát sinh phải báo cáo và chịu sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, thêm vào đó sẽ làm gia tăng tính phức tạp trong quá trình ban hành các chính sách, quy định về PHCK. UBCKNN không có quyền ký các văn bản nhưng phải soạn thảo ra các văn bản điều chỉnh hoạt động của TTCK và PHCK sau đó phải trình Bộ Tài chính ký ban hành. Điều này đã làm chậm quá trình ban hành các văn bản pháp quy vì phải qua nhiều công đoạn, nhiều cấp, làm mất đi tính nhanh nhạy trong việc ra quyết định của UBCKNN.

- Các hoạt động QLNN đối với HĐV qua PHCK của các NHTMCP còn nhiều hạn chế:

+ Công tác cấp phép PHCK của các NHTMCP mang tính thủ tục.

Công tác cấp phép phát hành chủ yếu dựa trên tính đủ và hợp lý của hồ sơ xin cấp phép phát hành của các NHTMCP, Vụ Quản lý chào bán CK rất ít thực hiện xác minh lại tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ. Thông tin trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập xác nhận vẫn có sự sai lệch, điều này có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng CK và giảm uy tín của các NHTMCP phát hành trên TTCK. Để đảm bảo vệ quyền lợi của NĐT đối với CK của các NHTMCP, cơ quan QLNN thường yêu cầu báo cáo tài chính của NHTMCP phải được kiểm toán độc lập bởi các tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng được các yêu cầu theo quy định. Tuy nhiên, tính chất phức tạp trong các quy trình, sản phẩm dịch vụ của các NHTM có ảnh hưởng lớn tới việc lập kế hoạch, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán của các công ty kiểm toán, đòi hỏi kiểm toán viên phải có các hiểu biết sâu sắc về các hoạt động ngân hàng. Thêm vào đó, nhu cầu kiểm toán ngày càng lớn, các công ty kiểm toán ở VN hiện nay gặp rất nhiều áp lực về khối lượng công việc, thời gian hoàn thành kiểm toán, ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán.

+ Công tác thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động PHCK của các NHTMCP còn nhiều bất cập.

UBCKNN chưa có các quyền xử lý hình sự những vi phạm với mức độ nghiêm trọng, UBCKNN phải gửi hồ sơ đến cơ quan công an. Điều này mất nhiều thời mới giải quyết xong, gây ra sự chậm trễ trong việc ra quyết định xử lý. Thêm vào đó, việc phát hiện, xử lý vi phạm gặp khó khăn do thiếu thông tin, thiếu bằng chứng xác thực, làm giảm đáng kể hiệu quả thanh tra, giám sát, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm.

Việc điều tiết, điều hành thị trường mặc dù đã có thay đổi song phần lớn vẫn mang tính hành chính, thiếu linh hoạt. Hoạt động thanh tra giám sát không mang tính thường xuyên liên tục, cơ quan QLNN thiếu một số quyền nhất định như quyền điều tra, xét hỏi, quyền truy tố... Một số vi phạm các cơ quan QLNN không phát hiện được mà do kiến nghị, thắc mắc của các chủ thể liên quan. Các cơ quan QLNN (NHNN và UBCKNN) chưa chú trọng đến việc kiểm tra quá trình sử dụng vốn của các NHTMCP thu được từ đợt phát hành. Thời gian qua, các cơ quan quản lý chưa phát hiện những sai phạm về vấn đề này. Thêm vào đó, mức phạt vi phạm như hiện nay là quá thấp, không đủ sức răn đe, chưa quyết liệt, có thể dẫn đến các NHTMCP chấp nhận phạt để thực hiện một số hoạt động không tuân thủ quy định mà hưởng lợi nhiều hơn từ việc này.

UBCKNN vừa ban hành các quy chế, vừa thực hiện chức năng cấp phép, hướng dẫn triển khai thực hiện, vừa thực hiện hoạt động thanh tra, giám sát hoạt động PHCK của các NHTMCP dẫn đến hiệu quả và hiệu lực giám sát không cao. Hơn nữa, nguồn nhân lực thực hiện hoạt động giám sát chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, công nghệ sử dụng cho hoạt động giám sát chưa được đầu tư hợp lý nên ảnh hưởng không tốt đến chất lượng và hiệu quả của giám sát.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của các NHTMCP chưa chặt chẽ.

Qua tổng hợp kết quả điều tra thì chỉ có 34,4% cho rằng ít hạn chế trong việc phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP, qua việc phỏng vấn trực tiếp những cán bộ làm công tác quản lý ở UBCKNN và NHNN cũng cho thấy điều này. Từ đó, NCS nhận thấy thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa UBCKNN, NHNN

và các cơ quan ban ngành. Mỗi đơn vị thực hiện chức năng quản lý của mình theo quy định riêng biệt, trong các quy định về QLNN đối với hoạt động PHCK không thể hiện sự phối hợp với các đơn vị khác.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động PHCK chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản khác nhau, nhiều cơ quan quản lý khác nhau. Điều đó, gây nên khó khăn cho các NHTMCP khi thực hiện PHCK. Khi thực hiện PHCK ra công chúng, NHTMCP đồng thời phải xin ý kiến chấp thuận của UBCKNN và phải được sự đồng ý của NHNN. Trong hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ, cơ quan quản lý hoạt động PHCK là NHNN. Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cũng tham gia quản lý tất cả các hoạt động về TTCK. Quá trình thực hiện phát hành có nhiều cơ quan quản lý nên việc theo dõi, giám sát hoạt động phát hành bị chông chéo giữa các cơ quan quản lý, chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan QLNN trong việc định hướng, quản lý, giám sát và hỗ trợ các NHTMCP PHCK để HĐV đạt hiệu quả cao nhất.

Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của các NHTMCP phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018, quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Riêng điều kiện về đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của NHNN. Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của Tổ chức tín dụng do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ và phát hành trái phiếu ra công chúng của NHTMCP phải được NHNN xem xét, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu 1 lần trong một năm tài chính.

Các cơ quan giám sát (NHNN, UBCKNN và Bộ Tài chính) vừa thực hiện chức năng cấp phép, ban hành cơ chế, chính sách, vừa thực hiện chức năng hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế chính sách và kiêm luôn vai trò kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các NHTMCP. Khối lượng công việc của các cơ quan quản lý nhiều nên khó có thể quản lý chặt chẽ hoạt động thuộc phạm vi và quyền hạn của mình.

Cơ chế phối kết hợp trong quản lý giữa Bộ Tài chính, các Bộ có liên quan,

UBCKNN trong việc ban hành quy định và giám sát giữa các cơ quan quản lý chưa thật sự hiệu quả. Các văn bản pháp quy về các vấn đề này chủ yếu được Bộ Tài chính và UBCKNN soạn thảo, có lấy ý kiến của các Vụ, Cục trực thuộc và Bộ ngành có liên quan song trách nhiệm của những đơn vị này chưa cao. UBCKNN quản lý hoạt động phát hành cổ phiếu, NHNN chỉ quản lý hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ của các NHTMCP, do hoạt động này chịu sự chi phối của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật NHNN. Do vậy, tính nhất quán của các cơ quan quản lý chưa cao, ảnh hưởng đến sự điều hành hoạt động PHCK của các NHTMCP.

Sự phối hợp giữa Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với kiểm toán độc lập, theo các kết quả nghiên cứu về hoạt động kiểm toán tại các ngân hàng VN trong thời gian qua, đã có sự trao đổi phối hợp nhất định. Tuy nhiên, sự trao đổi thông tin chưa được quy định một cách chặt chẽ, những trao đổi giữa kiểm toán viên và thanh tra ngân hàng ở một số trường hợp còn mang tính chất cá nhân.

3.3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP còn những hạn chế do bởi những nguyên nhân sau:

** Nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý (Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN)*

Kết quả khảo sát cho thấy, những nguyên nhân thuộc về chủ thể QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP được đánh giá hầu hết ở mức trên 3 (xem Phụ lục 6). Điều này thể hiện rằng các nguyên nhân này đều tác động lớn đến QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP, tác động nhiều nhất được các đối tượng điều tra đánh giá là năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN cụ thể:

+ Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN chưa đáp ứng tình hình thực tế

VN chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do vậy nhận thức và kỹ năng của các cơ quan QLNN chưa đáp ứng nhu cầu tình hình mới. Trình độ quản lý, điều hành của các cán bộ thực hiện hoạt động quản lý PHCK chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn bởi đa số cán

bộ tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước về chuyên ngành kinh tế. Để hiểu sâu sắc về CK và TTCK, hoạt động của các ngân hàng cần có thời gian dài để đào tạo lại nguồn nhân lực. Khả năng tư duy và dự báo vấn đề phát sinh trong việc PHCK của các NHTMCP chưa tốt nên việc đưa ra các trường hợp cảnh báo không kịp thời.

+ Các cơ quan QLNN đảm nhiệm nhiều vai trò nên khả năng hoàn thành trách nhiệm cao là rất khó

Các cơ quan QLNN về PHCK gồm có UBCKNN, Bộ Tài chính, NHNN, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan. Trong đó, UBCKNN vừa là cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động PHCK của các NHTMCP vừa thực hiện vai trò QLNN đối với các công ty CK, các Sở giao dịch CK và các chủ thể khác tham gia trên TTCK, thực hiện việc thanh tra, giám sát. Ngoài ra, UBCKNN còn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để điều hành hoạt động PHCK. UBCKNN đảm nhiệm nhiều công việc cùng lúc nên khả năng hoàn thành trách nhiệm cao là rất khó, điều này đã ảnh hưởng không tốt đến kết quả quản lý. Các cơ quan QLNN đã được giao, phân cấp một số vấn đề, một số lĩnh vực cho các tổ chức khác tự quản lý trên cơ sở tuân thủ các quy định của cơ quan QLNN. Khi giao cho các tổ chức khác tự quản dẫn đến việc kiểm soát khó có độ chính xác, sự kết nối, việc thông đồng để trục lợi cá nhân có khả năng diễn ra đối với các tổ chức này trong hoạt động quản lý các NHTMCP trong quá trình PHCK.

+ Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN vẫn còn rườm rà, phức tạp

Tính đến năm 2018 có khoảng 160 thủ tục hành chính pháp lý trong lĩnh vực CK và PHCK. Một số thủ tục hành chính không cần thiết, chưa hợp lý, còn rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho các NHTMCP trong quá trình thực hiện hoạt động PHCK của mình. Vai trò tham mưu của các phòng ban trong Vụ Quản lý chào bán CK và các Vụ khác có liên quan trong triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động PHCK chưa thật sự tích cực. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của các cơ quan QLNN có lúc chưa kịp thời, chất lượng chưa cao. Tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị, hoạt động chưa thực sự hiệu quả. Việc đầu tư, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước

còn nhiều hạn chế, phân tán nhiều đầu mối, thiếu gắn kết.

+ Tinh thần, thái độ và khả năng thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN chưa cao

Tính chuyên nghiệp, năng động, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức chưa cao, vẫn còn trường hợp phản ánh về việc trễ hẹn, phiền hà. Phương pháp quản lý, cách thức làm việc, phối hợp thực hiện công việc trong các cơ quan hành chính chưa thực sự hợp lý. Chính sách tài chính hợp lý, thủ tục hành chính tinh giản nhưng cán bộ triển khai không đúng quy định thì cũng không đáp ứng được yêu cầu đặt ra và kết quả công việc cũng không tốt. Việc phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ, báo cáo của các NHTMCP tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBCKNN chưa đảm bảo. Mỗi cán bộ được giao nhiều công việc cùng lúc nên khả năng hoàn thành công việc đúng thời hạn là rất khó, một số cá nhân tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của các NHTMCP khi trình hồ sơ cấp phép PHCK chưa đúng theo quy định.

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN chưa đáp ứng được yêu cầu

Hệ thống giám sát chưa hoàn thiện, chưa theo kịp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin nhiều phân hệ còn thiếu nên hạn chế việc theo dõi, giám sát. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu kém kết hợp với hệ thống giám sát chưa được hoàn thiện, chưa theo kịp với sự phát triển của thị trường ảnh hưởng đến khả năng quản lý, giám sát thị trường theo chuẩn mực quốc tế.

** Nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý (NHTMCP)*

Những nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý là những nguyên nhân được đánh giá gần mức 4, hầu hết đối tượng được khảo sát cho rằng các nguyên nhân này tác động nhiều (trên 50%), trong đó ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng tác động nhiều nhất đến QLNN đối với hoạt động PHCK (xem Phụ lục 6). Qua nghiên cứu thực tế và kết quả khảo sát, NCS nhận thấy:

+ Mức độ hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK còn thấp

Đa số cán bộ thực hiện hoạt động PHCK được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ ngân hàng, CK, hầu hết cán bộ chưa được đào tạo về chuyên ngành luật, pháp lý

nên khả năng tiếp cận văn bản pháp luật về PHCK hạn chế.

+ Ý thức tuân thủ pháp luật của các ngân hàng chưa cao

Trong thời gian qua một số ngân hàng đã bị xử lý và phạt hành chính về các sai phạm trong quá trình PHCK. Việc áp dụng các văn bản, quy định của nhà nước, ngân hàng thường thực hiện để đối phó, chưa chủ động. Với mục đích trục lợi, một số ngân hàng cố ý thực hiện sai quy định đã làm giảm uy tín của NĐT ảnh hưởng không tốt đến chất lượng CK do các ngân hàng phát hành.

+ Hiệu quả quản trị của các ngân hàng kém hiệu quả

Quản trị ngân hàng luôn có tầm quan trọng đặc biệt giúp các ngân hàng thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược của mình, bảo đảm sự phát triển bền vững hệ thống các ngân hàng. Trong thời gian qua, hàng loạt các vụ án hình sự rất nghiêm trọng xảy ra trên phạm vi cả nước liên quan đến quản trị ngân hàng, điều này cho thấy công tác quản trị ngân hàng kém hiệu quả. Các ngân hàng thiếu hệ thống luật đầy đủ trong công tác quản lý tổ chức và quản trị để thực thi và chưa tách bạch giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát điều hành ngân hàng.

Ban kiểm soát là bộ phận độc lập có chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước hội đồng cổ đông, chủ sở hữu và thành viên góp vốn. Nhưng đại hội cổ đông thì một năm mới họp một lần, nên hoạt động thường xuyên của ban kiểm soát thụ động không có sự chỉ đạo. Quản trị NHTMCP chưa được phân cấp rõ ràng, chưa kịp thời nắm bắt thông tin trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời không đủ trình độ kiểm tra, kiểm soát các mục tiêu, chiến lược dài hạn và các quyết định phòng ngừa rủi ro khi nền kinh tế trong và ngoài nước bị khủng hoảng. Các nhà quản trị NHTMCP VN thường tham gia sâu vào hoạt động hàng ngày, những hoạt động nhỏ ở cấp quản lý thấp, ít can thiệp vào các hoạt động lớn tầm chiến lược bởi chưa đủ khả năng về nghiệp vụ chuyên môn.

+ Mức độ phát triển của ngân hàng thấp hơn các nước trong khu vực và Thế giới

Hệ thống các NHTMCP VN trải qua quá trình hình thành và phát triển mạnh mẽ, đã hoạt động đối ngoại hai chiều với hầu hết các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc

Nhờ đó, đã thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài, nhiều dịch vụ và công nghệ tiên tiến của các ngân hàng hiện đại cho hệ thống ngân hàng và cho đất nước. Từ đó, hệ thống các NHTMCP VN phát triển nhanh chóng, môi trường và thể chế hoạt động của hệ thống ngân hàng đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế là động lực thúc đẩy cải cách, buộc các ngân hàng trong nước phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường, phải tăng cường năng lực cạnh tranh trên cơ sở nâng cao trình độ quản trị điều hành và phát triển dịch vụ ngân hàng. Khi mở cửa thị trường tài chính thì số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý sẽ tăng lên. Trong khi hệ thống ngân hàng VN còn nhiều yếu kém, trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro còn kém. Bên cạnh đó, ngân hàng nước ngoài nắm quyền kiểm soát một số tổ chức tài chính trong nước thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, liên kết kinh doanh; một số tổ chức tài chính trong nước sẽ gặp rủi ro và có nguy cơ thua lỗ, phá sản do sức cạnh tranh kém và không có khả năng kiểm soát rủi ro khi tham gia các hoạt động ngân hàng quốc tế. Thêm vào đó, mô hình tổ chức ngân hàng của VN trực thuộc Chính phủ, Chính phủ chi phối dẫn đến sự thiếu tính cạnh tranh lành mạnh trong hệ thống ngân hàng.

** Nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý*

+ Các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, nhất quán, chưa tạo được môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và ổn định.

Quyền tự do kinh doanh và quyền sở hữu tài sản chưa được tôn trọng và bảo đảm. Chính sách lương cho cán bộ chưa vận dụng đầy đủ các quy luật của nền kinh tế thị trường, chưa trả theo sức lao động của cán bộ bỏ ra. Công tác quản lý của nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, chưa tạo ra động lực cho phát triển bền vững cho các hoạt động trong nền kinh tế.

+ Môi trường pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện và ổn định

Kết quả khảo sát cho thấy trong các nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý thì môi trường pháp luật tác động nhiều nhất (xem Phụ lục 7). Các cơ quan QLNN

đang trong quá trình hoàn thiện và ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển của TTCK, đáp ứng yêu cầu hội nhập, đồng thời nâng cao hiệu quả QLNN đối với TTCK, bảo đảm TTCK là kênh HĐV trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế.

+ Thị trường PHCK phát triển một cách nhanh chóng, các cơ quan QLNN chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý TTCK, thường ở thế bị động.

TTCK là một lĩnh vực rất phức tạp, nhạy cảm và có sự biến đổi nhanh chóng, thường nảy sinh những vấn đề mới mà chính sách của Nhà nước chưa thể bao quát hết. Các cơ sở pháp lý, các chính sách và biện pháp quản lý, phát triển TTCK nói chung và PHCK nói riêng chưa hoàn thiện gây khó khăn trong quản lý, phòng chống, phát hiện và xử lý các vi phạm trên TTCK.

+ Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra nhanh chóng và sâu rộng làm cho TTCK chưa kịp thay đổi theo

Từ khi VN chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới, cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế đôi khi chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh. Quá trình hội nhập làm cho các lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội thay đổi nhanh chóng, lĩnh vực CK và TTCK cũng thay đổi thay. Do vậy, các chính sách của nhà nước liên quan đến các lĩnh vực này chưa theo kịp sự thay đổi này. Đây cũng là lý do gây trở ngại cho sự phát triển TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Ở chương 3, luận án đã đánh giá được thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, cụ thể:

Thực trạng chính sách quản lý được đánh giá qua việc ban hành các quy định: Điều kiện phát hành, hồ sơ cấp phép PHCK; Quy trình và phương thức phát hành; Nghĩa vụ CBTT; Mục đích sử dụng vốn và các tỷ lệ an toàn tài chính; Hoạt

động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Thực trạng mô hình tổ chức quản lý được đánh giá dựa trên mô hình tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK và mô hình tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK trực tiếp của Vụ Quản lý chào bán CK.

Thực trạng về cấp phép phát hành, quản lý quá trình, thanh tra, giám sát quá trình PHCK và xử lý vi phạm pháp luật về PHCK và phối hợp QLNN cũng được làm rõ trong chương này.

Bằng sự kết hợp giữa kết quả nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng từ thông tin thu thập được, xử lý bằng phần mềm SPSS, NCS đã phân tích, đánh giá thực trạng và chỉ ra 3 ưu điểm và 6 hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK. Điều này cho thấy trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP vẫn còn nhiều bất cập cần hoàn thiện. Có 14 nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong QLNN đối với hoạt động HDV qua PHCK của các NHTMCP.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QLNN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM

4.1. Định hướng phát triển và quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

4.1.1. Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và Thế giới

- Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội thế giới

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong thời gian tới sẽ có những động lực tăng trưởng mới, đồng thời chứa đựng nhiều rủi ro do bất ổn từ các nền kinh tế lớn tác động đến nền kinh tế VN. Thế giới đang thực hiện cuộc cách mạng công nghệ 4.0 dự kiến sẽ tạo ra tới 3,7 nghìn tỷ đô la giá trị vào năm 2025. Chiến lược “Made in China 2025” của Trung Quốc và xu hướng tăng cường ký kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) tại các nền kinh tế đang phát triển cũng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc tối ưu hóa nguồn lực, thúc đẩy lưu thông vốn và hàng hóa, tăng cường vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng và phát triển công nghệ. Mặc dầu vậy, vẫn tồn tại những rủi ro, đặc biệt là xu hướng bảo hộ thương mại, chiến tranh thương mại. Cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung có thể khiến cho tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Thế giới giảm và điều này lan toả đến cơ cấu sản xuất của các nước trên Thế giới. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, các ngành sản xuất trên toàn cầu sẽ chịu tác động mạnh mẽ bởi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 do cuộc cách mạng này có quy mô, phạm vi, độ phức tạp và khả năng chuyển hoá khác hoàn toàn so với các cuộc cách mạng công nghệ mà thế giới đã trải qua. Trong lĩnh vực sản xuất, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 sẽ biến đổi nhiều mô hình sản xuất và kinh doanh làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị trong các ngành sản xuất.

Những cải cách kinh tế Mỹ những năm gần đây đang có những dấu hiệu tác động tích cực giúp phục hồi kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, các biện pháp phục hồi nền

kinh tế Mỹ này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho chính nền kinh tế này và kinh tế Thế giới trong thời gian tới. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) di chuyển về Mỹ (do cải cách thuế thu nhập và bảo hộ thương mại) có thể dẫn đến rủi ro tăng giá CK mạnh tại Mỹ và giá cổ phiếu tại những nước như châu Á. Bên cạnh đó, việc cắt giảm thuế sẽ dẫn đến rủi ro nợ công và thâm hụt ngân sách của Mỹ trong những năm tới, từ đó cản trở đà tăng trưởng dài hạn của kinh tế Mỹ và kinh tế thế giới. Những điều trên sẽ tác động lớn đến TTCK VN trong thời gian tới.

- Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội VN

VN được kế thừa thành quả tăng trưởng của nền kinh tế giai đoạn 2011 - 2016 và tiếp tục cải thiện nhờ vào hàng loạt yếu tố hỗ trợ từ giá hàng hoá thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhu cầu bên ngoài, cùng với những cải cách về thể chế của nền kinh tế sẽ phát huy hiệu quả. Dự báo tình hình kinh tế – xã hội VN đến năm 2025 như sau:

Khu vực công nghiệp - xây dựng sẽ tiếp tục tăng trưởng bứt phá và trở thành khu vực dẫn dắt tăng trưởng toàn nền kinh tế. Khu vực dịch vụ, với sự cải thiện cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại được triển khai mạnh mẽ, cùng với việc hiện thực hóa của cộng đồng chung Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và thực thi các hiệp định tự do thương mại mang lại tự do hóa thương mại dịch vụ, và tự do hóa đầu tư, tài chính sẽ có nhiều tác động tích cực đến việc mở rộng các hoạt động dịch vụ VN.

Sức hút về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của VN so với các quốc gia khác trong khu vực đã suy giảm hơn so với trước. Sau khi VN hoàn tất nhiều thỏa thuận đàm phán từ các hiệp định thương mại song phương, đa phương, nhất là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN, thực thi Hiệp định đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực toàn diện (RCEP)... được kỳ vọng sẽ thúc đẩy dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN.

Việc thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường đồng thời phát triển khu vực kinh tế tư nhân là quan điểm nhất quán của VN, được thể hiện rõ nét qua quyết tâm của Chính phủ trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước gắn với niêm yết trên TTCK không giới hạn tỷ lệ sở hữu và sở hữu của các

NĐT nước ngoài sẽ tạo động lực thu hút vốn đầu tư gián tiếp trong giai đoạn 2017 – 2025. Tuy nhiên, để hấp thụ nguồn vốn này, các doanh nghiệp trong nước cần nỗ lực vươn lên, tăng cường quản trị công ty, quản trị rủi ro, minh bạch và công khai hóa thông tin, đồng thời cơ quan quản lý cũng phải nâng cao năng lực quản lý, giám sát và điều hành thị trường nhằm bảo đảm sự ổn định, bền vững của TTCK, vừa thu hút có hiệu quả dòng vốn đầu tư gián tiếp, vừa hạn chế được những bất lợi phát sinh.

4.1.2. Định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam

Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK VN giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ giải pháp để phát triển TTCK đó là chuẩn hóa các quy định về chào bán CK ra công chúng theo thông lệ quốc tế, cụ thể là từng bước đơn giản hóa thủ tục đăng ký chào bán CK ra công chúng bằng cách chuyển từ cơ chế thẩm định điều kiện chào bán sang cơ chế chào bán dựa trên CBTT đầy đủ.

Theo Đề án cơ cấu lại TTCK và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với những nhiệm vụ cần triển khai liên quan đến quản lý hoạt động PHCK như sau:

- Bộ Tài chính chỉ đạo UBCKNN tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại cơ sở hàng hóa, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Luật CK sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật CK trình Quốc hội và Chính phủ ban hành; phối hợp với NHNN tiến hành đánh giá tình hình thực hiện Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu theo Quyết định Số 1191/QĐ-TTg “Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, phối hợp với NHNN VN tăng cường trao đổi thông tin giám sát luồng vốn giữa TTCK và thị trường tiền tệ, nguồn vốn đầu tư nước ngoài; Xây dựng và triển khai Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào VN.

- UBCKNN tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại cơ sở hàng hóa theo chỉ đạo của Bộ Tài chính; Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các công ty đại chúng, tổ chức PHCK; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật; Đẩy

manh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, giám sát TTCK.

- NHNN VN: Tăng cường sự phối hợp trao đổi thông tin, thanh tra, giám sát giữa Bộ Tài chính và NHNN VN đối với các tập đoàn tài chính - ngân hàng, các giao dịch tài chính và dòng lưu chuyển vốn giữa các Tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh doanh CK, đặc biệt là các tổ chức kinh doanh CK trực thuộc các tổ chức tín dụng; Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình điều hành và thực thi chính sách tài chính - tiền tệ nhằm tạo sự liên kết đồng bộ giữa thị trường tiền tệ, tín dụng và TTCK; Thực hiện các giải pháp nhằm cân bằng giữa chính sách tín dụng với chính sách huy động trên thị trường vốn nhằm giảm thiểu rủi ro cho hệ thống ngân hàng bao gồm việc đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn vốn của tổ chức tín dụng và giới hạn cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.

4.1.3. Định hướng phát triển của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Theo quyết định số 986/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng VN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các hoạt động liên quan đến định hướng phát triển của NHTMCP:

Tăng cường năng lực thể chế, hiệu lực, hiệu quả thanh tra, giám sát ngân hàng của NHNN, đến cuối năm 2025, thanh tra, giám sát ngân hàng tuân thủ phần lớn các nguyên tắc giám sát ngân hàng hiệu quả theo Basel. Công tác thanh tra theo hướng chuyển nhanh và mạnh từ thanh tra tuân thủ sang thanh tra trên cơ sở rủi ro, gắn kết chặt chẽ với giám sát trên cơ sở rủi ro, từng bước áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật của các tổ chức tín dụng.

Phấn đấu đến năm 2020: Lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính bằng cách tăng vốn và cải thiện chất lượng nguồn vốn tự có của các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bảo đảm mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế; Hoàn thiện, áp dụng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel và lộ trình áp dụng Basel II tại VN; Hoàn thiện và áp dụng các quy định về quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế;

Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng có trình độ chuyên môn cao, ý thức tuân thủ pháp luật, có đạo đức và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp tốt; Đa dạng hóa cơ cấu cổ đông; Yêu cầu các tổ chức tín dụng công bố công khai, minh bạch, chính xác thông tin về chiến lược kinh doanh, tình hình sở hữu cổ phần, tình hình tài chính, cơ cấu quản lý, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế; Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro; đồng thời đầu tư và có giải pháp phù hợp đảm bảo an ninh công nghệ thông tin.

Từ năm 2021 đến năm 2025: Tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quản trị và hoạt động của các tổ chức tín dụng ở mức cao hơn; Tiếp tục hoàn thiện và triển khai các chính sách và quy trình nội bộ lành mạnh; rà soát, đánh giá, bổ sung, chỉnh sửa các phương thức quản trị, điều hành tiên tiến dựa trên các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với quy định của pháp luật VN; Tổng kết việc triển khai thực hiện Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao đối với hệ thống các NHTM theo lộ trình do NHNN ban hành; Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro; tiếp tục đầu tư và có giải pháp phù hợp đảm bảo an ninh công nghệ thông tin; Tiếp tục áp dụng các biện pháp đa dạng hóa cơ cấu cổ đông, tạo điều kiện hình thành các ngân hàng lớn, có tầm quan trọng trong hệ thống và khu vực; Các NHTMCP đảm bảo các điều kiện về vốn, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực để áp dụng đầy đủ Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; Lựa chọn NHTMCP đã hoàn thành việc áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn và có chất lượng quản trị tốt để áp dụng thí điểm Basel II theo phương pháp nâng cao; Khuyến khích NHTMCP đủ điều kiện thực hiện niêm yết trên TTCK nước ngoài.

4.1.4. Dự báo nhu cầu huy động qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Xuất phát từ nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ -Trung có khả năng kéo dài, sự bất ổn về tài chính tiền tệ ngày càng thể hiện rõ và tăng trưởng kinh tế thế giới đang chậm lại so với những năm trước. Dự báo tăng

trường kinh tế VN ở mức 6,8%, Chính phủ thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, khả năng chống chịu của nền kinh tế trong nước chưa vững chắc. Dưới sự điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt của NHNN, mọi hoạt động của các NHTMCP vẫn nằm trong tầm kiểm soát của NHNN.

Thêm vào đó, Basel II quy định tỷ lệ vốn tối thiểu bằng 8%. Tỷ lệ này thể hiện mối quan hệ giữa các quy định về quỹ (vốn) của riêng ngân hàng và tài sản được điều chỉnh theo trọng số rủi ro. Tài sản được điều chỉnh theo trọng số rủi ro là giá trị tài sản nhân lên với một tham số (trọng số rủi ro) mà là đại diện cho cho rủi ro (tín dụng) liên quan tới các tài sản này.

Trên cơ sở Basel II, NHNN VN đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại VN, theo đó yêu cầu các ngân hàng phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) là 8% được tính toán theo chuẩn Basel II.

Trên cơ sở tình hình kinh tế thế giới và VN, quy định của NHNN và quy mô phát triển của từng ngân hàng, một số NHTMCP dự báo nhu cầu vốn HĐV riêng cho ngân hàng mình trong năm đến năm 2025 như sau:

Bảng 3.20: Tình hình vốn PHCK và nhu cầu tăng vốn của các NHTMCP

DVT: Tỷ đồng

NHTMCP	Mã CK	Sàn giao dịch	Vốn điều lệ năm 2018	Vốn phát hành giấy tờ có giá năm 2018	Nhu cầu tăng vốn hàng năm (%)
NHTMCP Công thương VN	CTG	HOSE	37.234	46.216	11
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	HOSE	18.852	8.066	14
NHTMCP Đầu tư và phát triển VN	BID	HOSE	34.187	39.991	11
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB	HOSE	35.978	21.449	11
NHTMCP Á Châu	ACB	HNX	12.220	8.291	13

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của các NHTMCP)

Tình hình vốn điều lệ của các NHTMCP trong năm 2018 của NHTMCP Công thương VN là 37.234 tỷ đồng, NHTMCP Đầu tư và phát triển VN là 34.187 tỷ đồng và NHTMCP Ngoại Thương VN là 35.978 tỷ đồng. Với mức vốn điều lệ cao như vậy, đồng thời nguồn vốn phát hành giấy tờ có cao cũng khá cao nhưng các NHTMCP này luôn có kế hoạch tăng vốn hằng năm, nhu cầu vốn huy động dự kiến hằng năm tăng 11%. NHTMCP Sài Gòn Thương Tín và NHTMCP Á Châu có nguồn vốn điều lệ và vốn phát hành giấy tờ có giá thấp hơn các ngân hàng trên nhưng nhu cầu vốn tăng trong những năm tới cho đến 2025 lần lượt là 14% và 13% mỗi. Mục đích của việc tăng vốn trên nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng nguồn vốn theo chuẩn mực của Basel II và đáp ứng yêu cầu theo lộ trình quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Để hệ hống ngân hàng phát triển lành mạnh hơn, trong bối cảnh huy động vốn trung dài hạn qua hình thức huy động tiền gửi ngày càng khó khăn hơn, các ngân hàng đang có kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu, đặc biệt chú trọng đến hình thức tăng vốn qua PHCK với mục đích nâng tỷ lệ an toàn vốn.

4.1.5. Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Trên cơ sở các quan điểm trong các chiến lược phát triển TTCK và chiến lược phát triển ngành ngân hàng, tác giả nêu ra quan điểm hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP như sau:

- Quan điểm đồng bộ, ổn định và toàn diện

Hoạt động PHCK của các NHTMCP ảnh hưởng đến nhiều chủ thể khác nhau tham gia vào TTCK, ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng và nhiều lĩnh vực khác trong nền kinh tế - xã hội. Nếu cơ quan QLNN chỉ tập trung quản lý ở một khâu của quá trình PHCK sẽ có kết quả không tốt, tác động tiêu cực đến toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Do vậy, cần phải QLNN một cách toàn diện trên tất cả các khâu của quá trình QLNN bao gồm ban hành các văn bản, tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức cấp phép, CBTT, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các ngân hàng thực hiện PHCK để HĐV. Để nâng cao chất lượng quản lý cần phải sử dụng các công cụ quản lý, các phương pháp quản lý một cách đồng bộ và ổn định trong thời gian dài

nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các ngân hàng.

- Quan điểm thống nhất quản lý

Các cơ quan QLNN can thiệp trong một mức độ cần thiết theo chức năng, nhiệm vụ của mình phù hợp tình hình thực tế đối với từng khâu trong quá trình PHCK. Nhà nước phân định trách nhiệm QLNN cho các cơ quan trực tiếp quản lý các mặt hoạt động mang tính cốt lõi theo một thể thống nhất nhằm bảo đảm đủ vốn cho hệ thống ngân hàng hoạt động, giúp ổn định kinh tế vĩ mô của đất nước tránh tình trạng chông chéo trong các khâu quản lý gây khó khăn cho các NHTMCP khi PHCK để HĐV. Phân định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và UBCKNN, giao cho một cơ quan quản lý có thẩm quyền cao nhất quản lý xuyên suốt các khâu của quá trình PHCK. Thống nhất giữa UBCKNN và NHNN để quản lý chặt chẽ các loại CK do các ngân hàng phát hành đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng vốn của các ngân hàng khi huy động qua PHCK.

- Quan điểm phát triển và hiệu quả

Mục đích QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK là hoàn thiện hoạt động PHCK, phát triển hoạt động HĐV của các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn huy động được sử dụng hiệu quả tạo lợi ích cho các chủ thể tham gia vào quá trình phát hành, góp phần phát triển TTCK và tăng trưởng kinh tế. Việc ban hành chính sách, văn bản vi phạm pháp luật, xây dựng bộ máy QLNN hợp lý, kiểm tra và giám sát chặt chẽ các khâu trong quá trình PHCK là nền tảng cho sự phát triển của các ngân hàng.

4.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

4.2.1. Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý nhà nước đối với huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Nhằm giúp cho các cơ quan QLNN quản lý tốt hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP, giúp cho các NHTMCP thực hiện hoạt động HĐV qua PHCK một cách thuận lợi nhất, khung pháp lý về QLNN đối với HĐV qua PHCK của NHTMCP VN cần được hoàn thiện, cụ thể như sau:

Ban hành thống nhất các Nghị định, quy định chi tiết và cụ thể tất cả các điều

trong Luật CK. Cập nhật kịp thời các quy định mới, các sửa đổi, bổ sung. Thống nhất những quy định về PHCK về một mối để dễ dàng quản lý và giám sát, thống nhất trên cùng một văn bản hướng dẫn thực hiện, tránh sự chồng chéo gây khó khăn cho các NHTMCP khi áp dụng. Chẳng hạn như các quy định về điều kiện, thủ tục về phát hành trái phiếu cần trình bày rõ trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật CK, không cần phải ban hành Nghị định riêng về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Hoặc quy định mức xử phạt hành chính đối với các tội danh trong lĩnh vực CK nên chi tiết ở Bộ luật Hình sự, không cần nêu ở Luật CK và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật CK.

Tăng thẩm quyền thanh tra, giám sát cho UBCKNN sẽ tạo ra tính minh bạch, trung thực trong hoạt động PHCK theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Do vậy, cần quy định bổ sung đầy đủ trong Luật CK về quyền hạn của UBCKNN trong việc thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm về PHCK, khi phát hiện các tổ chức phát hành có sai phạm, trong đó bổ sung thẩm quyền của UBCKNN trong việc yêu cầu đối tượng vi phạm đến làm việc để đối chất hoặc yêu cầu bổ sung giấy tờ cho cơ quan QLNN xử lý kịp thời, yêu cầu ngân hàng liên quan cung cấp các thông tin về dòng tiền của các đối tượng vi phạm.

Mức độ vi phạm trong lĩnh vực PHCK nói riêng và TTCK chung ngày càng phức tạp và tinh vi cần có cơ quan chuyên môn có thẩm quyền đủ mạnh để áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời, chế tài và mức xử phạt phải phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm, bảo đảm tính răn đe của pháp luật và phù hợp với quy mô TTCK. Do đó cần sửa đổi quy định về các hành vi vi phạm và mức phạt đảm bảo tính khả thi của pháp luật và phù hợp với mức độ vi phạm nhằm đảm bảo tính răn đe đối với các ngân hàng PHCK để HĐV. Nâng mức xử phạt lên 1,5 tỷ tối đa đối với cá nhân và 3 tỷ đối với tổ chức kèm theo việc tịch thu các khoản thu lợi bất chính từ hoạt động PHCK và đưa ra các biện pháp là cấm HĐV qua hình thức PHCK trong thời hạn nhất định hay cấm đảm nhiệm chức vụ đối với cá nhân thực hiện hoạt động PHCK.

Hồ sơ xin cấp phép PHCK của các NHTMCP là do chính các NHTMCP thực

hiện, do đó, không tránh khỏi trường hợp làm giả hồ sơ nên cần bổ sung quy định rõ trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật CK về hướng dẫn kiểm tra, kiểm soát hồ sơ cấp phép PHCK và quy định mức xử phạt về tội làm giả hồ sơ xin cấp phép PHCK.

Việc phát hành trái phiếu của các NHTMCP dựa trên tổng mức vốn đăng ký, phương án phát hành nên các ngân hàng dễ dàng đưa ra quyết định phát hành trái phiếu. Để tăng cường chất lượng trái phiếu của các ngân hàng, cần bổ sung quy định xếp hạng tín nhiệm đối với các ngân hàng trong nội dung về hồ sơ phát hành trái phiếu ra công chúng ở Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về quy định việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhằm tạo ra sự minh bạch, tăng sức hấp dẫn của CK được phát hành. Hoạt động của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm có liên quan mật thiết đến lợi ích của các ngân hàng phát hành, NĐT và toàn bộ TTCK, cần đồng bộ hóa các quy định có liên quan đến hoạt động của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Bên cạnh việc mời các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với các tổ chức phát hành cần được thành lập tại Việt Nam. Đồng thời, Chính phủ cần khuyến khích các doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ sử dụng dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, phân loại trái phiếu được các tổ chức phát hành có xếp hạng tín nhiệm và không có xếp hạng tín nhiệm để thúc đẩy nhu cầu đầu tư vào trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm. Thêm vào đó, quyền và trách nhiệm của người sở hữu trái phiếu cần quy định cụ thể nhằm tạo điều kiện cho người sở hữu trái phiếu có quyền giám sát việc sử dụng vốn của các đơn vị PHCK.

Nhằm thúc đẩy mở rộng hoạt động HĐV, tạo cơ hội cho các NHTMCP nói riêng và doanh nghiệp nói chung tăng khả năng HĐV qua PHCK nên xóa bỏ Khoản 1 Điều 12 Luật CK năm 2006 là doanh nghiệp có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 10 tỷ đồng VN trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán, không cần phải giới hạn mức vốn điều lệ đã góp.

Theo Khoản 2, Điều 17, Luật CK năm 2006 về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán CK ra công chúng, trong đó có quy định tổ chức tư vấn phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức kiểm toán được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ

phải chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Với quy định chung chung như vậy, dẫn đến thực trạng là bản cáo bạch của các ngân hàng PHCK không phản ánh đúng tình hình hoạt động của ngân hàng. Những triển vọng phát triển được nhấn mạnh trong khi những khó khăn tồn tại chỉ được nhắc đến một cách chung chung. NĐT khi đọc bản cáo bạch chỉ thấy nhắc đến tiềm năng phát triển của ngân hàng phát hành mà không được báo cáo đầy đủ về những rủi ro thực tế mà ngân hàng có thể phải đối mặt. Phần dự kiến kế hoạch lợi nhuận được nhấn mạnh và phóng đại hơn thực tế, còn phần rủi ro về hoạt động lại đề cập một cách sơ sài.

Tuy nhiên, không phải mọi bản cáo bạch chào bán CK ra công chúng đều mang thông tin thiếu chính xác nhưng thực tế là ngày càng có nhiều bản cáo bạch chất lượng kém, thông tin thiên lệch trong bản cáo bạch không giúp các NĐT biết được chính xác tình hình của doanh nghiệp. Nguyên nhân của tình trạng này là do trách nhiệm của đơn vị tư vấn PHCK, đơn vị tư vấn của các công ty CK thực hiện nhiệm vụ tư vấn phát hành không đảm bảo, dẫn đến tình trạng làm bản cáo bạch theo hướng dẫn của tổ chức phát hành. Chất lượng tư vấn thấp không phát hiện được lỗi trong bản cáo bạch sau khi được tư vấn không phản ánh đúng tình hình của doanh nghiệp dẫn đến sự đánh giá sai của NĐT đối với triển vọng phát triển ngân hàng mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ TTCK.

Điều khoản nêu trên cũng cần được quy định cụ thể với mục đích nâng cao trách nhiệm của tổ chức tư vấn phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành trong việc xác nhận hồ sơ chào bán CK. Tổ chức tư vấn phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành phải thực hiện việc soát xét lại các thông tin trong hồ sơ đăng ký chào bán CK, đặc biệt là thông tin trong bản cáo bạch, yêu cầu các công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm tra và cung cấp thông tin tài chính theo quy định đã được thỏa thuận trước.

Luật CK năm 2006 và luật sửa đổi, bổ sung Luật CK năm 2010 quy định chế độ quản lý chất lượng kết hợp với mô hình CBTT, quy định rõ các nghĩa vụ cung cấp thông tin của các ngân hàng PHCK, nghĩa vụ của các NĐT là phải tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Tuy nhiên, để nâng cao trách nhiệm minh

bạch hóa trong hoạt động PHCK đáp ứng yêu cầu về hội nhập, cần thiết phải hoàn thiện khung pháp lý về CBTT, cụ thể:

+ Cần quy định rõ hơn đối với một số trường hợp CBTT bất thường, bổ sung nghĩa vụ CBTT bất thường khác tránh thiếu sót các thông tin quan trọng ảnh hưởng không tốt cho các NĐT. Chẳng hạn như quy định công ty đại chúng trong vòng 24 giờ phải CBTT khi có quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu chiếm từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên, nên quy định rõ khi quyết định vay với giá trị khoản vay hay tổng giá trị khoản vay hoặc quy định công ty đại chúng bị tổn thất tài sản có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên nên ghi rõ giá trị tài sản có tính giá trị khấu hao hay không tính, nguyên nhân gây ra tổn thất là khách quan hay chủ quan. Bỏ quy định về thời hạn CBTT bất thường trong vòng 72 giờ, bổ sung yêu cầu CBTT ngay lập tức. Sửa đổi quy định các công ty đại chúng phải CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện thành các công ty đại chúng phải CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền .

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát về tính minh bạch các thông tin trong báo cáo tài chính, tham gia xây dựng chuẩn mực kế toán quốc tế tại VN. Để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính cần mở rộng các chuẩn mực quốc tế về kế toán và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (International Financial Reporting Standards - IFRS). VN cần phải áp dụng các chuẩn mực quốc tế về kế toán và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế nhằm nâng cao mức độ minh bạch của báo cáo tài chính của các công ty đại chúng nói chung và các NHTMCP nói riêng. Các chuẩn mực quốc tế về kế toán và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế được soạn thảo bằng tiếng Anh, nên rào cản ngôn ngữ cũng là một khó khăn cho việc triển khai của các cơ quan quản lý. Do vậy, Bộ tài chính thành lập Ban biên dịch và Ban soát xét bản dịch chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào ngày 19/07/2019 nhằm khắc phục hạn chế trên. Tuy nhiên, VN vẫn chưa có chuyên gia trong thực hành các chuẩn mực quốc tế về kế toán và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế nên cần phải cử cán bộ sang các nước đã áp dụng thành công các tiêu chuẩn này để học hỏi kinh nghiệm sau đó đào tạo lại cho các tổ chức VN áp dụng.

+ Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về nghĩa vụ báo cáo, CBTT. Thiết lập các cơ chế giám sát, cảnh báo sớm nhằm phát hiện những biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống ngân hàng. Đồng thời, phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia thanh tra, kiểm tra, xác minh, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động PHCK. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức thị trường trái phiếu doanh nghiệp, xây dựng, ban hành các quy định, quy chế về trái phiếu doanh nghiệp, khuyến khích các công ty nói chung các ngân hàng nói riêng đưa trái phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch CK, xây dựng cổng thông tin trái phiếu doanh nghiệp.

+ Quy định hiện nay bắt buộc các NHTMCP phải CBTT bằng tiếng Anh nếu có vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu từ 500 tỷ đồng trở lên, trong khi đó chưa có một tổ chức nào hỗ trợ các NHTMCP thực hiện công việc này. Việc đưa ra các quy định mang tính chất bắt buộc sẽ tạo ra tình trạng làm “làm qua loa”, thực hiện chỉ mang tính “đối phó” ảnh hưởng đến chất lượng CBTT. Do vậy, Bộ Tài chính cần xem xét sửa đổi nội dung không bắt buộc thành khuyến khích CBTT bằng tiếng Anh ở Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Thêm vào đó, bổ sung quy định về việc CBTT liên quan đến phát triển bền vững nhằm nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, cụ thể như những thông tin liên quan đến trách nhiệm với môi trường, trách nhiệm với xã hội.

Các cơ quan QLNN cần nghiên cứu hoàn thiện và ban hành Luật, Nghị định, Quyết định liên quan đến hoạt động PHCK đúng thời điểm đảm bảo mang lại hiệu quả QLNN, trao thêm quyền cho UBCKNN trong việc thực hiện việc quản lý đối với hoạt động PHCK, yêu cầu các tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về giao dịch tài khoản ngân hàng của các NHTMCP có dấu hiệu vi phạm. Một số hành vi vi phạm được lượng hóa như tội cố ý CBTT sai lệch nhưng UBCKNN lại không đủ thẩm quyền trực tiếp xử lý, Chính phủ cần trao quyền cao hơn cho UBCKNN trong thẩm vấn, điều tra các vi phạm.

Bổ sung các hướng dẫn chi tiết về định giá tài sản doanh nghiệp phù hợp với các chuẩn mực quốc tế trong Luật CK 2006, Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định

60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Thông tư 162/2015/NĐ-CP hướng dẫn việc chào bán CK ra công chúng. Thêm vào đó, cần bổ sung các điều khoản quy định cho công tác quản lý và sử dụng các ứng dụng CNTT trong hoạt động PHCK nói riêng và lĩnh vực CK nói chung, đưa ra các chế tài xử phạt đối với những hành vi không thực hiện các quy định về sử dụng các ứng dụng CNTT để báo cáo và CBTT.

Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động PHCK của NHTMCP phải được kết hợp bởi nhiều yếu tố nhằm tạo ra một môi trường pháp lý phù hợp, khả năng thích ứng cũng như những đòi hỏi của nền kinh tế, môi trường pháp lý về kinh tế, tài chính và TTCK. Khung pháp lý về TTCK và PHCK ngày càng hoàn thiện, nhưng trong quá trình triển khai còn nhiều vướng mắc, khó khăn cho các nhà quản lý. Chính vì vậy, Chính phủ cần trực tiếp điều chỉnh khung pháp lý về PHCK và TTCK. Để hoạt động PHCK trở thành kênh HĐV chủ yếu cho hệ thống ngân hàng, giúp tăng cường vai trò QLNN, Chính phủ phải bỏ một số điều chưa phù hợp, quy định chi tiết, bổ sung và sửa đổi Luật CK và các văn bản dưới luật như đã trình bày cụ thể ở trên.

4.2.2. Hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

* Hoàn thiện mô hình QLNN về HĐV qua PHCK của NHTMCP VN

TTCK đã phát triển đến một quy mô, trình độ nhất định đòi hỏi phương thức quản lý mới phù hợp với tình hình thực tế và thông lệ quốc tế. Thêm vào đó, hoạt động HĐV của các ngân hàng ngày càng phát triển, các ngân hàng luôn chủ động trong quá trình phát hành để HĐV, nhưng các đợt PHCK với thủ tục phức tạp đã tạo ra sức ép đối với cơ quan QLNN và các ngân hàng phát hành. Do vậy, cần chuyển đổi mô hình quản lý kết hợp cơ chế quản lý chất lượng và cơ chế quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ như hiện nay sang cơ chế quản lý trên cơ sở CBTT đầy đủ. Với cơ chế quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ sẽ tăng cường nghĩa vụ CBTT của ngân hàng phát hành, giảm trách nhiệm của các cơ quan QLNN, điều này phải được quy định cụ thể trong Luật CK. Khi chuyển đổi mô hình quản lý trên cơ sở CBTT đầy đủ, các cơ quan QLNN cần thực hiện các nội dung cụ thể sau:

- Đối với UBCKNN

Sửa đổi khung pháp lý theo hướng trình bày ở trên kết hợp với việc UBCKNN không đánh giá chất lượng CK phát hành, tập trung quản lý hoạt động PHCK dựa trên việc đáp ứng quy định về CBTT của các tổ chức phát hành. Theo đó, UBCKNN yêu cầu các tổ chức khi PHCK phải nộp bản đăng ký chào bán CK cho UBCKNN gồm các thông tin như: thông tin về tổ chức phát hành, loại CK đăng ký chào bán, đợt chào bán và phải CBTT đầy đủ cho NĐT trước khi chào bán CK. Điều này sẽ ràng buộc NĐT tự chịu trách nhiệm đến chất lượng CK mình mua, đồng thời tổ chức PHCK phải chịu trách nhiệm về những thông tin mà mình đã công bố.

CBTT trong PHCK là hoạt động rất quan trọng, việc CBTT kịp thời, chính xác, đầy đủ và trung thực một mặt giúp các NĐT đưa ra các quyết định đúng đắn khi đầu tư vào CK mà các ngân hàng phát hành, mặt khác buộc các NHTMCP hoạt động kinh doanh hiệu quả đảm bảo khả năng tài chính, đảm bảo uy tín của mình trên TTCK. Do vậy, UBCKNN cần thành lập trung tâm dữ liệu tại UBCKNN để lưu trữ thông tin công bố của các đơn vị PHCK nói chung và các NHTMCP nói riêng, điều này sẽ giúp cho công tác giám sát hoạt động PHCK dễ dàng hơn. Xây dựng phần mềm chuyên biệt và quy trình chặt chẽ cho trung tâm này, các cơ quan QLNN và các ngân hàng phát hành cùng xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin giúp các cơ quan QLNN phát hiện những diễn biến xấu trong quá trình hoạt động của các NHTMCP, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời nhằm tránh rủi ro cho các ngân hàng phát hành và rủi ro cho TTCK. Những việc cụ thể UBCKNN cần thực hiện khi trung tâm dữ liệu được thành lập để lưu trữ thông tin: Phân định rõ ràng trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động CBTT giữa Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN; Quy định cụ thể nghĩa vụ CBTT và nội dung cần thông tin phải công bố; Quy định thời gian và phương tiện CBTT; Thiết lập các mẫu CBTT chuẩn để tạo sự đồng nhất và tránh trường hợp CBTT sai sót, thiếu chính xác.

Tăng cường công tác giám sát bằng việc thành lập Ban kiểm soát báo cáo tài chính thuộc UBCKNN cách xây dựng quy trình giám sát phù hợp nhằm để kiểm tra và xác minh độ chính xác và trung thực của thông tin được công bố. Quá trình kiểm

tra sẽ phát hiện ra được những thiếu sót về kế toán, biết được mức độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán của các tổ chức phát hành. Nếu phát hiện thiếu sót, Ban kiểm soát đề xuất biện pháp ngăn chặn và hỗ trợ điều chỉnh ngay từ đầu tránh tình trạng sai sót dẫn đến hiệu quả nghiêm trọng. Đồng thời, các biện pháp cưỡng chế cũng cần cụ thể đối với các tổ chức phát hành làm báo cáo sai và những người có liên đới cho phép cung cấp báo cáo tài chính sai lệch nhằm đảm bảo cho hoạt động PHCK hiệu quả hơn, giúp công tác QLNN ngày một tốt hơn.

Vụ Quản lý chào bán CK ban hành bộ quy trình, thủ tục về PHCK, chú trọng nội dung về cơ chế quản lý chào bán CK dựa trên CBTT đầy đủ, chi tiết các tiêu chuẩn về CBTT; Thường xuyên tổ chức các buổi chuyên đề, hội thảo để giới thiệu các tiêu chuẩn về bản cáo bạch và thông tin được công bố, những quy định và yêu cầu trong báo cáo tài chính, trách nhiệm và nghĩa vụ CBTT của ban lãnh đạo ngân hàng phát hành. Hướng dẫn các ngân hàng phát hành, tổ chức kiểm toán sử dụng các phương pháp định giá tài sản nhằm tạo cơ sở xác định được giá trị thực của CK chuẩn bị phát hành. Để nâng cao ý thức trách nhiệm của Ban quản trị ngân hàng cần thực hiện các việc sau: Ngân hàng phát hành phải cung cấp thông tin về ngân hàng, thông tin về các đợt PHCK và giải trình nội dung của bản cáo bạch khi có yêu cầu; Xây dựng các chế tài xử lý vi phạm nghiêm ngặt hơn đối với việc ngân hàng phát hành không tuân thủ các tiêu chuẩn đối với các thông tin công bố.

UBCKNN phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế, hệ thống CBTT (IDS) phải tương tác và chia sẻ giữa hệ thống thông tin từ UBCKNN với các đơn vị quản lý có liên quan đến hoạt động PHCK để các ngân hàng phát hành thực hiện CBTT theo một đầu mối đảm bảo tính kịp thời, hệ thống CBTT phải tự động hóa, phát hiện và cảnh báo sớm về thời hạn nộp báo cáo tài chính.

- Đối với NHNN

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm đóng vai trò quan trọng thúc đẩy hoạt động PHCK, xếp hạng CK, đánh giá khả năng rủi ro vỡ nợ, xác định chi phí sử dụng vốn, khả năng phân phối CK. Đây là một chiến lược HĐV và là phương thức để quảng bá hình ảnh ngân hàng, tạo uy tín của ngân hàng trên TTCK. Hiện nay có 3 tổ chức

định mức tín dụng có uy tín lớn trên Thế giới về xếp hạng tín nhiệm các ngân hàng phát hành như Moody's Investor Service (Moody's), S&P, Fitch Investor Service (Thời gian qua các tổ chức này đã xếp hạng tín nhiệm cho nhiều NNHTMCP ở VN). NHNN chủ động xây dựng công ty định mức tín nhiệm riêng cho hệ thống ngân hàng trên cơ sở hợp tác quốc tế với các tổ chức định mức tín nhiệm quốc tế này để được hỗ trợ về mặt kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm, cách thức quản lý, hoàn thiện bộ tiêu chí định mức tín nhiệm của mình.

Tình trạng sở hữu chéo của các NHTMCP dẫn tới việc CBTT không đầy đủ, thông tin không minh bạch. Mặc dù Thông tư 46/2018 của NHNN quy định cổ đông lớn của ngân hàng không được sở hữu 5% vốn điều lệ của ngân hàng khác nhưng quy định này chưa đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo ngân hàng, quy định này chỉ giải quyết được vấn đề hình thức. Do vậy, NHNN cần có những quy định cụ thể về người có liên quan, người sở hữu cuối cùng và mở rộng đối tượng phải CBTT về tỷ lệ sở hữu, trao cho cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng quyền xác định người sở hữu cuối cùng dựa trên các nguyên tắc theo luật định.

Để đảm bảo quản lý mức độ đủ vốn thực sự hiệu quả xét trên toàn bộ hệ thống ngân hàng thông qua hệ số an toàn vốn (CAR), NHNN cần có các giải pháp toàn diện đối với vấn đề này. Cụ thể, các giải pháp có thể thực hiện trong thời gian tới gồm:

- NHNN VN cần có lộ trình cụ thể về thời gian trong việc áp dụng Basel II và Basel III trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước đã triển khai.

- NHNN cũng cần xây dựng kế hoạch cụ thể liên quan đến áp dụng Basel II và III theo đó nhấn mạnh đến việc phân loại ngân hàng trong triển khai Basel II & III. Các hoạt động cụ thể như sau:

- + Xác định lại mẫu số của công thức theo hướng tích hợp thêm rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động theo đúng quy định của Basel II.

- + Cần trao quyền cho cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng đúng như khuyến nghị trong trụ cột II của hiệp ước Basel II. Đặc biệt, cho phép cơ quan thanh tra, giám sát có chính sách và chế tài cụ thể đối với từng NHTM không đáp ứng yêu

cầu vốn tối thiểu.

+ Thực hiện nghiên cứu mô hình xác định mức độ ảnh hưởng đến thị trường tài chính và nền kinh tế khi một NHTM bị phá sản. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyết định của NHNN đối với các NHTM gặp khó khăn về tài chính cũng như không đảm bảo được mức độ an toàn. Mô hình này cần phân biệt rõ mức độ ảnh hưởng của các ngân hàng với quy mô khác nhau tới nền kinh tế và thị trường tài chính.

+ Xác định lộ trình áp dụng mức an toàn vốn theo quy chuẩn Basel III thông qua việc: (i) quy định mức đủ vốn tự có thực; (ii) quy định về tầm đệm vốn chống rủi ro chu kỳ kinh tế; (iii) quy định tầm đệm vốn chống rủi ro hệ thống từ sự liên thông của các thị trường.

+ Tăng cường giám sát, yêu cầu điều chỉnh các kế hoạch phân phối lợi nhuận của các ngân hàng bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông theo các phương pháp được khuyến nghị trong Basel III.

+ Tham gia các kỳ đại hội cổ đông để quan tâm đến các ý kiến của cổ đông, đặc biệt là cổ đông nhỏ để đề nghị bổ sung, chỉnh sửa vào các phương án, kế hoạch tăng vốn, phân phối nhằm đảm bảo tính khả thi và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

* Hoàn thiện cơ cấu tổ chức QLNN về HĐV qua PHCK của NHTMCP VN

UBCKNN được thành lập ngày 28/11/1996, là cơ quan trực thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng tổ chức và QLNN về CK và TTCK. Trong thời gian này, kinh tế tư nhân còn yếu, quy mô TTCK còn nhỏ, UBCKNN cần có sự hỗ trợ về chính sách, nguồn lực và các yếu tố khác để phát triển. Ngày 19/02/2004, Chính phủ đã chuyển UBCKNN trực thuộc Bộ Tài chính nhằm đưa các doanh nghiệp nhà nước niêm yết trên Sàn giao dịch CK dễ dàng hơn, gắn với tiến trình cổ phần hóa theo chủ trương của Chính phủ.

Khi quy mô của TTCK được mở rộng, TTCK trở thành kênh cung ứng vốn quan trọng cho nền kinh tế với khối lượng vốn lớn, tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước được đẩy nhanh. Thêm vào đó, theo yêu cầu tái cấu trúc thị trường tài chính theo hướng giảm áp lực đối với hệ thống ngân hàng trong việc HĐV, nâng

cao vai trò thị trường vốn, thu hút ngày càng nhiều hơn nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ nhu cầu vốn trong xu thế kinh tế hội nhập. Hơn nữa, UBCKNN thuộc Bộ Tài chính khó đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc của Tổ chức quốc tế các Ủy ban CK, gây ra những bất cập ở các khâu trung gian trong việc xử lý các tình huống mang tính cấp bách, khó tách bạch giữa chức năng quản lý tài chính và chức năng trung gian tài chính của Bộ tài chính. Chính vì những điều trên, Chính phủ cần trình Quốc hội, xây dựng lại cơ cấu tổ chức bộ máy QLNN đối với TTCK nói chung và PHCK nói riêng, chuyển UBCKNN thành cơ quan ngang Bộ Tài chính.

Khi UBCKNN thuộc Chính phủ, UBCKNN là đơn vị trực tiếp và cao nhất QLNN đối với TTCK nói chung, hoạt động PHCK nói riêng. Khi đó, UBCKNN sẽ có đủ thẩm quyền, năng lực chuyên môn thực hiện công việc, được phân định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng, gắn kết giữa các bộ phận chức năng thì mới thực hiện tốt việc quản lý của mình, tạo điều kiện cho các NHTMCP hoàn thành tốt hoạt động HDV, thúc đẩy hệ thống ngân hàng và TTCK phát triển. Trong quá trình quản lý hoạt động PHCK, nhiều vấn đề cần được giải quyết nhanh, UBCKNN có thể chủ động thực hiện công tác quản lý của mình đảm bảo công tác quản lý được giải quyết kịp thời. UBCKNN độc lập với Bộ Tài chính sẽ nâng cao vị thế và vai trò của UBCKNN trong công tác quản lý của mình. UBCKNN độc lập Bộ Tài chính sẽ bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc của Tổ chức Quốc tế các Ủy ban CK, tiệm cận với thông lệ quốc tế làm tăng sự minh bạch, tạo niềm tin cho NĐT, thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước. UBCKNN độc lập Bộ Tài chính đảm bảo rằng UBCKNN được cấp phép, thu hồi phép và quyết định về mặt tổ chức nhân sự, dự toán ngân sách...cho đơn vị mình, giảm đi khâu trung gian, tránh tình trạng ban hành các quyết định chậm trễ ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN. Chính vì vậy, việc tách UBCKNN ra khỏi Bộ Tài chính, trực thuộc Chính phủ là điều cần thiết để thực hiện chiến lược phát triển TTCK về lâu dài.

Việc chuyển đổi mô hình này cần được thực hiện dần dần và từng bước theo lộ trình sau: Giai đoạn từ năm 2020-2025 tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực quản lý điều hành của UBCKNN (trực thuộc Bộ tài chính) bằng việc trao thêm cho

UBCKNN các quyền như quyền được tiếp cận thông tin trong công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động CK để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát thị trường; Sau năm 2025 khi chuẩn bị đủ các điều kiện chính thức chuyển UBCKNN trực thuộc Chính phủ, độc lập với Bộ tài chính.

4.2.3. Hoàn thiện các hoạt động quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

- Kiểm soát chặt chẽ hồ sơ xin cấp phép PHCK của các NHTMCP, đặc biệt là các thông tin trong báo cáo tài chính của các ngân hàng.

Để hạn chế sự sai lệch trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải ràng buộc chặt chẽ trách nhiệm của ngân hàng đối với các báo cáo tài chính, tăng quyền và trách nhiệm cho các cơ quan kiểm toán. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính là trách nhiệm của ngân hàng, còn các đơn vị kiểm tra thực hiện công việc kiểm toán dựa trên các khía cạnh trọng yếu báo cáo tài chính nhằm mục đích đưa ra ý kiến đánh giá về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính. Việc kiểm tra của kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu các tài liệu, chứng từ kế toán do ngân hàng cung cấp, nếu ngân hàng cung cấp không đầy đủ, kiểm toán có quyền yêu cầu cung cấp thêm. Tuy nhiên, việc cung cấp thêm hoặc từ chối cung cấp tùy thuộc vào quyết định của ngân hàng, tài liệu các ngân hàng cung cấp. Khi có sự sai lệch thông tin trong báo cáo tài chính đã công bố, trách nhiệm là của ngân hàng, đơn vị kiểm toán chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi ý kiến mà họ đưa ra đối với báo cáo tài chính dựa trên các hồ sơ chứng từ mà họ được cung cấp trong quá trình kiểm toán. Kiểm toán độc lập là một trong những công cụ để trợ giúp minh bạch hóa thị trường thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt từ cảnh cáo, phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, đồng thời có thể áp dụng hình thức xử phạt bổ sung. Tuy nhiên, với mức phạt

tiền tối đa trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức là thấp, cần nâng mức xử phạt cao hơn để đảm bảo tính răn đe. Thêm vào đó, Bộ Tài chính cần kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế gian lận xuất hiện, tổ chức các chương trình bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong kế toán, kiểm toán trong lĩnh vực ngân hàng. Đối với mỗi kiểm toán viên, kế toán viên cần hiểu rõ và ghi nhớ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của mình, thường xuyên cập nhật những kiến thức chuyên môn mới để không bị lạc hậu về chuyên môn, xử lý công việc theo chế độ kế toán, chuẩn mực chuyên môn theo quy định hiện hành.

Ngoài ra, các thông tin tài chính khác ngoài báo cáo tài chính như các phân tích, đánh giá về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của ngân hàng phát hành do ban lãnh đạo ngân hàng phát hành đưa ra hoặc các thông tin tài chính dự báo trong tương lai cần phải được kiểm tra, soát xét kỹ càng bởi những người có chuyên môn cao, tránh ảnh hưởng đến quyết định của NĐT.

- UBCKNN cần tăng cường tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là chú trọng triển khai các đoàn kiểm tra đột xuất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

Hoạt động thanh tra về PHCK cần áp dụng thường xuyên cả 3 phương pháp: thanh tra định kỳ, thanh tra theo mục tiêu và thanh tra đột xuất nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm của các NHTMCP một cách có hiệu quả. Cần thực hiện thường xuyên, liên tục các hoạt động giám sát (giám sát tuân thủ, giám sát rủi ro) làm cơ sở cho hoạt động thanh tra. Dựa trên số liệu, báo cáo từ hoạt động giám sát, UBCKNN phân tích, đối chiếu với các quy định của pháp luật về PHCK từ đó đánh giá về việc chấp hành pháp luật và sớm phát hiện dấu hiệu vi phạm của các NHTMCP, đưa ra cảnh báo sớm về rủi ro có thể xảy ra. UBCKNN tổ chức những đoàn thanh kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, từ đó có những chế tài yêu cầu buộc các NHTMCP tăng cường và coi trọng hơn công tác quản trị rủi ro. Trên cơ sở quyền của UBCKNN được tăng lên, UBCKNN có quyền yêu các NHTMCP cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra hoặc yêu

cầu các NHTMCP giải trình, đối chất liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống công nghệ giám sát, kết nối dữ liệu với các NHTMCP PHCK trên cơ sở hỗ trợ của hệ thống công tác giám sát CBTT (IDS), hệ thống giám sát giao dịch trên TTCK (MSS), hệ thống CSDL phục vụ công tác thanh tra; hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3 trong hoạt động PHCK (dịch vụ công công trực tuyến mức 3 dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó; cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu; cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường”mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ).

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đủ trình độ và năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cấp phép PHCK, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với hoạt động PHCK của các NHTMCP.

Với số lượng đội ngũ được tuyển dụng hằng năm, UBCKNN xây dựng chính sách đào tạo toàn diện, đảm bảo có đủ trình độ nắm bắt, đánh giá và triển khai từng mảng công việc ngay thời gian đầu tiếp cận công việc; Việc thường xuyên tập huấn, cử tham gia các đoàn khảo sát, nghiên cứu và học tập về QLNN ở các nước có TTCK phát triển là cần thiết. Nâng cao năng lực cán bộ giám sát các cấp QLNN bởi yêu cầu của công tác giám sát đòi hỏi cán bộ giám sát phải có các kỹ năng chuyên môn về phân tích, xử lý dữ liệu, kỹ năng tiếp xúc với các các NHTMCP, khả năng vận hành hệ thống công nghệ phục vụ cho công tác giám sát.

Cần phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế cho toàn TTCK, đồng bộ, sử dụng công nghệ tương tác và chia sẻ thông tin giữa các hệ thống công nghệ thông tin của UBCKNN với Sở Giao dịch CK và Trung tâm lưu ký CK nhằm. Thực hiện được điều này sẽ hỗ trợ các ngân hàng thực hiện CBTT theo một đầu mối được thuận lợi, kịp thời; tạo ra chức năng cảnh báo các trường

hợp gần đến hạn, đến hạn và quá hạn và chức năng kiểm tra tự động nội dung thông tin được các ngân hàng gửi tới; có thể so sánh thông tin trong báo cáo tài chính giữa kỳ này và các kỳ trước; thiết lập ra chức năng giám sát công bố thông tin, lập báo cáo, thống kê thông tin phục vụ quản lý.

Nâng cao mức xử phạt, hướng dẫn cụ thể về công thức tính thu nhập bất chính từ hành vi vi phạm của các NHTMCP trong PHCK đảm bảo chức năng của hoạt động giám sát hiệu quả.

Để thực hiện hoạt động thanh tra, giám sát và cưỡng chế thực thi có hiệu quả, UBCKNN cần thành lập đội phản ứng nhanh chịu trách nhiệm thực hiện hành động ưu tiên trên cơ sở những thông tin có được về khả năng vi phạm những quy định về PHCK. Đội phản ứng nhanh thực hiện việc kiểm tra và giám sát tài chính các NHTMCP PHCK. Mục đích thành lập đội phản ứng nhanh nhằm ngăn chặn xa hơn những hành động gian lận và phi pháp, bảo vệ niềm tin của NĐT, tạo uy tín đối với các NHTMCP trong việc HDV qua PHCK.

Thực hiện việc cải cách toàn diện hệ thanh tra, giám sát cần xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu giám sát đầy đủ và nhất quán và áp dụng công nghệ giám sát hiện đại (hệ thống thông tin quản lý – MIS) để cập nhật thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời và đưa ra các dự báo chính xác. Đồng thời, các cơ quan giám sát cần tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ chế đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút được nguồn nhân lực giỏi phục vụ cho công tác thanh tra, giám sát hoạt động PHCK của các NHTMCP.

4.2.4. Tăng cường sự phối kết hợp trong quản lý nhà nước về huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

UBCKNN căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ của Chính phủ, kết hợp với Bộ Tài chính xây dựng chương trình hành động cụ thể làm căn cứ cho các cơ quan quản lý cấp dưới xây dựng chiến lược và kế hoạch QLNN đối với hoạt động PHCK. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của UBCKNN. Kết hợp với Bộ Tài chính hoàn chỉnh, sửa đổi thông tư và các văn bản khác về PHCK. Đề xuất Chính phủ xây

dựng Luật thanh tra, giám sát tài chính, quy định chi tiết phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan thanh tra, cơ chế phối hợp, phân tích rõ ràng vai trò của từng cơ quan giám sát. UBCKNN phối kết hợp với Bộ Tài chính và các bộ ngành nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động giám sát, cường chế thực thi, bảo đảm an toàn cho hoạt động PHCK.

Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về: Tài chính, CK, hoạt động dịch vụ tài chính,... và dịch vụ khác thuộc phạm vi QLNN của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. Nhằm tạo được khuôn khổ pháp lý cho TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng trở thành kênh HĐV trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế, đồng thời giúp TTCK phát triển hiện đại, minh bạch, bền vững, chuyên nghiệp, tiếp cận với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở chiến lược dài hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính kết hợp UBCKNN (nếu tách UBCKNN ra khỏi Bộ Tài chính) và các cơ quan ngang bộ xây dựng chiến lược QLNN đối với hoạt động PHCK, tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách PHCK theo hướng đảm bảo chất lượng các CK khi phát hành ra thị trường.

UBCKNN tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với NHNN nhằm giám sát tốt hơn nguồn vốn huy động từ hệ thống các ngân hàng, phối hợp chặt chẽ hơn với các cơ quan thuộc Bộ Công an để xử lý những vụ việc có dấu hiệu tội phạm, dấu hiệu vi phạm mang tính chất nghiêm trọng trong lĩnh vực CK nói chung và trong hoạt động PHCK của các NHTMCP nói riêng.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với công ty kiểm toán góp phần bảo đảm tính an toàn và độ tin cậy của báo cáo tài chính của NHTMCP. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là cơ quan QLNN trong lĩnh vực ngân hàng nên có đầy đủ cơ sở dữ liệu, biết rõ các thay đổi trong hoạt động hàng ngày của ngân hàng có thể cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho công ty kiểm toán nhằm giúp các công ty kiểm toán sớm phát hiện các rủi ro có khả năng xảy ra trong hoạt động ngân hàng. Ngược lại, trong quá trình thực hiện kiểm toán nếu phát hiện rủi ro nghiêm trọng ảnh hưởng đến sự phát triển an toàn của hệ thống NHTM cần báo cáo cho cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để

điều chỉnh, định hướng đảm bảo sự phát triển ổn định cho hệ thống ngân hàng. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với công ty kiểm toán phải trao đổi, thảo luận thường xuyên để thông báo về các vấn đề liên quan, trên cơ sở phát hiện các vấn đề phát sinh và được thông báo thì các cơ quan phải phản hồi kịp thời và đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính.

Mục đích hoạt động Hiệp hội Ngân hàng là nâng cao đạo đức nghề nghiệp của các thành viên trong hiệp hội. Hiệp hội Ngân hàng cần phối hợp với NHNN, UBCKNN để giám sát chất lượng CBTT của các NHTMCP xây dựng, phối hợp với các NHTMCP ban hành và giám sát các quy trình nghiệp vụ PHCK đảm bảo cho hoạt động PHCK thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia có chức năng tham mưu, tư vấn cho Chính phủ điều phối hoạt động quản lý, thanh tra, giám sát thị trường tài chính quốc gia (trong đó có hoạt động hệ thống ngân hàng và CK). Do vậy, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, NHNN nhằm đưa ra các ý kiến tham mưu, tư vấn cho Chính phủ một cách đúng đắn. Theo đó, Bộ Tài chính, NHNN có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin, số liệu thống kê định kỳ cho Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia.

4.3. Một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với huy động vốn qua phát hành chứng khoán của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

4.3.1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, giám sát tối cao đối với các hoạt động của Nhà nước. Để hoàn thiện QLNN về HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, Quốc hội cần thực hiện những vấn đề sau:

Trước khi soạn thảo và ban hành các chính sách QLNN đối với hoạt động PHCK cần phải tham khảo ý kiến của các cơ quan QLNN (Bộ Tài chính, UBCKNN, Bộ tư pháp, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, ...) và các đơn vị PHCK nói chung, NHTMCP nói riêng để nâng cao chất lượng các chính sách. Trên

cơ sở các ý kiến thu thập được làm cơ sở hoạch định chính sách, Quốc hội giao cho Chính phủ nghiên cứu, hoàn thiện và đánh giá quá trình thực thi chính sách nhằm đảm bảo các yêu cầu, mục tiêu đề ra của chính sách.

Quốc hội giao cho Chính phủ chỉ thị các Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN, Bộ tư pháp, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, ...thống nhất sửa đổi, bổ sung các quy định về PHCK theo đúng định hướng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của TTCK.

Tăng cường giám sát chất lượng của đại biểu Quốc hội nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong việc góp ý, biểu quyết dự thảo các văn bản pháp luật về PHCK.

Bộ máy QLNN có vai trò quyết định kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý, bộ máy QLNN hợp lý sẽ tiết kiệm được chi phí, nâng cao kết quả và chất lượng thực hiện công việc. Chính phủ là cơ quan QLNN đối với hoạt động PHCK cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong từng giai đoạn cụ thể, trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển hệ thống ngân hàng, TTCK đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Với mục đích hoàn thiện QLNN về HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN, Chính phủ cần phải thực hiện:

Chính phủ chỉ thị Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN, Bộ Tư pháp, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, ...nghiên cứu hoàn thiện và ban hành Luật, Nghị định, Quyết định liên quan đến hoạt động PHCK của các NHTMCP đúng thời điểm đảm bảo mang lại hiệu quả QLNN của Chính phủ. Chính phủ cần trình Quốc hội, xây dựng lại cơ cấu tổ chức bộ máy QLNN đối với TTCK nói chung và PHCK nói riêng, chuyển UBCKNN thành cơ quan ngang Bộ Tài chính. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các thành viên Chính phủ trong việc góp ý, biểu quyết ban hành các chính sách về QLNN đối với hoạt động PHCK. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài truyền hình, website,...) nhằm nâng cao ý thức pháp luật của mỗi NHTMCP trong việc chấp hành quy định về PHCK để HĐV.

4.3.2. Đối với Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan ngang bộ

Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về: Tài chính, CK, hoạt động dịch vụ tài chính,... và dịch vụ khác thuộc phạm vi QLNN của bộ theo quy định của pháp luật. Nhằm tạo được khuôn khổ pháp lý cho TTCK nói chung và hoạt động PHCK nói riêng thành kênh HDV trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế, đồng thời giúp TTCK phát triển hiện đại, minh bạch, bền vững, chuyên nghiệp, tiếp cận với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở chiến lược dài hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính kết hợp UBCKNN (nếu tách UBCKNN ra khỏi Bộ Tài chính) và các cơ quan ngang bộ xây dựng chiến lược QLNN đối với hoạt động PHCK, tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách PHCK theo hướng đảm bảo chất lượng các CK khi phát hành ra TTCK.

Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, thông qua Luật CK sửa đổi, cần nghiên cứu, hoàn thiện việc ban hành các thông tư hướng dẫn thi hành các Nghị định về phát hành cổ phiếu, trái phiếu.

UBCKNN căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ của Chính phủ, kết hợp với Bộ Tài chính xây dựng chương trình hành động cụ thể làm căn cứ cho các cơ quan quản lý cấp dưới xây dựng chiến lược và kế hoạch QLNN đối với hoạt động PHCK. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của UBCKNN. Kết hợp với Bộ Tài chính hoàn chỉnh, sửa đổi thông tư và các văn bản khác về PHCK.

Đề xuất Chính phủ xây dựng Luật thanh tra, giám sát tài chính, quy định chi tiết phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan thanh tra, cơ chế phối hợp, phân tích rõ ràng vai trò của từng cơ quan giám sát. UBCKNN phối kết hợp với Bộ Tài chính và các bộ ngành nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động giám sát, cưỡng chế thực thi, bảo đảm an toàn cho hoạt động PHCK.

Ủy ban giám sát tài chính quốc gia điều phối hoạt động giám sát thị trường tài chính quốc gia, giám sát chung thị trường tài chính quốc gia. Tuy nhiên, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia được tổ chức dưới góc độ là một cơ quan tư vấn, không

có chức năng xây dựng chính sách và không có thực quyền giám sát cũng như xử lý vi phạm. Điều này tạo kẽ hở trong quy định giám sát giúp các NHTMCP lách luật, né tránh việc bị giám sát. Do vậy, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cần thể hiện rõ chức trách của mình trong việc phối hợp giữa các cơ quan giám sát hoạt động PHCK của các NHTMCP như UBCKNN, NHNN.

Thông tin giám sát của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cần được thông báo trên kênh thông tin riêng, không nên giữ bí mật và sử dụng cho mục đích riêng cho các cơ quan QLNN làm hạn chế khả năng giám sát.

4.3.3. Đối với Ngân hàng nhà nước

NHNN cần kiểm soát chặt chẽ quá trình sử dụng vốn qua PHCK của các NHTMCP, theo dõi tình hình chấp hành về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác có liên quan, theo dõi quá trình thực hiện các quyết định xử lý về thanh tra, cảnh báo về giám sát các NHTMCP.

Tiếp tục hoàn thiện việc ứng dụng và phát triển các công cụ cảnh báo sớm rủi ro mô hình dự báo tài chính (FPM), kiểm tra sức chịu đựng (Stress-testing), đo lường-đánh giá hiệu quả hoạt động (DEA)...từ đó đưa ra những nhận định, cảnh báo kịp thời đối với các ngân hàng với những thay đổi về chính sách. NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát trên cơ sở rủi ro, đưa hệ thống ngân hàng phát triển bền vững.

NHNN nên phối hợp chặt chẽ và chia sẻ thông tin với UBCKNN về giao dịch tài ngân hàng của các NHTMCP có dấu hiệu vi phạm để UBCKNN dễ dàng trong việc nắm bắt thông tin và xử lý vi phạm nhanh chóng, kịp thời.

Chính sách tín dụng của NHNN tác động lớn đến việc lựa chọn hình thức huy động vốn của các NHTMCP. Do vậy, NHNN cần thực hiện chính sách tín dụng mở rộng để khuyến khích các NHTMCP huy động vốn qua PHCK.

4.3.4. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Cần nâng cao trình độ chuyên môn của ban quản trị của NHTMCP trong quản lý PHCK. Khi cấp phép PHCK, UBCKNN không chịu trách nhiệm về chất lượng của CK được phát hành, NĐT phải tự đưa ra quyết định dựa trên những thông

tin do ngân hàng phát hành cung cấp nên thông tin được công bố phải đảm bảo trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời. Với cơ chế quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ đòi hỏi các ngân hàng phát hành cung cấp thông tin phải trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời. Ban lãnh đạo của ngân hàng phát hành phải có trình độ chuyên môn cao về các quy định và tiêu chuẩn về CBTT cũng như kiến thức nhằm đảm bảo thông tin cung cấp là chính xác. Do vậy, việc nâng cao năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của ban lãnh đạo ngân hàng phát hành là nhân tố quan trọng giúp các cơ quan QLNN thực hiện tốt chức năng quản lý của mình. Thêm vào đó, việc tăng trách nhiệm pháp lý của các ban lãnh đạo tổ chức phát hành là cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ hiệu quả những tiêu chuẩn CBTT.

Việc nâng chất lượng quản trị ngân hàng cần phải thực hiện song song với việc nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của Ban quản trị ngân hàng. Kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng vốn dĩ phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nếu không có các công cụ quản lý hữu hiệu sẽ không làm chủ được tình hình và ứng phó thành công đưa tổ chức phát triển một cách bền vững. Ngân hàng nào triển khai và duy trì tốt hệ thống quản trị thì ngân hàng đó luôn phát triển. Do vậy, để nâng cao chất lượng quản trị ngân hàng cần thực hiện các nội dung sau:

Tăng cường đào tạo và phổ biến việc áp dụng hệ thống quản trị chất lượng trong mỗi ngân hàng, từ quản trị cấp cao cho đến nhân viên phải xem chất lượng dịch vụ là điều kiện tồn tại của ngân hàng;

Mỗi cán bộ ngân hàng phải tuân thủ quy định pháp luật và chính sách của ngân hàng, phải hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định, chuẩn mực và thông lệ quốc tế liên quan hoạt động ngân hàng, tự rèn luyện kỹ năng chuyên môn để đảm bảo đủ năng lực chuyên môn khi thực hiện công việc và tinh thần làm việc thận trọng;

Cần thành lập bộ phận chuyên trách về quản trị chất lượng làm đầu mối triển khai, duy trì và kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng tại hội sở chính của mỗi ngân hàng, đồng thời thiết lập đầu mối đại diện chất lượng ở tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống nhằm tạo ra sự đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng trong các hoạt động triển khai, đánh giá, cung cấp thông tin. Bộ phận chuyên trách thực hiện việc đánh

giá rà soát các chỉ tiêu chất lượng hàng năm và CBTT về chất lượng ngân hàng rõ ràng, minh bạch;

Thường xuyên truyền tải thông điệp về đạo đức nghề nghiệp đến nhân viên nhằm tạo ra ý thức tuân thủ pháp luật và đối với cán bộ quản lý ngân hàng tránh lạm dụng chức quyền mưu lợi cá nhân ảnh hưởng đến chất lượng toàn hệ thống ngân hàng.

Nâng cao nhận thức pháp luật về PHCK của cán bộ phụ công tác PHCK của các NHTMCP để thực hiện đúng quy định của pháp luật, nâng cao sự am hiểu về cơ chế, chính sách nhằm tận dụng cơ hội HĐV qua PHCK tốt nhất. Mỗi NHTMCP nên có bộ phận nghiên cứu và tư vấn pháp luật trong nước và luật pháp quốc tế để hỗ trợ cho các hoạt động của ngân hàng theo đúng quy định, hiệu quả nhất.

Xây dựng chiến lược HĐV dài hạn qua PHCK đảm bảo rằng ngân hàng có thể chủ động sử dụng nguồn vốn này khi có nhu cầu và đảm bảo hoạt động kinh doanh của ngân hàng ổn định với chi phí sử dụng thấp nhất. Đồng thời, các NHTMCP phải có kế hoạch sử dụng vốn một cách rõ ràng, chi tiết của từng đợt PHCK nhằm thể hiện sự minh bạch và tạo niềm tin cho các cơ quan QLNN, các NĐT. Điều này tạo uy tín cho ngân hàng trong những đợt PHCK lần sau, tạo hình ảnh tốt cho ngân hàng khi thực hiện hoạt động kinh doanh của mình.

NHTMCP phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT và chịu trách nhiệm những thông tin đã công bố để đảm bảo mọi thông tin liên quan đến đợt PHCK cần được thông báo rộng rãi, minh bạch, nội dung CBTT rõ ràng và chính xác.

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Xuất phát từ thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN trong thời gian qua, cho thấy những điểm hạn chế cần hoàn thiện. Với định hướng phát triển và chiến lược HĐV, định hướng hoàn thiện QLNN qua PHCK của các NHTMCP VN, luận án đã đề xuất các giải pháp sau nhằm hoàn thiện QLNN qua PHCK của các NHTMCP:

Hoàn thiện khung pháp lý về QLNN đối với HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN bằng việc ban hành thống nhất, chi tiết và cụ thể các quy định của

pháp luật liên quan đến hoạt động PHCK của các NHTMCP. Cập nhật kịp thời các quy định mới, các sửa đổi, bổ sung, thống nhất những quy định về PHCK về một mối để dễ dàng quản lý và giám sát, tránh sự chồng chéo gây khó khăn cho các NHTMCP khi áp dụng.

Hoàn thiện mô hình QLNN đối với HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN qua việc chuyển đổi mô hình quản lý kết hợp cơ chế quản lý chất lượng và cơ chế quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ như hiện nay sang cơ chế quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ nhằm tăng cường nghĩa vụ CBTT của ngân hàng phát hành, giảm trách nhiệm của các cơ quan QLNN. Đồng thời, hoàn thiện cơ cấu tổ chức QLNN đối với HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN bằng việc chuyển dần dần và từng bước UBCKNN trực thuộc Chính phủ (độc lập với Bộ Tài chính) sẽ nâng cao vị thế và vai trò của UBCKNN trong công tác quản lý đảm tuân thủ các nguyên tắc của Tổ chức Quốc tế các Ủy ban Chứng khoán, tiệm cận với thông lệ quốc tế, giảm bớt khâu trung gian, đưa ra các quyết định kịp thời, thúc đẩy hoạt động QLNN hiệu quả.

Hoàn thiện các hoạt động quản lý cấp phép PHCK, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN. Tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý như UBCKNN, NHNN, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, các Bộ và các cơ quan ban ngành có liên quan nhằm quản lý hiệu quả hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN.

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, cần thực hiện các giải pháp hỗ trợ từ phía Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN và các cơ quan ngang bộ. Đồng thời, các giải pháp từ phía các NHTMCP cũng được nêu ra nhằm hoàn thiện QLNN đối với HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN.

KẾT LUẬN

Thời gian qua, QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP biểu hiện nhiều hạn chế, gây khó khăn cho các chủ thể QLNN lẫn các ngân hàng phát hành. Trên cơ sở vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu, NCS đã nghiên cứu và thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra.

Thứ nhất, luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động HĐV và những đặc điểm của NHTM tác động đến quyết định HĐV và QLNN đối với HĐV qua PHCK của NHTMCP. Từ đó, luận án xác lập cơ sở lý luận về QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP dưới tiếp cận của chuyên ngành quản lý kinh tế.

Thứ hai, trên cơ sở sử dụng các tiêu chí đánh giá (cả định tính, định lượng) để thu thập, phân tích dữ liệu thứ cấp và sơ cấp nhằm đánh giá một số khách quan về: Tính phù hợp và đồng bộ của chính sách; Sự công khai, minh bạch và độ mở của chính sách; Tính khả thi và hiệu quả trong công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK. Đồng thời, luận án cũng chỉ ra các nhân tố thuộc về chủ thể, khách thể và môi trường quản lý ảnh hưởng đến công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của NHTMCP.

Thứ ba, phân tích được thực trạng HĐV qua PHCK và QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN giai đoạn 2012-2018. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn và điều tra xã hội học từ các nhà quản lý hoạt động PHCK của các NHTMCP, xử lý kết quả điều tra bằng phần mềm SPSS, kết hợp với các nghiên cứu định tính, NCS đã rút ra những nhận xét, đánh giá về kết quả đạt được và những hạn chế và nguyên nhân trong QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN làm cơ sở, luận cứ thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, dựa vào các kinh nghiệm quốc tế, định hướng phát triển và chiến lược HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN đến năm 2025, luận án đã đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN trong thời gian tới.

Qua quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận án, NCS nhận thấy luận án còn một số hạn chế sau:

Quy mô mẫu phỏng vấn, khảo sát còn ít, đối tượng khảo sát, điều tra chưa rộng và bao quát hết các khía cạnh của QLNN, NCS mới chỉ lấy mẫu khảo sát mang tính đại diện, ngẫu nhiên do vậy những kết luận nghiên cứu có thể chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện về thực trạng QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP VN.

Do những khó khăn khách quan trong thu thập thông tin thứ cấp, một vài nội dung quản lý chưa có thông tin, dữ liệu chi tiết nên một số phân tích, đánh giá chưa đủ độ sâu. Kết quả nghiên cứu qua việc sử dụng phần mềm SPSS mang tính tham khảo, tương đối. Công tác QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP rộng lớn, nhiều chủ thể tham gia quản lý nên khả năng thu thập thông tin thực tế hạn chế, một số vấn đề mang tính nhạy cảm nên khó đưa ra đánh giá chuẩn xác.

Các hạn chế trên sẽ là những nội dung NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu trong tương lai với mong muốn QLNN đối với hoạt động HĐV qua PHCK của các NHTMCP ngày càng hoàn thiện hơn.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thu Hằng (2016), *Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát hành cổ phiếu ngân hàng*, Tạp chí Tài chính số 638/2016;
2. Nguyễn Thị Thu Hằng (2017), *Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động HDV qua phát hành CK ngân hàng thương mại cổ phần ở một số nước trên Thế giới và bài học cho VN*, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương 500/2017;
3. Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), *Tác động của Hội nhập đến quản lý nhà nước về phát hành CK ngân hàng*, Tạp chí Tài chính số 683/2018;
4. Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), *HDV qua phát hành cổ phiếu của ngân hàng thương mại cổ phần VN*, Tạp chí Tài chính số 685/2018;
5. Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), *Đẩy mạnh hoạt động HDV qua PHCK của các NHTMCP VN*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, 2019.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Tạ Thanh Bình (2008), “*Hoàn thiện pháp luật về giao dịch CK trên thị trường giao dịch tập trung*”, Luận án Tiến sĩ;
- [2] Nguyễn Lê Cường (2012), “*Phát triển bền vững công ty CK ở VN*”, Luận án Tiến sĩ;
- [3] ThS. Nguyễn Thị Anh Đào (2010), “*Tham gia của hệ thống ngân hàng thương mại vào TTCK VN*”, Đề tài NCKH cấp Ngành;
- [4] ThS. Lê Công Điền (2017), “*Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế giám sát công ty đại chúng*” (2017), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành;
- [5] Vũ Xuân Dũng (2006), “*Một số giải pháp nâng cao vai trò QLNN đối với TTCK tập trung ở VN hiện nay*”, luận án Tiến sĩ;
- [6] Phan Thị Thành Dương (2013), “*Nghiên cứu so sánh pháp luật về PHCK Nhật*”, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
- [7] Đặng Ngọc Đức (2002), “*Giải pháp đổi mới hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần nhằm góp phần phát triển TTCK ở VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [8] Bạch Thị Thu Hà (2014), “*HĐV thông qua Phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho đầu tư tăng trưởng của doanh nghiệp ở VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [9] Lê Thị Mỹ Hạnh (2015), “*Minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết trên TTCK VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [10] ThS. Lê Thị Thu Hằng (2015), “*Xây dựng cơ chế quản lý chào bán CK ra công chúng dựa trên CBTT đầy đủ*” Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành;
- [11] Nguyễn Thị Thanh Hiếu (2012), “*Hoàn thiện QLNN đối với TTCK VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [12] PGS. TS Lê Thị Hòa (2011), “*Tăng cường công tác giám sát tuân thủ đối với hoạt động phát hành của các tổ chức phát hành trên TTCK VN*” Đề tài NCKH cấp Ngành;
- [13] Nguyễn Thị Minh Huệ (2010), “*Thực trạng giám sát của NHNN VN đối với*

các Ngân hàng thương mại”, luận án Tiến sĩ;

- [14] ThS. Nguyễn Thị Huệ (2013), “*Định hướng xây dựng Luật CK thay thế Luật CK năm 2006*”, Đề tài NCKH cấp Ngành;
- [15] Nguyễn Thị Lan Hương (2013), *Những vấn đề pháp lý về tài chính doanh nghiệp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
- [16] Trần Đăng Khâm (2002), “*Giải pháp thúc đẩy sự tham gia của các trung gian tài chính trong tiến trình xây dựng và phát triển TTCK ở VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [17] Ts Nguyễn Minh Kiều (2007), “*Nghị quyết ngân hàng hiện đại*”, NXB Thống kê;
- [18] Phạm Xuân Lập (2002), “*Các giải pháp tạo vốn của Ngân hàng thương mại VN trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*”, luận án Tiến sĩ;
- [19] Nguyễn Thị Phương Liên (2002), “*Các giải pháp nhằm phát triển và hoàn thiện TTCK ở VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [20] Hoàng Đức Long (2011), “*Hoàn thiện luật CK*” Đề tài NCKH cấp Ngành;
- [21] NGUYỄN. PGS.TS. Lê Hoàng Nga (2015), “*TTCK*”, NXB Tài chính, Hà Nội;
- [22] Vũ Thị Thúy Nga (2011), “*QLNN về pháp luật đối với công ty niêm yết trên TTCK VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [23] Bùi Thị Thùy Nhi (2012), “*QLNN đối với TTCK ở một số nước châu Á và bài học kinh nghiệm cho VN*”, luận án Tiến sĩ; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Hà Nội;
- [24] Nguyễn Văn Nông (2010), “*Hoàn thiện và phát triển TTCK VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [25] Trần Quang Phú (2012), “*Hội nhập TTCK VN vào TTCK khu vực ASEAN*”, luận án Tiến sĩ;
- [26] PGS.TS. Đinh Văn Sơn (2009), “*Phát triển bền vững TTCK VN*”, NXB Tài chính, Hà Nội;
- [27] Bùi Văn Thạch (2010), “*Vai trò của nhà nước trong phát triển thị trường tài chính ở VN*”, luận án Tiến sĩ;

- [28] Bùi Thanh (2011), “*QLNN về phát triển TTCK*”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 399 năm 2011;
- [29] PGS.TS. Sử Đình Thành, TS Vũ Thị Minh Hằng (2006), “*Nhập môn tài chính – tiền tệ*”, NXB Đại học Quốc gia TP HCM;
- [30] Lê Trung Thành (2010), “*Giám sát giao dịch CK trên TTCK VN*”, luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- [31] Nguyễn Hải Thập (2005), “*Quá trình hình thành và quản lý TTCK ở một số nước và bài học kinh nghiệm đối với VN*”; Luận án tiến sĩ, Đại học Ngoại thương, Hà Nội.
- [32] Nguyễn Trường Thọ (2013), “*Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu VN: Những nội dung đáng quan tâm*”, Tạp chí Tài chính 03.
- [33] Phạm Thị Giang Thu (2002), “*Xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật TTCK ở VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [34] Trịnh Thị Thủy (2015), “*Quản lý nhà nước đối với các NHTM VN trong giai đoạn hiện nay*”, luận án tiến sĩ;
- [35] Lê Thị Thu Thủy- Đỗ Minh Tuấn(2012), “*Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm phát triển bền vững TTCK ở VN*” Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Luật học số 28 (2012);
- [36] GS.TS. Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Bươu (2008), “*Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
- [37] Đặng Anh Tuấn (2010), “*Phát triển thị trường vốn VN*”, luận án Tiến sĩ;
- [38] PGS.TS. Trần Đình Ty (2002), “*QLNN về tài chính tiền tệ*”, NXB Lao động, Hà Nội;
- [39] Hải Vân (2013), “*Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Đường cong chưa rõ nét*”, Tạp chí Thông tin Tài chính (số 01+02 tháng 01/2013), trang 32 -33.
- [40] Luật học 28(2012), “*Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm phát triển bền vững TTCK ở VN*”, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội;
- [41] Ngân hàng thế giới (2014) “*Báo cáo đánh giá khu vực tài chính – VN, tháng 6/2014*”, Văn phòng phó chủ tịch phụ trách phát triển khu vực tài chính và tư

nhân - khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

[42] Peter S. Rose (2001), “*Quản trị NHTM*”, NXB Tài chính, Hà Nội;

[43] Các luật, nghị định, thông tư, quyết định liên quan đến hoạt động PHCK của các NHTMCP; Các trang báo điện tử chuyên ngành, Website của các NHTMCP.

Tiếng Anh

[44] James Jinho Chang, Hyun-Han Shin (2004), “*The SEC’s review of the registration statement and stock price movements during the seasoned equity issuance process*”, Pacific-Basin Finance Journal 12, 359 – 386;

[45] Jo-Ann Suchard, Manohar Singh (2006), “*The determinants of the hybrid security issuance decision for Australian firms*”, Pacific-Basin Finance Journal 14, 269–290;

[46] Donghua Chen, Yuyan Guan, Gang Zhao, Feifei Wu (2011), “*Securities regulation and implicit penalties*”, China Journal of Accounting Research.

[47] Gishan Dissanaike, Jonathan Faasse, Ranadeva Jayasekera (2014), “*What do equity issuances signal? A study of equity issuances in the UK before and during the financial crisis*”, Journal of International Money and Finance;

[48] Rafael la Porta, Florencio Lopez-de-Silanes, Andrei Shleifer (2006), “*What Works in Securities Laws?*”, The journal of Finance, VOL. LXI, No. 1- february 2006.

[49] Pricewaterhousecoopers, *Entering the United States securities markets*.

[50] Chiwen (2014), "Chinese securities companies: An analysis of economic growth", Chinese Journal of Analysis, (9), tr.27

[51] Xiao Chen, Chi-Wen Jevons Lee, Jing Li (2013), "Chinese Tango", Government Assisted Earnings Management; School of Economics and Management, Tsinghua University, China.

[51] Baker & McKenzie (2013), Doing business in Thailand 2013, Documents introduced by the Office of Bangkok, (7)

[52] Securities Commission Malaysia, Shifting from Merit-based Regulation to Disclosure-based Regulation: Malaysia's Experience, East Asian Finance Selected Issues, the World Bank, 2006.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT

Tôi là Nguyễn Thị Thu Hằng, là nghiên cứu sinh của Trường Đại học Thương Mại. Hiện nay, tôi đang triển khai thực hiện đề tài luận án “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động HĐV qua phát hành CK của các ngân hàng thương mại cổ phần VN*”. Để đánh giá chính xác, khách quan thực trạng, từ đó nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động HĐV qua phát hành CK của các ngân hàng thương mại cổ phần VN, tôi rất mong nhận được ý kiến của Quý Ông/Bà về những vấn đề này bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát.

Tôi xin đảm bảo rằng, các thông tin trong phiếu khảo sát sẽ được giữ bí mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn !

I. Thông tin chung về người được khảo sát

Họ và tên:.....

Đơn vị công tác:.....

Điện thoại:..... E mail:.....

II. Thông tin khảo sát

Câu 1: Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ hoàn thiện chính sách (phù hợp với thực tiễn VN và thông lệ quốc tế, tính hiệu quả, hiệu lực) của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN (từ mức độ ít hoàn thiện nhất đến hoàn thiện nhất – đánh số từ 1 đến 5)?

Nội dung	Mức độ hoàn thiện				
	1	2	3	4	5
1.1. Quy định điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK					
1.2. Quy định về quy trình và phương thức					

Nội dung	Mức độ hoàn thiện				
	1	2	3	4	5
phát hành					
1.3. Quy định về nghĩa vụ CBTT của chủ thể PHCK					
1.4. Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính					
1.5. Quy định về thanh tra, giám sát trong hoạt động PHCK					
1.6. Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK					
1.7. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan quản lý (Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN) hợp lý					

Câu 2: Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá về mô hình và bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN (mức độ đánh giá chưa hoàn thiện/hợp lý đến hoàn thiện/hợp lý nhất – đánh số từ 1 đến 5)?

Nội dung	Mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
2.1. Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN hợp lý, hoạt động hiệu quả					
2.2. Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại NHNN hợp lý, hoạt động hiệu quả					
2.3. Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN (Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN) về PHCK					

Nội dung	Mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả					
2.4. Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP hợp lý					

Câu 3: Ông/Bà vui lòng cho biết đánh giá của ông bà về thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP VN (không tốt đến rất tốt – đánh số từ 1 đến 5)?

Nội dung	Mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
3.1. Tổ chức quản lý cấp phép PHCK					
3.2. Quản lý quy trình, thủ tục PHCK					
3.3. Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK					
3.4. Thanh tra, giám sát trước và trong quá trình PHCK					
3.5. Thanh tra, giám sát sau PHCK (giám sát mục đích sử dụng vốn, tỉ lệ an toàn tài chính...)					
3.6. Xử lý vi phạm pháp luật về PHCK					

Câu 4: Ông/Bà vui lòng cho biết đánh giá của ông bà về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN (ít hạn chế nhất đến nhiều hạn chế nhất - đánh số từ 1 đến 5)?

Nội dung	Mức độ hạn chế				
	1	2	3	4	5
4.1. Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất					

Nội dung	Mức độ hạn chế				
	1	2	3	4	5
4.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý chưa phù hợp					
4.3. Thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý					
4.4. Công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu					
4.5. Chế tài xử lý vi phạm còn thấp					
4.6. CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ					

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN (ít tác động nhất đến nhiều nhất - đánh số từ 1 đến 5)?

Nhân tố	Mức độ tác động				
	1	2	3	4	5
5.1 Nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý (Bộ Tài chính, UBCKNN, NHNN)					
5.1.1. Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK					
5.1.2. Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN					
5.1.3. Trách nhiệm của các cơ quan QLNN					
5.1.4. Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN					
5.1.5. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan					

Nhân tố	Mức độ tác động				
	1	2	3	4	5
QLNN					
5.1.6. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN					
5.2 Nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý – NHTMCP					
5.2.1. Sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK					
5.2.2. Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng					
5.2.3. Hiệu quả quản trị ngân hàng					
5.2.4. Mức độ phát triển của ngân hàng					
5.3 Nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý					
5.3.1. Thể chế kinh tế					
5.3.2. Môi trường pháp luật					
5.3.3. Thị trường PHCK					
5.3.4. Hội nhập kinh tế quốc tế					

Câu 6: Theo Ông/Bà, cần có những giải pháp nào để hoàn thiện công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN?

- 6.1. ☐ Hoàn thiện khung pháp lý
- 6.2. ☐ Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý
- 6.3. ☐ Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý
- 6.4. ☐ Hoàn thiện chế độ CBTT
- 6.5. ☐ Hoàn thiện thanh tra, giám sát
- 6.6. ☐ Bổ sung quyền và nâng cao trách nhiệm UBCKNN
- 6.7. ☐ Đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý
- 6.8. ☐ Nâng cao nhận thức pháp luật về PHCK của các NHTMCP

PHỤ LỤC 2

(Mức độ hoàn thiện chính sách của Nhà nước về PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Quy định điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK	Quy định về quy trình và phương thức PHCK	Quy định về nghĩa vụ CBTT của chủ thể PHCK	Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính	Quy định về thanh tra, giám sát trong hoạt động PHCK	Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan quản lý hợp lý
N	Valid	192	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0	0
Mean		4.04	4.30	3.72	4.10	3.11	2.63	3.41
Std. Error of Mean		.077	.053	.082	.068	.073	.062	.063
Std. Deviation		1.070	.740	1.141	.938	1.017	.853	.869
Variance		1.145	.547	1.303	.879	1.034	.728	.756
Minimum		1	1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5	5

Quy định điều kiện, hồ sơ cấp phép PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	12	6.3	6.3	6.3
	Ít hoàn thiện	8	4.2	4.2	10.4
	Bình thường	10	5.2	5.2	15.6
	Hoàn thiện	93	48.4	48.4	64.1
	Hoàn thiện nhất	69	35.9	35.9	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về quy trình và phương thức PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	2	1.0	1.0	1.0
	Ít hoàn thiện	4	2.1	2.1	3.1
	Bình thường	8	4.2	4.2	7.3
	Hoàn thiện	98	51.0	51.0	58.3
	Hoàn thiện nhất	80	41.7	41.7	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về nghĩa vụ CBTT của chủ thể PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	9	4.7	4.7	4.7
	Ít hoàn thiện	23	12.0	12.0	16.7
	Bình thường	36	18.8	18.8	35.4
	Hoàn thiện	69	35.9	35.9	71.4
	Hoàn thiện nhất	55	28.6	28.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về mục đích sử dụng vốn và các tỉ lệ an toàn tài chính

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	5	2.6	2.6	2.6
	Ít hoàn thiện	3	1.6	1.6	4.2
	Bình thường	36	18.8	18.8	22.9
	Hoàn thiện	71	37.0	37.0	59.9
	Hoàn thiện nhất	77	40.1	40.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về thanh tra, giám sát trong hoạt động PHCK

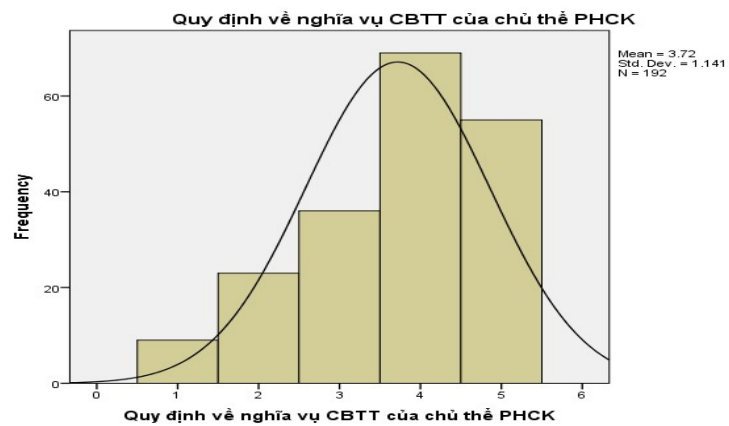
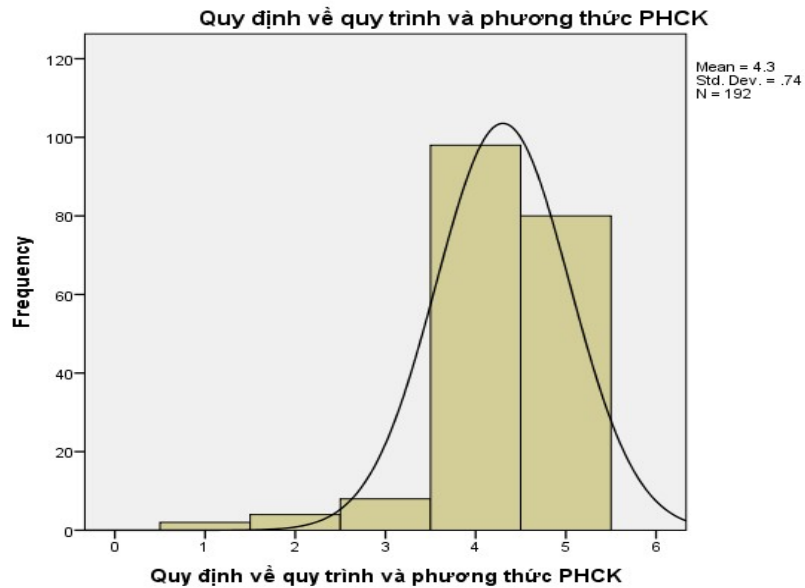
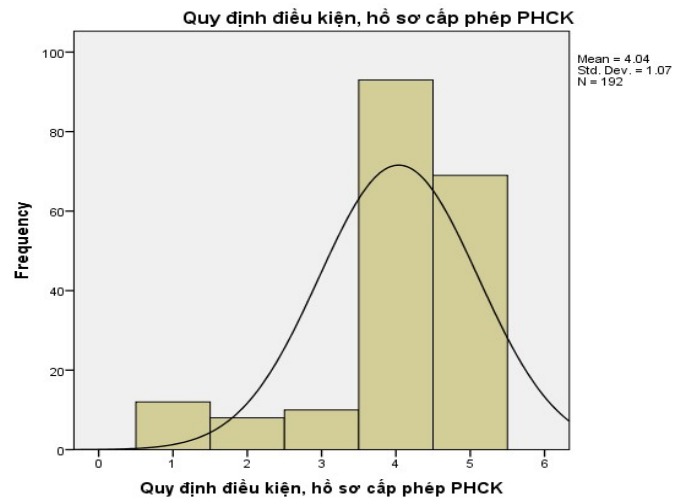
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	10	5.2	5.2	5.2
	Ít hoàn thiện	48	25.0	25.0	30.2
	Bình thường	55	28.6	28.6	58.9
	Hoàn thiện	68	35.4	35.4	94.3
	Hoàn thiện nhất	11	5.7	5.7	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

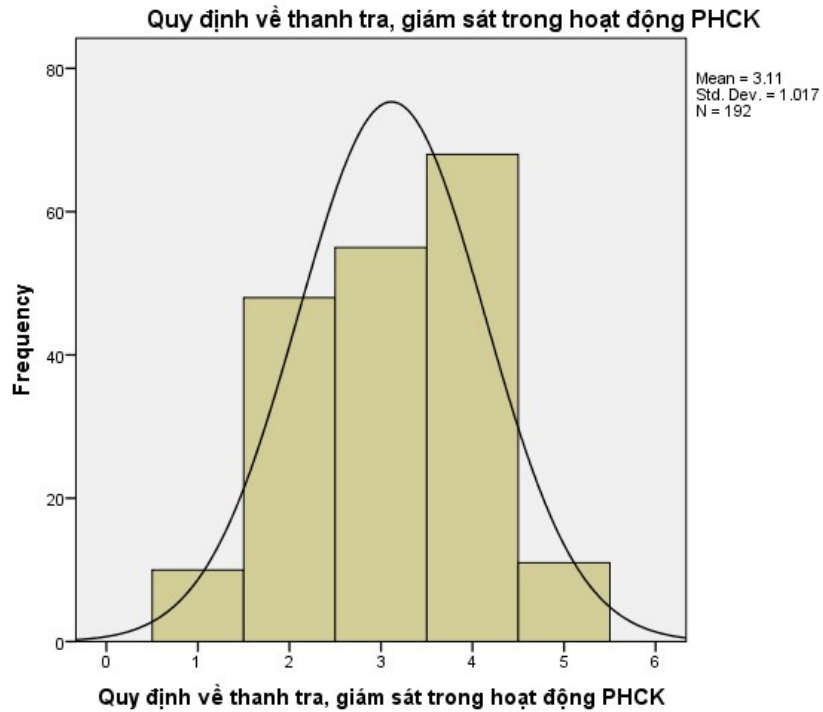
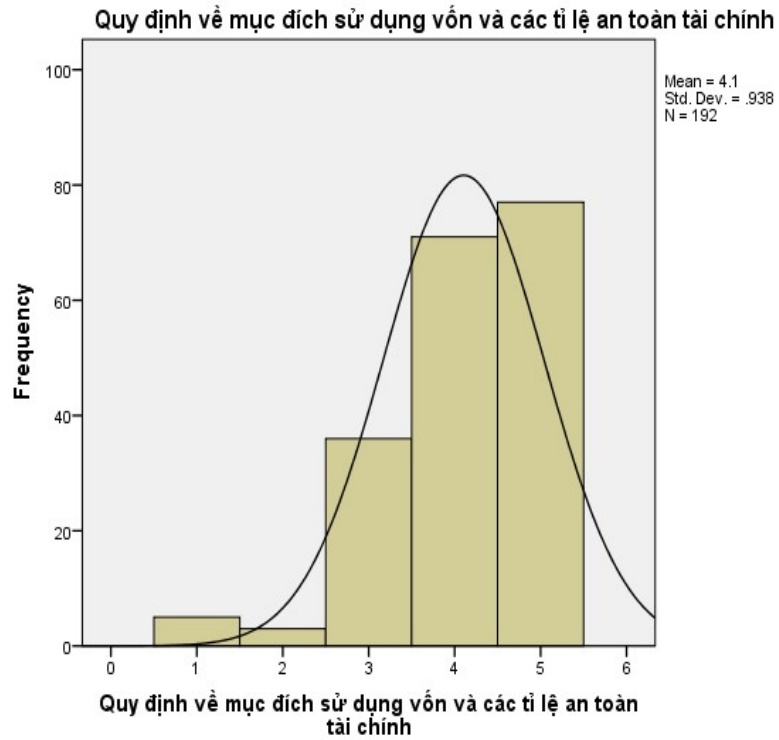
Quy định về xử lý vi phạm trong PHCK

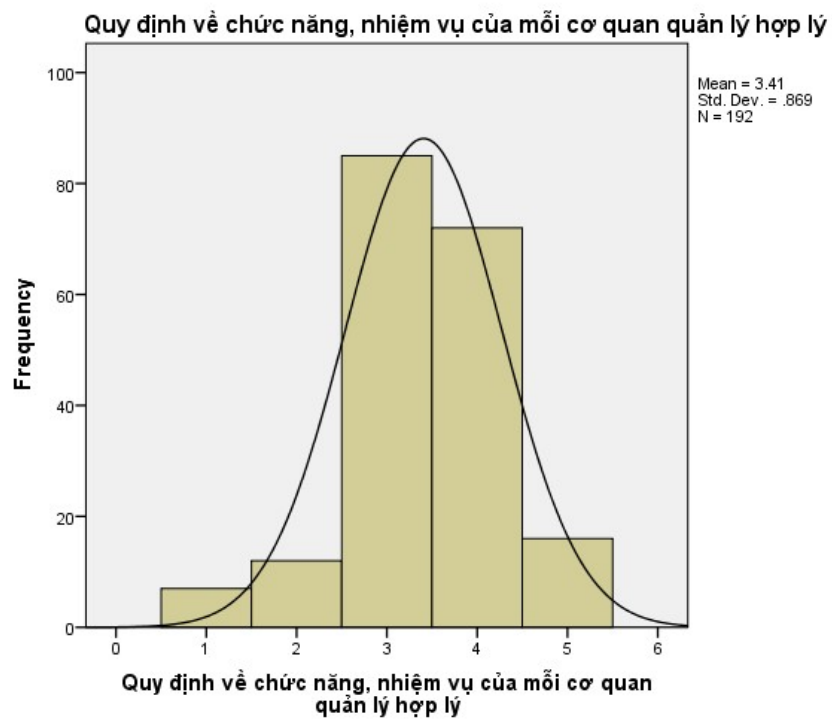
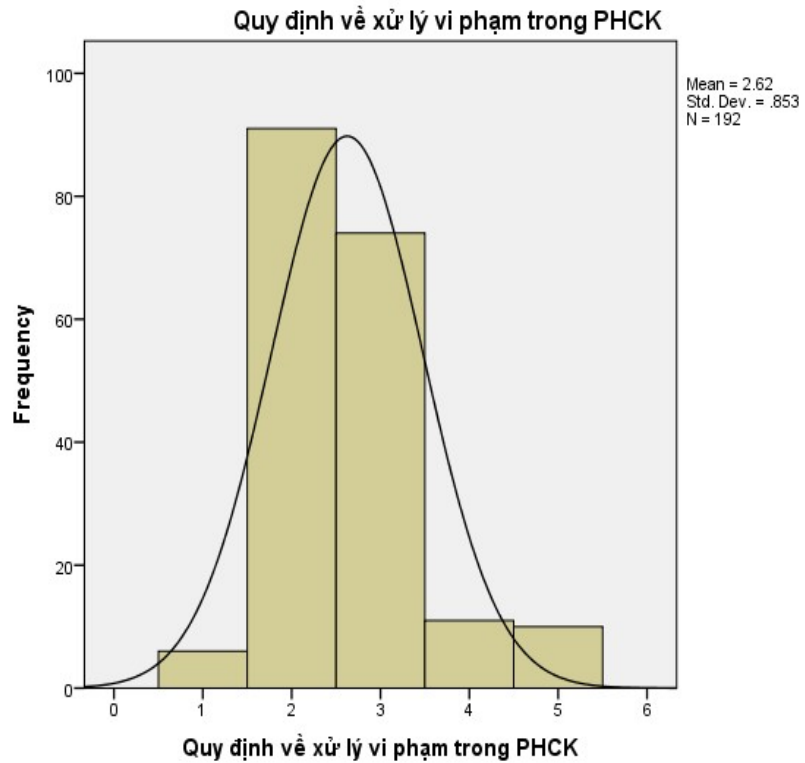
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	6	3.1	3.1	3.1
	Ít hoàn thiện	91	47.4	47.4	50.5
	Bình thường	74	38.5	38.5	89.1
	Hoàn thiện	11	5.7	5.7	94.8
	Hoàn thiện nhất	10	5.2	5.2	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan quản lý hợp lý

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hoàn thiện nhất	7	3.6	3.6	3.6
	Ít hoàn thiện	12	6.3	6.3	9.9
	Bình thường	85	44.3	44.3	54.2
	Hoàn thiện	72	37.5	37.5	91.7
	Hoàn thiện nhất	16	8.3	8.3	100.0
	Total	192	100.0	100.0	







PHỤ LỤC 3

(Đánh giá về mô hình và bộ máy QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN hợp lý, hoạt động hiệu quả	Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại NHNN hợp lý, hoạt động hiệu quả	Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả	Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP hợp lý
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.66	3.05	3.02	3.48
Std. Error of Mean		.082	.069	.084	.071
Std. Deviation		1.133	.953	1.164	.987
Variance		1.284	.908	1.356	.974
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5

Frequency Table

Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN
hợp lý, hoạt động hiệu quả

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa hợp lý nhất	9	4.7	4.7	4.7
	Chưa hợp lý	27	14.1	14.1	18.8
	Bình thường	32	16.7	16.7	35.4
	Hợp lý	77	40.1	40.1	75.5
	Hợp lý nhất	47	24.5	24.5	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại NHNN hợp lý, hoạt động
hiệu quả

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa hợp lý nhất	18	9.4	9.4	9.4
	Chưa hợp lý	21	10.9	10.9	20.3
	Bình thường	93	48.4	48.4	68.8
	Hợp lý	53	27.6	27.6	96.4
	Hợp lý nhất	7	3.6	3.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

**Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp
nhàng, hiệu quả**

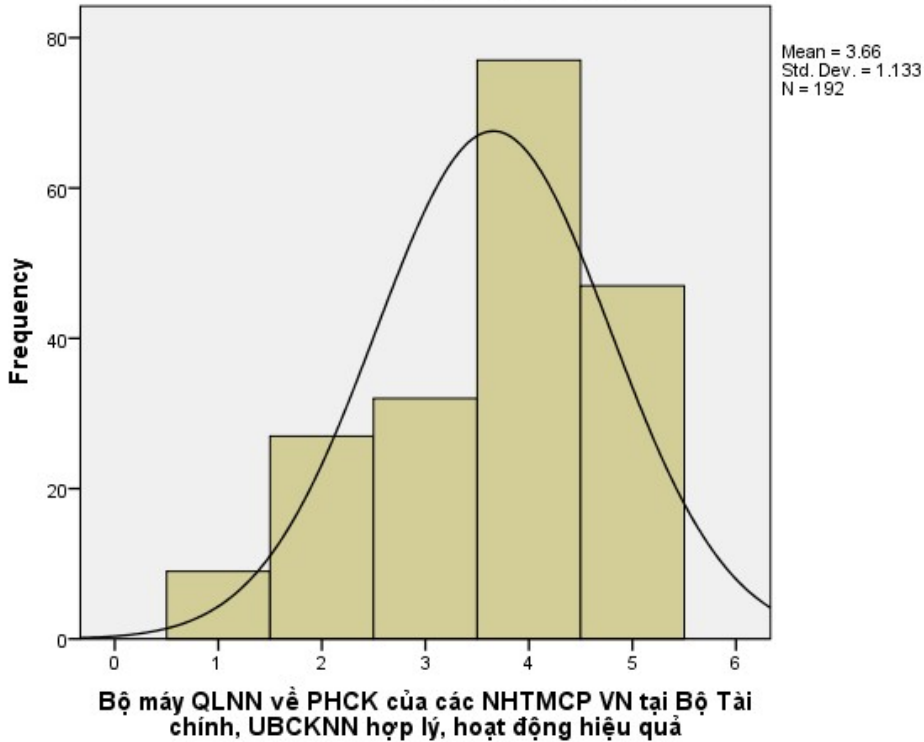
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa hiệu quả nhất	8	4.2	4.2	4.2
	Chưa hiệu quả	73	38.0	38.0	42.2
	Bình thường	50	26.0	26.0	68.2
	Hiệu quả	30	15.6	15.6	83.9
	Hiệu quả nhất	31	16.1	16.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP hợp lý

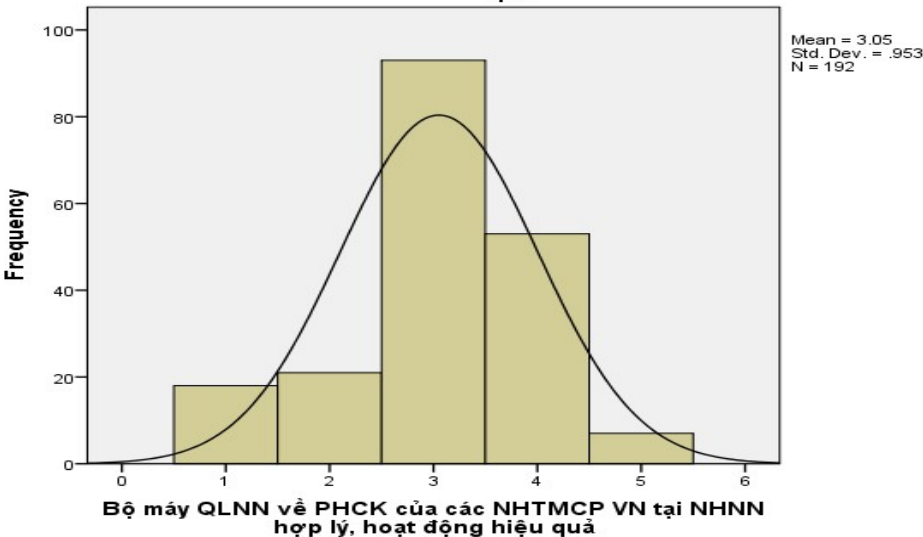
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa hợp lý nhất	10	5.2	5.2	5.2
	Chưa hợp lý	8	4.2	4.2	9.4
	Bình thường	84	43.8	43.8	53.1
	Hợp lý	59	30.7	30.7	83.9
	Hợp lý nhất	31	16.1	16.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Histogram

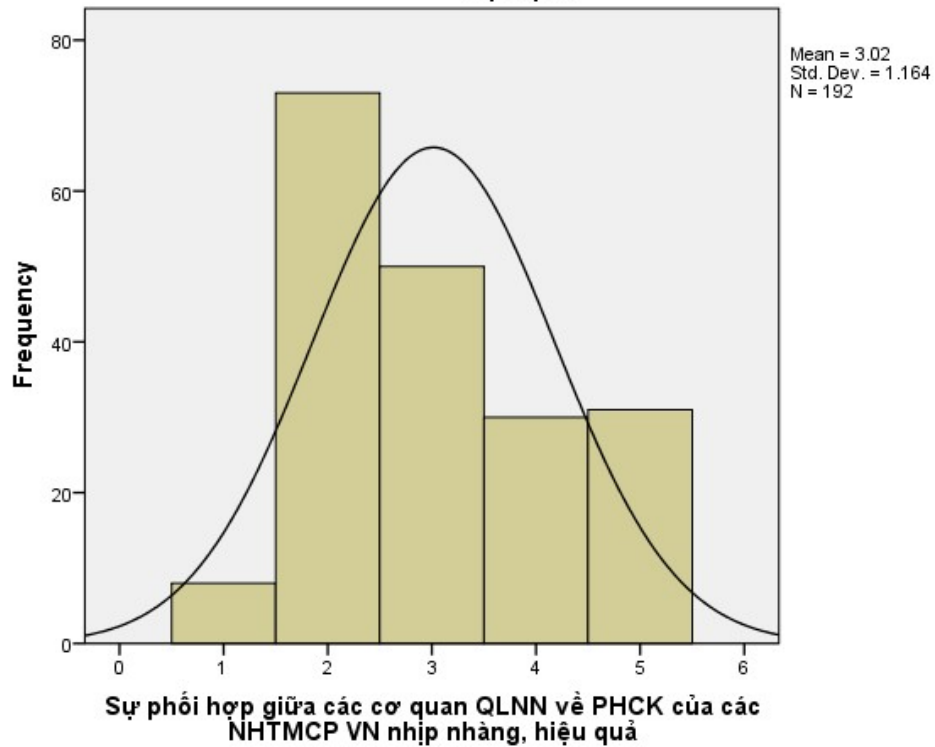
Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại Bộ Tài chính, UBCKNN hợp lý, hoạt động hiệu quả



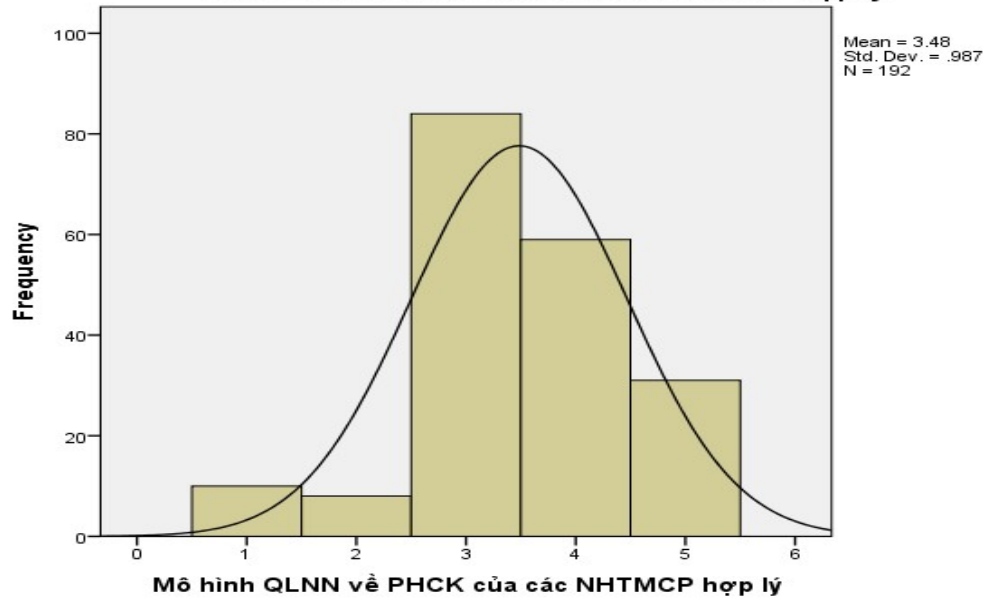
Bộ máy QLNN về PHCK của các NHTMCP VN tại NHNN hợp lý, hoạt động hiệu quả



Sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN về PHCK của các NHTMCP VN nhịp nhàng, hiệu quả



Mô hình QLNN về PHCK của các NHTMCP hợp lý



PHỤ LỤC 4

(Đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động QLNN về PHCK của NHTMCP
VN)

Tổ chức quản lý cấp phép PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	8	4.2	4.2	4.2
	Không tốt	8	4.2	4.2	8.3
	Trung bình	70	36.5	36.5	44.8
	Tốt	100	52.1	52.1	96.9
	Tốt nhất	6	3.1	3.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quản lý quy trình, thủ tục PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	5	2.6	2.6	2.6
	Không tốt	7	3.6	3.6	6.3
	Trung bình	71	37.0	37.0	43.2
	Tốt	101	52.6	52.6	95.8
	Tốt nhất	8	4.2	4.2	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Quản lý việc CBTT của chủ thể PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	5	2.6	2.6	2.6
	Không tốt	108	56.3	56.3	58.9
	Trung bình	68	35.4	35.4	94.3
	Tốt	6	3.1	3.1	97.4
	Tốt nhất	5	2.6	2.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

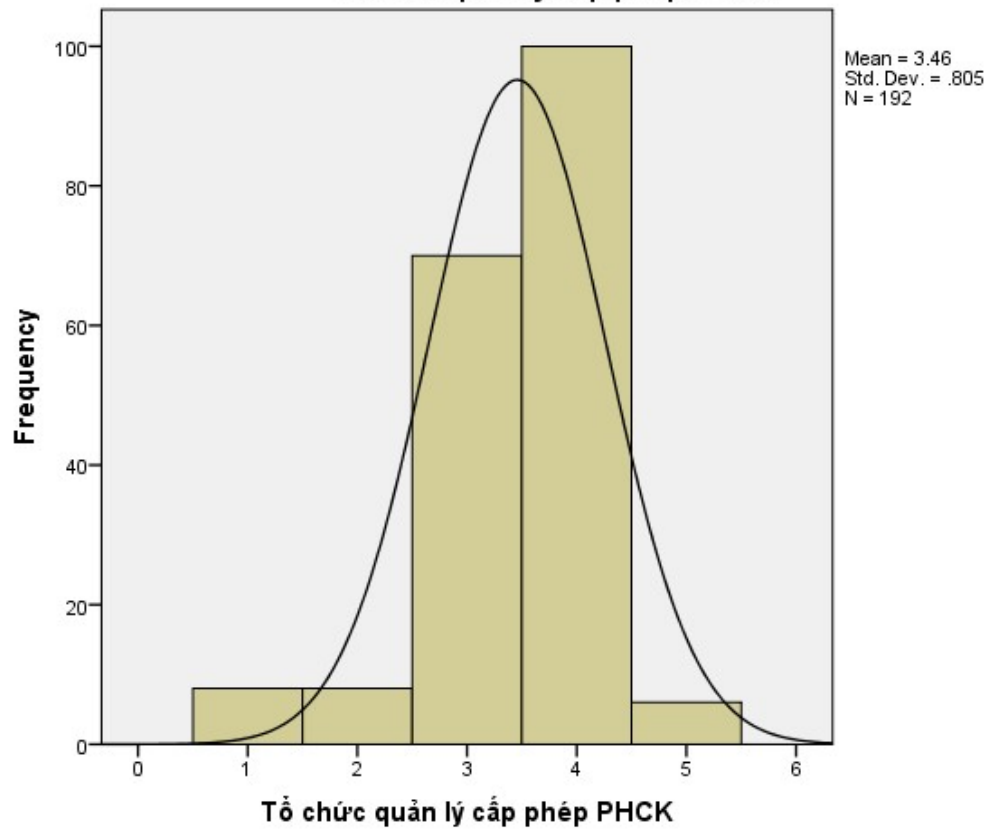
Thanh tra, giám sát trước và trong quá trình PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	5	2.6	2.6	2.6
	Không tốt	27	14.1	14.1	16.7
	Trung bình	85	44.3	44.3	60.9
	Tốt	69	35.9	35.9	96.9
	Tốt nhất	6	3.1	3.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Thanh tra, giám sát sau quá trình PHCK

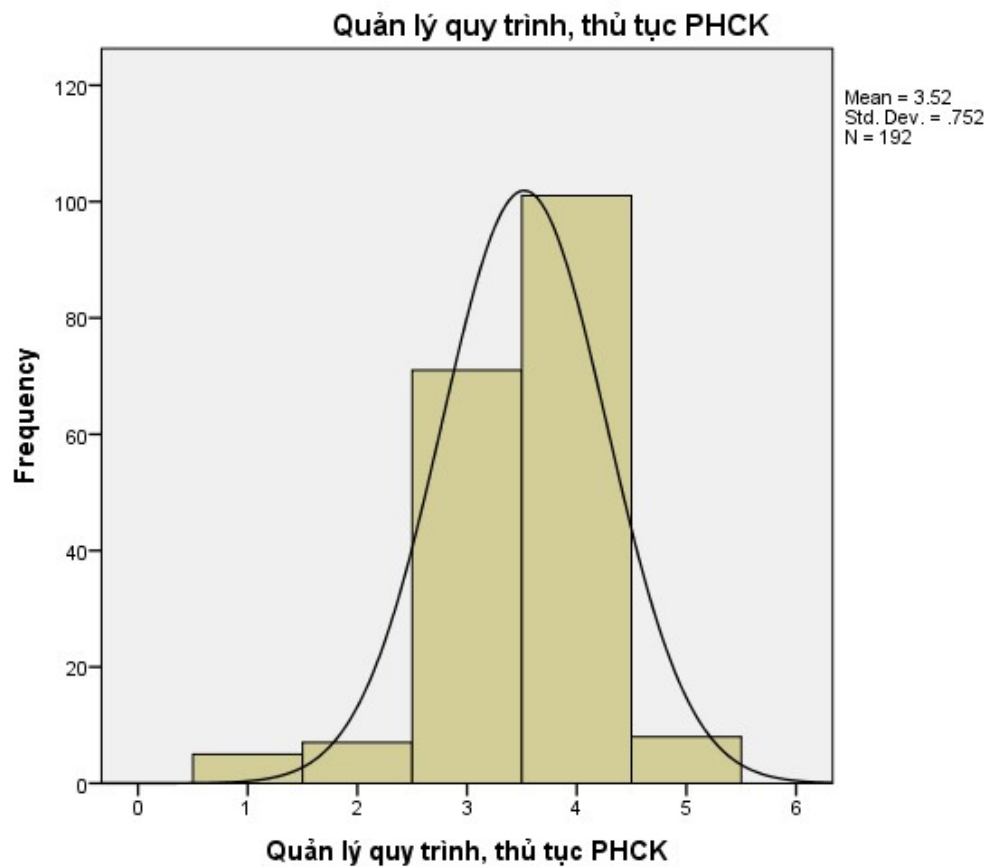
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	6	3.1	3.1	3.1
	Không tốt	32	16.7	16.7	19.8
	Trung bình	90	46.9	46.9	66.7
	Tốt	62	32.3	32.3	99.0
	Tốt nhất	2	1.0	1.0	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

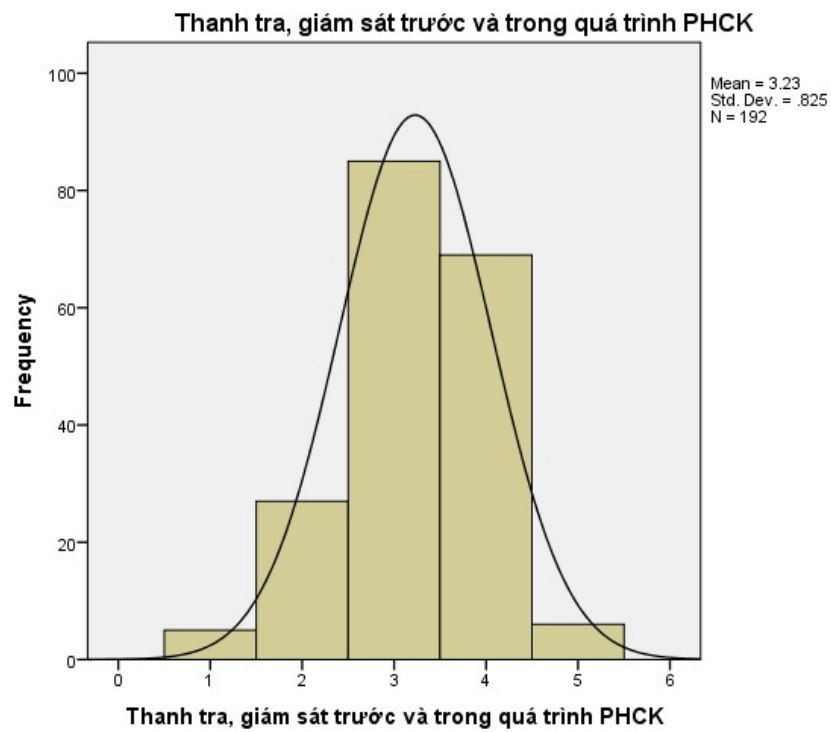
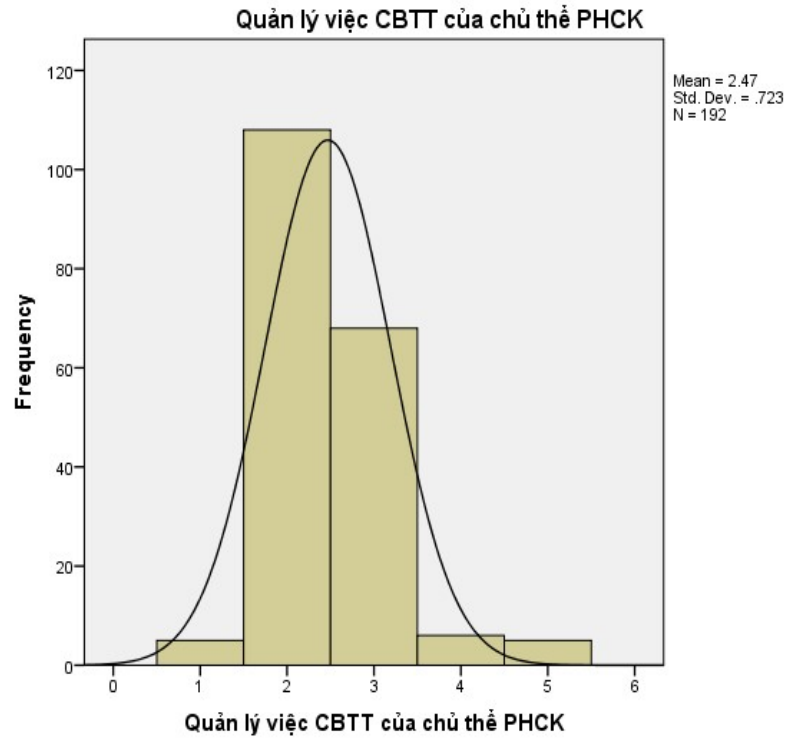
Tổ chức quản lý cấp phép PHCK

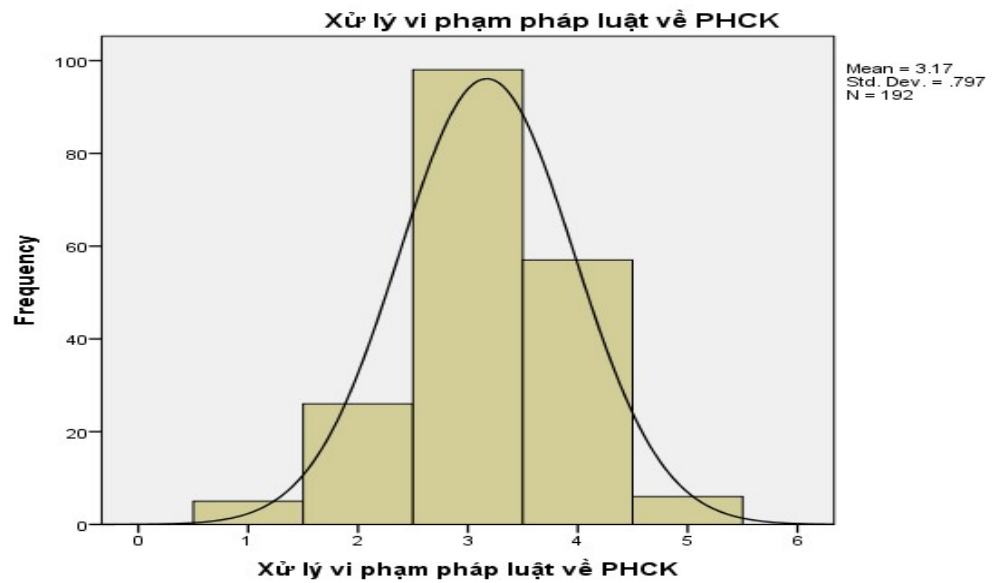
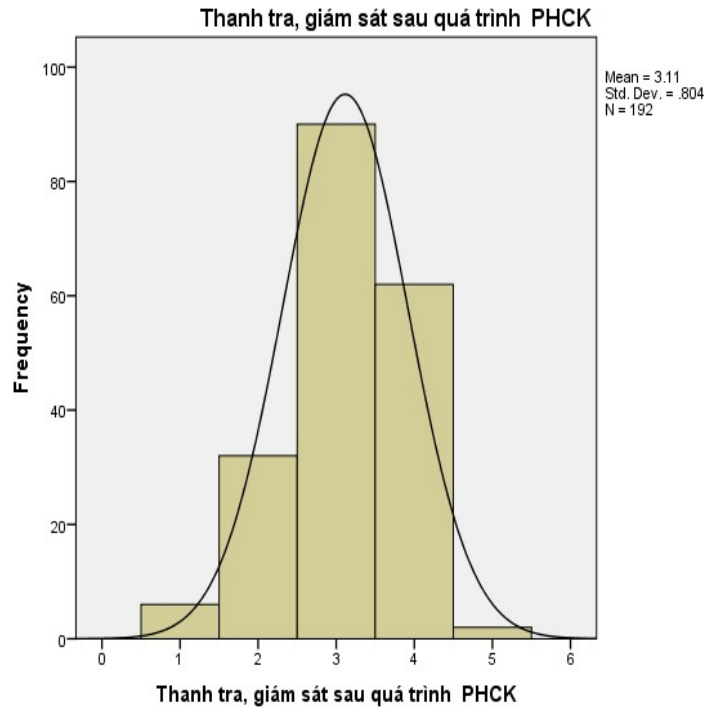


Xử lý vi phạm pháp luật về PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không tốt,	5	2.6	2.6	2.6
	Không tốt	26	13.5	13.5	16.1
	Trung bình	98	51.0	51.0	67.2
	Tốt	57	29.7	29.7	96.9
	Tốt nhất	6	3.1	3.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	







PHỤ LỤC 5

(Đánh giá về những hạn chế trong QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý chưa phù hợp	Thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý	Công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu	Chế tài xử lý vi phạm còn thấp	CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ
N	Valid	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		3.09	3.10	3.21	3.06	3.72	3.02
Std. Error of Mean		.086	.083	.084	.085	.087	.085
Std. Deviation		1.197	1.148	1.170	1.176	1.203	1.173
Variance		1.432	1.319	1.370	1.384	1.447	1.377
Minimum		1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5

Frequency Table

Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	10	5.2	5.2	5.2
	Ít hạn chế	65	33.9	33.9	39.1
	Hạn chế	49	25.5	25.5	64.6
	Nhiều hạn chế	34	17.7	17.7	82.3
	Nhiều hạn chế nhất	34	17.7	17.7	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý chưa phù hợp

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	9	4.7	4.7	4.7
	Ít hạn chế	60	31.3	31.3	35.9
	Hạn chế	55	28.6	28.6	64.6
	Nhiều hạn chế	38	19.8	19.8	84.4
	Nhiều hạn chế nhất	30	15.6	15.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	8	4.2	4.2	4.2
	Ít hạn chế	58	30.2	30.2	34.4
	Hạn chế	45	23.4	23.4	57.8
	Nhiều hạn chế	48	25.0	25.0	82.8
	Nhiều hạn chế nhất	33	17.2	17.2	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Công tác thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	5	2.6	2.6	2.6
	Ít hạn chế	81	42.2	42.2	44.8
	Hạn chế	35	18.2	18.2	63.0
	Nhiều hạn chế	40	20.8	20.8	83.9
	Nhiều hạn chế nhất	31	16.1	16.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

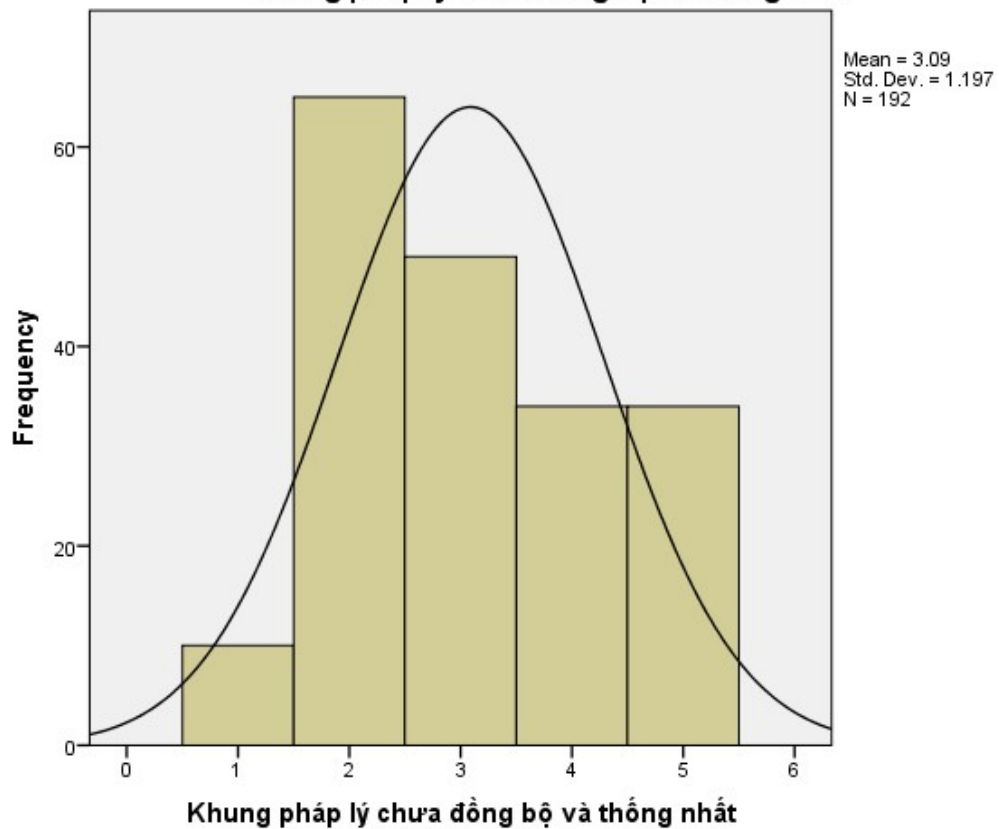
Chế tài xử lý vi phạm còn thấp

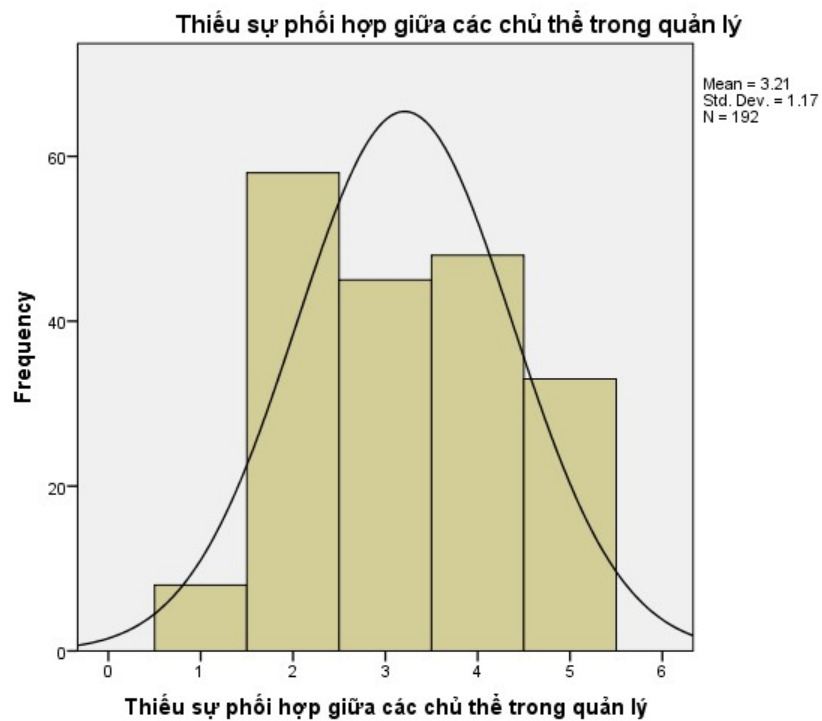
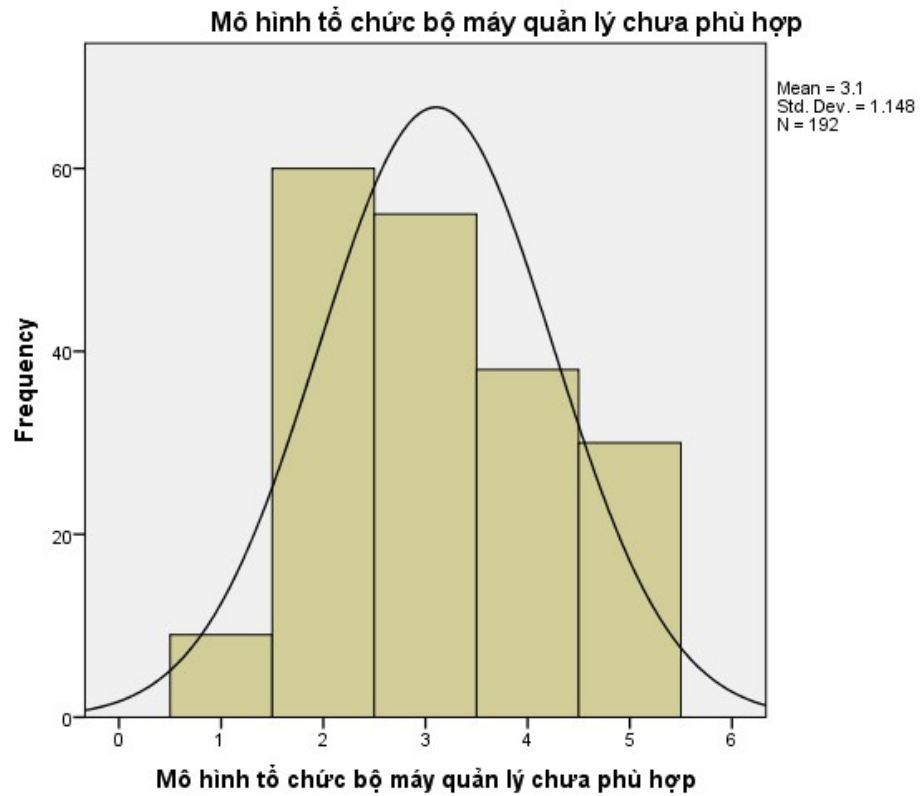
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	15	7.8	7.8	7.8
	Ít hạn chế	8	4.2	4.2	12.0
	Hạn chế	58	30.2	30.2	42.2
	Nhiều hạn chế	45	23.4	23.4	65.6
	Nhiều hạn chế nhất	66	34.4	34.4	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

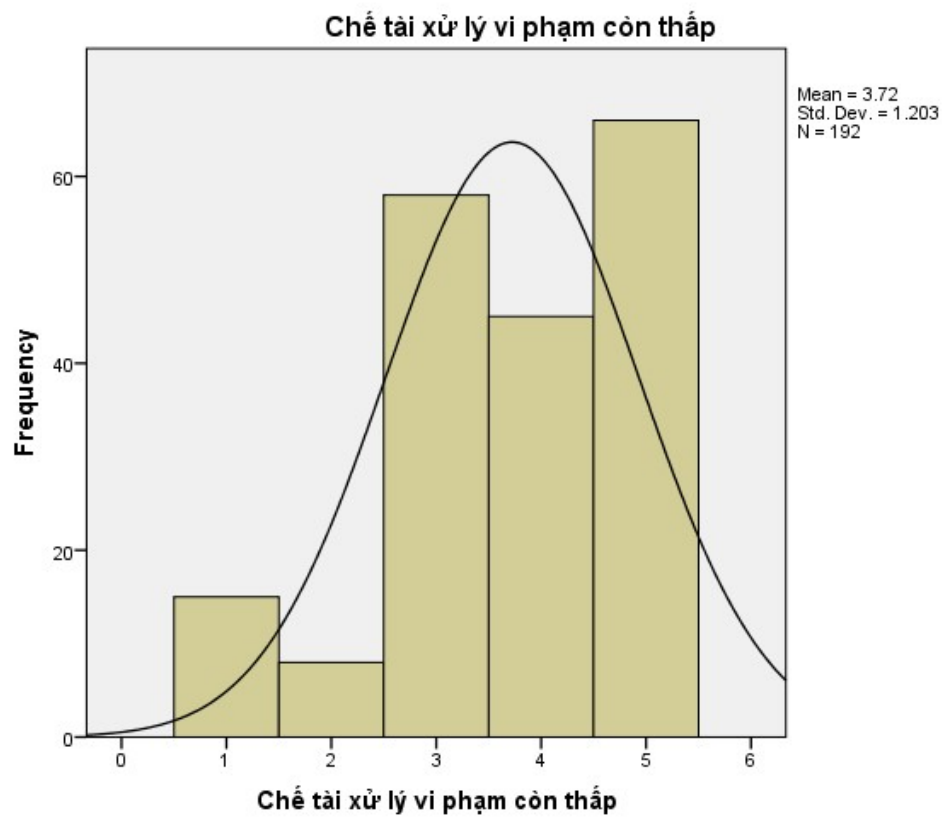
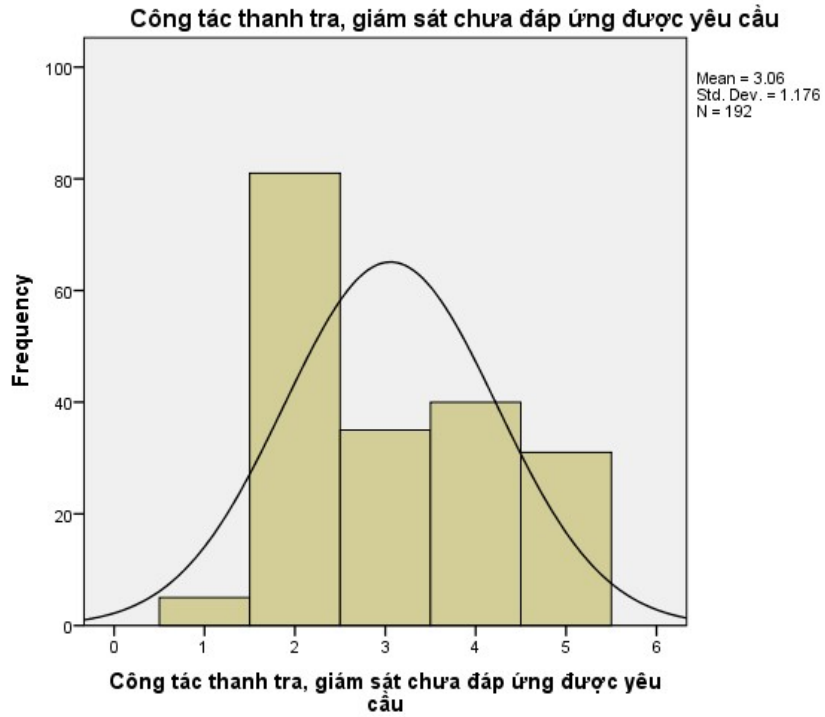
CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít hạn chế nhất	12	6.3	6.3	6.3
	Ít hạn chế	67	34.9	34.9	41.1
	Hạn chế	46	24.0	24.0	65.1
	Nhiều hạn chế	40	20.8	20.8	85.9
	Nhiều hạn chế nhất	27	14.1	14.1	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

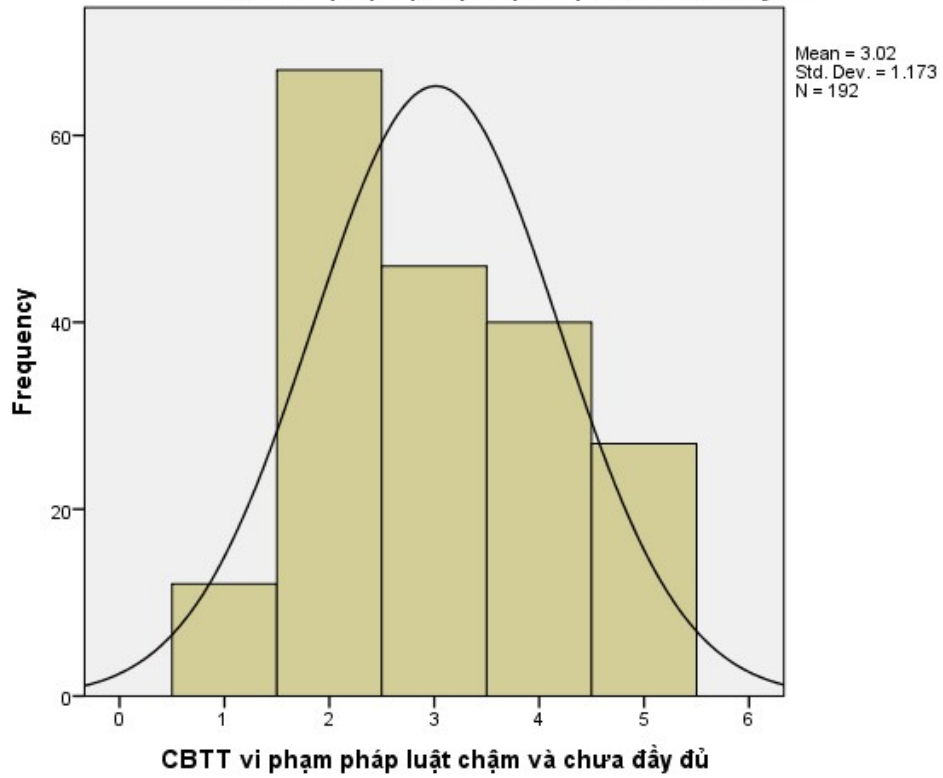
Khung pháp lý chưa đồng bộ và thống nhất







CBTT vi phạm pháp luật chậm và chưa đầy đủ



PHỤ LỤC 6

(Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể quản lý dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK	Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN	Trách nhiệm của các cơ quan QLNN	Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN	Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN	Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN
N	Valid	192	192	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0	0	0
Mean		3.14	3.48	3.42	3.61	3.57	2.80
Std. Error of Mean		.124	.106	.109	.091	.109	.104
Std. Deviation		1.723	1.465	1.512	1.265	1.506	1.438
Variance		2.970	2.146	2.287	1.601	2.268	2.068
Minimum		1	1	1	1	1	1
Maximum		5	5	5	5	5	5

Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	65	33.9	33.9	33.9
	Ít tác động	12	6.3	6.3	40.1
	Tác động	11	5.7	5.7	45.8
	Tác động nhiều	39	20.3	20.3	66.1
	Tác động nhiều nhất	65	33.9	33.9	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	26	13.5	13.5	13.5
	Ít tác động	38	19.8	19.8	33.3
	Tác động	11	5.7	5.7	39.1
	Tác động nhiều	52	27.1	27.1	66.1
	Tác động nhiều nhất	65	33.9	33.9	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Trách nhiệm của các cơ quan QLNN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	13	6.8	6.8	6.8
	Ít tác động	72	37.5	37.5	44.3
	Tác động	12	6.3	6.3	50.5
	Tác động nhiều	11	5.7	5.7	56.3
	Tác động nhiều nhất	84	43.8	43.8	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Thủ tục hành chính pháp lý của các cơ quan QLNN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	12	6.3	6.3	6.3
	Ít tác động	24	12.5	12.5	18.8
	Tác động	61	31.8	31.8	50.5
	Tác động nhiều	25	13.0	13.0	63.5
	Tác động nhiều nhất	70	36.5	36.5	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

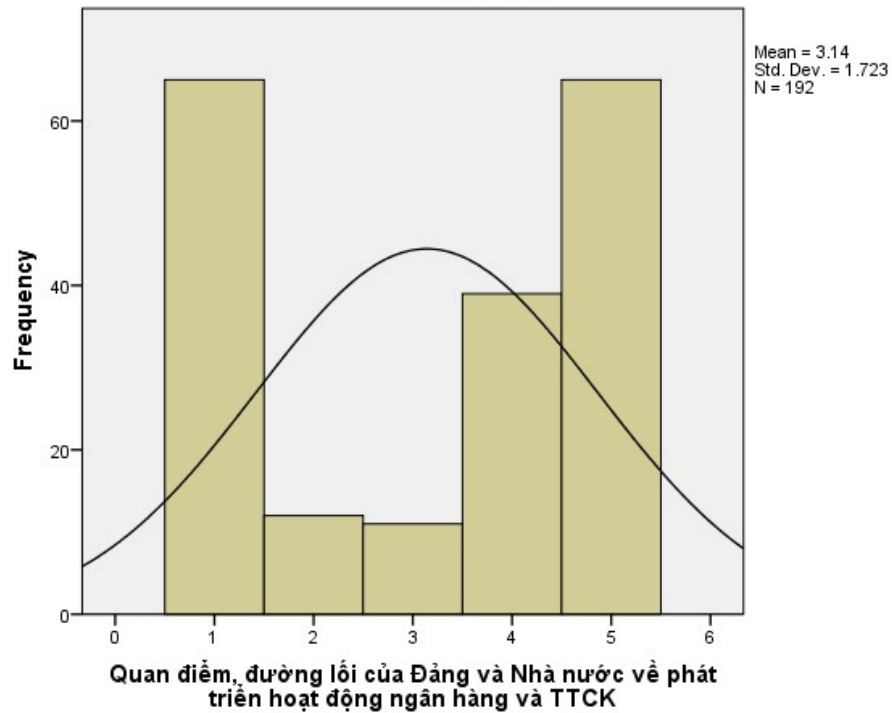
Đội ngũ cán bộ của các cơ quan QLNN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	12	6.3	6.3	6.3
	Ít tác động	64	33.3	33.3	39.6
	Tác động	12	6.3	6.3	45.8
	Tác động nhiều	11	5.7	5.7	51.6
	Tác động nhiều nhất	93	48.4	48.4	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

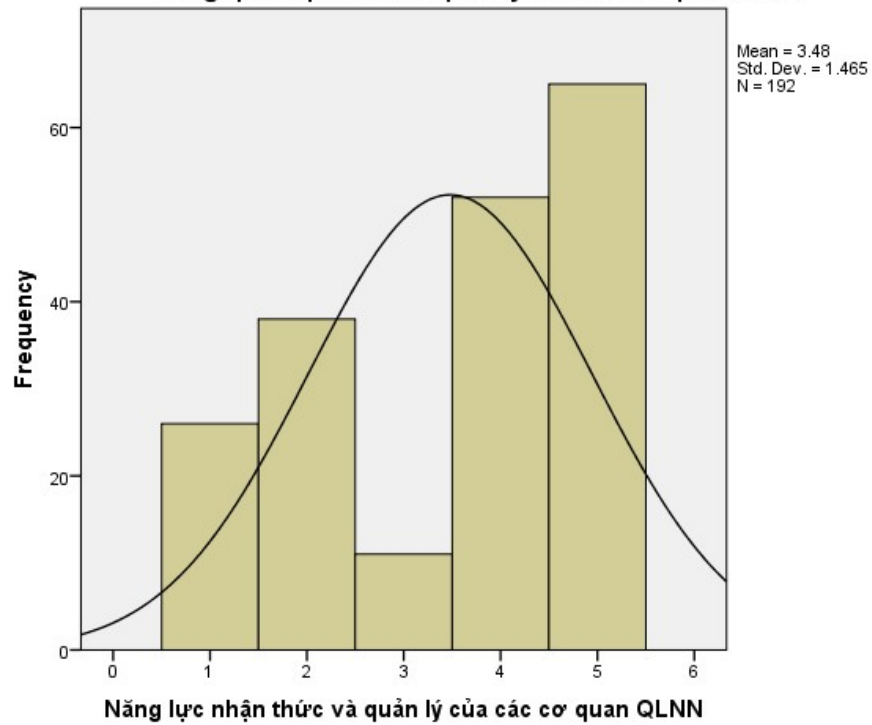
Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động QLNN

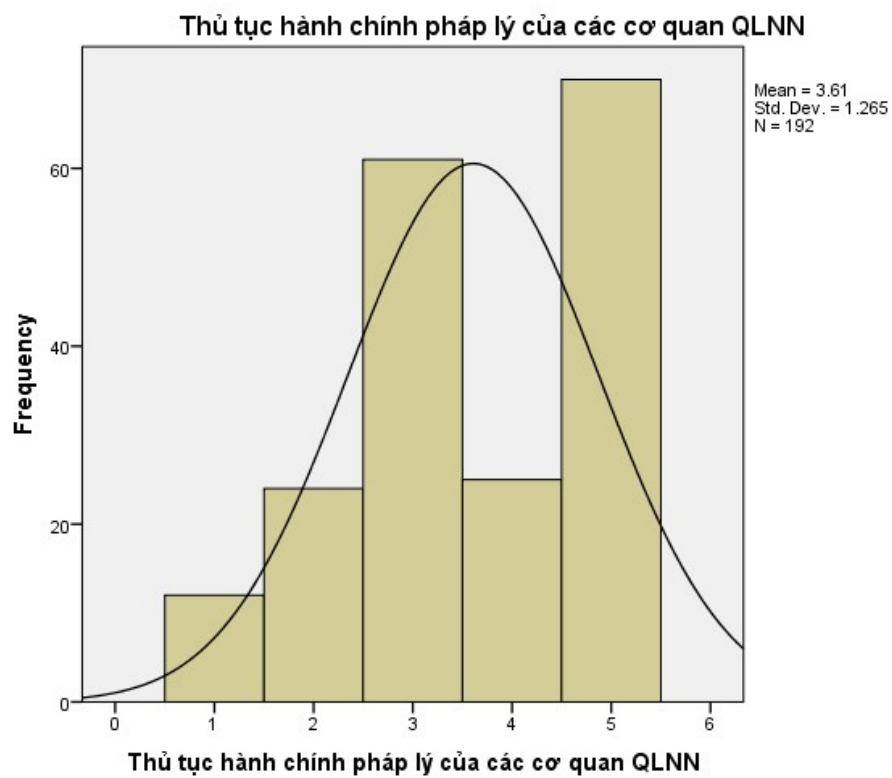
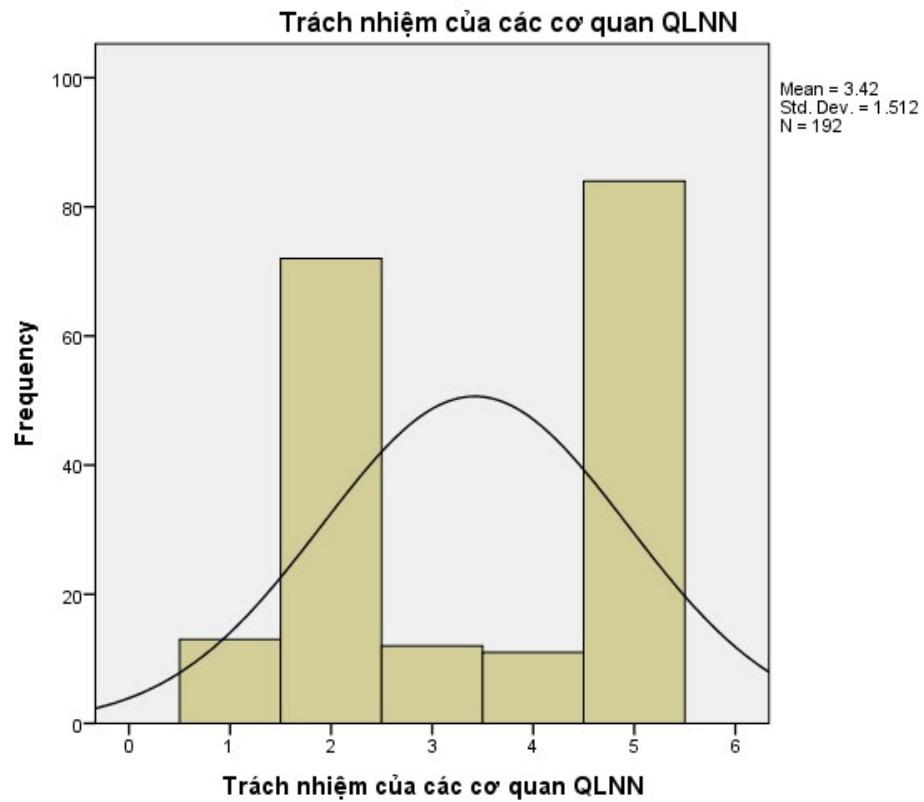
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	65	33.9	33.9	33.9
	Ít tác động	13	6.8	6.8	40.6
	Tác động	23	12.0	12.0	52.6
	Tác động nhiều	78	40.6	40.6	93.2
	Tác động nhiều nhất	13	6.8	6.8	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

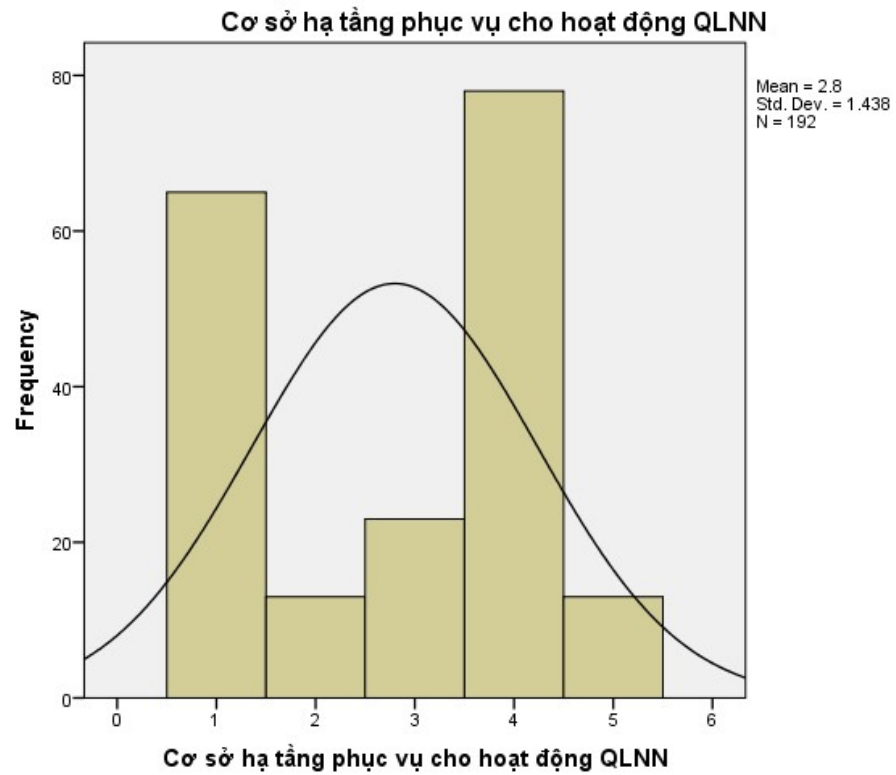
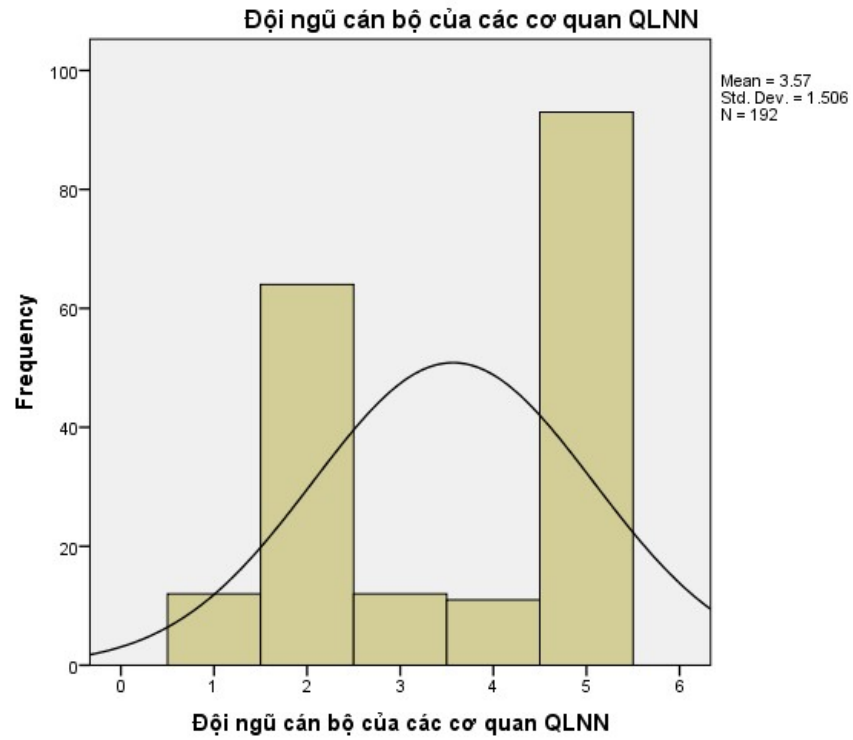
Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động ngân hàng và TTCK



Năng lực nhận thức và quản lý của các cơ quan QLNN







PHỤ LỤC 7

(Đánh giá những nguyên nhân thuộc về chủ thể bị quản lý – NHTMCP dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK	Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng	Hiệu quả quản trị ngân hàng	Mức độ phát triển của ngân hàng
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.58	3.87	3.08	2.93
Std. Error of Mean		.105	.087	.105	.081
Std. Deviation		1.456	1.210	1.459	1.128
Variance		2.120	1.465	2.129	1.272
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	5	5	4

Sự hiểu biết về luật pháp liên quan đến hoạt động PHCK

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	11	5.7	5.7	5.7
	Ít tác động	61	31.8	31.8	37.5
	Tác động	11	5.7	5.7	43.2
	Tác động nhiều	24	12.5	12.5	55.7
	Tác động nhiều nhất	85	44.3	44.3	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Ý thức tuân thủ pháp luật của ngân hàng

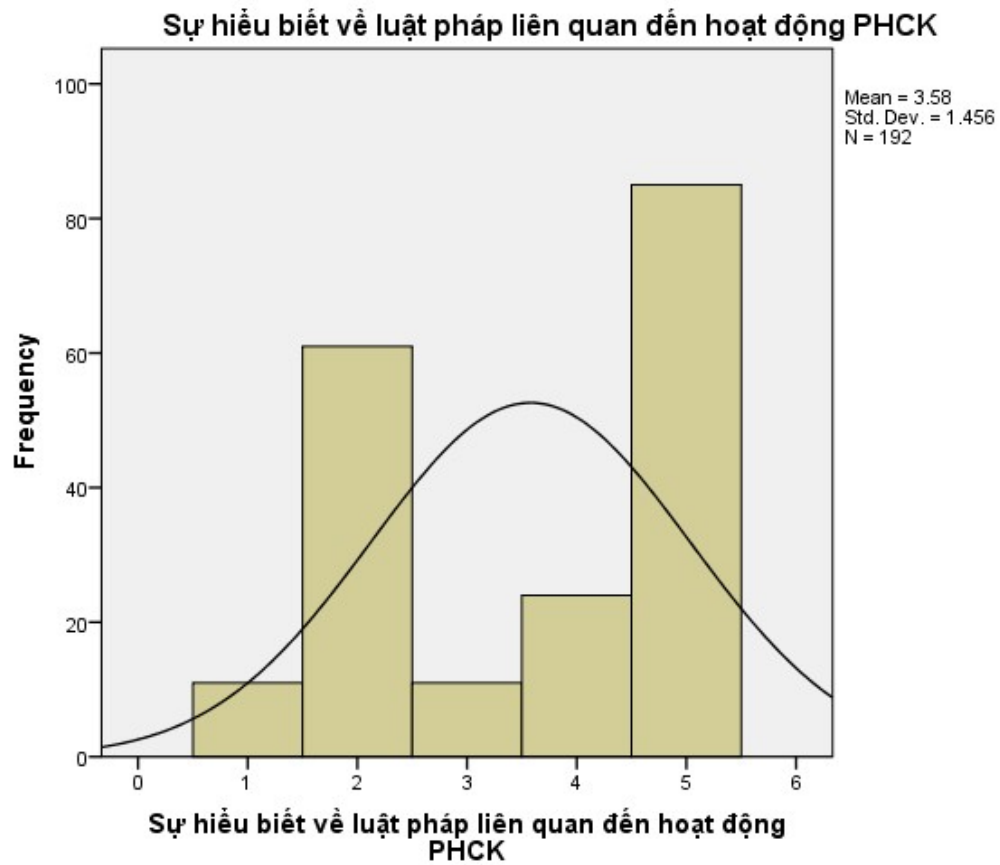
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	11	5.7	5.7	5.7
	Ít tác động	13	6.8	6.8	12.5
	Tác động	49	25.5	25.5	38.0
	Tác động nhiều	36	18.8	18.8	56.8
	Tác động nhiều nhất	83	43.2	43.2	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

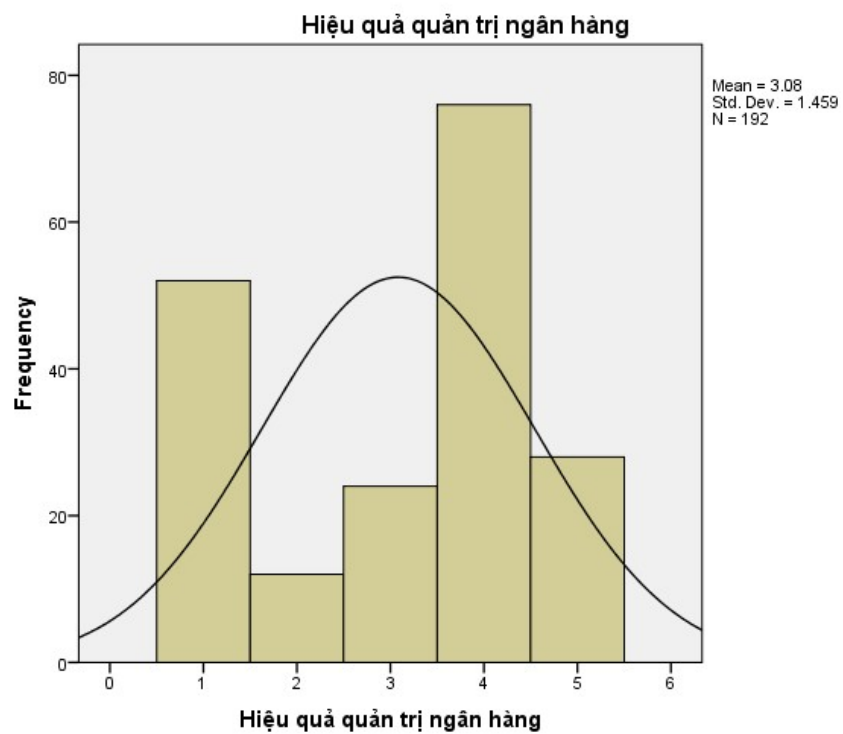
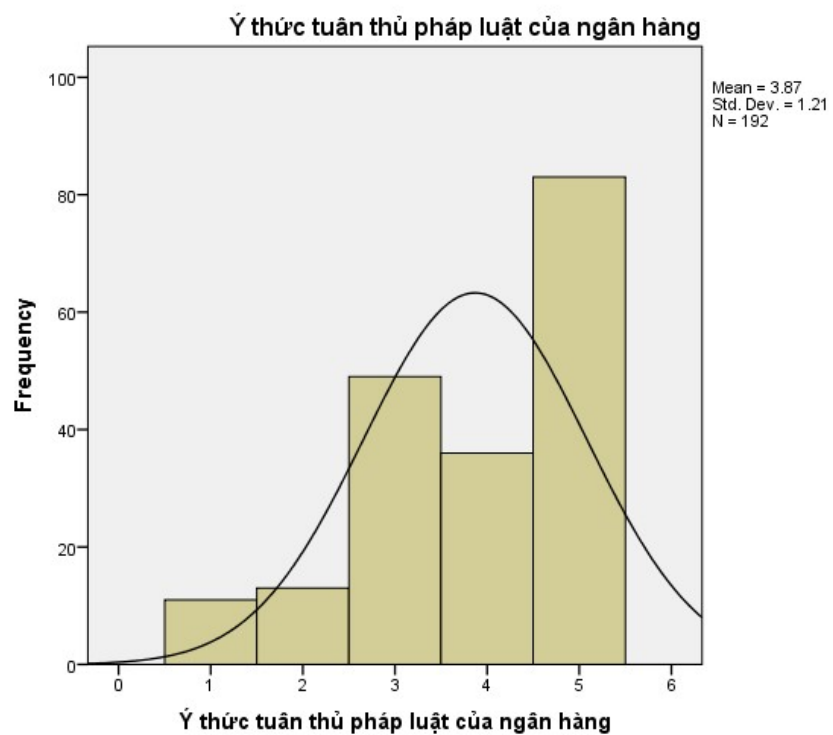
Hiệu quả quản trị ngân hàng

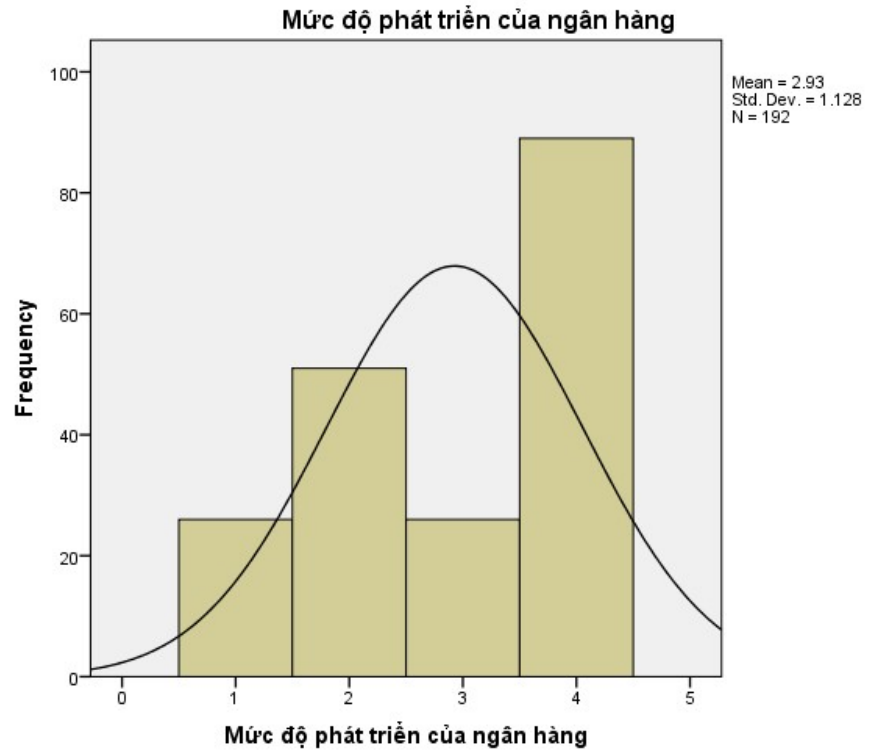
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	52	27.1	27.1	27.1
	Ít tác động	12	6.3	6.3	33.3
	Tác động	24	12.5	12.5	45.8
	Tác động nhiều	76	39.6	39.6	85.4
	Tác động nhiều nhất	28	14.6	14.6	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Mức độ phát triển của ngân hàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	26	13.5	13.5	13.5
	Ít tác động	51	26.6	26.6	40.1
	Tác động	26	13.5	13.5	53.6
	Tác động nhiều	89	46.4	46.4	100.0
	Total	192	100.0	100.0	







PHỤ LỤC 8

(Đánh giá những nguyên nhân thuộc về môi trường quản lý dẫn đến những hạn chế trong công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Statistics

		Thẻ chế kinh tế	Môi trường pháp luật	Thị trường PHCK	Hội nhập kinh tế quốc tế
N	Valid	192	192	192	192
	Missing	0	0	0	0
Mean		3.06	3.52	3.31	3.38
Std. Error of Mean		.093	.093	.091	.089
Std. Deviation		1.289	1.282	1.264	1.231
Variance		1.661	1.644	1.598	1.514
Minimum		1	1	1	1
Maximum		5	6	5	5

Thẻ chế kinh tế

		Frequenc y	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	26	13.5	13.5	13.5
	Ít tác động	38	19.8	19.8	33.3
	Tác động	63	32.8	32.8	66.1
	Tác động nhiều	28	14.6	14.6	80.7
	Tác động nhiều nhất	37	19.3	19.3	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Môi trường pháp luật

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	11	5.7	5.7	5.7
	Ít tác động	44	22.9	22.9	28.6
	Tác động	26	13.5	13.5	42.2
	Tác động nhiều	57	29.7	29.7	71.9
	Tác động nhiều nhất	53	27.6	27.6	99.5
	6	1	.5	.5	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

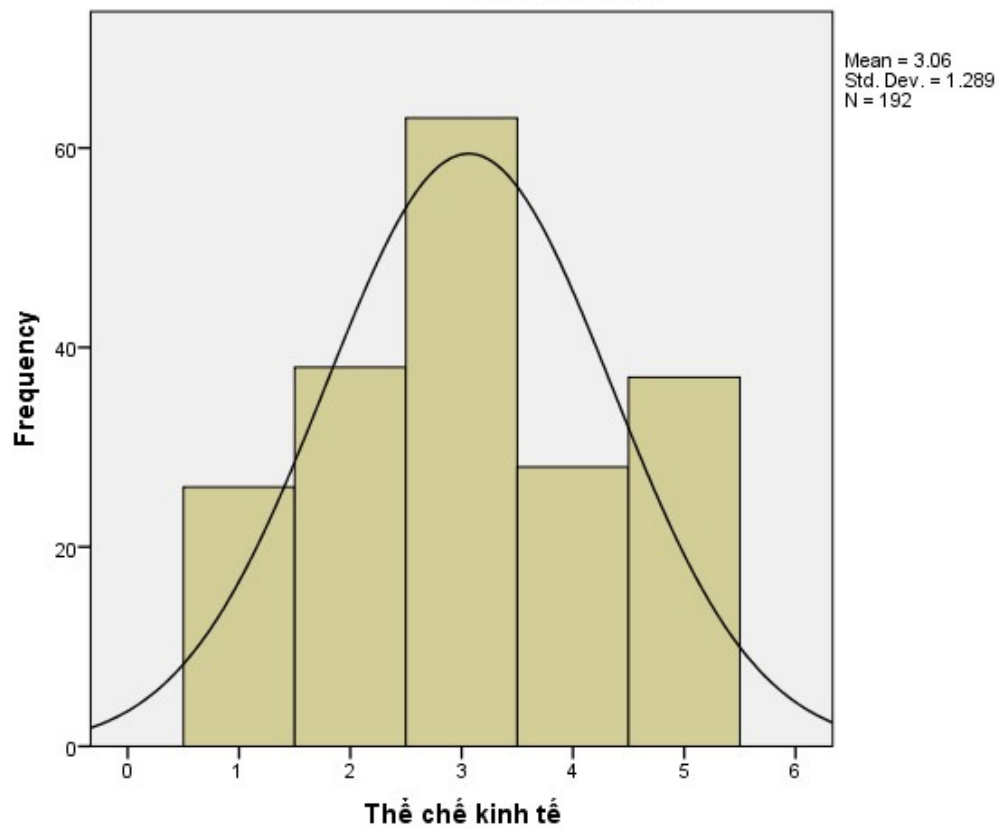
Thị trường PHCK

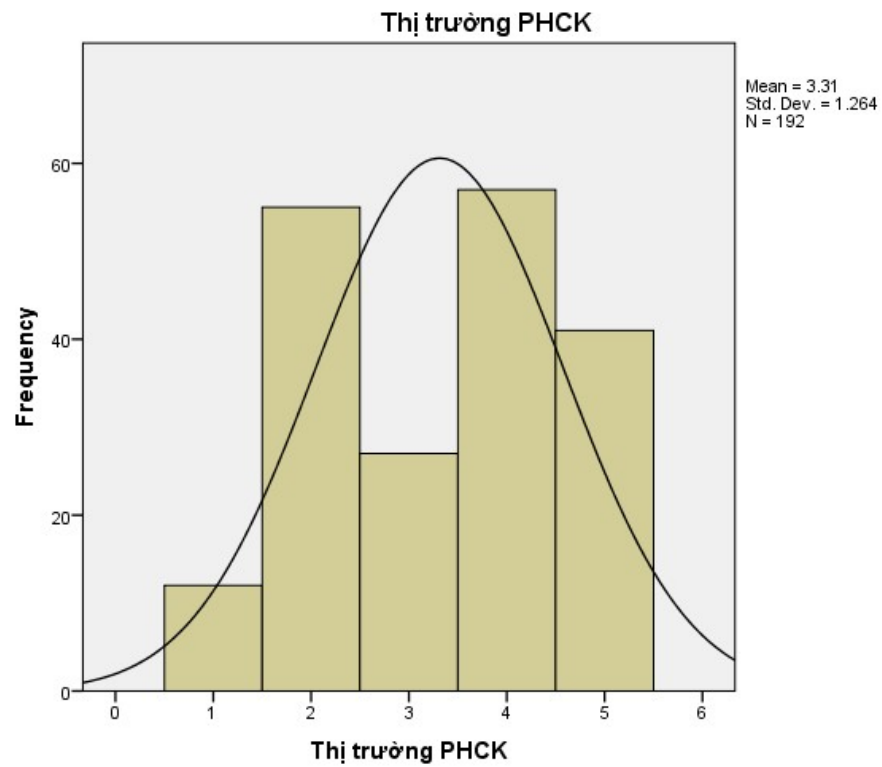
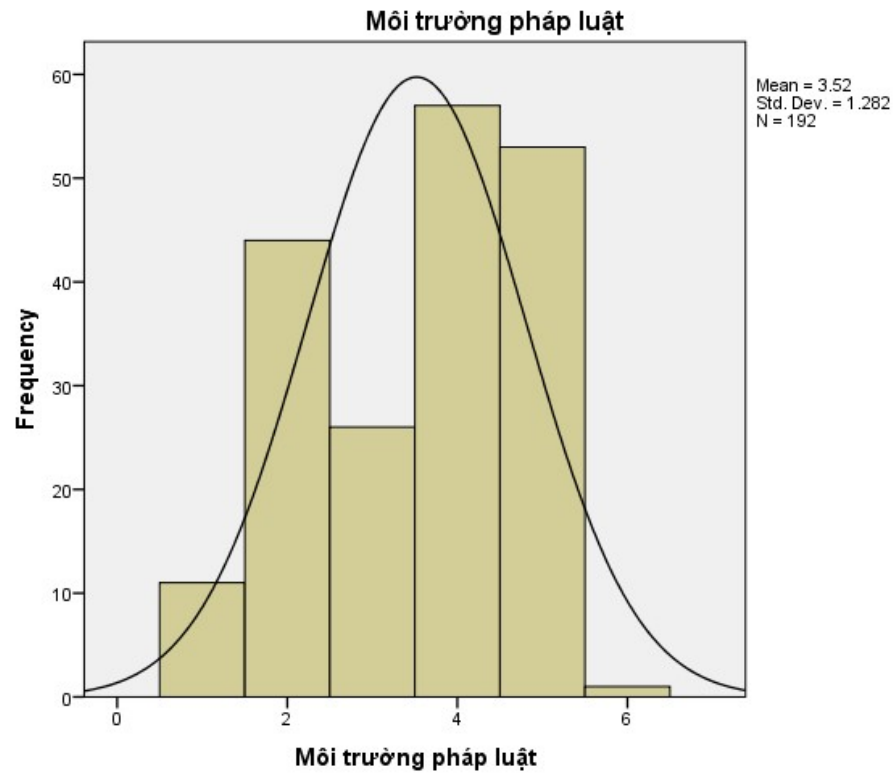
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	12	6.3	6.3	6.3
	Ít tác động	55	28.6	28.6	34.9
	Tác động	27	14.1	14.1	49.0
	Tác động nhiều	57	29.7	29.7	78.6
	Tác động nhiều nhất	41	21.4	21.4	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

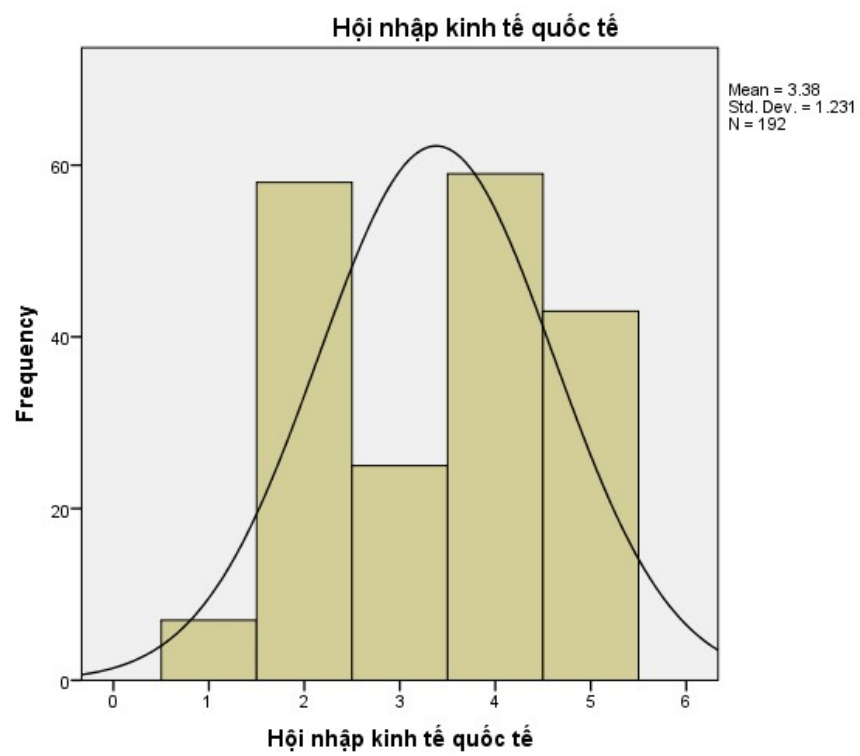
Hội nhập kinh tế quốc tế

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Ít tác động nhất	7	3.6	3.6	3.6
	Ít tác động	58	30.2	30.2	33.9
	Tác động	25	13.0	13.0	46.9
	Tác động nhiều	59	30.7	30.7	77.6
	Tác động nhiều nhất	43	22.4	22.4	100.0
	Total	192	100.0	100.0	

Thế chế kinh tế







PHỤ LỤC 9

(Lựa chọn giải pháp để hoàn thiện công tác QLNN đối với hoạt động PHCK của NHTMCP VN)

Giải pháp	Số người chọn	Tỷ lệ (%)	Xếp thứ
Hoàn thiện khung pháp lý	167	87	1
Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý	127	66	4
Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý	163	85	2
Hoàn thiện chế độ CBTT	134	70	3
Hoàn thiện thanh tra, giám sát	134	70	3
Bổ sung quyền và nâng cao trách nhiệm của UBCKNN	113	59	6
Đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý	134	70	3
Nâng cao nhận thức pháp luật về PHCK của các NHTMCP	125	65	5
Tổng số người được khảo sát	192		

PHỤ LỤC 10

(Bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp)

BẢNG CÂU HỎI PHỎNG VẤN TRỰC TIẾP

I. Phỏng vấn đại diện lãnh đạo Vụ Quản lý chào bán chứng khoán

1. Xin Ông/Bà cho biết tình hình cấp phép phát hành chứng khoán đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thời gian qua?
2. Quá trình thanh tra, giám sát sau cấp phép phát hành đối với các Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thời gian qua?
3. Những sai phạm thường xảy ra trong quá trình phát hành chứng khoán của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam là gì?

II. Phỏng vấn đại diện lãnh đạo Ngân hàng nhà nước

1. Xin Ông/Bà cho biết tình hình thực hiện thông tư 41 về quy định tỷ lệ an toàn vốn”theo tiêu chuẩn Basel II ở các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam như thế nào?
2. Tình hình kiểm tra trước và sau khi các ngân hàng thương mại cổ phần phát hành trái phiếu để huy động vốn?
3. Sự phối hợp giữa Ngân hàng nhà nước với các cơ quan quản lý khác (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia) trong quản lý phát hành chứng khoán đối với các ngân hàng thương mại cổ phần?

II. Phỏng vấn đại diện lãnh đạo Ngân hàng thương mại cổ phần

1. Xin Ông/Bà cho biết tình hình tuân thủ của ngân hàng đối với các quy định về phát hành chứng khoán?
2. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện phát hành chứng khoán của ngân hàng là gì?
3. Ngân hàng có đề xuất gì đối với các cơ quan quản lý nhà nước về quá trình quản lý phát hành chứng khoán của ngân hàng?

PHỤ LỤC 11

(Bảng liệt kê các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động HDV qua PHCK của các NHTMCP)

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
Luật		
số 27/VBHN-VPQH	12/18/2013	Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội phê duyệt và ký xác thực Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-VPQH Luật Chứng khoán ngày 18/12/2013. Văn bản nêu trên được hợp nhất từ 02 văn bản quy phạm pháp luật.
62/2010/QH12	11/24/2010	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
70/2006/QH11	6/29/2006	Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 9 (Từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 29 tháng 6 năm 2006)
17/2017/QH14	20/11 / 2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng
47/2010/QH12	16/ 6/2010	Luật các tổ chức tín dụng
Nghị định		
163/2018/NĐ-CP	4/12/2018	Nghị định quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
163/2018/NĐ-CP	4/12/2018	Nghị định quy định việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
71/2017/NĐ-CP	6/6/2017	Nghị số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
01/VBHN-BTC	2/17/2017	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN/BTC hợp nhất Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
145/2016/NĐ-CP	11/1/2016	Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
20/VBHN-BTC	8/5/2015	Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 5/8/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
60/2015/NĐ-CP	6/26/2015	Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
108/2013/NĐ-CP	9/23/2013	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
58/2012/NĐ-CP	7/20/2012	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
16/2017/NĐ-CP	17/2 /2017	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Thông tư		
115/2017/TT-BTC	10/25/2017	Thông tư số 115/2017/TT-BTC hướng dẫn công tác giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán
116/2017/TT-BTC	10/25/2017	Thông tư số 116/2017/TT-BTC hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
95/2017/TT-BTC	9/22/2017	Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
20/VBHN-BTC	8/22/2017	Văn bản số 20/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Thông tư số 36/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC
36/2017/TT-BTC	4/27/2017	Thông tư số 36/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 217/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
162/2015/TT-BTC	10/26/2015	Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
155/2015/TT-BTC	10/6/2015	Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
217/2013/TT-BTC	12/31/2013	Thông tư số 217/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
13/2013/TT-BTC	1/25/2013	Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán
211/2012/TT-BTC	12/5/2012	Hướng dẫn một số điều thực hiện của Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính Phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
52/2012/TT-BTC	4/5/2012	Thông tư Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
50/2018/TT-NHNN	31/12/2018	Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
13/2018/TT-NHNN	18/ 05/2018	Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
40/2018/TT-NHNN	28/12/ 2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
19/2017/TT-NHNN	28/12/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
08/2017/TT-NHNN	1/8/2017	Quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng
36/2016/TT-NHNN	30/12 /2016	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng
19/2017/TT-NHNN	28/ 12 /2017	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
34/VBHN-NHNN	08/ 07/2016	Thông tư quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
36/2014/TT-NHNN	20/11/2014	Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
34/2013/TT-NHNN	31/12/2013	Quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Quyết định		
803/QĐ-BTC	28/5/2018	Quyết định số 803/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
2515/QĐ-BTC	11/24/2016	Quyết định số 2515/QĐ-BTC Ngày 24/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
2002/QĐ-BTC	9/20/2016	Quyết định số 2002/QĐ-BTC 20/9/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực chứng khoán thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính
1229/QĐ-BTC	5/31/2016	Quyết định số 1229/QĐ-BTC ngày 31/5/2016 của Bộ Tài chính công bố 05 thủ tục hành chính về hoạt động kinh doanh chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam
578/QĐ-UBCK	8/4/2014	Quyết định số 578/QĐ-UBCK ngày 04/08/2014 ban hành kèm theo Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin (IDS) của UBCKNN
1218/QĐ-BTC	5/27/2013	Quyết định số 1218/QĐ-BTC công bố 77 thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
1078/QĐ-UBCK	12/13/2012	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 515/QĐ-UBCK về việc ban hành Quy trình thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử UBCKNN cho đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.
1826/QĐ-TTg	12/6/2012	Phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm"
515/QĐ-UBCK	6/25/2012	Quyết định ban hành Quy trình thực hiện công bố thông tin trên Cổng TTĐT UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán

Văn bản pháp luật	Ngày ban hành	Nội dung
1353/QĐ-BTC	5/30/2012	Về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
366/QĐ-UBCK	4/18/2012	Quyết định về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc UBCKNN.
472/QĐ-BTC	3/6/2012	Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015
252/QĐ-TTg	3/1/2012	Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020
53/QĐ-UBCK	1/30/2012	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 306/QĐ-UBCK ngày 18/5/2010 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 26/2/2010 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại Sở GDCK và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
62 /QĐ-BTC	1/10/2012	Quyết định về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc các công ty chứng khoán